

THANH TÔNG

# NGƯỜI HÙNG NƯỚC VIỆT

Những cuộc tranh đấu không ngừng của dân  
tộc Việt - Nam mà người Việt yêu nước nào  
cũng phải đọc để biết tiến nhân chúng ta  
đã dựng nước và cứu nước như thế nào ?

ông mới

THANH-TÔNG



# NGƯỜI HÙNG NƯỚC VIỆT

*Sống Mới xuất bản*

*30 B, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon*



## TIÊU TỰ

Nhận thấy phần đông người mình trong quảng đại quần chúng ít biết lịch-sử nước nhà và những siêu-nhân trong lịch-sử.

Nói tới nhân-vật nước Tàu, chẳng hạn, như Hạng-Võ, Quan.Công, Thố.Dân, Khuôn.Dẫn... thì họ kể chuyện Tần, Hán miên-man, Tống, Đường lù lợt, nào phật Bắc, chinh Đông ..

Còn nhắc tới Trần-Hưng-Đạo, Lê-Thánh-Tôn hay Quang-Trung hoàng-đế thì họ mơ hồ không biết công nghiệp ra sao, hay ở thời-đại nào trong sử sách.

Người ta hãnh diện với danh-nhân liệt-sĩ nước người, như Pháp với Nã-phá-luân (Napoléon), Hoa-kỳ với Hoa-thịnh-đốn (Washington), v.v... Người Nam cũng nên biết rõ những hào-kiệt, anh-thư của nước mình để hãnh-diện với người ta.

Việt-Nam sử-ký cũng nhiều mà có mấy ai giờ xem từ đầu chí cuối, hết thời-đại này tới thời-đại kia, các triều-vương này sang triều-vương nọ, để biết chuyện biến-thiên trên dòng lịch-sử, cùng những người kiệt-hiệt danh-nhân !

Thôi thì xin kể lại những điều đại khái, những bậc vĩ-nhân có công gây dựng nước nhà, những vị anh-hùng, anh-thư tài bời sơn xuyên cầm-tú, để cho ta ghi nhớ công ơn, cùng hãnh-diện.

Quyển « Người Hùng Nước Việt » này ghi lại những vị anh-hùng liệt-nữ nước Nam, sắp theo dòng lịch-sử, mỗi triều-đại một vài danh nhân. Xem qua từ trên xuống dưới, ta có thể khái-quát được đại-cương của lịch-sử nước nhà.

*Những vị Thụ, Hùng trong lịch-sử biết bao ! Những Tinh-Hoa đất Việt biết mấy ! Nhưng chỉ lựa ít người có truyền-thống Việt-Nam, có chí-khí quật-cường, có tinh-thần bất khuất, hay có công-nghiệp mở mang, thu-hội linh-thò, hoặc cải tiến văn-hóa dân sinh. . .*

*Về cách thức phô-diễn, thì lấy theo tài liệu sử sách chánh biên, hay những thiên sưu-tầm khảo-cứu, hoặc có sẵn, hoặc mới phanh phui, đề cho sát theo sự thật, hay những điều công nhận xưa nay, viết theo thể văn ký-sự. Lẽ ra, muốn quảng bá trong dân gian những kho tàng lịch-sử, thì viết theo điệu tiêu thuyết, truyện dài, quần chúng mới xem. Nhưng, những trang thiên kiệt tác thường sai lạc chỗ chân, nên viết theo ký-sự tuy vẫn tất thiệt thà, mà đúng với sự thật hơn.*

*Vậy có đôi hàng trình bày quyền sách. Ước mong được thêm tài liệu đề bổ khuyết về sau.*

**Cầu chỉ.**

**Tác giả : THANH TÔNG**

## ĐỀ BẠT

Ông bạn Thanh-Tòng trao xem bản thảo quyền «Người Hùng Nước Việt» và xin cho ý kiến.

Quyền «Người Hùng Nước Việt» viết gì, thì bài Tiểu Tự của tác-giả đã nói lên : Những Siêu Nhân Nước Việt, lại kể luôn cả dụng ý và cách hành văn.

Đọc qua quyền sách, chúng tôi có nhận định rằng : Tác-giả là một người yêu nước, yêu nhân vật nước nhà, muốn biết rõ công nghiệp của tiền thân và việc đấu tranh và gây dựng sơn hà thành một nước Việt-Nam biệt lập tồn tại tới ngày nay.

Hiện thời, năm châu, bốn biển vẫy vùng, ngọn sóng văn minh tràn khắp, ảnh-hưởng rộng lan. Cũng có tả thuyết ngoại lai lôi cuốn. Nếu không khéo giữ được độc lập nước nhà, thì có thể vong nô theo một tinh thần chủ nghĩa. Nước Nam ở sát nước Tàu mà không bị đồng hóa theo Tàu là cũng nhờ các bậc tiền nhân của ta khéo giữ.

Ông bạn Thanh-Tòng có mỹ ý nêu lại công-nghiệp người xưa, là muốn cho nước Nam vẫn còn mãi mãi, không vong bản mà bị mất đi, cuốn theo một trào lưu quá khích.

Những nhân vật trọng yếu, có công đức với nước nhà đều được ghi lại hành-vi cho phần đông người biết.

Về lối biên soạn, thì rất nên chính đính, tuy tác giả không nêu ra những đoạn nguyên tắc đề làm bằng, không trường mục-lực những sách đã xem đề nghiên cứu nhưng những điều ghi nhận biên ra đều chính xác căn cứ theo sử liệu xưa nay. Còn cách hành văn thì cũng cho là khéo. Sự tích danh nhân biết bao người viết. Ông chỉ soạn lại mà thôi, nhưng có phần đặc sắc. Nhất là những trận đánh đôi bên, đọc qua tưởng chừng như còn lâm chiến. Những trận Bạch-Đằng-Giang, Đầm Dạ-Trạch, trận Đống-Đa v.v... Ông không mô tả ra nhiều như nhà tiểu-thuyết, viết toàn văn ký sự văn tắt đơn sơ, nhưng cũng lột được hết tinh thần cuộc diễn tiến như lối tả chân.

Thử xem vài đoạn về : trận Bạch-Đằng-Giang, tiếng bom Sa-diện, v.v... Chỉ mấy câu mà tả hết sự tình trong một bài ký sự : Ngô-Quyền đánh quân Nam Hán, trận thủy chiến Bạch-Đằng-Giang, Trần-Hưng-Đạo-Vương tróc Ô-Mã-Nhi trên sông Bạch-Đằng.

Đây, Tiếng bom Sa-diện : « Đầu năm Giáp-Tý (1924), Tân-Tân-Xã của nhóm Thanh-Niên Cách-Mạng phát triển mạnh tại Quảng-Châu. Toàn-quyền Merlin sang Nhật. Phạm-Hồng-Thái, Lê-Hồng-Sơn theo dõi. Khi về, Merlin ghé Quảng-Châu, ngồi tiệc tại nhà hàng Victoria, thành phố Sa-diện (Shameen) tô-giới Anh. Phạm-Hồng-Thái giả làm phóng viên Tàu, mang lựu đạn trong máy ảnh. Tân khách chúc mừng nhau, Thái vút ngay vào bàn tiệc trái lựu đạn nổ tung. Merlin bị miềng nhẹ nơi đầu. Năm người ngồi quanh chết, 10 người khác bị thương. Cuộc săn bắt phạm nhân ráo riết. Phạm-Hồng-Thái giả vờ, kịp đến mé Châu-Giang, lao mình tự tử (ngày 18 tháng 5 năm Giáp-Tý, nhằm 19-6-1924) ».

Kề về văn ký sự, như thế cũng khá gọn gàng và mô tả đủ, trong một đoạn mấy câu.

Tác giả cố ghi lại sự tích đầy đủ, nhưng rất khiêm tốn về việc phê bình danh nhân.

Viết về Bà Trưng, Bà Triệu, vua Quang-Trung, chẳng hạn là những người có uy danh trong lịch sử, tác giả chỉ tóm tắt lại bằng một ít câu thôi.

Về Bà Trưng : « Hạ được 65 thành Giao-Chì, Bà Trưng-Trắc xưng vương, đóng đô tại Mê-Linh, quê quán (năm Canh-Tý 40 T.L.), xây cung điện trang hoàng : thành Đầu-bằng-thượng (Cờ-lôi), lập triều đình nghi thức.

Bà lấy lại quyền tự trị nước Nam, sau 150 năm nội thuộc nước Tàu ». Câu phê bình thật là vắn tắt !

Về Bà Triệu (Kiều-Nguyên) : « Tuy không thân phục được sơn-hà, như hai Bà Trưng-Nữ, nhưng lá cờ nghĩa của Triệu-Kiều-Nguyên cũng quét được tâm hồn tham quan ô lại. Trong một khoảng thời gian, các quan Ngô cũng bớt điều khắc khổ ».

Về Quang-Trung Nguyễn-Huệ, tác giả phê phán cũng chỉ đôi câu : « Nguyễn-Huệ trừ được họa Chúa cho vua Lê, lại dút được nạn Nguyễn-Trịnh tranh hùng suốt gần hai thế kỷ.

Vua Quang-Trung, một người dân thường áo vải ở đất Bình-Kê (Bình-Định) đã giúp anh là Nguyễn-Nhạc dựng nghiệp đế vương, có sức mạnh hơn người, có tài dụng binh thần tốc, chẳng trận nào thua, 4 lần bặt thành Gia-Định, 3 lượt chiến thắng Thăng-Long, đánh lui Chúa Nguyễn, diệt mồm Chúa Trịnh, dứt cuộc Nam Bắc phân tranh, thâu non sông về một mối.

Năm Giáp-Thìn (1784) đánh tan 2 vạn quân Xiêm, 300 chiến thuyền do Nguyễn-Ánh rước về Gia-Định.

Năm Kỷ-Dậu (1789) quét sạch 20 vạn quân Thanh do Chiêu-Thống thỉnh sang đất Việt.

Dân tộc thoát ách vong-nô. Tổ quốc vững nền độc-lập».

Đây là hai câu phê bình lịch-sử.

Tiếp theo là một vế ca-dao xuất ở bài Ai-Tur-Vân, Ngọc-Hân Công-Chúa phàm bình : « Non Tây áo vải cờ đào, Giúp dân dựng nước xiết bao công trình » làm kết luận.

Trong những thiên ký sự trường-tình dường như tiểu thuyết, như mối tình ngấm ngấm giữa Trần-Khắc-Chung với Huyền-Trân Công-Chúa, nhiều văn gia diễn tả rất dài, lâm-li ai oán, ông Thanh-Tòng chỉ viết bằng đôi câu đối tượng mà thôi :

« Nhưng Công-Chúa là một ngôi bá mị thiên kiều, còn Khắc-Chung là một trang phong lưu tuần nhã. Dần dà ngày lụn tháng qua, một tâm tình ần-ìm chớm nở, thay vì tình chú bác chị em, Khắc-Chung hằng mộng mơ Công-Chúa như Phạm-Lãi từng hoài bão Tây-Thi... » Chỉ có hai câu đề tả mối tình si Khắc-Chung, Công-Chúa. Mà hai câu này cũng còn là ần-ìm thanh thoát.

Trở lại phê bình ba nhân vật lịch sử trong chuyện Huyền-Trân . Vua Chiêm Chế-Mân, Huyền-Trân Công-Chúa và quan Hành-Khiển Khắc-Chung, ông cũng dùng ba câu văn tắt mà có ý nghĩa thật trọng sâu xa

« Trong lúc hộ tống Công-Chúa Huyền-Trân, quan Hành-Khiển Khắc-Chung trọn giữ lễ quân thần trong tình thương chị em chú bác không sai đạo luân thường. Nhưng khi biết được Công-Chúa ở vịnh Khoái-Long suốt một năm trời, người Thăng-Long có lòng bất mãn, nghi cho Hành-Khiển Khắc-Chung làm điều bất chánh, nên phát một châm ngôn :



**Tiệc thay hột gạo trắng ngần,  
Đã vo nước đục, lại vẫn lúa rơm.**

Hột gạo trắng ngần, ám chỉ Huyền-Trần Công-Chúa. Nước đục, mượn ví Chê-Mân. Không xét rằng người Chiêm theo văn minh Ấn-Độ, nghi thức đạo Bà-la-môn, còn Chê-Mân là một vị vương tãi ba lỗi lạc. Lúa rơm, ví quan Hành-Khiên. Làm hoen ố thanh danh, để tiếng oan cho người thiên cồ ! »

Lời phê phán danh nhân, trong mỗi chuyện nào cũng chỉ một vài câu thỏa đáng.

Riêng có điểm này, là lúc nào tài liệu phân vân, như : năm tháng bắt đầu trong chuyện Huyền-Trần Công-Chúa, đất đai vua Lê-Thánh-Tôn chiến thắng Chiêm-Thành, ngày mệnh một của Công-Chúa Ngọc-Hân, thì tác giả nêu ra cả đôi sử liệu, biết rằng cũng thiên ngã một bên, nhưng vẫn biên hết cả hai đề cho người xét lại.

Ông bạn Thanh Tòng không phải người sưu tầm lịch-sử chỉ tham khảo, nghiệm suy, rồi viết ra thành quyền, chỗ nào được, thì viết dài dòng, chỗ nào không, thì đơn sơ vắn tắt, cho quảng đại quần chúng tiện xem. Câu văn vừa ký sự, vừa mô tả theo lối chính biên đề cho người đọc hiểu.

Trên đây là cảm tưởng của chúng tôi, khi đọc qua quyền «Người Hùng Nước Việt».

Theo sau mỗi bài ký-sử, lại có một đoạn văn chương hoặc thi ca, hành khúc, văn xưa, v.v. nay, điểm trang bài ký sự. Như thế, có thể dùng vào việc giáo khoa để cho học sinh rộng tầm kiến thức. Vẫn biết, những đề tài chọn đem vào quyền N.H.N.V., phần đông cũng có nhiều tác giả soạn ra thành sách kê cứu tận tường ; nhưng, hoặc là dài cả mấy trăm trang, hoặc soạn riêng từng cuốn, muốn đọc qua phải mất nhiều giờ, tốn nhiều công tìm cho đủ sách. Quyền «Người Hùng Nước Việt» này có cái tiện nghi là gom vào một tập cả mấy chục đề tài (20 sự tích), mỗi sự tích viết từ năm, bảy tới hai mươi trang là nhiều, tóm tắt đủ đầy những điều đại khái, chính yếu trong mỗi câu chuyện mà thôi, xem qua rất dễ.

Xin có đôi lời đề-bạt quyền «Người Hùng Nước Việt».

B.H.

**TRUNG-NỮ-VƯƠNG**  
(TRUNG-TRẮC)

**TRUNG-MUÔI-VƯƠNG**  
(TRUNG-NHỊ)



# Trưng-nữ-Vương, Trưng-muội-Vương

## (Trưng-Trắc, Trưng-Nhị)

---

Dại-Nam Quốc-Sử diễn-ca có đoạn :

« Bà Trưng quê ở Châu Phong,  
Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên.  
Chị em nặng một lời nguyện,  
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân.  
Ngàn Tây nổi áng phong trần.  
Ầm ầm binh mã xuống gần Long-Biên.  
Hồng quân nhẹ bước chinh yên,  
Đuổi ngay Tô-Định, dẹp yên Biên-Thành.  
Đô-kỳ đóng cõi Mê-Linh,  
Lĩnh-Nam riêng một triều đình nước ta.  
Ba thu gánh vác sơn hà,  
Một là báo phục, hai là bá vương.  
Uy danh động đến Bắc phương.  
Hán sai Mã-Viện lên đường tiến công.  
Hồ-Tây đua sức vẫy-vùng,  
Nữ nhi chống với anh hùng được nao ?  
Cấm khê đến lúc hiểm nghèo.  
Chị em thất thế cùng liều với sông ».

Nước Nam ta, — từ năm Canh Ngọ, 111 trước Tây Lịch, vua Hán-Võ-Đế sai Phục-Ba tướng quân Lộ-Bác-Đức cùng Dương-Bộc sang đánh Triệu-Dương-Vương, lấy nước Nam-Việt đổi tên là Giao-Chi-Bộ, — Nước Nam ta nội thuộc nước Tàu.

Bộ Giao-Chỉ chia ra làm 9 quận, đặt dưới quyền một quan Thứ-Sử. Mỗi quận có một viên Thái-Thú chấp hành (1).

Trong chín quận, có quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân và Nhật-Nam là lãnh thổ Âu-Lạc triều An-Dương-Vương. Lãnh thổ này gồm nước Văn-Lang của Hồng-Bàng thị và nước Thục An-Dương-Vương, đã trải hai ngàn năm văn-hiến (2.672 năm), có một dân tộc tính in sâu, một chính-thể đẳng-hoàng và một tinh thần độc lập hân hoi, tinh thần người Lạc-Việt.

đầu chánh-sách đô hộ của nhà Tây-Hán còn lỏng-lẻo đối với chúng ta là dân bị trị. Huyện nào châu này còn giữ được y nguyên chính-thể, phong-tục, tập-quán người Nam. Những Tô-trưởng, Lạc-hầu, Lạc-tướng được thế tập giữ quyền cai-trị bộ-lạc, huyện, châu của mình.

Đến đời Hán Bình-Vương, đầu thế kỷ thứ nhất Tây Lịch, quan Thái-thú Giao-Chỉ Tích-Quang đem thi hành chánh-sách đồng hóa nước Nam theo khuôn khổ nước Tàu.

Các Lạc-hầu, Lạc-tướng thấy mất lần quyền hạn, tư-cách của mình, nên nổi lòng công phẫn.

Chợt đến năm Giáp-Ngọ (34 sau T.L.), năm Kiến-Võ thứ 10 đời Hán Quang-Võ, Tô-Định được cử sang làm quan Thái-thú quận Giao-Chỉ (nước Nam).

Tô-Định thi hành chánh-sách bạo-ngược tham tàn.

Nhiều Tô-trưởng, Lạc-tướng, Lạc-hầu mưu đồ lật đổ.

#### 1. Chín quận đương thời của Bộ Giao-chỉ là :

- 1) Nam-Hải (Quảng-Đông) có 7 thành hay huyện.
- 2) Hợp-Phô (Quảng-Đông) — 5 thành hay huyện.
- 3) Thương-Ngô (Quảng-Tây) — 11 thành hay huyện.
- 4) Uất-Lâm (Quảng-Tây) — 11 thành hay huyện.
- 5) Giao-Chỉ (Bắc-Việt) — 12 thành hay huyện.
- 6) Cửu-Chân (Thanh-Hóa) — 5 thành hay huyện.
- 7) Nhật-Nam (Hà-Tĩnh) — 5 thành hay huyện.
- 8) Châu-Nhai (đảo Hải-Nam)
- 9) Đạm-Nhi (đảo Hải-Nam)

Lãnh-thổ này là nước Nam-Việt của nhà Triệu, 207-111 tr. T.L.  
Về sau, Quận Châu-Nhai và Đạm-Nhi (đảo Hải-Nam) bị tách rời.

Thi-Sách, Lạc-tướng Châu-Diên đưa thư cùng Tô-Định :

« Xin mở lượng khoan hồng để phòng ngừa nguy cơ chực đến ». Trong tờ biểu có câu : « Rán mở dân làm giàu, kiệt sức dân đề sung lòng dục... Cây thanh gươm sắc bén, thế khuyh bại như giọt sương mai... »

« ...Tuần dân cao di phong kỳ tài, kiệt dân lực di cung kỳ dục... Tư thị phú cường, lâm di Thái-A chi thế, bất tri khuyh bại, thí như triều lộ chi nguy. Nhi bất tế chi di khoan, tắc nguy vong cấp chi bi ».

Tô-Định đem giết ngay Thi-Sách, đề thị oai cùng các Lạc-hầu, (Nhâm năm Canh Tý, 40 T.L.).

Bà Trưng-Trắc, Thi-Sách phu-nhân, hai mươi bảy tuổi, con gái Lạc-tướng Mê-Linh (Phúc-Yên), vốn dòng vọng tộc, đã cùng phu-quân nhiều lúc bàn việc đánh đồ quan Tàu, nay hận vì chồng, bền cùng em là bà Trưng-Nhị, kết hợp các vị Tù-trưởng đối lập quan Tô, đứng ra phát cờ khởi nghĩa.

Bà cũng người thao lược mưu cơ, đề cho em cầm quyền tướng soái. Tang nhà chưa mất, mặc nhung y màu hồng, hai Bà Trưng cỡi voi thị chiến.

*« Ngàn Tây (1) nổi áng phong trần*

*Ấm ăm binh mã xuống gần Long-Biên » (2)*

Từ Châu-Diên, quân chánh quy ồ ạt tràn xuống miền thị trấn Long-Biên. Đi đến đâu, các Tù-trưởng đều cho quân ứng tiếp.

Đạo nghĩa quân đến sáu vạn người, dưới bóng cờ của hai vị nương tử, theo mạng lệnh chỉ huy, công phá Liên-Lâu thành nơi phủ trị của quan Thái-thủ họ Tô.

Tô-Định quan môn, sức kiệt không chống nổi với đạo nghĩa binh, thâu đêm trốn về Nam-Hải quận.

Quân Cửu-Chân, Nhật-Nam, Hợp-Phổ theo nhị Trưng tự cường.

*« Phù-Sa Liên-Chiều tiếp Đông-Sông ...*

*Bước chân Phụ-đạo kẻ Lang tướng »*

*Thành quách hiên ngang khắc phục hàng.*

1) Châu-Diên, Châu-Phong, Phúc-Lộc thuộc vùng Sơn-Tây (Giao-Chi)

2) Liên-Lâu thành, gần Long-Biên thuộc tỉnh Hà-Đông trên bờ sông Nhuệ là nơi phủ-trị của quan Thái-thủ họ Tô.

Hạ được 65 thành Giao-chi, bà Trưng-Trắc xưng Vương, đóng đô ở Mê-Linh, quê quán, (nhằm năm Canh-Tý 40 T.L.), xây cung điện trang hoàng, thành Đâu-Bằng-Thượng Cồ-Lôi, lập triều đình nghi thức.

Bà lấy lại quyền tự trị nước Nam, sau 150 năm nội thuộc nước Tàu.

Mùa đông năm Tân-Sửu (41 T.L.) vua Quang-Võ sai Mã-Viện làm Phục-ba tướng quân, Lưu-Long làm phó tướng, cùng Đoàn-Chi, sang đánh Trưng-Vương Giao-Chi.

Mã-Viện, danh tướng Hán-triều, ngoài bảy mươi còn mạnh (người gọi quốc-thước ông), với đạo viễn chinh có hai vạn người, đến Tiên-Du Sơn, thấy nơi địa thế — nơi Triệu-Đà đã thắng An-Dương-Vương — bèn đóng binh để làm thế thủ, từ Tiên-Du đến vùng Lãng-Bạc.

Cuối mùa hạ Nhâm-Dần (42 T.L.), Mã Phục-ba sức Lưu-Long đến Mê-Linh khởi chiến, với một số ít quân cùng thâm mưu trá bại.

Quân Hai Bà công kích rất hăng.

Lưu-Long thua, rút lui dần đường về Lãng-Bạc.

Không ngờ vực kẻ gian, nhị Trưng Vương truy binh tập kích, đến Tiên-Du, vùng hiểm địa, rừng núi, nê sa, bị phục binh bao vây chụp đánh.

Quân Mã-Viện núp sâu dùng nỏ tên xạ-kích.

Quân Hai Bà từng đợt ngã lẫn; thấy ngồn ngang phơi đầy bãi chiến.

Vương thất cơ, đạo binh hùng tán rã.

Gom một nhóm binh tán, Bà rút về cố thủ Mê-Linh.

Quân Lưu-Long tấn công ráo riết, hạ được thành Bằng-dầu-thượng thủ đó.

Các Lạc-tướng, Lạc-hầu nghe phong thanh Mã-Viện đều qui thuận Phục-ba.

Hai Bà len lỏi, lần ẩn nấu Cầm-Kê (1). Một ít lâu, thấy thế cô, hai Chị Em đầu giang tự tử (2).

1) Cầm-Kê ở thôn Cầm-Kê, huyện Yên-Lạc, tỉnh Vinh-Yên.

2) Về cái chết của nhị Trưng-Vương.

Theo ông Maspéro, thì trong trận đánh với phó tướng Lưu-Long, Hai Bà tử chiến, thủ cấp bị lấy gởi về Lạc-Dương.

Theo ông Patris, thì bà Trưng-Nhị chết trận, bà Trưng-Trắc chạy lên núi « My-Son » (Hy Sơn) rồi hóa.

Phần nhiều Sử Việt nói Hai Bà tuấn tiết ở Hát-Giang.

Thân liễu bờ, nghiệp bá vương trọn vùi sâu nơi đáy lòng sông  
Hát (sông Đáy) ! (1)

«*Trung-Vương vắng mặt còn ai ?*

*Đi, về, thay, đổi, mặc người Hán quan !*»

Ghi công đức Hai Bà, về sau, nhiều đền thờ được dựng lên nhiều chỗ.

Riêng, đền ở Cẩm-Kê có hai pho tượng lớn.

Đền ở Mê-Linh (Hạ-Lội), cất trong vòng thành Đâu-Bàng-Thượng cung điện xưa của Bà, có một pho tượng Bà, một pho tượng Thi-Sách phu-quân, sơn đen thép vàng, dưới đề thêm hòm ản. Tr ớc hai tượng, bài vị Bà Trưng em.

Đền ở Hát-Mồn, huyện Phú-Thọ, tỉnh Sơn-Tây, ngò ra sông Hát, Gó biên vua Lý-Anh-Tôn (1138 — 1175) sắc phong Hai Bà «*Trinh Linh Nhị Vị*», vua Trần-Nhân-Tôn (1288) phong «*Chế Thánh*», vua Trần-Anh-Tôn phong Bà Chị «*Thuần-Trinh*», Bà Em «*Hựu Thuận*».

Trước công đền có câu liên đối :

«*Đồng trụ chiết hoàn, Giao linh trĩ,*

*Cẩm-Kê doanh hác, Hát-Giang tràng*».

銅柱折完交嶺峙

禁溪羸壑碧江長

(Cây cột đồng gãy mất, núi Giao-Chỉ còn cao,

Ngon Cẩm-Kê vẫn đầy, dòng sông Hát vẫn chảy).

Câu liên này đối lại câu «*Đồng trụ chiết, Giao-chỉ diệt*» của Mã Phục-ba.

Nhiều thi văn ca tụng khí tiết của Hai Bà.

1) Việt-Nam Sử Lược Trần-Trọng-Kim ghi Hai Bà tự tử ở Hát Giang nhằm ngày mồng 6, tháng 2, năm Quý Mão (43 T.L.). Ngày này là ngày giỗ Hai Bà thường niên.

Vào lúc ấy Bà Trưng-Trắc mới 30 tuổi (Bà sanh ngày mồng 1 tháng 8 năm Giáp-Tuất 14 T.L.) 3 năm, lật đổ cường quyền, giành độc-lập.



Một bài quốc âm ở đền sông Hát :

« Một bụng Em cùng Chị,  
Hai vai nước với nhà.  
Thành Mê khi dễ bá,  
Sông Cấm lúc phong ba.  
Ngựa sắt mờ non Vê,  
Cờ lau mở động Hoa.  
Ngàn thu bia đá tạc,  
Công đức nhớ Hai Bà ».

« Ngựa sắt mờ non Vê » tích Phù-Đổng Thiên-Vương cỡi ngựa sắt bình giặc Ân, cứu vãn non sông nước nhà, thời kỳ đã qua, công ơn còn lại.

« Cờ lau mở động Hoa », Đinh-Tiên-Đổng giành độc lập khởi tại Hoa-Lư cũng ảnh hưởng một phần công đức, gương tranh thủ độc lập của Hai Bà.

Thi văn về thân thế sự nghiệp Hai Bà, đời nào cũng có.

Đề kính nể Hai Bà, xin sao lại hai bài thi văn giáng bút của hai Bà trong Đạo-Nam Kinh :

\* Anh-thư nào chịu kém Anh-hùng,  
Dấu phận quần-thoa cũng kiếm cung.  
Oán kẻ nữ sao xua gió bụi,  
Thù chồng thề chẳng đội trời chung.  
Ngàn năm nước cũ thêm tươi mặt,  
Chín suối hồn linh cũng mát lòng.  
Văng-vặc gương xưa còn sáng tỏ,  
Tiếng thơm lừng lẫy gái Châu-Phong »

TRUNG-NỮ-VƯƠNG

\* Tiếng thơm muôn kiếp vẫn anh linh  
Non nước đeo đai một chữ tình.  
Đáo mác dọc ngang Em xót Chị,  
Quần-thoa tất-tả Chị vì Anh.  
Ba năm đường-bộ thung dung cả,  
Một đấng giang san khó nhọc mình.  
Tổ-Định hồn siêu ngoài Ngũ-Linh,  
Mê-Linh riêng chiếm một triều đình ».

TRUNG-MUỘI-VƯƠNG

« Tiếng thơ lưng lầy gái Châu Phong » : Châu Phong, Châu Diên, thuộc tỉnh Sơn-Tây, nơi Chị Em phát cờ khởi nghĩa.

« Bà Trưng quê ở Châu Phong »

« Tô Định hồn xiêu ngoài Ngũ Lĩnh,  
Mê-Linh riêng chiếm một triều đình »

Nhắc lại chuyện ngàn xưa, đánh đuổi Tô-Định, lập triều đình, Hai Bà xưng Vương.

Gần đây năm 1963, nhân ngày lễ kỷ niệm Hai Bà, mừng 6 tháng 2 âm lịch, một nhà thơ hiện đại, thi-sĩ Đinh-Hùng có viết bài trường thiên chiêm ngưỡng, tựa đề :

### HƯƠNG PHẤN MÊ-LINH

« Có ai nghe tiếng thơ huyền diệu  
Hai thơ rung lòng đá tiết trinh ?  
Ý thép sáng ngời tay hiệp nữ,  
Lửa hồng say má phấn Mê-Linh,

★

Hơi mây trắng khói, trắng hào kiệt !  
Sóng nước còn sôi hận bất bình ?  
Lăng-Bạc hoa trôi ngẫu lệ đỏ.  
Hát-Giang trầm khúc mắt u minh.

Trăng ôi ! hãy gọi hồn năm tháng,  
Trường niệm từng vang bóng hiền linh.  
Hương phấn thuở nào say lửa trận,  
Sát vai cùng hát khúc dâng trình.

Đầu voi hiền bóng cờ Nương-tử,  
Vang tiếng thanh vang lĩnh tiến binh.  
Pháp phối tình kỳ, loang ánh kiếm,  
Sông dài biển rộng quá đỗi kinh.

Thù nhà nợ nước ngàn đời gánh,  
Rừng núi Châu Phong chứng mỗi tình.  
Trang sử hoa vàng thêu nếp gấm,  
Mỗi con hoa đì... dâng trình.

Linh-Nam một cõi hai vầng nguyệt,  
Hai lưôi gương vàng dựng để kinh.  
Cơn nét mây chau, cơn gió hú,  
Bùng lên địa chấn xóa mây thành.

Trở làn thư kiếm an thiên hạ,  
Áo chiến mây choàng vóc liễu xinh.  
Tay ngọc vờn cao, đông bão nổi,  
Sáu năm thành quách hết điêu linh.

Ai hay quốc vận còn hưng phế ?  
Chớp mắt ba thu mộng thái bình !  
Biên dậy cuộn lưu, cao núi hận,  
Cấm-Kê ngọc nát, đá tan tành.

Hỡi ơi ! tiếng gọi hồn sông Hát,  
Sóng cuộn đồng nhân tạc bóng hình.  
Văng vặc ngàn sao gương Nữ-liệt,  
Hai mươi thế kỷ bóng nghiêng mình.



Nhớ thuở non sông bừng tỉnh giấc,  
Nước dồn cơn hận xóa tang thương.  
Tàn cơn ác mộng nghìn năm lẻ,  
Tay kiếm cung nào đượm phần hương ?

Chớp mắt anh-thư, thành quách chuyền,  
Ngàn Tây ngùn ngụt khói sa trường.  
Châu Phong nổi gió Em cùng Chị.  
Gọi núi kêu sông diệt bạo cường.

Trăng sáng nhập thần đôi mắt ngọc,  
Vàng hai mái tóc một vầng dương.  
Quần hồng Giao-Chi nghiêng Đông-Hán,  
Đón ngược mây thành xuống Bắc phương

Cờ nghĩa tay vòng bốn cõi.  
Phủ-Sa, Liên-Chiều tiếp Đông-Sông.  
Bước chân Phụ-dã kẻ Lang-tướng,  
Bình địa vượn vai ứng chiến trường.

Hợp sáu chục ngàn quân ứng nghĩa,  
Hội binh ba quận tiến chung đường.  
Cửu-Chân, Hiệp-Phố đao mài núi,  
Thếp Nhật-Nam rền sóng đại dương.

Khăn yếm rộn ràng thay võ phục,  
Nhưng y càng đẹp vóc bằng sương.  
Sao sa ngọn ái trời Nam quện,  
Doanh trại liền mây vững một phương.

Ôi ! đáng lệ-khieu lưng chiến tướng !  
Long-Biên thẳng trở mũi gươm vàng.  
Tiếng hô « diệt tặc », sông truyền núi,  
Cuộn thủy triều theo lệnh Nữ-Vương.

Nam-Hải vui sâu ngôi Thái-thú,  
Trời hoa lại sáng đất hiền lương.  
Mùa xuân Lạc-Việt năm nào nhỉ ?  
Ngây ngất thơm mùi Vương giả hương !



Ngàn năm ôi bóng Trưng-Vương !  
Cánh chim huyền diệu đưa đường về xưa.  
Nước non còn đẹp Dáng Thơ,  
Bàn tay Nương-Tử ngọn cờ Châu-Phong  
Hỡi non cao, biển muôn trùng,  
Còn say hương phấn má hồng Mê-Linh ?

## BÊN LỀ LỊCH-SỬ

Theo Bà Trưng đánh người Tàu : (thái-thủ Tô-Đĩnh và Mã-Viện tướng-quân), người ta còn truyền tụng có :

**Bà Lê-Chân** : mưu cao, võ giỏi, thay Bà Trưng tiết-chế các đạo nghĩa quân ; bày kế không thành vây nguyên một đạo binh của Mã-Viện.

Giúp Bà Trưng tự buổi đầu, bà được phong làm Thánh-Chân Công-Chúa, khi Bà Trưng tức vị.

**Bà Hoàng-Thiếu-Hoa** : một thanh xuân nữ tướng, có sắc đẹp yêu kiều, dùng trường thương ra trận, diễm lệ oai phồng, sách Tàu nói về Mã-Viện có ghi : Tướng-quân Mã-Viện, trên lục tuần, mà còn ước ao đức nhà vàng cho nàng Thiếu-Hoa ở.

Bà được phong làm Long-Nhưông đại-tướng quân.

**Bà Phùng-thị-Chính** : võ giỏi, cỡi ngựa rất hay, được phong làm tướng-quân Thị-Nội. Bà Trưng rất yêu dùng, đề coi việc huấn luyện quân nhân, trấn thủ các ải địa đầu. Bà mang thai ra trận và sảo trong lúc hành quân.

Phu-Quân bà là Tư-Mã tướng-quân Đĩnh-Lượng.

**Bà Nguyễn-Đào-Nương** : phu quân là tướng-quân Cao-Doãn coi việc vận lương, quân nhu, vũ khí.

**Bà Phạm-thị-Còn** : trấn thủ Lạng-Sơn, giỏi tài đô vật, khi ra trận cầm hai trái đồng chùy, sức mạnh dẻo dai.

**Bà Bát-Nam Công-Chúa** : võ giỏi, sức lực hơn người, chống với quân Mã-Viện tại Cầm-Kê, trước khi đại quân của hai Bà Trưng bị rã.

Chồng bà là Trương-Quân, một vị danh tướng.

**Bà Thánh-Thiên Công-Chúa** : đánh lui quân Tàu. Mã-Viện phải xin bình tiếp. Vua Hán Quang-Vô truyền : nên dụng mưu cơ, hơn dùng sức. Viện đóng ở Mã-Giang, sai một đạo quân từ Bảo-Lạc (Cao Bằng) đến Đại-Nam, vùng châu Thập-Lục (Tuyên-Quang), phao truyền sắp đánh miền sơn cước. Thánh-Thiên Công-Chúa đem binh giữ gìn. Viện tấn công vào Mê-Linh. Hai Bà thất thủ.

Kể ra, trông lúc Bà Trưng khởi nghĩa và trong 3 năm kiến quốc đạo nữ binh Giao-Chi có lắm anh thư hết lòng vì nước, đề gương tranh thủ độc-lập về sau.





**TRIỆU-KIÊU-NGUYỄN**

**(TRIỆU-ÂU HAY LỆ-HẢI BÀ VƯƠNG)**





## Triệu-Kiều-Nguyên

(Triệu-Ấu hay Lê-Hải Bà Vương)

---

*Trung-Vương vắng mặt còn ai ?*

*Đi, về, thay, đổi, mặc người Hán quan !*

Sau, ba năm độc lập dưới triều Nhị-Trung-Vương, nước Nam còn nội thuộc nước Tàu gần 900 năm nữa, cho đến khi Ngô-Quyền đánh quân Nam-Hán, tự trị nước nhà, nước Nam ta mới cởi ách đô-hộ hơn 1,000 năm chẵn.

Trong khoảng 900 năm sau này, hết nội thuộc Đông-Hán, tới Đông Ngô, Nam Bắc Triều, Tùy, Đường, Ngũ-Quí, v.v... Có lúc cũng được tự chủ năm, ba mươi năm, nhưng lấy làm "án-vội" đối với thời gian 1.000 năm dài đằng-dằng.

Những quan lại Tàu sang cai trị Giao-Chi, Giao-Châu, hay An-Nam, Trấn-Nam, Đô-Hộ-Phủ, gì gì..., thường có lắm người tàn ác, tham bạo, khắc khổ dân Nam, bắt phải vào rừng, xuống biển, kiếm tìm gỗ quý, kỳ nam, ngà voi, sừng tê, châu báu... Dân Hợp-Phố bị bắt lặn hụp mò ngọc trai, khổ quá, phải bỏ xứ mà đi.

Một thiếu nữ gia môn, tuổi vừa hai chục, tên Triệu-Kiều-Nguyên, nuôi chí lớn, muốn đánh đuổi quân Tàu gỡ ách nô cho người đồng chủng.

Vốn đồng qui tộc, sanh quán quận Cửu-Chân (huyện Nông-Cống tỉnh Thanh-Hóa ngày nay), Triệu-Kiều-Nguyên (hay Triệu-Kiều-Trinh) có người anh là Quốc-Đạt làm huyện-lệnh Cửu-Chân sẵn nhiều gia tướng. Kiêu-Nguyên thường khuyên anh nên phất cờ khởi nghĩa. Bà lén vào rừng chiêu mộ hơn 1.000 tráng sĩ để làm chân tay. Bà có trí, dũng, nên được người theo chịu điều sai khiến. Quốc-Đạt can bà: « Không nên liều-linh ». Bà tỏ nỗi tâm can: « Em muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp ngọn sóng cồn, chém tròng kinh đông

hải, quét sạch bờ cõi nước Nam, đề cứu dân khỏi nơi đăm-đuối, chớ không chịu bắt chước người đời, cong lưng cúi cõ, làm ti-thiếp người ta».

Bà luận bàn mưu lược cùng anh. Người chị dâu nghe được, to nhỏ với chồng: «chớ nghe em mà mang hại», lại sai người tố giác Kiều-Nguyên.

Kiều-Nguyên vì tình thế bất buộc, lại muốn cho anh dứt khoát, vì việc nước phải bỏ tình nhà, đề chuyên tâm làm điều đại nghĩa, nên thuận lòng cho thủ hạ ngấm sát chị dâu, phu-nhân huyện-doãn.

Vụ án này làm chấn động Cửu-Chân. Quan thượng-ti kết lưu huyện-doãn, gia: tòng ý phản nghịch chính quyền.

Triệu-Quốc-Đạt thế bức, phải trở cõ theo em đứng ra khởi nghĩa.

Nhân dân thán oán vì ách đồ-hộ quân Ngô, nay theo huyện-doãn cùng Triệu-Kiều-Nương chống Ngô, bạo động. Anh, em Quốc-Đạt chiếm hết trọn vùng Cửu-Chân.

Đầu-mục các nơi khác trong cõi Giao-Châu, những người khi-khái, cũng ứng lên nổi loạn.

Ngô-chúa cho Hành-dương đốc-quân đô-úy Lục-Dận làm Thứ-Sử kiêm Hiệu-Ủy Giao-Châu (nhâm năm Mậu-Thìn, 248 T.L., hiệu Xích-Ô thứ 11 của nhà Ngô).

Lục-Cung-Tôn (Lục-Dận) (1) cầm binh đi tiêu trừ Quốc-Đạt. Bà Triệu-Kiều-Nguyên mặc giáp vàng, cưỡi đầu voi, phất cờ chỉ-huy tướng sĩ. Có lúc bà dựng song chùy đánh tan quân Ngô khi giáp chiến. Bậc nữ-lưu mà sức mạnh phi thường, người dưới tướng xưng tụng bà: « Nhụy-Kiều Tướng-Quân ».

Quận Cửu-Chân, vùng Thanh Nghệ, đất đai hiểm trở, quân bà ít, mà chống cự quân Ngô gấp mười, nhờ địa thế, lại nhằm lúc quân sĩ đương hăng, đồng tâm nhứt chí.

Đánh ba, bốn tháng trường, quân Lục-Duyệt (Lục-Dận) không làm sao đàn áp nổi.

---

1) Lục-Dận có tên là Lục-Duyệt hay Lục-Cung-Tôn.

Lục-Cung-Tôn đòi thay chiến lược, đem vàng bạc trong kho ra mua đứt các viên đầu-mục. Rồi dụng điều ân-nghĩa, lấy lễ tín-thành hiều-dụ dân gian. Chiêu nạp những kẻ anh tài, đem của nhà Âu-yếm ra cho, kết giao cộng tác. Người cạn suy, thấy tân quan thi ân, bố đức, trọng nghĩa khinh tài, quên những cơn làm-than cực khổ, theo quy hàng hơn ba vạn nóc gia.

Cối Giao-Châu dần dần yên tĩnh. Cảnh thanh bình trở lại như xưa. (An-nam Chí-lược, Khâm-Định Việt-Sử Cương. Mục).

Quận Cửu-Chân bấy giờ cô lập. Chỉ còn anh em họ Triệu trở đương.

Lục-Cung-Tôn thi hành quyết kế. Mua chuộc người đầu-độc đối phương.

Triệu-Quốc-Đạt từ khi chích bóng, cũng thường hay mượn rượu tiêu sầu, lại mấy khi cầm quân chống giặc, ẩn núp trong rừng, đội nguyệt phong sương, dùng đôi chung rượu ấm, cho khi lực hào hùng, bị người tín cần đầu-độc không hay, không mất ở sa-trường, mà chết vì ngộ độc, do Lục-Dận mưu mô, mượn tay trong bỏ thuốc.

Triệu-Kiều-Nguyên một mình cầm cự với quân Ngô.

Lục-Dận muốn hạ uy tín Triệu-Kiều, truyền trong quân gọi bà « Triệu-Âu » : « Mụ Triệu già nua », mất vẻ yêu kiều, để giảm bớt oai phong. Nhân thấy Bà cười voi lướt trận, voi voi tung-tóc, vắn-vắt cong cò, lại quần áo ngang lưng cho gọn, phao truyền rằng : Triệu-Âu vắt vú ngang lưng, cặp nhũ hoa dài đo ba thước.

Quốc-Sứ diễn ca còn y theo lặp lại :

*Cửu-Chân có á Triệu-Kiều,  
Vú dài ba thước, tài kiều hơn người.  
Gặp cơn thảo muội cơ trời,  
Dem thân bả-liều theo loài bồng-tang.  
Đầu voi phất ngọn cờ vàng,  
Sơn thôn mấy cõi chiến trằng xông pha.  
Chông gai một cuộc qụa hà,  
Đầu khi chiến tử còn là hiền linh.*

Mặc dầu hạ bệ bởi xấu người ta, khi quân Ngô giáp chiến, bị Kiêu-Nguyên đánh ngã toi bời, thấy đều khiếp sợ, trở lại tôn bà ; « Lệ-Hải Bà-Vương », thêm phần kính nể.

Bà-Vương đánh với quân Ngô, trước sau, có trên sáu tháng. Khi Quốc-Đạt mất rồi, quân Bà cũng mất lần nhuệ khí. Bà thấy toàn dân còn trong vòng ám muội, bảm nhục cầu vinh, sanh lòng chán nản. Bị đột kích nhiều phen với số-quân hùng-hậu, Bà lui quân về xã Bồ-Hiền (Thanh-Hóa), rồi tuần tiết nơi đây. Bấy giờ mới 23 tuổi, đương độ thanh xuân.

Về sau hiền thánh. Năm Quý-Hợi (543 T.L.), khi Phạm-Tu đem quân vào đánh Chiêm-Thành ở vùng Cửu-Đức (Hà-Tĩnh), bà ứng triệu hành quân. Phạm-Tu thắng trận, về tâu lại ứng mộng Kiều-Nguyên, vua Lý-Nam-Đế sai lập miếu thờ, tặng phong bà : « **Bật-Chính Anh-liệt hùng-tài Trinh-Nhất Phu-Nhân** ».

Tuy không thấu phục được sơn hà như hai Bà Trưng-Nữ, nhưng Triệu-Kiều-Nguyên cũng làm khiếp đảm quân Ngô ; lá cờ nghĩa của Kiều-Trinh cũng quét sạch được tâm hồn tham quan, ô lại. Trong một khoảng thời gian, quan Ngô cũng bớt điều khắc khổ. Sau khi Lục-Dận bình được Giao-Châu, đổi thay chính sách, bỏ hà khắc, dụng khoan hòa, làm danh dự nước Ngô. Ngô-chúa phong cho Lục-Dận từ chức An-nam Tướng-quân lên tước vị Đô-Đình-Hầu (An-Nam Chí-lược).

Bà Triệu-Kiều-Nương nhà tan, nước mất, tuần tiết anh linh, lúc nào cũng đau đáu về nghĩa vụ quốc gia, tình chung dân tộc. Vóc ngọc đã lìa trần, hồn linh còn luyện thể, trải quá ngàn năm, còn lưu kỷ niệm, trong một bài thi giáng bút gần đây :

*Vốn cũ quê nhà quận Cửu-Chân,  
Thuyền quyền đã dạo mặt phong trần,  
Rợp trời gió phất cờ nương-tử,  
Dậy đất loa truyền lệnh tướng quân.  
Đứa giặc Đông-Ngô kinh mắt vía,  
Bà Vua Lệ-Hải hóa nên thần.  
Dấu linh bia tạc trong thanh sử,  
Vốn cũ quê nhà quận Cửu-Chân.*

#### TRIỆU-KIỀU-NƯƠNG

Trong một bài 8 câu vắn-vẹn, mà dành cả 2 câu phá, kết để nhắc lại tình nhà, quê hương, xứ sở, thì biết lòng Bà yêu nước dường bao !

**TRIỆU-KIỀU-NGUYỄN ★**

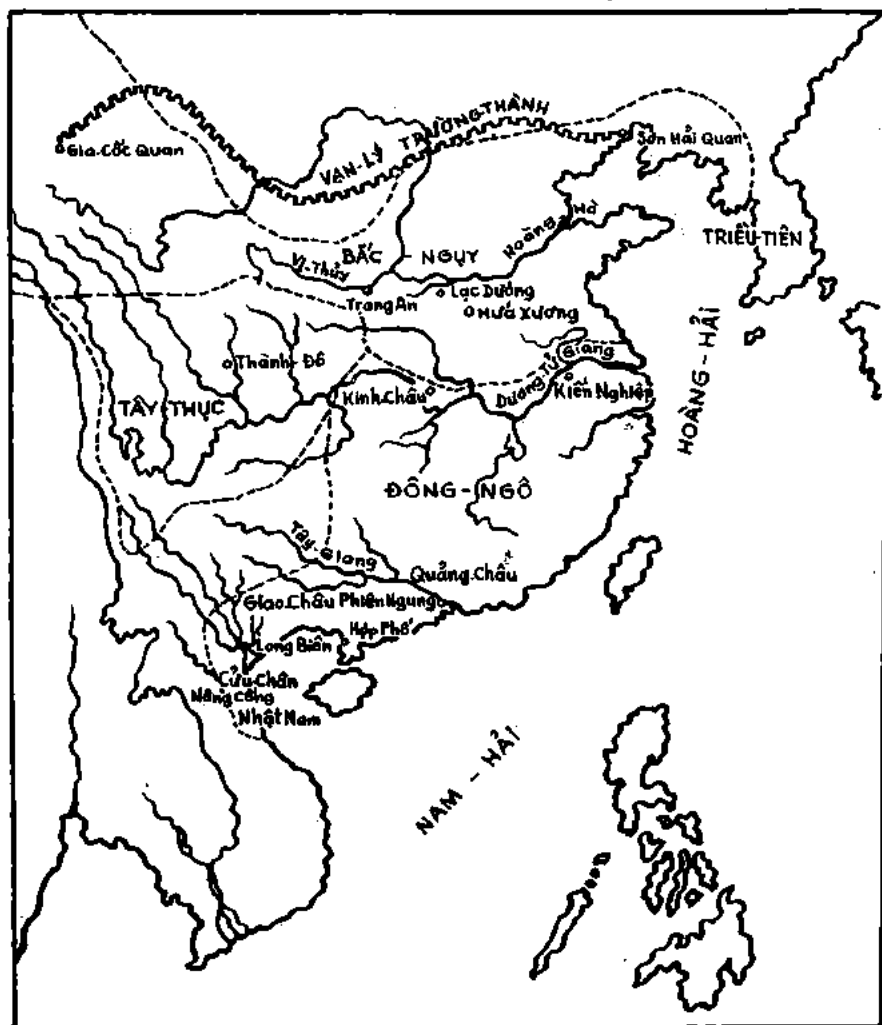
Câu trả : « Thuyền-quyên đã dạn mặt phong trần », tỏ ra người anh-thư dài-các con nhà quý phái thượng-lưu, (vì nước nhà bị trị, dân chúng lâm than, đứng ra giải phóng, nên phải xông pha chiến trường,) trải bao gió bụi, dày dạn tuyết sương. Chớ đâu phải « mụ già vú mướp » làm tí thiếp người ta !...

**Người đời sau vịnh Bà nêu gương nữ-liệt :**

Nổi gót Bà Trưng lại có Bà,  
Một phen mưa gió chuyền sơn hà.  
Thử đem sức liễu xoay non bẻ,  
Há chịu quân Ngô xéo nước nhà ?  
Phất ngọn cờ vàng mong cứu vớt...  
Cưỡi đầu voi trắng quyết xông pha...  
Lăm gương ái quốc treo trời Việt,  
Trải mấy nghìn thu vẫn chưa nhòa.

(Vị Tường Danh Thị)

**II. Cối Giao-Châu (Annam đô hộ phủ) hay là Giao-Nam, khi Bà Triệu khởi nghĩa, lúc ấy Nước Tàu thuộc về đời Tam Quốc**



Bà Triệu (Kiều-Nguyên) khởi nghĩa tại quê nhà, Quận Cửu-Chân (Thanh Hóa). Giao-Châu (hay Giao-Nam) lúc ấy thuộc về Đông Ngô, đời Tam-Quốc bên Tàu.

Ngô-chúa sai Lục-Dận (ý Duệ, tự Cung-Tôn) đi dẹp, nhằm năm Mậu-Thìn (348 TL) hiệu Xích-Ô thứ 11 của nhà Ngô, hiệu Diên-Hy thứ 11 của nhà Hán và hiệu Chính-Thủy (Thị) thứ 9 của nhà Ngụy.

Lục-Dận làm Giao-Châu Thứ-Sử sau được phong An-nam Tướng-quân Đô-Định-Hầu.

**LÝ - NAM - ĐẾ**  
**TRIỆU - VIỆT - VƯƠNG**





## Lý-Nam-Đế — Triệu-Việt-Vương

---

Sau triều đại Trung-Vương (40—43 T.L.), trót 500 năm nội thuộc nước Tàu (44—544), nước ta vùng dậy với nhà Tiền-Lý (544—602), Lý-Nam-Đế và Triệu-Việt-Vương. Tinh thần Lạc-Việt lại thấy bừng lên sáng tỏ, trong một kỷ 60 năm, hay là một con giáp.

Từ khi Tần về Hán thống trị Trung-Nguyên, gồm châu Bách-Việt, thì dân tộc Việt đồng hóa Trung-Hoa: Đông-Việt, (bây giờ là tỉnh Chiết-Giang), Mân-Việt, (Phúc-Kiến), Nam-Việt, (Quảng-Đông, Quảng-Tây), đều là tỉnh, người của Hoa-lục, trừ ra Âu-Việt hay là Lạc-Việt còn là một nước Việt-Nam biệt lập cho tới bây giờ, nhờ sức kháng thủ kịch liệt, nên không bị đồng hóa thuộc về Trung-Hoa.

Năm Tân-Dậu (541), nhằm năm Đại-dong thứ 7, đời Lương-Võ-Đế, quan Thứ-sử Giao-Châu, là Tiêu-Tư, Võ-lân-hầu, một người tàn bạo, lòng dân oán ghét. Ông Lý-Bôn nổi lên đánh đuổi, rồi tự xưng là Nam-Việt-Đế, đặt quốc hiệu là Vạn-Xuân, niên hiệu là Thiên-Đức (Ấm Giáp-Tý, 544).

Ông Lý-Bôn có tên là Lý-Bí, hay Lý-Phân, người huyện Thái-Bình, thuộc Phong-Châu (Sơn-Tây), tài kiếm văn võ. Tổ tiên Lý-Bí vốn người Tàu, ở đời Tây-Hán, vì loạn ly, trốn sang Giao-Châu. Ở đời lập nghiệp ở đây, Bí nghiêm nhiên là người bản xứ, có dòng máu Giao-Châu trong huyết quản và tinh thần Lạc-Việt ở tâm tư.

Lý-Bí chiêu tập anh-hùng, mộ quân-sĩ ở quận Đức-Châu, mưu đồ việc lớn, một nhân tài lỗi-lạc ở Giao-Châu là Tinh-Thiệu, theo làm mưu sĩ. Tinh-Thiệu có đến nhà Lương cầu công-danh chức tước. Sứ-bộ nhà Lương là Sái-Tôn chỉ cho làm chức Quan-lang giữ cửa (Quang-Dương Môn Lang). Tinh-Thiệu không toại ý, về kết nạp với Lý-Bôn. Tiếp Tinh-Thiệu, nhiều tù-trưởng theo về Lý-Bí. Trong số này, có Triệu-Túc, người ở Châu-Điền, có tài thao lược.

Lý-Bí vừa đẩy động binh đao, thì chiếm đóng Long-Biên thành, thủ đô Giao-Chỉ. Tiêu-Tư thấy quân đội Lý-Bí hùng cường, thanh-thế rộng lan, giao phong mấy lần không lợi nên nhượng bộ rút lui, sai người đem kim ngân lễ vật cầu hòa, rồi về châu vua Lương-Võ-Đế (Tân Dậu, 541, năm thứ nhất chiếm lại Giao-Châu).

Võ-Lân-Hầu Tiêu-Tư xin binh tiếp viện, Lương-Võ-Đế sai Tôn-Quỳnh Thái-thủ Cao-Châu, Lưu-Tử-Hùng, Thái-thủ Tân-Châu cất quân sang đánh. Hai đạo binh vừa xuống phương Nam, chưa vào lĩnh thổ Việt, thì bị bệnh thời khí chết nhiều, nên đình đãi. Tiêu-Tư nóng lòng, dâng trá-biểu, nói hai tướng không chịu tiến binh, khiến hai người phải tội (Nhâm-Tuất, 542, năm thứ hai Giao-Châu độc quyền).

Quân Lâm-Ấp lại quấy rối Nhật-Nam. Lý-Bí sai Phạm-Tu đi tiêu trừ. Phạm-Tu đánh bại quân Chiêm ở Cửu-Đức (Hà-Tĩnh), Nhật-Nam thanh-bình, (Quý-Hợi, 543, năm thứ ba độc lập).

Tháng trận này, trong nước đã yên, Lý-Bôn xưng là Nam-Việt-Đế, đặt tên nước; Vạn-Xuân, lấy niên hiệu là Thiên-Đức (nhằm năm Giáp-Tý, 544). Thiên-Đức là niên hiệu đầu tiên của nước Nam, kể từ đời Hồng-Bàng tới thời-đại ấy. Vua Lý-Nam-Đế sửa đặt chính triều, phong Triệu-Túc làm Thái-phó, Tinh-Thiếu làm văn quan, Phạm-Tu làm võ tướng.

Bờ cõi nước Nam lúc bấy giờ: phía Bắc có bộ-lạc người Thái trắng, vùng Ô-Hứa (Lạng-Sơn), dọc theo sông Hồng-Hà, sông Lô, gồm Rợ Liêu, một dải Bắc-Việt chạy dài tới Đức-Châu (Hà-Tĩnh) chỉ dãy Hoành-Sơn là cực Nam, giáp ranh với nước Lâm-Ấp (là xứ Chiêm-Thành). Đó là cõi Giao-Châu của người Lạc-Việt, sau khi ly-dị với Quảng-Châu (Nam-Việt) thuộc Tàu. Cõi Giao-Châu lần hồi độc-lập, Nam tiến về sau, dần trở nên một nước Nam cường thịnh.

Cuối mùa hạ năm Ất-Sửu (545), Lương triều sai Dương-Phiêu làm Giao-Châu Thứ-Sử, Trần-Bá-Tiên làm Tư-Mã tướng quân hiệp, binh sang đánh Lý, Thứ-Sử Định-Châu là Tiêu-Bột chuyên phân vận tài lương thực, quân nhu.

Trần-Bá-Tiên đi ngà Đông-Triều, ven đường núi, tiến sâu; Lý-Nam-Đế đóng ở Châu-Diên (gần Hải-Dương), hai bên giáp trận.

Trần-Bá-Tiên đánh bại quân Nam, Lý-Nam-Đế rút qua sông Hồng-Hà, đóng tàn binh cửa sông Tô-Lịch, (gần Hà-Nội bây giờ). Bá-Tiên tiến về, Nam-Đế thua binh, rút về Gia-Ninh (Phúc-Yên) cố thủ.

Tháng Giêng Bính-Dần (546), Bá-Tiên theo dõi, vây chặt Gia-Ninh. Quân Nam bị bức, phò Nam-Đế chạy đến Tân-Xương (đất Phong-Châu cũ, thuộc Vĩnh-Yên bây giờ), nơi đây có Rợ Liêu ở. Nam-Đế kết hợp Rợ Liêu, Ô-Hứa, tuyển mộ thêm binh có 2 vạn người, đóng trên một bãi giữa đầm Điền-Triệt chung quanh san-sát chiến thuyền của Vua canh phòng nghiêm nhặt (tháng 8 Bính-Dần, 546).

Quân Lương không dám xông vào, đóng lâu ở cửa, bị bệnh chết mòn. Thừa một đêm nước lớn chảy rót vào đầm, Trần-Bá-Tiên ra lệnh tấn công, theo dòng nước chảy. Trận đánh hung hăng. Quân Nam ở hợp, tan vỡ thuyền bè. Lý-Nam-Đế lui về Khuất-Liêu Man-Động. Nơi đây, Nam-Đế thọ khí lam sơn, nhiễm bệnh, băng hà (nhằm năm Đinh-Mão, 547). Từ trường sự Bá-Tiên tiến đánh, đem nọp thi hài, Bá-Tiên không vào Man-Động.

★

Lý-Nam-Đế thắng hà, ti-tướng Triệu-Quang-Phục (con quan Thái-phó Triệu-Túc), cầm cự với quân Lương, rồi kéo về Châu-Diên mộ thêm si-tốt (Đinh-Mão 547). Trần-Bá-Tiên được quân tiếp viện thêm nhiều. Quang-Phục phải rút quân vào Đầm Dạ-Trạch, là một vùng lầy lội mệnh-mạng, hoang vu sầm-uất (thuộc tỉnh Hưng-Yên bây giờ). Quân ngoài khó thê vào sâu mà không bị hại. Những đêm tối trời, Quang-Phục cho quân cưỡi thuyền độc-mộc ra đánh bất thần, cướp lương thực, quân nhu, khí giới. Những trận đột kích này làm cho Bá-Tiên thiệt hại lớn lao mà không tránh khỏi.

Lần lần quân Nam khởi sắc, trên 2 vạn người, đầy đủ lương thực, tôn Quang-Phục làm Dạ-Trạch Vương.

Năm Kỷ-Tỵ (549) Quang-Phục thế đã khá to, muốn nêu chánh nghĩa, tế cáo đất trời, xưng Triệu-Việt-Vương.

Vua nhà Lương thấy giặc Giao-Châu dâng-dai không dứt, phong Trần-bá-Tiên làm Giao-Châu Thứ-Sử (giữa năm Canh-Ngo 550),

đặng nắm trọn quyền quân, dân, chính, sắp đặt việc binh trị Giao-Châu, diệt trừ phiến loạn. Trần-Bá-Tiền điều động dân quân, cấp cho thôn cư (liên gia) khí giới, đề chống cự bọn du kích quân, lại cấm ngăn tiếp tế, làm triệt lương quân Đàm Dạ-Trạch.

Triệu-Việt-Vương lâm vào ngõ bí. Nhưng rất may thay, bên Tàu có loạn Hậu-Cảnh nổi lên. Trần-Bá-Tiền được triệu về dẹp loạn (Tân-Múi, 551), giao binh quyền cho tùy tướng là Dương-Sàn tiếp tục đánh quân Nam. Dương-Sàn không tài thao lược, Triệu-Quang-Phục thừa cơ, phá tan quân Tàu, lấy lại thành Long-Biên, ngự trị, khôi phục được nước Nam, tiếp theo nhà Tiền Lý.

Triệu-Việt-Vương trị nước tới năm Tân-Mão (571), kẻ được 22 năm.

..

Sau đây, là một đoạn trích trong Việt-Nam Sử-lược của Trần-trọng-Kim, nói về đời Hậu Lý-Nam-Đế :

« Khi Lý-Nam-Đế thất thế chạy về Khuất-Liêu thì người anh họ là Lý-Thiên-Bào cùng với người em họ là Lý-Phật-Tử đem quân chạy vào quận Cửu-Chân rồi bị quân nhà Lương đuổi đánh chạy sang Lào đến đóng ở động Dạ-Năng, xưng là Đào-Lang-Vương, quốc hiệu là Dạ-Năng.

Năm Ất-Hợi (555) là năm thứ 7 đời Triệu-Việt-Vương, Lý-Thiên-Bào mất, không con, binh quyền về cả Lý-Phật-Tử. Đến năm Đinh-Sửu (557) Lý-Phật-Tử đem quân về chống với Triệu-Việt-Vương. Đánh nhau mấy trận không được, Phật-Tử mới xin chia đất giảng hòa, Triệu-Việt-Vương nghĩ tình họ Lý, cũng thuận chia đất cho Lý-Phật-Tử.

Lý-Phật-Tử đóng ở Ô-Diên (nay ở vào làng Đại-Mỗ, thuộc huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-Đông), Triệu-Việt-Vương đóng ở Long-Biên, lấy bãi Quân-thần làm giới hạn (bãi ấy thuộc làng Thượng-Cát, huyện Từ-Liêm). Triệu-Việt-Vương lại gả con gái (Cảo-Nương) cho con trai Lý-Phật-Tử (Nhã-Lang), đề tỏ tình hòa hiếu với nhau. Nhưng Phật-Tử vẫn có ý muốn thôn tính, bởi vậy bề ngoài tuy là hòa hiếu, nhưng bề trong vẫn sửa soạn để đánh lấy Long-Biên.

Năm Tân-Mão (571) Phật-Tử bất thình lình đem quân đánh Triệu-Việt-Vương, Triệu-Việt-Vương thua chạy đến sông Đại-Nha

(nay ở huyện Đại-An, tỉnh Nam-Định) nhảy xuống sông tự tử. Người ở đây cảm nhớ Triệu-Việt-Vương, mới lập đền thờ ở gần sông Đại-Nha. Nay còn có đền thờ ở sông Đáy hồ, gần huyện Đại-An.

Hậu Lý-Nam-Đế (571 - 602). — Lý-Phật-Tử lấy được thành Long-Viên rồi, xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong-Đôn thuộc huyện Cổ-Lạc tỉnh Vĩnh-Yên, sai Lý-Đại-Quyền đi đánh Diên và Lý-Phật-Vĩnh giữ Ô-Diên.

Trong khi Lý-Phật-Tử làm vua ở Nam-Việt thì vua Văn-Đế nhà Tùy đã gồm cả Nam Bắc, nhất thống nước Tàu. Đến năm Nhâm-Tuất (602) vua nhà Tùy sai tướng là Lưu-Phương đem quân 27 doanh sang đánh Nam-Việt.

Lưu-Phương sai người lấy lễ họa phúc để dụ Lý-Phật-Tử về hàng. Hậu Lý-Nam-Đế sợ thế không địch nổi bèn xin về hàng.

Từ đây đất Giao-Châu lại bị nước Tàu cai trị vừa 336 năm nữa.

Về Hậu Lý-Nam-Đế, Quốc-Sử diễn-ca có đoạn :

Lý xưa còn có một cành,  
Tên là Thiên-Bảo nấu mình Ai-Lao.  
Chiêu binh lên ở Đồng-Đào,  
Họ là Phật-Tử hội sinh.  
Đào-lang đi đòi quốc danh,  
Cùng toan thu phục cựu kinh của nhà.  
Cảnh dâu may tóa bóng tà,  
Bây giờ Phật-Tử mới ra nổi dờng.  
Rừng xanh gió phất cờ hồng,  
Dã binh kéo xuống bên sông tung hoành.  
Triệu-vương giáp trận Thái bình,  
Lý thua rồi lại lui binh xin hòa.  
Triệu về Long-đồ Nhị-hà,  
Lý về Hạ-mỗ ấy là Ô-Diên.  
Hai nhà lại kết nhân duyên,  
Nhà-Lang sánh với gái hiền Cáo-Nương.  
Có người Hồng, Hát họ Trương,  
Vũ-biên nhưng cũng biết đường cơ mưu.  
Rằng : Xưa Trọng-Thủy Mỵ-Châu,  
Hôn-nhân là giả, khẩu thù là chân.

Mảnh gương văng-sự còn gần,  
 Lại toàn đất mới Châu-Trần sao nên.  
 Trắng già sao nở xe duyên,  
 Đề cho Hậu Lý gây nền nội công.  
 Tình con rề, nghĩa vợ chồng.  
 Tin nhau ai biết ra lòng lừa nhau.  
 Lân-la mấy ngổ tình đầu,  
 Nhà-Lang trộm lấy dâu-mâu đòi liền.  
 Trở về giả chước vẫn yên,  
 Giáp binh đâu đã băng miền kéo sang.  
 Triệu-vương đến bước vội vâng,  
 Tình riêng còn chứa rút đường cho qua.  
 Dem con chạy đến Đại-Nha,  
 Than thân bách chiến hóa ra đường cùng.  
 Từ khi Phật-Tử xưng hùng,  
 Hiệu là Nam-Đế nối dòng Lý-vương.  
 Phong-Châu mới mở triều-dường,  
 Ó-Diên, Long-Đỗ giữ-giàng hai kinh.  
 Tùy sai đại tướng tổng binh,  
 Lưu-Phương là chức Quán-hành Giao-Châu.  
 Đồ-Long một trận giáp nhau,  
 Xin hàng Lý phải sang châu Tấn-dương (1).




---

1) Tấn-dương là kinh-đô bên Tàu lúc ấy.

Tranh giành lấy nước, mà không giữ được nước, ấy thật kém hèn, gặt  
 nhượng cho người tài-cán hay hơn,

NGÔ-VƯƠNG-QUYỀN





## Ngô-Vương-Quyền

Nước Nam nội thuộc nước Tàu từ năm 111 trước T.L. kể là 1.050 năm trước cũng có tự trị, nhưng thời gian tự trị không đều, cách khoảng nhau.

Như độc-lập với :

Nhị Trưng-Vương được 3 năm, từ năm 40 tới 43 T.L.

Nhà Tiên Lý được 58 năm, từ năm 544 tới 602 T.L.

Mai-Hắc-Đế, năm 722 T.L. Bô-Cái Đại-Vương, năm 791 T. L., có nổi lên đánh đồ quân Tàu ; nhưng giữ nước chẳng được bao lâu, một năm ngoài, hay một năm rồi chết.

Dòng họ Khúc giữ nước được 17 năm, từ 906 tới 923 T.L.

Dương-Diên-Nghệ và Kiều-Công-Tiện giữ được 9 năm, từ 931 tới 938 T.L.

Cho tới Ngô-Vương-Quyền đánh tan quân Nam-Hán, lập Nhà Ngô 939-965, nước Nam mới hoàn toàn tự trị, kể từ đó về sau. Tuy các vị vua ta cũng thần phục nước Tàu, đưa đồ triều cống, nhưng mà tự trị về ta. Thỉnh thoảng, từ 939 cho tới ngày nay 1971, cũng có lúc quân Tàu sang chiếm ít lâu, dân ta đánh đuổi, hay người Pháp chiếm xâm, nhưng ngày nay cũng là độc lập.

Ngô-Quyền, người khai sáng nền độc-lập nước ta năm 939, Kỷ-Hợi, quê ở Đường-Lâm (huyện Phúc-Thọ, tỉnh Sơn-Tây), « tướng diện oai quyền, lực năng cử đánh », làm quan với Dương-Diên-Nghệ Dương-Diên-Nghệ đã đánh đuổi quân Tàu, lập mình lên làm Tiết-độ-sứ cõi Giao-Châu (931-936). Nghệ thấy Quyền hùng dũng, có trí, tài, gả con cho, và sai vào trấn thủ Ái-Châu (Thanh-Hóa), nơi yếu hiểm, đề ngừa giặc Chiêm.

Dương-Diên-Nghệ làm Tiết-độ-sứ được 6 năm, bị người nha-tướng là Kiều-Công-Tiện giết đi.

Ngô-Quyền, từ Ái-Châu, đem binh ra đánh Kiều-Công-Tiến. Tiến thua, cầu cứu vua Nam-Hán (Lưu-Cung hay Lưu-Nghiêm) xin cho quân tiếp viện. Vua Nam-Hán muốn lấy lại Giao-Châu, sai con là Vạn-Vương Hoàng-Thảo, phong làm Tinh Hải-quân, Tiết-độ-sứ, dẫn binh thuyền nơi sông Bạch-Đằng, tiến đánh Giao-Châu ; còn mình thì đem quân hậu tập, đóng ở Hải-Môn, đề làm thanh-viện.

Trong lúc binh Tàu chưa đến, thì Ngô-Quyền đã giết được Kiều-Công-Tiến. Một mặt, cho quân sĩ phòng bị các nơi ; một mặt, sai người lấy gỗ, cặp sắt nhọn, làm chông, đóng khắp mặt khoảng lòng sông Bạch. Khi thuyền quân Nam-Hán vừa đến cửa sông, Quyền thừa con dước lớn, thúc đạo khinh thuyền tuồn ra khiêu chiến. Thuyền quân Nam-Hán đảo áp thuyền Nam. Đánh không lâu, nưong ngọn thủy triều, thuyền Nam lui trốn. Hạm đội Hán sóng-sượt đuổi theo, qua khỏi khúc sông có cọc. Nước vừa giụt lui, đạo chiến thuyền Nam chực sẵn trên dòng, xông ra giáp chiến. Quân ăn núp hai mé sông Đằng lấp nỏ cung bắn như mưa bắc. Quân Nam-Hán quây thuyền. Nước rút mau, những chiếc ngư-lôi lội trên cọc sắt bị đâm thủng, cổ nhào, ngồn ngang nghiêng-ngửa. Một ít chiếc thoát nguy. Thái-tử Hoàng-Thao bị bắt giết. Quân Nam-Hán hao bảy phần mười. Máu loang đỏ một khúc Bạch-Đằng-Giang, tuồn ra cửa, theo thuyền bôn Nam-Hán.

Quân tiền phong bại trận, Thái-tử mạng vong, vua Nam-Hán khóc con Hoàng-Thao, rồi gom góp binh Tàu về Phiên-Ngung không dám tiến.

Ngô-Quyền xưng vương, nhằm năm Kỷ-Hợi 939, đóng đô tại Cồ-Loa (Phước-Yên), đặt quan chức, chế triều nghi, định sắc phục, chỉnh đốn việc chính-trị trong nước, mở kỳ-nguyên độc-lập cho nước nhà. Các đời sau : Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn đều nối tiếp nhà Ngô trị vì nước Việt.



Ngô-Quyền như trận thủy chiến ở sông Bạch-Đằng mà đuổi quân Nam-Hán, mở nền độc-lập nước Tàu hơn 1.000 năm, khai sáng nền độc-lập nước Nam.

Sau này, Mang-Đạo-Vương nhà Trần cũng noi theo chiến lược nhà Ngô, đóng cọc ở sông Bạch-Đằng, đại phá quân Nguyên, Thái-tử

Thoát-Hoan không dám đem binh đánh nước Nam một lần nữa, « Xả-tắc » nhà Trần được yên. « Sông núi » nước Nam bền vững.

Về sau, đời hậu Lê, ông Nguyễn Tuân sang sứ Trung Nguyên, vua Tàu thấy ông hay chữ mà lại « cứng đầu », ra câu đối có ý khinh bỉ nước Nam :

*« Đồng trụ chỉ kim đài di lục »  
(Cột đồng Mã-thị rêu xanh lấp).*

Câu đối nhắc chuyện xưa Mã-Viện đánh Nhị-Trung Giao-chi rồi dựng cột đồng khắc 6 chữ « Đồng trụ chiết, Giao-chi diệt » (Cột đồng gãy, Giao-chi mất). Vua Tàu miệt thị sứ Nam.

Ông Nguyễn-Tuân đối liền :

*« Đằng-giang tự cổ huyết do hồng. »  
(Ngon sông Đằng-giang máu đỏ tràn.)*

Dem chuyện Ngô-Quyền đánh tan quân Nam-Hán và Hưng-Đạo đại phá quân Nguyên ở sông Bạch-Đằng, đề đối thoại.

Vua Tàu giận, giam ông, không cho về nước.

★

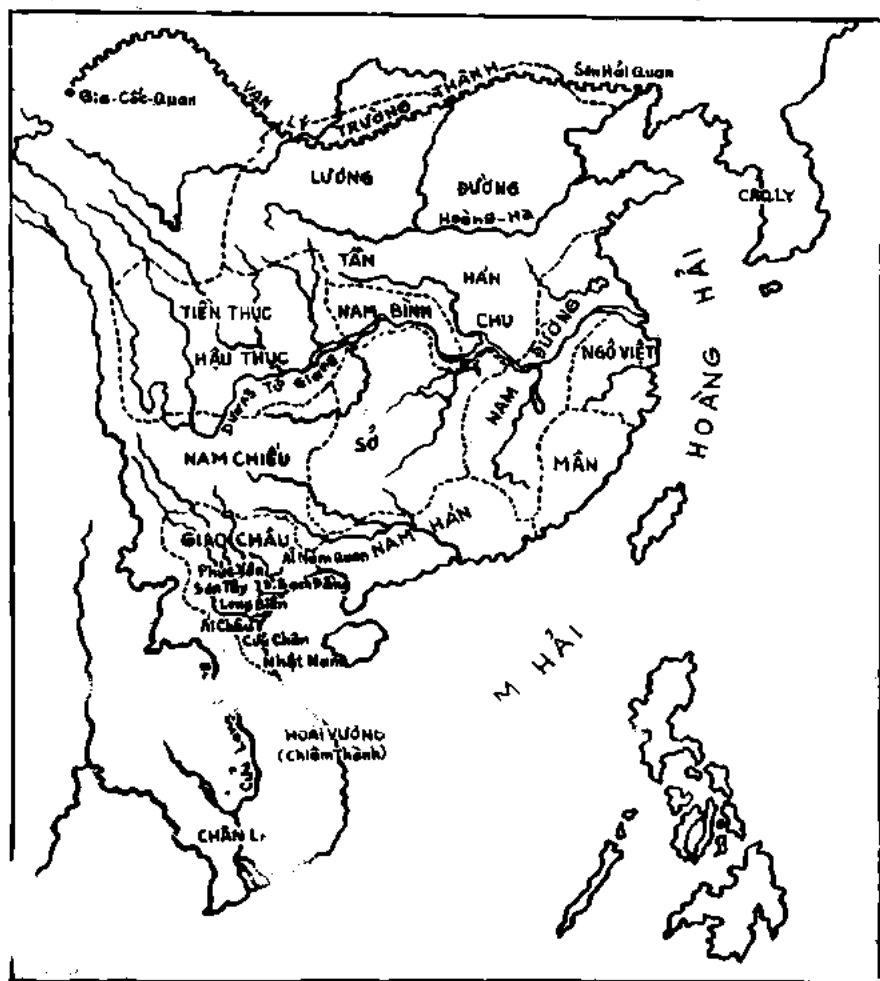
*Sông Bạch-Đằng hai lần đuổi giặc nước Nam.  
Núi Tiên-Du hai lượt giúp sức quân Tàu.*

(Núi Tiên-Du, một lần, giúp thế cho Triệu-Đà đánh thắng An-dương-Vương, một lần làm nơi ẩn núp cho quân Mã-Viện vây đánh hai Bà Trưng ở vùng Lăng-Bạc cận núi Tiên-Du).

*Non sông đất nước đại ngộ anh hùng.*

Những sứ thần : Lê-văn-Hưu (1273), Ngô-sĩ-Liên (1479), Ngô-thì-Sĩ (1726-1780) khi chép đến công-nghiệp Ngô-vương-Quyền, đều có đề lời ca tụng Ngô-Vương, và ghi lại trận thủy chiến trên sông Bạch-Đằng.

### III. Cối Giao-Châu (Nước Nam) khi Ngô-Quyền đánh quân Nam-Hán. Lúc ấy nước Tàu thuộc về đời Ngũ-Quý.



Ngô-Quyền người Đường-Lâm (huyện Phúc-Thọ, tỉnh Sơn-Tây) làm quan trấn Ái-Châu (Thanh-Hóa) đánh quân Nam-Hán tại sông Bạch-Đàng, giết Thái-tử Hồng-Thảo. Vua Nam-Hán, Lưu-Cung, sợ phải kéo binh về nước. Ngô-Quyền xưng Vương, đóng đô ở Cối-Loa (huyện Đông-An, tỉnh Phúc-Yên) (năm Kỷ-Hợi 941 — 965). Xem bản đồ góc số 1 trang 20 b).

Lúc ấy, nước Tàu thuộc về đời Ngũ-Quý: Hậu-Lương, Hậu-Đường, Hậu-Tân, Hậu-Hán, Hậu-Chu, Lưu-Cung, vua Nam-Hán, là em Lưu-Ân nhà Hậu-Lương, làm Nam-Bình-Vương kiêm Tiết-độ-Sứ Quảng-Châu và Tĩnh-Hải (Giao-Châu). Lưu-Cung kế vị Lưu-Ân, xưng Đế, quốc hiệu là Đại-Việt, sau đổi lại là Nam-Hán (năm Giáp-Sửu 947)

VẠN. THẮNG. VƯƠNG

(ĐÌNH-BỘ-LĨNH)



## Vạn-Thắng-Vương

### (Đinh-Bộ-Linh)

---

Đinh-bộ-Linh, người ở Động Hoa-Lư (thuộc tỉnh Ninh-Bình), con bà thiếp ông Đinh-công-Trứ, đẹp 12 vị Sứ-quân, nhất thống sơn hà, lên ngôi Hoàng-Đế (năm 968), xưng hiệu Vạn-thắng-Vương, Đại-thắng Minh-Hoàng-đế, Đinh-tiên-Hoàng.

Đinh-công-Trứ là gia tướng của Dương-diên-Nghệ, được Diên-Nghệ bổ nhiệm làm thứ sử châu Hoan (Nghệ-An). Sau khi Dương-diên-Nghệ bị Kiều-Công-Tiện giết vào năm 937, Đinh-công-Trứ thuộc Ngô-vương-Quyền, vẫn giữ y chức cũ, ít lâu sau thì mất.

Đinh-công-Trứ mất, Đinh-bộ-Linh còn thơ (trên 14 tuổi), mẹ con về nguyên quán, sinh sống ở Động Hoa-Lư. Thường ngày, Linh cỡi trâu ra đồng, bạn cùng các trẻ coi trâu. Bọn chăn trâu thấy Linh có vẻ hùng cường, oai vệ, thường khoanh tay làm kiệu cho ngồi, khiến đi, bẻ lau sậy làm cờ, đi hai bên như phò một ông chúa tể. Bọn trẻ phân phe đánh «giặc». Bên nào có Linh thường hay thắng bên kia. Mục-đồng làng khác cũng kéo tới đánh chơi, đều thua phe Bộ-Linh.

Trong lúc nước nhà rối loạn, giặc cướp khắp nơi, Linh đến tuổi trưởng thành (trên 20 tuổi). Phụ lão trong vùng thấy chàng thái độ hiên ngang, mời Linh lên làm trưởng trại, để bảo vệ hương thôn. Trại đóng ở thôn Đào-Úc. Anh em mục-đồng, cùng các thanh niên khác kéo tới gia nhập rất đông. Đinh-bộ-Linh chia ra thành đoàn, phân đội ngũ, rèn khí giới, lập cơ sở qui mô.

Trưởng trại Bông là Thúc-Dự, võ nghệ khá cao, có số quân khá lớn, muốn thôn tính trại Đào, dặt quân sang đánh.

Đinh-bộ-Linh quân ít đánh thua, kéo nhau chạy qua cây cầu Đàm sang mé bên đê trốn. Cầu yếu sụp ngang, Linh lọt ngay xuống



nước. Thúc-Dự sát cánh đuôi theo sau, cũng té ùn. Nước chảy mạnh cuốn lỏi. Linh thấy Dự chới-với sắp chìm, bươn lỏi theo cứu vớt. Từ ấy, trại Bồng, trại Đào tương y tương ý. (Đình-bộ-Linh lỏi hay, nhờ lúc coi trâu, cả buổi trầm nghịch dưới đầm, thi đua lỏi lặn. Người ta truyền tụng Linh có tính cá rái trong mình, nên gọi Linh « Đình thị ngạc ngư : con cá sấu họ Đình lỏi giỏi).

Lúc ấy, trong nước qua phần (như trái dưa xẻ miếng) Thồ-hào mỗi nơi chiếm một phần linh-thồ, xưng hiệu Sứ-Quân.

Từ năm Ất Tỵ đến năm Đinh-Mão (945-967) có tất cả 12 vị Sứ-Quân tranh nhau hùng cứ, gây ra cảnh nội loạn, thống khổ nhân dân.

### 12 VỊ SỨ-QUÂN LẦN LƯỢT NỔI LÊN LÀ :

- 1.— Ngô-Xương-Xí giữ Bình-Kiều (phủ Khoái-Châu, Hưng-Yên)
  - 2.— Đỗ-Cảnh-Thạc xưng Đỗ-Cảnh-Công giữ Đỗ-Động-Giang (huyện Thanh-Oai, Hà-Đông).
  - 3.— Trần-Lãm xưng Trần-Minh-Công giữ Bế-Hải-Khâu (xã Kỳ-Bố, Thái-Bình).
  - 4.— Kiều-công-Hãn xưng Kiều-Tam-Chế giữ Phong-Châu (huyện Bạch-Hạc, Vĩnh-Yên).
  - 5.— Nguyễn-Khoan xưng Nguyễn-Thái-Bình giữ Tam-Đái (phủ Vĩnh-Tường, Vĩnh-Yên).
  - 6.— Ngô-nhật-Khánh xưng Ngô-Lãm-Công giữ Đường-Lâm (Phúc-Thọ, Sơn-Tây).
  - 7.— Lý-Khuê xưng Lý-Lãng-Công giữ Siêu-Loại (Thuận-Thành, Bắc-Ninh).
  - 8.— Nguyễn-thủ-Tiếp xưng Nguyễn-Lĩnh-Công giữ Tiên-Du (Bắc-Ninh).
  - 9.— Lữ-Đường xưng Lữ-Tá-Công giữ Tế-Giang (huyện Văn-Giang, Bắc-Ninh).
  - 10.— Nguyễn-Sieu xưng Nguyễn-Hữu-Công giữ Tây-Phù-Liệt (huyện Thanh-Trì, Hà-Đông).
  - 11.— Kiều-Thuận xưng Kiều-Lĩnh-Công giữ Hồi-Hồ (huyện Cầm-Khe, Sơn-Tây).
  - 12.— Phạm-bạch-Hồ xưng Phạm-Phòng-Át giữ Đằng-Châu (huyện Kim-Động, Hưng-Yên).
- Ngô-Xương-Xí và Đỗ-Cảnh-Thạc lập lên sau cùng.

Đinh-Bộ-Linh nghe tiếng Trần-Minh-Công là một vị Sứ-Quân có lòng nhân hậu, dẫn bọn anh em, đến xin làm nha tráo. Minh-Công thấu nập, thấy Linh có khí tượng tinh anh, nhận làm nghĩa-tử (1) cho dự vào việc binh nhung. Linh lập nhiều công trận, Trần-Minh-Công giao cả binh quyền.

Minh-Công mất, Đinh-bộ-Linh dẫn hết quân đội về Hoa-Lư, chiêu mộ thêm nghĩa-sĩ anh-hùng, lập nên căn cứ, làm một vị Sứ-Quân (năm Tân-Hợi, 951, Linh lúc này trên 28 tuổi).

Nam-tấn-Vương Ngô-xương-Văn và anh, Thiên-sách-Vương Ngô-xương-Ngập, đem binh đánh Đinh-bộ-Linh tại Hoa-Lư, không trừ được (951).

Năm Giáp-Dần (954), Thiên-sách-Vương mất.

Năm Ất-Sửu (965), Nam-tấn-Vương đi dẹp giặc ở hai thôn Thái-Bình, bị tên bắn chết. Nhà Ngô dứt kể từ đây.

Thiên hạ lúc bấy giờ trở nên rối loạn.

Đinh-bộ-Linh hàng được Phạm-Phòng-Ất Đằng-Châu, phá tan Đỗ-động, đánh đầu thắng đó, người đều gọi là Vạn-thắng-Vương. Chỉ trong một năm tròn, Vương dẹp yên tất cả các vị Sứ-Quân, lập thành đế nghiệp.

Năm Mậu-Thìn (968), Vạn-thắng-Vương lên ngôi Hoàng-đế, tức Đinh-tiên-Hoàng, đặt quốc hiệu là Đại-cồ-Việt, đóng đô ở Hoa-Lư, xây cung-diện, chế triều nghi, định phẩm hàm quan văn, quan võ.



Trong một nước qua phân, những nhà quân phiệt, mỗi người hùng cứ một phương, tranh nhau làm bá chủ, sinh chúng bị thảm họa điêu linh.

Khi một nước ngoại bang xâm chiếm, thì dễ như trở bàn tay : dụng linh-chúa này sát hại linh-chúa kia ; rồi cuộc trừ yên, tiêu diệt cả ; đem ách nô-lệ máng vào cổ nhân-dân ; Nước nhà bị một phen đô-hộ.

1) Có chỗ nói Bộ-Linh tên là Đinh-Hoàn. Trần-Lãm nhận làm con nuôi, phong cho tước Bộ-Linh, về sau, các sách không đề Đinh-Hoàn, chỉ niên tên Đinh-Bộ-Linh.

May cho nước ta, trong hai mươi mấy năm trời, gặp nạn Sứ-quân 12 linh-chúa, vua Hậu Ngô yếu hèn, mà không bị Trung-quốc chiếm xâm, là vì trong lúc ấy, bên Tàu : một là đời Ngũ-Quí phân tranh không ổn định, hai là nhà Tống mới lên, trên còn lo trừ Khiết-Đan quấy nhiễu, dưới còn lo dẹp Nam-Hán cho xong, nên không rảnh đi lấy lại Trấn-Nam ngoài biên giới.

Kịp cho người anh hùng áo vải lúc nhỏ là một trẻ coi trâu ngoài đồng từ Động Hoa-Lư đánh đầu thắng đó, người tôn trọng là Vạn-thắng-Vương, thống nhất sơn hà, giữ yên nền độc lập, truyền lại các đời sau.

Đinh-Tiên-Hoàng là một người xuất chúng, một tinh hoa kỳ lạ của đất-nước Việt-Nam.

Người xưa đã có câu đối xưng-tụng Đinh-Tiên-Hoàng :

« Cờ văng tức kim lai, thủy năng mục-dã bố-y, định quốc an bang xưng Vạn-Thắng ;

Địa linh giả nhân kiệt, tối thị Hoa-Lư Động-khâu thanh san bích thủy biệt thiên hùng ».

Ý nghĩa là :

Từ trước cho tới ngày nay, có ai áo vải đồng trâu dựng nước yên dân xưng là Vạn-thắng ;

Đất thiêng sinh người tuấn kiệt, đầu bảng Hoa-Lư cửa động, non xanh nước biếc chiếm cảnh thiên hùng. »

Đinh-Tiên-Hoàng trị vì được 12 năm, mất vào năm Kỷ-Mão (979 T.L.), hưởng dương 56 tuổi.



**LÊ · ĐẠI · HÀNH**



## **Lê-Đại-Hành**

### **(Hoàng-Đề)**

---

Nước ta ở sát nước Tàu, đã từng bị Tàu chiếm trị ngót cả ngàn năm, nên Tàu coi như huyện, châu linh thò, hễ thoát đi, thì toan lấy lại liền.

Lại nữa, Tàu có quan niệm rằng: Trung-Hoa là nước Thiên-tử, các nước châu vi đều phải là chư hầu, thần-phục thượng-bang; Trung-Hoa là trung-tâm văn-hóa, các nước phiên thần cần phải theo chế-độ Trung-Nguyên. Nên mỗi khi nước ta vừa thoát-ly đô-hộ, thì Tàu đem ách nô-lệ máng vào, để mà giáo hóa, lại khai thác tài nguyên...

Nếu nước Nam không có người tuấn-kiệt, không có vị anh-hùng đứng lên chống chọi, thì phải bị trị luôn luôn.

Khi Đinh-Tiên-Hoàng băng-giá, Vệ-Vương-Tuyên nối ngôi mới lên 6 tuổi. Bà Dương Thái-Hậu trông nom. Việc triều chính thì có quan văn thần Đinh-Điền, Nguyễn-Bặc. Về quân sự, thì Lê-Hoàn âm Thập-đạo Tướng-quân.

Lê-Hoàn, người làng Bảo-thái, huyện Thanh-liêm (tỉnh Hà-nam) lúc nhỏ «khôi ngô tuấn tú khác thường». Khi cha mẹ mất, Hoàn làm con nuôi nhà họ Lê ở Ái-Châu (Thanh-Hóa). Lớn lên, giúp Nam-Việt-Vương Đinh-Liên, được Đinh-tiên-Hoàng khen là người trí dũng, cho chỉ-huy 2.000 binh-sĩ, thăng lần lên đến chức Thập-đạo Tướng-quân, Điện-tiền Chỉ-huy-sứ.

Lê-Hoàn đã từng theo Đinh-bộ-Linh dẹp Thập-nhị Sứ-quân, nay nắm cả binh quyền, bà Thái-hậu đem lòng âu yếm. Hoàn tự tiện ra vào cấm cung. Hai đại thần Đinh-Điền, Nguyễn-Bặc thấy Thập-đạo Tướng-quân lộng hành, sắp đặt quân Ái-Châu toan trừ khử loạn thần. Bà Thái-hậu mách cho, Hoàn ra binh giết hết.

Nhà Tống, Trung-Nguyên, thấy nước Nam tự-quân còn nhỏ, đánh thần giết hại lẫn nhau, thừa cơ hội, sai quân sang chiếm: Hầu-nhân-Bảo, Tôn-toàn-Hưng, Trần khâm-Tô... thống lĩnh bộ binh, qua ải Chi-Lăng (Lạng-Son) vào đất Việt. Lưu-Trùng dẫn đạo thủy quân, noi Bạch-Đằng-Giang tiến đánh (Canh Thìn 980).

Lê-Hoàn sai Phạm-cự-Lượng, làm đại tướng quân, đem binh ra ải Chi-Lăng chống cự; tự mình xuất quân thủy-chiến ngăn địch ở sông Bạch-Đằng.

Trước khi đi, Phạm-cự-Lượng, nguyên là bộ tướng của Lê-Hoàn, cùng các tướng, mặc võ-phục, hợp quân-sĩ, kéo vào đại diện, tuyên ngôn: «Giặc đã đến nơi, mà chúa-thượng thì còn nhỏ, ta có lập công to, có ai biết tới, chỉ bằng ta tôn Thập-đạo Tướng-quân lên làm Thiên-tử, rồi sẽ đi dẹp giặc, hay hơn.» Sĩ quân đều tung hô vạn-tuế. Bà Dương-Hậu khoát long cưỡi cho Tân-Quân, Lê-Hoàn xưng đế, tức là Đại-Hành, niên hiệu Thiên-phúc nguyên niên (Canh-Thìn, 980) rồi thân chinh giặc Tống.

Quân Tống lúc đầu đánh hăng, từ mùa đông Canh-Thìn tới hết mùa xuân Tân-Tỵ (981), quân Nam thất bại cả lục-quân cùng thủy-chiến, quân sĩ chết hơn ngàn, mất có vài trăm thuyền chiến, cùng nhiều giáp trụ quân nhu. Lê Vương ra lệnh trá hàng, để cho Hầu-nhân-Bảo tiến sâu, phản công bắt giết. Hết mùa Xuân, quân Tàu không hợp thủy thổ, bệnh chết khá nhiều; quân ta đánh lui Trần-khâm-Tô ra khỏi Chi-Lăng, bắt được 2 viên tủy tướng Quách-quân-Biện và Triệu-phụng-Huân. Lưu-Trùng thấy bộ binh tan vỡ, rút thủy quân ra khỏi Bạch-Đằng. Tống vương được số tàu bại trận, của viên chuyền-vận-sứ Hứa-trọng-Tuyên, xuống chiếu cho kéo tất cả thủy, lục quân về (981). Các tướng đánh thua đều bị xử tử.

Sau cuộc chiến thắng này, nước Nam được yên ổn. Quân thần dâng tôn-hiệu cho Lê-Đại-Hành là: Minh-Kiến ứng-vận, Thần-vũ thắng-bình, Chí-nhân Quảng-hiếu Hoàng-đế (Tân-Tỵ, 981).

Lê-Đại-Hành sợ quân Tống lại sang, thế không chống nổi, sai sứ đem trả 2 viên tủy-tướng Biện, Huân, dâng biểu hàng và xin chuần y lệ cống.

Vua Tống còn bận lo Khiết-Đan khuấy nhiễu, lại thấy chinh phạt bất thành, cũng thuận cho nước Nam thần phục; lấy lễ Thiên-

triều, phong cho An-nam Quốc-vương Lê-Đại-Hành làm Tiết-độ sứ An-nam Đô-hộ phủ (Tân-Ty 981). Đến năm Quý-Ty (993) sách phong Đại-Hành là Giao-chi quận-vương. Rồi đến năm Đinh-Dậu (997), lại gia-phong làm Nam-Bình-Vương. Về sau, Đại-Hành thất lộc rồi, Tống đế lại truy tặng là Nam-Việt Vương (1007), ân huệ chót của Thiên-triều!

Đẹp yên giặc Tống, Lê-Đại-Hành còn hàng-phục quân Chiêm, đánh tan giặc Mường, 49 Hà-Man động (thuộc huyện Thạch-Thành, vùng Thanh-hóa). Thanh thế nước Nam càng lừng.

Vua Lê-Đại-Hành trị vì được 24 năm, thọ 65 tuổi, mất vào năm Ất-Ty (1005).

Nhà tiền Lê làm vua được 3 đời, 29 năm cả thảy.







**LÝ - THƯỜNG - KIẾT**



## Lý-Thường-Kiệt

---

Lý-Thường-Kiệt là một vị danh tướng, một bậc lương thần đời nhà Lý, trải ba triều vua : Thái-Tôn, Thánh-Tôn và Nhân-Tôn (1028 — 1127).

Ông có công đánh quân nhà Tống toan chiếm nước Nam và lấy ba châu Bố-Chính, Địa-Lý, Ma-Linh, (Quảng-Bình, bắc Quảng-Trị) của Chiêm-Thành nhập vào lãnh-thổ nước Nam, khởi đầu cuộc Nam tiến của dân ta.

Sinh năm Thuận-Thiên thứ 10 đời Lý-Thái-Tổ (năm Kỷ-Vị, 1019) tại phường Thái-Hòa, Thăng-Long, mồ côi cha năm 13 tuổi, được người cô đem về nuôi cho học tập, ông thích học võ hơn văn, học binh thư, đồ trận. 20 tuổi, làm Kỵ-mã Hiệu-Úy, 23 tuổi sung vào ban thị vệ, hầu vua. Vua Thái-Tôn thấy người trẻ đẹp, cấp cho tiền, để ông tự yếm làm hoạn quan, sung chức Hoàng-môn chỉ-hậu. Thời kỳ ấy hoạn quan có thế lực nhiều.

Vua Thánh-Tôn lên ngôi (1054), ông được thăng Bồng-hành-quân Hiệu-úy, rồi được cất lên Kiểm-hiệu Thái-Bảo, một chức cao tại triều.

Năm Tân-Sửu (1061), dân Mường Ái-Châu, vùng Thanh-Hóa, nổi loạn, ông làm Kinh-Phông-Sứ vào thanh tra Thanh-Nghệ, (Châu Ái, Châu Hoan). Ông khéo lời phù dụ « năm châu, sáu huyện, ba nguồn, 24 động đều qui phục, được yên ».

Dưới đây Hoàng-Son, Chiêm-Thành thường cho quân sang khuấy nhiễu Châu Hoan, Châu Ái nước Nam.

Lê-Đại-Hành, Lý-Thái-Tổ có lần đi chinh phạt nước Chiêm-Chiêm-Vương triều cống.

Đến đời Lý-Thánh-Tôn, Chiêm-Thành lập bang giao cùng Tống, sang mua ngựa, lụa, dự bị chống Nam.

Tháng 2 năm Kỷ-Dậu (1069) vua Thánh-Tôn hạ chiếu thân chinh Chiêm-Thành. Lý-Thường-Kiệt được chọn làm Đại-Tướng-Quân, tiên-phong Nguyễn-Soái. Ông xin cho em là Thường-Hiến đi theo. Hiến được phong làm Tán-Kỵ Vũ-Uy, theo ông.

Chiến công đầu là trận Tu-Mao gần Phật-Thệ (Vijaya, Chà-Bàn hay Đồ-Bàn, kinh-đô Chiêm), hai anh em Thường-Kiệt đại phá quân Chiêm (tháng 3 Kỷ-Dậu). Tướng Chiêm Bô-bì đà-la tử trận. Vua Chiêm Chế-Củ (Gri Rudravarman III) hay tin, bỏ thành chạy trốn. Lý-Thường-Kiệt đuổi theo. Chế-Củ cùng đường, xin hàng phục (tháng 4 Kỷ-Dậu).

Vua Thánh-Tôn khai hoàn, dẫn Chế-Củ cùng thuộc hạ về Thăng-Long.

Vua Chiêm xin nhượng ba châu, Bô-Chính, Địa-Lý, Ma-Linh để chuộc mình. Thánh-Tôn chấp thuận, tha cho về nước.

Bước Nam tiến người Nam bắt đầu mở rộng biên cương từ triều Lý.

Lý-Thường-Kiệt là người hữu công. Vua Thánh-Tôn phong chức: Phụ-Quốc Thái-Phó, Đạo-Thụ Nam-Bình Tiết-Độ-Sứ, Phụ-Quốc Thượng-Tướng-Quân; tước Thượng-Trụ-Quốc, Khai-Quốc-Công, Thiên-tử Nghĩa-Nam.

Cách ít lâu, được phong Thái-Ủy, Đồng-Trung-Thư môn-hạ Bình-Chương-Sự, giúp vua trông nom quốc chính.

Trên phía Bắc, ranh giới Đại-Việt giáp Trung-Nguyên, lúc bấy giờ có nhiều biên trại (Lĩnh-thổ hay châu) do Linh-Chúa, và Khê-Động, Man-Động (vùng thung-lũng) do Động-Chủ, người Mán, Mường, Nùng, Thổ, quản-trị Mán dân. Linh-Chúa hay Động-Chủ lúc thần-phục nước Nam, khi qui-thuận nước Tàu.

Nhà Tống, sau khi bình-trị Trung-Nguyên, chỉ còn lo: phía trên, hai nước Liêu, Hạ, ngoài Vạn Lý Trường-Thành, phía dưới Giao-Chỉ, Mán dân, chưa thần-phục hẳn.

Năm Mậu-Dần (1038), Nùng Tôn-Phúc hùng cứ Trại Quảng-Nguyên (Cao-Bằng), thần-phục Tống, bị Lý-Thái-Tôn bắt được giết đi. Con, Nùng Trí-Cao quy-thuận Lý triều. Trí-Cao lấy Ung-Châu (thuộc Quảng-Tây = Quảng-An Tây-Lộ), lập nước Đại-Nam (1052),

bị Dịch-Thanh đánh bại. Sau bị Dư-Tĩnh vào Đạc-Ma bắt mẹ và con, Trĩ-Cao chạy vào nước Đại-Lý (thuộc Văn-Nam) rồi chết.

Nhân cơ ấy, Tống Nhân-Tôn (1067—1085) cùng Tề-tướng Vương-An-Thạch muốn thôn tính nước Nam cùng quét sạch các Man-Động, biên trại phía Nam, cho yên về mặt dưới.

Cuộc dự bị đánh Nam của Tống triều thật là dè-dặt kỹ-cang. Những quan trấn-thủ Quế-Châu, kinh-lược-sứ lưỡng Quảng, giáp-giới Nam: Tiêu-Chú, Thầm-Khởi, Lưu-Dị, v.v... thay nhau dự bị. Thọ huấn lệnh, ngân quỹ triều đình, các quan trấn-thủ tuyển mộ dân quân, chiêu dụ Trại-Chú, Man-Kê kết liên về Tống, trưng dụng thương thuyền sửa làm chiến hạm, điều động quân lương, cấm người Tàu buôn bán giao dịch với người Nam, sợ tiết lộ quân tình; rồi dùng Trĩ-Hội, con Nùng Trĩ-Cao, cấp cho binh lính, đánh Lưu-Kỷ, Trại-Chủ Quảng-Nguyên (Nam).

Lý-Thường-Kiệt biết được người Tống muốn lấy nước Nam, chính tu binh-bị chiến-thuyền, tâu cùng Nhân-Tôn ấu chúa, xin đem binh đi đánh chặn đường: «Ngồi im đợi giặc, không bằng đánh trước hay hơn».

Quân Tàu tiến vào nước Nam có hai ngõ: «Đường bộ, Ung-Châu, qua các Trại Quảng-Nguyên, Môn-Châu, Quang-Lang, Tô-Mậu... thuộc Nam; Đường thủy, xuất phát từ Khâm-Châu, Liêm-Châu, ra biển rồi vào nội địa nước Nam.

Thường-Kiệt đem binh đánh ba châu ấy.

Xuất chinh nhằm tháng 9 năm Ất-Mão (1075), Lý-Thường-Kiệt cho nhiều toán quân giúp các Trại-Chủ Quảng-Nguyên, Quang-Lang, Tô-Mậu... để lấy các Trại Vĩnh-Bình, Thái-Bình, Thiên-Long, Vạn-Cổ v.v... thuộc Tống, rồi đánh thẳng Ung-Châu. Cùng một lúc, Kiệt điều khiển thủy lục quân, phân làm hai đạo, một đánh Khâm, một đánh Liêm, hai thành hải khẩu.

Nếu quân Tống sợ mất Ung-Châu là nơi chính yếu, dồn tại đó nhiều quân, thì các trại quanh vùng, cùng Khâm, Liêm, thiếu sức; còn cứu Khâm, Liêm hay các trại, thì thành Ung quân ít khó nổi trở đương.

Bị đánh bất ngờ, Khâm-Châu mất trước (ngày 20, tháng 11, Ất-Mão); ba ngày sau, Liêm-Châu thất thủ (23, tháng 11).

Trong lúc đại binh Thường-Kiệt đánh phá Khâm, Liêm, thì Tôn-Đản, Lưu-Ký trại Quảng-Nguyên (Nam) đánh trại Vinh-Bình (Tống), rồi tiến thẳng Ung-Châu, bắt đầu vây hãm (ngày 10 tháng Chạp Ất-Mão).

Chiếm được Khâm, Liêm và phá tan thành bình địa, cốt yếu là không để quân Tàu sử dụng đặng đánh nước Nam, đạo binh Liêm thì chiếu Châu Bạch, Châu Dung của Tống, đạo binh Khâm do Thường-Kiệt hướng dẫn thẳng đến Ung-Châu tiếp vây cùng Tôn-Đản (sau ngày 10 tháng Chạp).

Thành Ung rất chắc, Qnan giữ thành là Tô-Hàm cố-kiên phòng thủ. Trên 40 ngày, quân ta không vào được. Sau rốt, Thường-Kiệt dạy chặt hàng vạn bao đất ngang mặt thành, quân ta trèo lên công phá. Tô-Hàm xua quân chống cự; đến khi kiệt sức, quân tàn, Hàm bắt 36 người nhà tự tử, rồi tự đốt mình chết theo (ngày 23 tháng Giêng Bính-Thìn, 1076). Quân Lý bắt không đặng Tô-Hàm, giận sát quân Ung, cùng tất cả thường dân, quan lại đã góp công kháng chiến.

Thường-Kiệt dạy phá thành Ung, lấy đá lấp sông để ngăn ngừa quân cứu viện.

Hạ được thành Ung, Lý-Thường-Kiệt đem binh trở về, lo phòng bị Thăng-Long, sợ Tống quân kéo đánh (tháng 2, Bính-Thìn).

Muốn giữ vững Thăng-Long, Thường-Kiệt sai đắp đê nam ngăn sông Cầu, từ Phú-Lương đến Vạn-Kiếp = Vạn-Xuân. Đê đắp cao như bức tường thành, trên đóng tre dày làm giậu. Thuyền chiến đậu dưới chân đê. Bộ binh ngăn ải Quyết-Lý, phía bắc trại Quang-Lang, và Giáp-Khẩu (ải Chi-Lăng), phía nam trại ấy, còn đại binh đóng dọc theo bức tường thành, ngăn giữ.

Thành Ung mất, triều đình Tống lo việc phục thù. Cuộc viễn chinh tính toán, sắp đặt, rất là chu đáo, từ kế hoạch cho đến quân, lương.

Tống Thần-Tôn cử Quách-Trì làm Nguyên-Soái Tuyên-Huy Nam-Viện-Sứ, Triệu-Tiết làm An-Nam đạo hành-doanh, đô-tổng-quân tuyên-phủ-sứ kiêm kiểm thảo lương thực, quân nhu, Yên-Đạt làm phó đô-tổng-quân, cầm binh đi đánh nước Nam. Thần-Tôn dặn: Sau khi bình được Giao-Châu sẽ đặt châu huyện như ở nội địa Trung-Nguyên (ngày 28 tháng 2 Bính-Thìn).

Một đạo thủy quân do Dương-Tùng-Tiên làm Chiến-trạo đồ-giám đi đường biển vào Nam, tiếp viện Quách-Quy, và sẽ khuyến dụ Chiêm đánh lên mặt bắc.

Lực quân Tống tiến tới Việt biên, các tù-trưởng Khê-Độn thuộc châu Ung, trước đã theo ta, lần lượt quay về Tống. Nừ-Tôn-Đán, thủ-linh động Lô-Hỏa, Vật-Ác, Vật-Dương, trước đã đánh Ung Châu, nay cũng theo về Tống. Lưu-Kỷ, Chủ trại Quảng-Nguyên, bị Yên-Đại-phao tin đã hàng, mất tín nhiệm, không thể đứng, phải đem gia thuộc ra hàng (đầu tháng Chạp Bính-Thìn).

Quân Quách-Quy tiến tới Quang-Lang, vừa ngang Quyết-Lý, bị tiền quân phò-mã Thân Cảnh-Phúc chặn ngăn. Nhưng quân Tống hùng hồn, phò-mã rút lui, trốn vào rừng Động Giáp. Quân Quách-Quy theo đường tắt, đến bờ sông Phú-Lương (thượng lưu sông Cầu). Một cánh xuống phía nam Giáp-Khâu, Quân Lý bị bọc sau, rút lui vào Động Giáp, về liên lạc với cánh hữu đóng ở Vạn-Xuân (Vạn-Kiếp). Quân Tống tiến tới sông Như-Nguyệt (trung độ sông Cầu) (ngày 21 tháng Chạp Bính-Thìn).

Do Hoàng-Kim-Mãn, tù-trưởng Môn-Châu đã hàng Tống, dẫn đường, Miêu-Lý chỉ huy một đạo quân Tống tiền phong, sang sông Như-Nguyệt, tiến về Thăng-Long. Bị quân Lý phản công kịch liệt, Miêu-Lý phải tháo lui, sang sông trở lại.

Quân Tống đóng dài bắc ngạn con sông, đợi thủy quân Tùng-Tiên đến tiếp... Thủy quân Tống đã bị quân ta đánh bại ở trận Đông-Kinh (Tiên-Yên) trước khi vô cửa Bạch-Đằng!...

Quân ta phòng thủ nam ngạn con sông.

Hai bên chống nhau có 40 ngày.

Quân bắc sang nam bị đồ. Quân nam sang bắc bị hao. Quân Tống đồn cây làm máy bắn đá. Thuyền Nam thủng nát rất nhiều.

Thường-Kiệt muốn giục lòng quân, ban đêm sai người vào đền Trương-Hát, Thần sông Như-Nguyệt, ngâm 4 câu thơ.

« Nam Quốc sơn hà Nam đế cư,  
Tiệt nhiên định phận tại Thiên-Thư.  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?  
Như đẳng hành khan thủ bại hư! »



(Sông núi nước Nam người Việt ở,  
Định phân ranh rẽ tại Thiên-Thor,  
Kẻ nào nghịch ngỗm sang xâm phạm,  
Sẽ thấy rồi đây thảm bại cơ.)

Quân sĩ tướng Thần Linh ứng triệu. Tin ấy đồn ra, quân Tàu rùn chí, quân ta phấn cường.

Sau một lần đuổi giặc tại sông Kháo-Túc (khoảng sông Cầu từ chân núi Nham-Biền đến Vạn-Xuân (Vạn-Kiếp), quân ta hao mất rất nhiều.

Lý-Thường-Kiệt nghĩ tới việc hưu binh, sai sứ giả đến hành-dinh Quách-Quì nghị sự.

Quách-Quì thấy quân sĩ thiếu lương, lại chết nhiều vì sơn lâm, chiến bại, ra lệnh rút quân, đệ biểu-văn vua Lý về triều. Vua Thần-Tôn rất rồi cũng thuận (tháng 2, Đinh Tỵ, 1077).

Kề ra, cuộc chiến tranh Lý, Tống, khởi từ tháng 11 Ất Mão 1075, đến tháng 2 Đinh-Tỵ 1077, kéo dài trong 15 tháng. Vua Tống muốn chiếm nước Nam mà không lấy được, chỉ thuê mấy trại Quảng-Nguyên, Tư-Lang, Tô-Mậu, Môn-Châu và Quang-I ang, miền ven biển rừng núi.

« Ngoài 4 Trại Thái-Bình, Vĩnh-Bình, Cồ-Vạn, Thiên-Long và 4 thành Khâm, Liêm, Ung, Bạch bị tàn phá, Tống còn mất quân lính, phu-pheo rất nhiều. Số người bị chết, trước, sau, không dưới 30 vạn. Vua Tống cho kiểm-điểm binh mã Quách-Quì: lúc đi 49.500 quân, 4.690 ngựa, lúc về còn 23.400 quân, 3.170 ngựa. Phí tổn 5.190.000 lượng vàng ». (Hoàng-Xuân-Hãn viết theo lời quan Ngự-Sứ Giám-Sát Thái-Thừa-Hi tâu cùng vua Tống, ngày 21 tháng 3 Đinh-Tỵ, 1077).

« Sau đó, Thần-Tôn chán nản việc chiến tranh, không muốn động đến nước Nam ta nữa.

Trái lại Lý-Thường-Kiệt dùng võ lực chiếm lại một phần đất mất và đe-dọa Quảng-Nguyên. Cuối cùng, Tống không những phải bỏ cả 5 châu đã chiếm, mà còn trả lại cho ta một phần đất ở phía

tây-bắc Cao-Bằng ngày nay, mà các Từ-trưởng đã đem nạp Tống».  
(1) (Hoàng-Xuân-Hãn).

Sau khi đánh lui quân Tống, khôi phục đất nhà, Thừa-tướng Lý-Thường-Kiệt lo việc sửa sang trong nước: sửa chữa dinh thự, đền đài, tu bổ đê điều, kiêu lộ, cải chính quan liêu, mở khoa thi chọn người văn học để giúp việc châu, quận, triều đình...

Năm Nhâm-Tuất (1082), ông được ban tước Thiên-Tử Nghĩa-Đệ và phụng sắc chỉ đi trấn nhậm Thanh-Hóa, quận Cửu-Chân, hưởng lộc vạn-hộ ở Việt-Thường (Bố-Chánh, Địa-Lý, Ma-Linh) và thuế cả Ái-Châu.

Trong 19 năm ông cai trị Cửu-Chân, Việt-Thường, không gì xao động. Ông cất chùa chiền, sùng tu đạo Phật.

Năm Tân-Ty (1101), trong triều có việc đổi thay, vua Nhân-Tôn vời ông về cầm quyền Tề-Tướng. ông sắp đặt lại việc hành chánh, binh cơ.

Khi ông rời khỏi Thanh-Hóa, vua Chiêm-Thành Chế-ma-na nghe lời Lý-Giác, tướng giặc ở Diên-Châu, đem quân đến phá 3 châu Việt-Thường. Triều-dình cử ông cầm binh đi dẹp (Năm Giáp-Thân 1104).

Dẹp xong giặc, ông trở về triều, vua Nhân-Tôn tặng phong ông: Triều-Quốc Thái-Ủy, Ngự-Sứ Đại-Phu, chư trấn Tiết-Độ-Su.

Ông mất vào tháng 6, năm Ất-Dậu (1105) tại Thăng-Long. Sinh năm Kỷ-Mùi 1019, mất năm Ất-Dậu 1105, ông thọ 37 tuổi, (tính theo người Việt-Nam).

Năm 86 tuổi, ông còn cầm binh đi dẹp giặc Chiêm-Thành, hơn Mã-Viện nhà Hán lúc cầm binh đi đánh nhĩ Trưng. Nước Việt-Nam cũng có anh hùng quốc thước (2). Kề ra, người Việt-Nam, chỉ có

- 1) Trừ hai động Vật-Ác và Vật-Dương do Nùng Tôn-Đán và Nùng Tri-Hội dâng nạp Tống triều, không thấu lại dâng.  
Muốn phục hồi hai châu ấy, vua Lý-Nhân-Tôn 6 lần sai sứ đến Biện-Kinh xin lại, nhưng Tống-triều, theo đề-nghị của quan tuần-kiểm xét sai về cương-vực và áp-bức sứ giả Nam, không giao trả lại. Lúc ấy, Lý-Thường-Kiệt đã đi trấn-thủ vùng Thanh-Hóa, Ái-Châu.
- 2) Người cao tuổi mà còn mạnh mẽ gọn gàng, tinh-anh, lẫm-liệt. Mã-Viện năm 62 tuổi từ cửu Hén Quang-Vô: «Thần còn mặc áo giáp, nhảy ngựa ha» Vua p...: «...liệt, nhảy ngựa, cầm cương, quốc mã, tha sắc hiển-gang...» Quốc-thước tại thời ông Mã-Viện (Chăm hăm thay ông Mã-Viện!) Quốc là ngó qua, ngó lại, thước là mắt có tia sáng như nẩy lửa).

ông Lý-Thường-Kiệt đem binh đi đánh bại người Tàu trên linh-thờ Trung-Hoa. Còn các vị anh hùng khác chỉ đuổi người Tàu ra khỏi nước Việt-Nam thôi.

Công nghiệp ông rất dày, người đương thời có khắc nhiều bia để lưu hậu thế. Sách Hoàng-Xuân-Hãn có trích dịch một đoạn văn bia đời Lý, dựng ở tháp « Sùng-thiện diên-linh » :

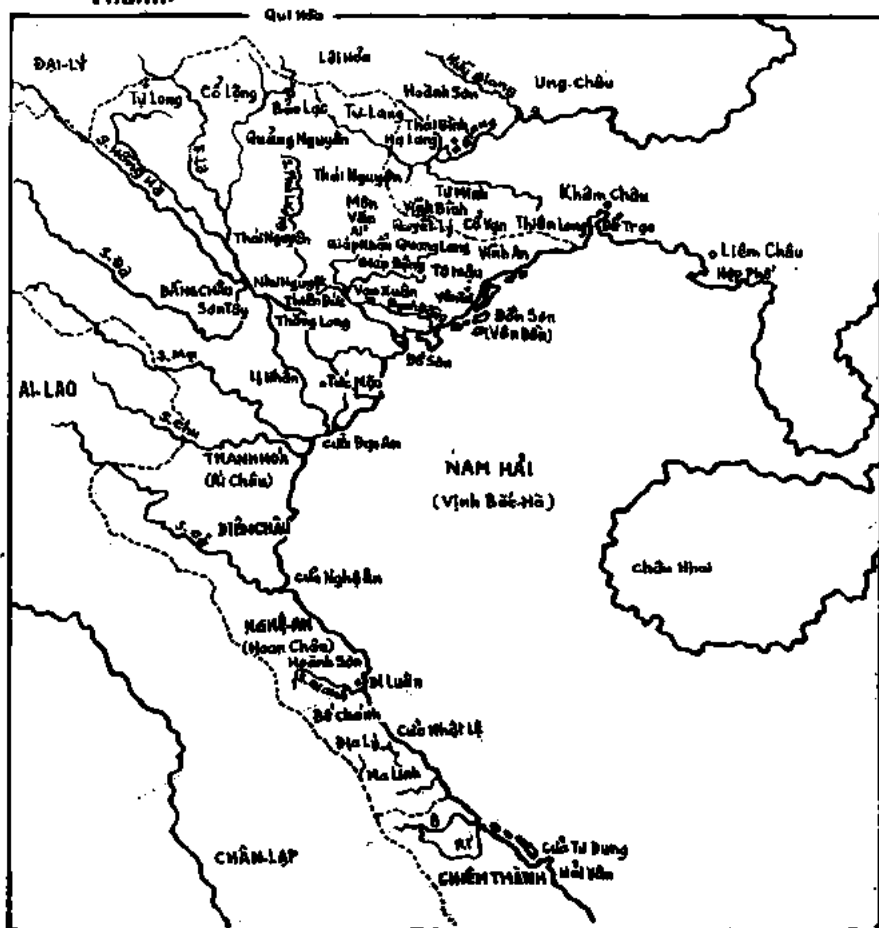
...*« Trên ngôi yên lặng, quanh nước vắng-về.  
Thình lình biến lại làm xăng, đến nỗi bắc-thuyền có biển.  
Dồn-dập ruồi quân cự-dịch, âm âm sấm động ra uy.  
Thành Ung Châu ức nghìn quân giặc,  
Tan tành như trận gió cuốn mây.  
Sông Như-Nguyệt, trăm vạn binh thù,  
Vỡ-lở như mặt trời đốt giá.  
Tuy ngoài trận, tướng quân ra sức,  
Nhưng trong cung, hoàng-thượng bày mưu.  
Từ đó về sau, ngôi cả thành thoi, nhân dân phú thọ.  
Gió nhân thời hóa dân ngu, mưa huệ thấm nhuần cõi lạ.  
Vua Chiêm Sạ-Chế bỏ cung-thất xin tới làm dân ;  
Chúa nước La-Vu lìa sơn-hà sang qui chịu phục.  
Chúng đều dốc chí kính tôn, nghiêng lòng theo dõi »...*

Đoạn văn bia này tán-tụng vũ-công đời Lý-Nhân-Tôn nhưng quy hẳn về ông Lý-Thường-Kiệt.



#### IV. Bản đồ nước Nam đời Nhà Lý.

Đại Tướng Lý-Thường-Kiệt triệt hạ Liêm Châu, Khâm Châu và Ung Châu của nước Tàu dưới đời nhà Tống, và đánh lấy 3 châu Bố-Chánh, Địa-Lý, Ma-Linh của nước Chiêm-Thành.



Biên-trại Tống thuộc Ung Châu : HOÀNH-SƠN, THÁI-BÌNH, VĨNH-BÌNH,

CỒ-VĂN, THIÊN-LONG.

“ “ “ Khâm Châu : NHƯ-TÍCH, ĐÊ-TRAO

Biên-trại Việt (thuộc Nam) : QUẢNG-NGUYÊN, TƯ-LANG, MÔN,  
QUANG-LANG, TÔ-MẬU, VĨNH-AN.

Địa-diểm quan hệ : Giáp-Động, Đồn Sơn (Văn-Đồn) — Fur-Minh, Giáp-Khẩu,  
Sông Phú-Lương, Như-Nguyệt v.v... địa-diểm chiến-trường hay đường-trải-binh.  
Ba châu Bố-Chánh, Địa-Lý, Ma-Linh phía dưới dãy Hoàng-Sơn — Tiếp theo  
là châu Ô, châu Rí phía trên đèo Hải-Vân.



# HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG

(TRẦN-QUỐC-TUẦN)



## Hưng-Đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn

---

Giữa thế kỷ thứ 13 T.L., quân Mông-Cồ đánh Văn-Nam, tràn sang đất Việt. Vua Nguyên Thế-Tổ lại hai lượt cho quân cùng Thái-tử sang chiếm nước Nam. Số quân Nguyên trước sau có trên trăm vạn.

Người điều khiển quân Nam chống lại quân Tàu và đánh lui về đất Bắc là Trần-Quốc-Tuấn, Hưng-Đạo Đại-Vương.

Sanh năm Nhâm-Thìn (1231), Hưng-Đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn là con An-Sinh-Vương Trần-Liêu anh vua Trần-Thái-Tôn, lúc nhỏ được cha cho mời kẻ sĩ khắp nơi có tài-ba về dạy, nên khi lớn lên tài kiếm văn võ, đức hạnh hoàn toàn.

Thái-Sư Trần-Thủ-Độ sớm biết người tài nên tiến cử cùng vua Thái-Tôn cho làm chánh tướng đề dẹp binh Nguyên, cùng một lúc lại đề cử Trần-Khánh-Dur (Nhân-Huệ-Vương) làm phó tướng.

Ba lần quân Mông-Cồ sang đánh nước Nam, Hưng-Đạo-Vương hai lần làm tiết-chế thống lãnh binh quyền, Trần-Khánh-Dur phụ tá.

Người Mông-Cồ ở phía Bắc nước Tàu, tánh hung hăng, ưa chiến đấu, quen cỡi ngựa không cương, bắn tên xa rất giỏi. Quân lính đều giữ luật nghiêm rắn, đạo binh nào cũng là thiện chiến.

(Tần-Thị-Hoàng vì sợ quân Mông nên xây Vạn-Lý Trường-thành án ngữ, 214 tr. T.L.)

Thành-Cát-Tur-Hãn (Gengiskhan) hay là Thiết-Mộc-Chân, miếu hiệu Nguyên Thái-Tổ, đã gieo rắc sự hãi hùng khắp cả Đông-Âu. Vương thường nói: « Chỗ nào có vó ngựa ta qua, thì cỏ không mọc lại ». Người đều sợ quân Mông như là dịch hạch. Trọn vùng Trung-Á, Tây-Hạ, Ba-Tur đều bị quân Mông giày xéo.

Hốt-Tát-Liệt (Koubilai) dẹp yên nhà Tống, xưng thế hiệu là Nguyên, lập mình Nguyên Thế-Tổ.



Năm Đinh-Ty (1257) tướng Nguyên Ngột-lương-hợp-thai (Wouleangotai) sai sứ sang báo vua Trần thân phục vua Nguyên.

Trần-Thái-Tôn bắt giam Nguyên sứ.

Ngột-lương-hợp-thai từ Văn-Nam kéo binh sang đánh.

Trần-Quốc-Tuân không ngăn nổi quân Nguyên. Vua Thái-Tôn thân chinh cũng bại.

Quân Mông-Cồ vào thành Thăng-Long, thấy sứ Nguyên bị giam còn trời. Ngột-lương-hợp-thai cả giận, cho quân đi cướp phá khắp cùng.

Vua Thái-Tôn rời bỏ Kinh-đô, về đóng quân ở sông Thiên-Mạc (Hưng-Yên). Muốn cho bá tánh được yên, vua tính chuyện xin hàng.

Trần-Thủ-Độ tâu vua: « Đầu của thần chưa rơi xuống đất, thì xin bệ-hạ đừng lo ».

Được ít lâu, quân Nguyên không quen thủy thổ, bị bệnh rất nhiều.

Vua Thái-Tôn tiến quân đánh lại. Quân Mông-Cồ thua tại Đông-bộ-đầu (phía đông sông Nhị), hao tổn rất nhiều, rút luôn về Văn-Nam Trung-Quốc.

Quân Mông-Cồ xâm lược lần đầu, Hưng-Đạo-Vương chưa tỏ ra xuất sắc.



Tướng Ngột-lương-hợp-thai thua về, càng làm cho vua Nguyên Thế-Tò muốn thu phục nước Nam.

Cứ vài năm Nguyên Chúa lại cho sứ sang Nam, sách nhiễu ta điều này điều nọ. Trước thì đòi vua Nam cứ ba năm phải sang cống lễ. Lễ cống phải chọn nho sĩ, thầy thuốc, thầy bói, toán số, thợ thuyền... mỗi hạng 3 người, cùng đồ châu báu, phẩm vật, thổ sản nước Nam.

Sau lại nhất quyết đòi vua Nam phải thân đến châu, phải cho con hay em sang ở làm tin, biên sổ dân đem nạp, chịu việc sung quân, nộp thuế má, đề quan Nguyên làm quan Giám-trị, v.v...

Vua Trần-Thái-Tôn, Thánh-Tôn, Nhân-Tôn nối tiếp đều thoát không chịu sang châu ; vẫn lo tu-tập binh-mã, đề đề phòng chiến tranh.

Năm Nhâm-Ngọ (1282), bị sách nhiễu quá chừng, vua Nhân-Tôn sai Trần-Di-Ái, chú họ của vua, thay mặt sang châu. Nguyên

Thế-Tò không ưng, lập Ty Tuyên-Phủ đặt quan liêu-thuộc sang giám trị các châu huyện nước Nam. Vua Nhân-Tôn không nhận, đuổi về.

Vua Nguyên tức giận phong Di-Ái làm An-Nam quốc-vương, sai Sài-Thung đưa về Nam, trị nước. Đến ải Nam-Quan, Sài-Thung bị bắn mù một mắt, chạy thoát về Tàu. Bọn Di-Ái bị bắt, phải tội đồ làm lính biên phương.

Nguyên Thế-Tò thấy Sài-Thung bị thương về phủ phục, giận lắm, phong Thái-tử Thoát-Hoan làm Trấn-Nam-Vương rồi truyền lệnh cùng Toa-Đô, Ô-Mã-Nhi đem 50 vạn binh hùng, giả mượn đường nước Nam sang đánh Chiêm-Thành, chiếm nước Nam đặt làm phiên trấn.

Quan Trấn-thủ Lạng-Son báo tin về triều. Vua Nhân-Tôn thăm kín mở hội nghị tại bến Bình-Tham (chỗ sông Đuống giáp sông Thái-binh). Các vương hầu cùng quan văn võ bàn kế chống ngăn.

Trần-Quốc-Tuấn, Trần-Khánh-Dư xin cho giữ các nơi hiểm yếu, không cho giặc mượn đường. Vua Nhân-Tôn phong Hưng-Đạo-Vương làm Tiết-Chế thống lãnh toàn quân, chống binh Nguyên, giữ nước.

Tháng tám năm Giáp-Thân (1284), Hưng-Đạo-Vương truyền hịch cho các vương hầu tướng sĩ hội quân, tại bến Đông-Bộ-Đầu, đề duyệt qua diêm chuyết. Quân thủy bộ cả thấy được 20 vạn người. Vương truyền nói : «Ta phụng mạng cầm quân phá giặc, các tướng sĩ vương hầu phải nghiêm mình phép tắc, không được nhiễu dân, một lòng đánh giặc ; chớ thấy thua ngã lòng, không thấy được tự kiêu, việc quân có luật, phép nước không thân, mọi người đều phải giữ ».

Rồi phân binh, truyền cho đi mọi nơi đóng giữ.

Cách không lâu, vua được tin quân Nguyên, hội tại Hồ-Quảng sắp kéo đến Lạng-Son. Vua sợ địch không nổi, sai sứ sang Tàu cầu việc hoãn binh, đề thương nghị lại.

Vua Nguyên không khứng, truyền Thái-tử cử việc tiến binh.

Vua Nhân-Tôn lập tức vời các vị bề-lão hội tại điện Diên-Hồng đề bàn xem nên hòa, hay chiến. Các bề-lão đồng thanh xin vua ra lệnh chiến.

Trước, Toa-Đô dẫn 10 vạn quân Nguyên, đi đường biển, giả đánh Chiêm-Thành, rồi từ Thanh-Hóa đánh ra đụng hiệp với binh Thái-tử.

Thoát-Hoan dẫn 40 vạn binh đi ngả Lạng-Sơn, qua núi Kỳ-Cáp, đánh quân Nam tơi bời tại ải Chi-Lăng.

Hưng-Đạo-Vương phải tháo lui về Vạn-Kiếp.

Vua Nhân-Tôn ngự thuyền đến thăm, tiện hỏi : « Thế giặc quá to, chống lâu tất hại, hay là trăm tậm hàng đi, đề nhân dân được điều cứu vãn ».

Hưng-Đạo-Vương tâu rằng : « Lời Bệ-hạ thật là nhân đức, nhưng Tôn-miếu, Xã-tắc thì sao ? Nếu Bệ-hạ muốn hàng, thì xin chém đầu tôi đi đã, rồi sẽ hàng sau ».

Vua nghe lời nghĩa khí, trong dạ mới yên.

Hưng-Đạo-Vương hội quân về Vạn-Kiếp, ra tờ hịch trao quyền Binh-thor đề học theo mà lược chiến.

Trong tờ hịch, Vương nêu ra các gương trung thần liệt sĩ đã xả thân cứu quốc phò vua, danh thơm còn để lại. Khuyên các hàng vương tôn tướng sĩ không nên đề dạ thờ-ơ, vui điều nhảm nhí. Chừng xã-tắc nguy vong, nước nhà tan vỡ, chịu ách cường quyền, thì thân mình chẳngặng toan an, nói chi đến gia-dình tổ nghiệp, đề họa lại đời sau cháu con đồng gánh chịu.

Vậy phải tráng chí hùng tâm, chung lưng đấu cật, đánh đuổi quân thù, đề nước nhàặng vinh quang rạng rỡ.

Nghề lời hịch xong rồi, ba quân đều băng hái, xắm hai chữ « Sát Đát » nơi tay, quyết một lòng diệt địch.

Thoát-Hoan chiếm các ải Lạng-Sơn xong rồi, kéo binh-xung Vạn-Kiếp. Quân ta địch không nổi, chạy bỏ cả chiến thuyền.

Thoát-Hoan lấy Thăng-Long.

Hưng-Đạo-Vương đem vua về Thanh-Hóa, đề Trần-Bình-Trọng lại giữ Thiên-Trường :

*« Tam quân truyền lệnh thâu binh mã,  
Giao chiến chi thời tất tồn vong. » (1)*

1. Câu ở Binh-thor yêu-lược.

Bình-Trọng thấy quân Nguyên đến bãi Đà-mặc (địa phận Hưng-Yên), đem binh ra đánh, bị khờn vây, bị bắt sống, đem nạp Thoát-Hoan. Thoát-Hoan dụ hàng. Bình-Trọng quát to: « Ta thà làm vua nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc. » Dụ không hàng, tướng Nguyên truyền lệnh chém.

Mặt dưới, Toa-Đô giả đánh Chiêm không động, cùng Ô-Mã-Nhi được Thoát-Hoan sai tiếp, qua vùng Ô, Ri, sấn tới Nghệ An, rồi vượt bể, vào cửa Hưng-Yên để hiệp cùng Thoát-Hoan phía Bắc.

Hưng-Đạo-Vương sai Trần-Nhật-Duyệt án binh cửa sông Hàm-Tử (Hưng-Yên) chực đánh.

Chiêu-Văn-Vương Nhật-Duyệt, cùng Quốc-Toàn, Nguyễn-Khoái phá tan đạo chiến thuyền của Toa-Đô ở sông Hàm-Tử, bắt được một số quân Nguyên rất nhiều.

Thừa cơ thắng ấy, quân thế đã lên, Hưng-Đạo-Vương sai Quang-Khải, Quốc-Toàn, cùng Phạm-Ngũ-Lão đi đánh lấy lại Thăng-Long:

*« Tam quân cấp tiến từng phong lệnh,  
Ciao chiến chỉ thời đại hữu công. » (1)*

Thượng tướng Trần-Quang-Khải cùng Quốc-Toàn (2), Ngũ-Lão (3), hai tướng trẻ trung, đi thuyền ra bể, vào bến Chương-

1. Câu ở Bình-thơ yêu-lược.

2. Khi hội ở Bình-Tham, Trần-Quốc-Toàn mới 15 tuổi, không được hội ý kiến. Tan hội về, các Vương Hầu sầm sửa binh thuyền khi giới đề ngăn giặc. Quốc-Toàn cũng sầm theo, may một lá cờ đề sáu chữ « Phá cường địch, báo hoàng ân » rồi đem quân đi đánh. Đánh chỗ nào, quân giặc cũng thua.

3. Phạm-Ngũ-Lão lúc hàn vi ngồi đan dất vừa nghĩ đến việc quốc gia, bị dao đâm đùi không đổi sắc. Hưng-Đạo-Vương biết người tài, trình tâu với vua và gả con nuôi, Nguyễn-Quận-Chúa. Ngũ-Lão theo Hưng-Đạo-Vương lập được nhiều công trận, sau được phong tới chức Điện-tiến Thượng-Tướng-Quân. Ông giỏi võ lại hay văn, cũng tướng sĩ đồng lao cộng tác. Quân sĩ đều mến đức phục tài. Ông thường ngâm bài tự trấn khuyến dụ:

Thích nôm:

*Hoành sáo giang sơn cấp kỳ thu,  
Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu.  
Nam nhi vị liễu công danh trái,  
Tu thính nhân gian thuyết Võ-Hầu.*

*(Dáo mác xông pha đã mấy mùa,  
Ba quân hùng hổ óng sao Ngưu.  
Lâm trai chẳng trể xong danh nợ,  
Thên lúc nghe qua truyện Võ-Hầu.)*

Dương, phá tan thuyền quân địch đang neo tại đấy, thâu một số khí giới quân nhu cùng lương thực. Rồi lên bộ, đánh Thăng-Long.

Thoát-Hoan thua bỏ chạy.

Quang-Khải vào thành, mở tiệc khao quân, ngăm bài chiến thắng :

*Đoạt sáo Chương-Dương độ,  
Cầm Hồ Hàm-Tử quan.  
Thái-bình nghi nỗ lực;  
Vạn cổ thử Giang-san. (1)*

Trông ngọn gió phát cờ ra binh, Hưng-Đạo-Vương sai Nhật-Duyệt, Quang-Khải đem quân chặn các nẻo đường, ngăn Toa-Đô cùng Thoát-Hoan liên lạc. Rồi tự mình dẫn binh đánh Toa-Đô tại vùng Tây-Kết (Hưng-Yên).

Toa-Đô trúng tiễn, bị cắt đầu. Ô-Mã-Nhi trốn về Trung Nguyên theo đường biển (Tháng 5 năm Ất-Dậu 1285).

Hưng-Đạo-Vương quay đánh Thoát-Hoan, sai Nguyễn-Khoái, Phạm-Ngũ-Lão phục binh ở bờ sông Vạn-Kiếp ; Hưng-Võ-Vương, Hưng-Hiếu-Vương đóng ở Tư-Minh, chặn đường về Trung-Quốc.

Quân Thoát-Hoan nghe Toa-Đô tử trận, Ô-Mã-Nhi trốn về, tinh thần đã xuống, lại bị bệnh rất nhiều, nên không vững chí. Đại binh Hưng-Đạo-Vương kéo đến phủ vây ba mặt đánh đều. Thoát-Hoan cùng chư tướng rút lui quân theo đường Vạn-Kiếp. Quân Nguyễn-Khoái xông ra dùng tên bắn vãi dũ. Lý-Hằng, tướng Nguyên đi trước mở đường, không may thọ tiễn. Thoát-Hoan chui vào một ống đồng cho khỏi bị tên, được Phàn-Tiếp, A-Bát-Xích, Lý-Quán bảo vệ, xe đi. Đến Tư-Minh, Lý-Quán đi sau, cũng thọ tiễn. Thoát-Hoan, A-Bát-Xích, Phàn-Tiếp chạy thoát về Tàu, (Tháng 6, năm Ất-Dậu 1285).

#### 1. Đại-y bài thơ :

*« Chương-Dương cướp giặc báo thù;  
Cửa sông Hàm-Tử bắt tù quân Nguyên.  
Nước nhà phải rân-lo yên,  
Muôn năm vững đợi lưu truyền về sự ».*

Thật là :

*Trời gieo khí giới xuống phương Nam,  
Ách nước can qua phải chịu cam.  
Tướng sĩ vương tôn cùng quyết chiến,  
Phá tan giặc dữ, rõ phi phạm. (1).*

Trong sáu tháng, từ tháng Chạp Giáp-Thân (1284), đến tháng sáu Ất-Dậu, (1285), Hưng-Đạo-Vương đánh tan 50 vạn binh Tàu, quân Mông-Cổ hùng hậu nhà Nguyên.

Thật là một vị tướng lãnh tài ba thao lược nhất trong lịch sử nước Nam.

Thoát-Hoan thua về, vua Nguyên đòi chém, đình thần can làm mới thôi.

Nguyên Thế-Tổ sắp sửa cất quân sang đánh Nhật, đình chỉ việc này, để lấy số quân, cho đóng thêm thuyền chiến, lại hịch cho ba tỉnh Giang-Hoài, Hồ-Quảng, Giang-Tây tụ-tập binh-sĩ, đến mùa xuân năm sau, (tháng hai năm Ất Hợi 1287), cho Thoát-Hoan làm Đại-Nguyên-Soái, A-Bát-Xích, Áo-Lỗ-Xích, Ô-Mã-Nhi, Phần-Tiếp v.v... đem 30 vạn binh hùng sang đánh nước Nam, giả đưa Trần-Ích-Tắc về nước lập làm An-Nam quốc vương. (Trần-Ích-Tắc cùng ít vị hoàng thân nhà Trần đã đầu Thoát-Hoan khi thành Thăng-Long bị chiếm, sau theo được Thoát-Hoan về Tàu).

Lần này quân Thoát-Hoan cũng hùng dũng kéo qua, rập mấy ải phía trên, lấy những đồn Sa, Từ, Trúc đóng địa phận Tư Minh, đánh bại quân ta ở vùng Phả-Lại, Chi-Linh, Vạn-Kiếp, vây đánh Thăng-Long, nhưng không vào được, phải tạm lui binh, đóng vùng Vạn-Kiếp, chờ đợi thêm lương.

Vua Nhân-Tôn dời về Thanh-Hóa.

Ô-Mã-Nhi đuổi theo không kịp, phá Chiêu-Lãng, mộ tồ nhà Trần.

Quân Nguyên lần bị cạn lương. Ô-Mã-Nhi ra cửa Vân-Đồn đón thuyền lương cấp cho quân sĩ do Trương-văn-Hồ theo đường biển tải qua.

Trần-Khánh-Dư biết được, chặn Trương-văn-Hồ, đoạt hết số lương, 17 vạn thạch, cùng cả khí-giới, lương thuyền.

(1) Vịnh theo bài « Giảng Binh-Khi Thiên » ở Bình thơ yêu lược.

Trương-văn-Hồ sang thuyền nhỏ trốn về Quỳnh-Châu. Ô-Mã-Nhi về Vạn-Kiếp. Quân thiếu lương-thực xôn xao.

Bảy giờ hết xuân, sang hạ, khí trời oi-ả, Thoát-Hoan liệu khó ở lâu, định rút quân về, sai Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp dẫn đạo thủy quân theo sông Bạch-Đằng ra biển, Trịnh-Bằng-Phi, Trương-Quân dẫn bộ binh dài theo sông hộ tống. Còn đại-binh sẽ rút về, theo ngã Lạng-Son.

Hưng-Đạo-Vương rõ được, thỉnh ý vua, rồi sai Nguyễn-Khoái lên phía thượng lưu sông Đằng, lấy gỗ nhọn bịt sắt đóng khắp lòng sông, đợi thủy triều lên đem binh khiêu chiến, dụ thuyền giặc qua chỗ đóng chông, khi nước hạ, phản công ráo riết.

Lại sai Phạm-Ngũ-Lão mai phục Nội-Bàng, phía Lạng-Son, chờ quân Nguyễn đi qua chặn đánh. Núi Kỳ-Cấp, ải Nữ-Nhi cũng cho quân phục sẵn.

Hưng-Đạo-Vương điều khiển đạo quân đi tập-công cùng Nguyễn-Khoái, đến Hóa-Giang, trở ngọn sông thề rằng: «Trận này không phá được quân Nguyễn, không về sông này nữa». Quân sĩ đều nỗ lực tấn công.

Đạo chiến-thuyền Ô-Mã-Nhi theo dòng sông Bạch...

Thuyền Nguyễn-Khoái xông ra. Mã-Nhi tức giận, xua quân đánh liền. Triều ngập dâng lên, thuyền Nam qua khỏi cọc, thuyền Ô-Mã ráo riết đuổi theo. Nước vừa dịu giết, quân Nguyễn-Khoái phản công. Thuyền Vương-sur chột đến, tiếng quân reo Sát-Đát vang lừng. Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp thấy thế quân to, quay thuyền trở lại. Nước đã rút sâu. Thuyền quân Nguyễn vướng cọc đồ ngửa bành nghiêng, thủy quân Tàu bị quân ta sát hại, máu loang đỏ cả khúc sông Bạch-Đằng. Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp cùng nhiều tướng sĩ Nguyễn bị quân ta bắt hết, với trên 400 chiến thuyền.

Trận Bạch-Đằng đánh vào tháng ba năm Mậu-Tý (1288).

Thoát-Hoan hay tin thủy quân đã vỡ, cùng tướng sĩ Trịnh-Bằng-Phi, A-Bát-Xích, Áo-Lỗ-Xích, Trương-Quân, Trương-Ngọc dẫn đại-binh về, theo ngã Lạng-Son, đến ải Nội-Bàng, bị phục-binh Phạm-Ngũ-Lão tuồn ra chặn đánh. Quân Nguyễn vừa chiến vừa lui, qua khỏi ải, hao mất rất nhiều. Trương-Quân đi đoạn hậu bị tử thương.

Qua đ. Nữ-Nhi, núi Kỳ-Cáp quân Tàu bị phục binh bắn ra dữ dội, quân sĩ trúng tên thây nằm từng đống, A-Bát-Xích, Trương-Ngọc tử thương.

Trịnh-Bàng-Phi gìn Thoát-Hoan qua khỏi đ. Áo-Lỗ-Xích đi sau gom góp binh tàn về Yên-Kinh cùng Nguyên Thái-tử.

Đánh trận này, Hùng-Đạo-Vương quét sạch 30 vạn quân Tàu toàn chiếm nước Nam.

Khi xa giá Thượng-hoàng cùng Nhân-Tôn trở về Kinh-diện, ngang đến Chiêu-Lãng làm lễ hiến phù, Thượng-hoàng Thánh-Tôn đề câu thơ kỷ niệm :

*Xã-Tắc lương hồi lao thạch mã,  
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.  
(Xã-Tắc hai phen bon ngựa đá,  
Non sông ngàn thuở vững âu vàng)*

Về đến Thăng-Long mở tiệc ăn mừng, Thanh-bình niên yến (năm Mậu-Tý 1288).

Nhận thấy nhân dân điêu đứng vì họa chiến tranh tháng 10 năm ấy, vua sai sứ dâng lễ cống cầu hòa, trả tù binh lại. Nguyên Thế-Tổ thấy quân thua mấy lần, cũng thuận cho hòa hiếu.

Trần-Quốc-Tuấn, Hùng-Đạo-Vương có công binh được quân Mông-Cổ được phong làm Thái-Sư Thượng-Phụ Thượng-Quốc-Công Bình-Bác Đại-Nguyên-Soái Hùng-Đạo-Vương.

Ngài hết lòng phò vua vực nước, giữ phận làm tôi không một điều gì sơ hở. Lúc cầm trọn binh quyền đánh quân Mông-Cổ, mỗi việc xuất quân, Ngài đều thỉnh ý vua trước khi ra lệnh. Vua cho ngài được quyền phong tước rồi mới tâu sau, nhưng ngài không lạm dụng, chỉ có phong chức Giả-Lang-Quân cho những người cho vay tiền hay lương thực để dùng cho binh lính.

Ngài làm quan đến đời vua Anh-Tôn thì xin về trí sĩ ở Vạn-Kiếp, lập tư-dinh, và tị-trần nơi ấy, vào năm Canh-Tý (1300), tháng 8, ngày 20.

Khi ngài sắp mất, vua Anh-Tôn ngự giá đến thăm, có hỏi Ngài : «Thượng-Phụ một mai khuất núi, phụng có quân Bắc lại sang, thì làm thế nào ? »



Đạo-Vương tâu, đại đế: « Nước ta thời nào cũng có quân Tàu sang đánh, mong thôn-tính nước Nam. Nhưng ta lấy nhược thắng cường là nhờ ở chỗ quân dân nhất trí, tướng sĩ đồng tâm, biết liệu xem, quyền biến, ví như cuộc đánh cờ, tùy cơ ứng biến, liệu trước thì hay. Quân giặc mà kéo đến ăm ăm như gió như bão, thế ấy có thể chống lại mau. Nếu nó dãn dãn như tầm ăn dẫu, thông thả mà chiếm, thế ấy mới là khó trị. Vậy lúc bình thường, phải khoan sức cho dân, dưỡng nuôi dân khí dân lực, trau dồi dân đức dân tâm, đề sâu nguồn chặt rễ, đó là thuật giữ nước hay hơn. »

Anh-Tôn cho lời rất phải.

Được mấy hôm, thì Ngài tạ thế. Từ vua cho đến quan quân tướng sĩ, bá tánh nhân dân ai cũng thương tiếc Ngài. Nhiều nơi lập đền thờ phụng đề ghi công-deức của Ngài.

Đền Vạn-Kiếp, tỉnh Hải-Dương, nơi Ngài tạ thế, đền Bảo-Lộc, tỉnh Nam-Định, quê hương Ngài, mỗi năm đến ngày 20 tháng 8 âm lịch, có lễ giỗ Ngài, mở hội rất to. Dân làng sở tại cùng các nơi xa, đi trải hội, thật là đông đảo.

Đền Yên-Cư, tỉnh Ninh-Bình, thường năm gom một số lớn những người thập phương đi lễ bái từ các tỉnh Thanh-Hóa, Nam-Định, Ninh-Bình.

Các nhà thi văn, tao nhân, mặc khách, đến lễ giỗ Ngài, hay khi viếng cảnh, đều kỷ niệm văn thơ.

Tả cảnh đền thờ, oai-nghi, đức-tánh của Trần-Hưng-Đạo-Vương, khi nghe tiếng chuông đồ sớm ở đền thờ nơi Hồ Bán-Nguyệt, tỉnh Hưng-Yên, nơi cư ngụ của mình, nhà thi-si trứ danh, lại cũng là « Nhà thơ cổ điển cuối cùng » Phan-Mạnh-Danh có bài thi tập-cổ:

Trần miếu hiểu chung :

Bắc-đầu hoành thiên dạ dục lan,  
Kim lô hương tẩn, lậu canh tàn.  
Tinh di kiếm bội thanh sớ lạc,  
Lộ thấp đồng đà hiểu vị can ;  
Hoạ các xuân phong khai vạn hộ,  
Ngọc giai tiên trượng ủng thiên quan.  
Kính, hồi trần mộng hòa sinh khẩu  
Vị tử gian du cốt dĩ hàn.

Thích nôm : Tiếng chuông sớm ở đền Trần :

Ngang trời Bắc-đầu rạng vầng đông ;  
Tro nguội lò hương, cạn giọt đồng ;  
Kiếm bội tiếng chen, sao đã lặn,  
Đồng-đà sương lạnh, giá còn đông.  
Cát cao mở cửa gió lồng.  
Dàn trên bệ ngọc oai hùng ngàn quân ;  
Giật mình giấc mộng vừa tan,  
Tuy còn sống sót lũ gian hoảng hồn.

Ỡ-VIÊN HOÀNG-CẢNH-TUÂN dịch

(Bài này có ấn hành trong tập Bút-Hoa của cụ Phan-Mạnh-Danh tiên-sinh, có lời chú giải của cụ Văn-Bình Tôn-Thất-Lương ở dưới. Xem được hết và biết được chỗ xuất xứ từng câu mới biết giá trị của bài thơ cổ điển.

Tuy là tập cú, nhưng tả rất tài tình : oai linh, nghi vệ, cảnh tượng trung dinh, khó cho bút mực nào tả hơn nữa được, lại ngầm có ý nghĩa cao sâu, thật là thâm thúy.

Toàn bài dùng những câu hay trích trong văn giai Đường luật. Vì vậy mà cụ Phan-Mạnh-Danh chiếm được giải nhất trong cuộc thi thơ ở Hồ Bán-Nguyệt.

Tiêu-sinh, lúc còn ưa ngâm vịnh, đọc tới câu :

Bắc-đầu hoành thiên dạ dục lan...

ở trong bài Đường thi xuất xứ, của Từ-An-Trinh, thì tâm tình rung động, thì tứ tràn trề, mộng mơ huyền ảo...

-Hay là câu: Kim lô hương tấn, lậu canh tàn...  
thì sinh một niềm hoài cảm bằng khuâng, sâu vơ man mác...  
Nay đọc lại bài Trần, miếu hiệu chung, còn nhiều thăm thía...]

★

Về trận Bạch-Đằng-Giang xin sao lại « Bài Ca Sát-Đất » của Thi Bá Vũ-Hoàng-Chương, đánh tan bài Cờ-diễn, giấc cô-miên lạnh lùng,

### Bài ca Sát Thát

Đoàn người ấy mọc lên trong sa-mạc,  
Cả một rừng gươm trên lưng ngựa trường thành.  
Đoàn quân ấy từ phương Đông xuất phát,  
Lũ con hoang bắt trị của Trời xanh.  
Chỉ nhấp có hơi men sụng-sát,  
Chỉ say sưa bằng những miếng giao tranh.  
Nhắm hướng Phi-Châu,  
Ngựa vọt tới đâu là đời sống tan tành,  
Biền ngập máu còn mang tên Hồng-Hải.  
Cờ phất Âu-Châu,  
Ngựa giẫm tới đâu là xương phơi thịt dãi,  
Biền đeo tang còn Hắc-Hải ghi danh...

Như ngọn cuồng lưu, như cơn bão cát,  
Từ Mông-Cổ Tân-Cương, đến Ba-Tư Bách-Đạt,  
Trở về Hoa-Hạ, Yên-Kinh,  
Lo Thiên-Kiều từng Bắc chiến, Tây chinh,  
Lẽ nào dè một phượng không xéo nát?  
Trời Nam riêng cõi thanh bình,  
Lẽ nào dè chiếc gai vàng Thát-Đất  
Ba chân trời Đại-Lực đứng chênh vênh!

Hay đâu: Bắc-Phương vừa quấy đuôi kinh,  
Rồng thiêng sớm đã cựa mình Nam-phương  
Trần triều hại Thánh-Đế,  
Hưng-Đạo một Đại-Vương.  
Hội mở Diên-Hồng, đất nước vang rền khí thế,  
Hịch truyền Vạn-Kiếp, trời mây sáng rực văn chương.

Ý gọi từ muôn dân, lệnh trao từ chín bệ,  
 Thì năm đầu giặc như chơi, cướp giặc cũng dễ.  
 Đây cửa sông Hàm-Tử, bến dò Chương-Dương!  
 « Nuốt sao Ngưu » chẳng phải việc hoang đường.  
 Nam phương cường! Bắc phương cường!  
 Máu đào loang sóng Phú-Lương mấy lần...

★

Sét nổ trăm hai ngọn ái Tần,  
 Giang Hoài lịm tỉnh lại ra quân.  
 Năm mươi vạn tinh binh ruổi ngựa,  
 Trần xuống Thăng-Long như cả một khu rừng bốc lửa.  
 Những « Cây Sắt » con nòi Thiết-Mộc-Chân.

Giống Hồng-Lạc giữa hai đường sanh tử,  
 Trống lên sợi tóc buộc ngàn cân.  
 Chợt đầu đó, xé rèm mây quá khứ,  
 Xa thăm thăm mấy ngàn năm Việt-Si  
 Roi vẽ tia mắt tiền nhân:  
 Thiêu tàn khoảnh khắc bao do dự  
 Cả đến thép vô danh cũng rực ánh gương thần...

Sát cánh vua cùng dân  
 Chung lòng tướng với quân  
 « Phá cường địch » cờ ai sáu chữ,  
 Báo hoàng ân là báo quốc ân!  
 Trăm họ chẳng ai còn lương lự  
 Sông núi nào riêng một họ Trần!  
 Bình-Than lại nổi phong vân,  
 Một gươm tiết chế hai lần trao tay.

Lời Đại-Vương truyền nói cỏ cây,  
 Ba quân hào khí ngất tầng mây..  
 Vụt nghe tướng lệnh, vươn mình thét:  
 — Sông Bạch-Đằng tôi có mặt đây!

Hán, Hồ cũng đến chôn thân,  
 Trước sau một khúc sông này mà thôi...

Triều non bạc lên ngôi, giờ lịch sử !  
 Và xuống ngôi, theo lệnh Đại-Vương truyền.  
 Nước rút đi, như ngàn vạn mũi tên  
 Lấy Đông-Hải làm bia nhằm bắn tới.  
 Một ám hiệu : Kinh-Nghê vừa mất lưới,  
 Thuyền Vương-Sư liền quật khởi tranh phong.  
 Tay chèo nổi ngược cơn đông,  
 Tiếng hô « Sát-Thất » vang sông ngập bờ.

Duyên-Giang một giải,  
 Lau công phất cờ.  
 Mùa xuân gần cuối,  
 Vãn sóng bay hoa.

Ngang trời động sấm tháng ba,  
 Dọc sông chớp rất sáng lòe gương dao...

Cũng nơi đây Bạch-Đằng-Giang một khúc,  
 Ngô-Vương từng chém Hoảng-Thao.  
 Gió mây thôi - thúc  
 Quần - quai ba đào

Chợt tưởng niệm máu càng sôi sục,  
 Tinh thần quyết thắng bốc lên cao.

Thế phản công làm giật dữ non, náo,  
 Chúng hoảng-hốt vội thu quân về thượng lưu sông Bạch,  
 Nhưng số phận Hung-Nô, người phương Nam đã vạch,  
 Hỡi ơi, bằng giáo sắt cắm ngang sông !  
 Dáy trường giang là cả một bàn chông,  
 Nằm đợi sẵn khi thủy triều xuống thấp.  
 Đoàn thuyền giặc lùi-quá, bị xô nghiêng lật sấp,  
 Bị xé ra từng mảnh, vỡ tan thây...

Giữa lúc rừng thiêng mở vuốt tung mây,  
 Quân tiếp ứng của Vương-Sư ào xuất trận.  
 Và Hưng-Dạo Đại-Vương Trần-Quốc-Tuấn  
 Hiện ra như một vị Thần-Linh.  
 Chớp mắt trên sông bắt sóng kinh!

Thế là đã nơi này bỏ xác  
 Lũ con hoang của Trời sa mạc  
 Khắp Á, Âu từng vạn-lý trường-chinh!  
 Bọn chúng ngờ đâu một sớm cõi Ly-Minh,  
 Thân bách chiến bỗng quay về hột cát!  
 Trôi theo sóng cả tiếng-tăm nòi Thát-Đát  
 Cả giấc mơ xâm lược Chúa Hồ Nguyên...

Chăm thích ta ai nét áo-huyền,  
 Ngọn trào pha màu sắc tươi duyên.  
 Chăm xanh, máu đỏ, nền sông trắng,  
 Bức vẽ Đông-A vạn cổ truyền.

★

Ấy ai qua chốn giang biên,  
 Khói đầy khoang, giấc sầu-miên lạnh lùng.  
 Tiếng kình vang đợt sóng rùng.  
 Có nghe chăng? Có then cũng người xưa?

Riêng ai nước cũ mây mờ,  
 «Thái-Bình diên-yến», câu thơ lệ nhòa...

Tháng Giêng kỷ-niệm Đống-Đa,  
 Sông Đổng kỷ-niệm tháng ba mấy lần?

Đầu mùa Xuân, cuối mùa Xuân,  
 Cánh tay để Nguyễn, vương Trần nào ai?

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

— Sài-gòn 1962 —



◦ *Chú-thích Bản đồ trang BB: (tiếp theo)*

Trận Chương-Dương-Độc, Trần-Quang-Khải đánh bại quân Nguyên, lấy lại thành Thăng-Long.

— Tây-Kê, tướng nhà Trần chém được Toa-Đô.

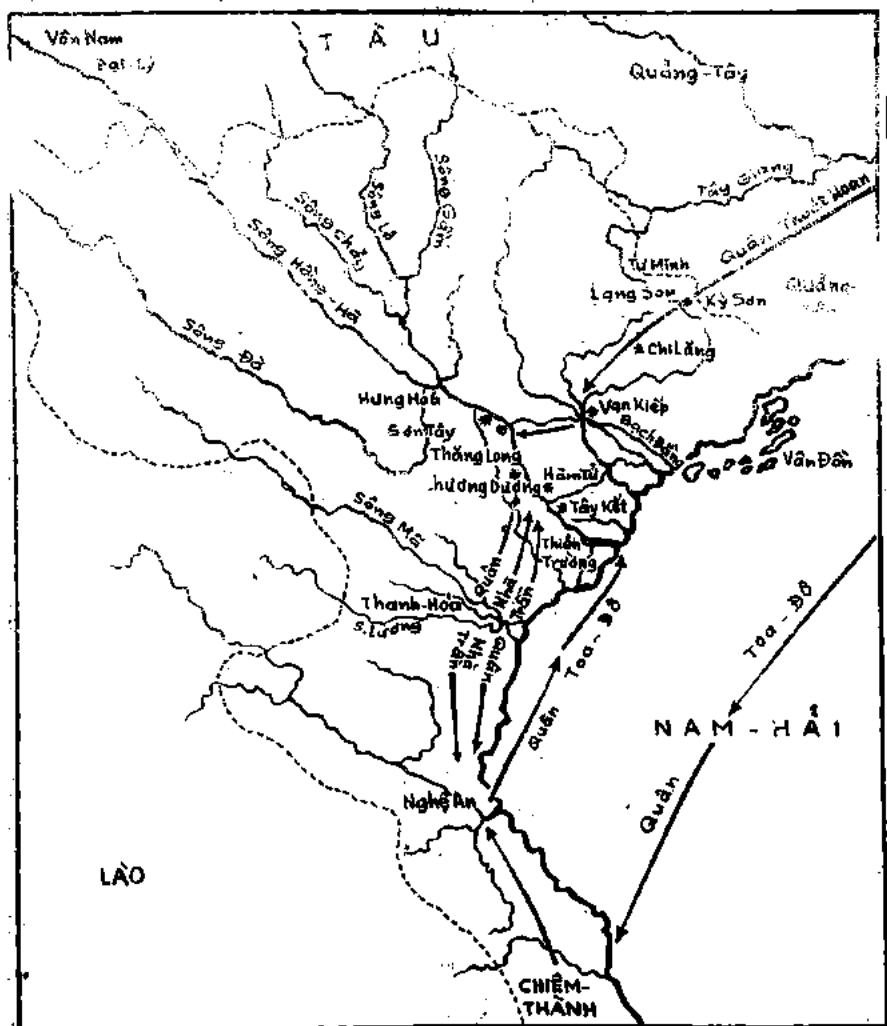
— Vạn-Kiếp, Thoát-Hoan trốn chạy về Tàu lần thứ nhất.

Trận Văn-Đồn, Trần-Khánh-Dư cướp thuyền lương của quân Mông-Cổ.

— Bạch-Đằng-Giang, Trần-Hưng-Đạo bắt Ô-Mã-Nhi (Tháng 3 năm Mậu-Tý 1288)

Thoát-Hoan dẫn binh thua theo đường tắt ngả Tư-Minh chạy về Tàu (1288)

**Bản đồ nước Nam khi nhà Trần chống quân Mông-Cổ.**



Ngột-lương-hợp-thai (Wouleangotai) đem quân từ Vạn-Nam sang đánh Thăng Long (1257)

Thoát-Hoan đi ngả Tư Minh lấy các ải ở Lạng Sơn, thắng ở Vạn Kiếp, hợp thành Thăng-Long (1284). — Hưng-Đạo-Vương đem vua về Thanh-Hóa.

Toa-Đô đánh Nghệ-An. — Trần Hàm-Tử-Quan, Trần-Nhật-Duyệt phò quân Toa-Đô.  
(Xem tiếp Chủ Thích trang 87)

**HUYỀN - TRÂN**  
**CÔNG - CHÚA**





## Huyền-Trần Công-Chúa

---

Triều-đại nhà Trần có gả Huyền-Trần Công-Chúa cho vua Chiêm-Thành Chế-Mân (Çri Jaya Sinhavarman III), để thâu nạp hai châu Ô, Rí, mở rộng bờ cõi nước Nam.

Là người Việt-Nam, không nên không biết qua tiểu sử, đầu cho thật là tóm tắt, của một vị Công-Chúa đã đem lại cho ta « Hai châu Ô, Rí vương ngàn dặm », để tưởng niệm công đức tiền nhân.

Phương chi, Công-Chúa là một người đoan-trang kiêu-mị, một tinh-hoa đất nước, đất Việt tự ngàn xưa.

Nước Nam ta, từ Hồng-Bàng lập quốc, cương-vực : Bắc giáp Động-Đình Hồ (Hồ-Nam), Nam giáp Hồ-Tôn (Chiêm-Thành), Tây, Ba-Thục (Tứ-Xuyên), Đông, Nam-Hải, gồm Bắc-Việt với Giao-Châu.

Từ khi Bắc thuộc nhà Hán bên Tàu (111 trước T.L. đến 939 sau T.L.), chỉ còn đất Giao-Châu, gồm Bắc-Việt với mấy tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh bây giờ.

Dân sự càng ngày càng đông, đất đai eo hẹp, muốn lấy lại Lương-Quảng, Phiên-Ngung còn không sao lấy được, vì dân Tàu đã mạnh lại đông.

Vậy, muốn mở mang bờ cõi, mưu lấy chỗ dân sinh, thì trừ phi Nam tiến.

Và lại phía Nam, Chiêm-Thành thường khuấy nhiễu nước ta, cướp châu Hoan, châu Ái (Nghệ, Thanh), vua Lê-Đại-Hành phải mấy phen đánh đuổi. Đến đời vua Lý-Thánh-Tôn muốn lấy được ba châu : Bố-Chánh, Địa-Lý, Ma-Linh, (Quảng-Bình, Bắc Quảng-Trị ngày nay), Lý-Thường-Kiệt phải hao binh tổn tướng, sát hại rất nhiều.

Nay, nhờ một cuộc hôn nhân, mà được hai châu Ô, Rí (Nam Quảng-Trị, Bắc Quảng-Nam), khỏi dụng binh đao, sanh linh đỡ máu, thì chánh-sách Nam tiến ngoại giao của nhà Trần cũng là đặc diễm.

Vua Trần-Nhân-Tôn, sau khi lập lại bang giao cùng Nguyên Thế-Tò, truyền ngôi lại cho Thái-tử Thuyên, tức là vua Anh-Tôn, rồi làm Thái-Thượng-Hoàng; sau lại ăn tu tại Yên-Tử-Sơn (Quảng-Yên), ít khi về triều lo lường chính sự.

Tháng hai năm Tân-Sửu (1301) vua Chiêm Chế-Mân (Çri Jaya Sinhavarman III) cử một sứ bộ qua Nam kết hiếu.

Khi sứ bộ về, Thượng-Hoàng theo, sang Chiêm viếng cảnh. Đi đường biên, nửa tháng tới Chiêm. Ngai mặc nâu sồng, cầm binh-bát, ra mắt vua Chiêm. Chiêm vương trân trọng tiếp Ngai, lưu ở lại chơi, thân dắt ngai quang-lâm, văn-kiến các chùa chiền, thắng cảnh, danh lam, cổ đò, cổ miếu, thạch nhũ, ôn tuyền,... khắp cả nước Chiêm.

Thăm thoát 9 tháng trời qua trong cuộc tuần du thường ngoạn, làm khách thượng tân nơi Chiêm-Đình, vua Nhân-Tôn tạ từ trở về Yên-Tử.

Trong buổi tiệc tiễn hành, có Thế-tử A-Đà-Ba (Kariti-Adhaba) Tề-tướng Bảo-Lộc-Kê (Pô-loo-Kee), Thượng-hoàng trình trọng hứa gả con gái, Công-Chúa Huyền-Trần, cho Chiêm Chế-Mân, vì biết Mân, trong cuộc tình duyên còn có điều ân hận, lại đề hai nước láng giềng thông gia.

Đầu mùa Xuân năm kế (Nhâm-Dần, 1302), Chiêm-vương cử phái-bộ đem lễ vật cầu hôn.

Vua Anh-Tôn thịnh ý Thượng-hoàng.

Nhân-Tôn khuyên : nên đình-ngự với các vương phủ, triều thần, lấy lễ quốc gia làm trọng.

Trong hoàng tộc, không vị nào gả công chúa đi xa với người dị chủng, ngôn ngữ bất đồng. Còn triều đình thì coi người Chiêm như là man rợ.

Rốt cuộc, đình đãi việc hôn nhân.

Tháng 10 năm Ất-Tỵ (1305), Chiêm-Vương giận vì Chiêm-hậu Đan-Thư (Tapasi), (bà Chiêm hậu thứ hai, bà Chánh hậu, thân mẫu của Chế A-Đà-Ba đã qua đời), đầu độc, đưa con trai của ái phi thứ 17 của mình, định truất phế Đan-Thư sai sứ-bộ đưa thơ chánh thức dâng hai châu Ô, Rí làm lễ sinh nghi và nhận tấn phong tôn-nương làm hoàng hậu.

Vì quyền lợi quốc gia, Vua Anh-Tôn thuận gả em, Huyền-Trần Công-Chúa, về Ho.

Trong thành nội, ngoài dân gian, có người vì thương Công-Chúa, đặt ca-dao, thi văn, tuồng hát, có ý nghĩa gần, bài bác việc hôn nhân, để đức Vua hồi tâm đổi ý :

*Tiếc thay cây quế Châu Thường,  
Đề cho người Mán, người Mường họ leo.  
Con vua mà gả người Mèo,  
Họ dẫn qua đèo, cũng rấn treo sang.  
Con vua lấy người bán than,  
Họ đưa lên ngàn cũng phải cuốn theo...*

Vua Anh-Tôn phải ra cấm chỉ : ai bàn tán chỉ trích việc này, phải tội tù, chặt ngón tay, hay cắt một phân lưỡi.

Ngày 12 tháng 8 năm Bính-Ngọ (1306), năm Hưng-Long thứ 14 Trần-Anh-Tôn, lễ hồi-vu (vu-qui) Công-Chúa cử hành. Đầu giờ Thìn cửa Tuyên-Dương-Môn đã mở. Dưới bức hoành phi màu hồng, thêu đại tự màu tím lam : « Hồi-Vu Khánh-Lễ », vua Anh-Tôn, cùng Hoàng-hậu ngồi kiệu Bát-cống Kim-Ngô (1) ra tiền đưa Công-Chúa đến cửa Chánh-Nam, rồi trở lại. Quan Thượng-Thor Hành-Khiển Trần-Khắc-Chung, được phong Điện-tiền Chương-sự Quân-Thứ đại diện triều đình, thống lãnh đoàn « đưa dâu » về Chiêm quốc Chánh-Sứ Chế Bồ-Khâm (Singhpokhee) cùng nhân viên sứ-bộ hộ tống « rước dâu ».

(Trần-Khắc-Chung là người được ủy nhiệm đưa dâu, lại còn là người sau này mang trọng trách cứu Huyền-Trần khỏi lên giá hóa, rước về Thăng-Long, ta cũng nên biết qua thân thế.

Khắc-Chung tên thật là Đức-Chung, con Tá-Thiên-Vương Trãi Đức-Việt (chú ruột Anh-Tôn), đan đũa với một nàng cung-nữ chỉ hầu bà Lý-Huệ-Vương Hoàng-Hậu, cô ruột của Tá-Thiên-Vương, k

1) Kiệu Bát-cống Kim-Ngô nguyên thi của vua Lý-Thái-Tôn đánh Chiêm thành (1044) lấy đem về nước. Sau theo kiểu đó mà sửa chữa lại như hình hoa lam, thay vì những hình tượng Chiêm (Apsara, Garuda...) (lại hình tứ linh : long, lân, qui, phụng, v.v.v.)

nàng cung-nữ đã được hoàn thưởng (2). Là con thâm kín, khi mẹ từ trần, Chung mới được cha đem về làm «đường tử», nên không thọ ẩm tước vương.

Con một người cung-nữ tài hoa, Chung khỏi ngộ tuần tú, lại thông minh nổi tiếng thần đồng. 16 tuổi, đậu Tấn-Sĩ đệ-nhất-giáp-khoa-thi Tân-Tị (1281), 17 tuổi được phong Nhập-Nội Hữu-Tụng-Quan, đọc và giảng sách cho Nội-Cung Thái-Hậu, Hoàng-Hậu, Hoàng-Phi cùng các Công-Chúa, Quận-Chúa trong hoàng thành; 20 tuổi được ân phong Hành-Khiển Nhập-Nội (Giám-Sát trong Cung) kiêm Tả-Bộc-Xạ (hộ giá và dâng cung tiễn cho Vua, khi Ngài săn bắn). Năm 24 tuổi, Kỷ-Sửu 1289, được vua Nhân-Tôn phong Thượng-thor Chính-Sự hiệp-biện theo chân sứ-bộ sang Tàu do Điện-tiền Chính-Sự Trương-Hán-Siêu cầm đầu, Trần-Thúy-Biện làm phó sứ. Khi đến Tràng-An, thì Quan Chánh-Sứ trọng bệnh đã về, còn Phó-Sứ bị lạnh tê không rời Công-Quán. Trần-Đức-Chung phải thay mặt dâng lễ cống, vào chầu vua Nguyên.

Tan buổi chầu, được quan Đại-phu Trần-Khắc-Long đưa về Công-Quán, sau lại được mời đến tư dinh, Đức-Chung thấy nghề thêu xin học, vì có khiếu thêu thừa do mẹ truyền khi nhỏ. Trần-Khắc-Long buộc phải lấy tên Trần-Khắc mới chịu truyền nghề. Trần-Đức-Chung đổi ra Khắc-Chung từ đấy.

Chung phải mất 4 năm mới học được lành nghề.

Về Thăng-Long, sau khi Chung làm lễ tục huyền với Nghi-Dung Công-Chúa (con Văn-Túc-Vương Đạo-Tái) được 5 ngày, thì vua Anh-Tôn truyền lệnh cho Chung đến Nam-Hương-Cung dạy thêu cho Huyền-Trần Công-Chúa. (Chánh thất của Chung là Ngọc-Đoan Công-Chúa, con Cung-Nhượng-Vương Trần-Kiến, đắm thuyền chết, khi Chung đi sứ còn ở lại Trung-Nguyên). Mỗi ngày, Chung phải đến dạy thêu từ đầu giờ Ngọ tới cuối giờ Mùi với sự quây quần cùng những cặp mắt trông nom của sáu nàng thế nữ.

---

2) Cung-nữ hoàn thưởng : được cấp giấy phép lập lại cuộc đời. Dân gian ai lấy nhằm cung nữ hay cung nhân không giấy hoàn thưởng thì bị lưu đầy hay cắt gân chân.

Nhưng Công-Chúa là một ngôi bá mị thiên kiều (trăm xinh ngàn đẹp), còn Khắc-Chung là một trang hào hoa tuấn nhã nên dần dà ngày lun tháng qua, một tâm tình ân ái ngầm nở, thay vì tình thù bá chị em. Khắc-Chung hằng mộng mơ Công-Chúa như Phạm-Lãi từng hoài bão Tây-Thi...

Chợt đến ngày hồi-vu Công-Chúa, Khắc-Chung làm Điện Tiền Chưởng-Sự đưa dâu, chỉ huy đoàn hộ tống.

Đoàn hộ tống trẩy từ Thăng-Long, đi đường bộ cho tới Đồ-Bàn, quan san diệu viễn.

(Sứ-bộ Chiêm thường đi đường biển tiện hơn, mất trên một tuần trăng là tới. Công-Chúa chưa từng đi biển sóng to nên chọn đi đường bộ. Và lại, đêm tầm tối trên mặt biển trùng dương sợ Tàu Ô có khi đánh cướp.

Còn đường bộ không phải thênh thang, eo hẹp xuyên qua rừng núi, thung lũng, đèo cao, phải cẩn phóng khoáng. Qua sông, suối, phải tạm bắc cầu. Muốn cho Kiệu-hoa (1) Công-Chúa, các xe chở lễ vật hồi môn, rương tráp, sạp Kỹ-loan-hương (2), nhà mộc-lưu-xá (3), mộc lưu-trù (4), ngựa, xe qua được phải cho quân đi trước dọn khai. Cho nên đoàn hộ tống có đến 5.600 người, kể cả công-binh kiêu lẫm, trù táo, nữ-nhạc, quân-y, v.v... Nội quân cấm vệ cũng 2.000 người lực lưỡng, phòng giặc cướp Man, Qua (Bồn-Man : Trấn-Ninh, Lão-Qua : Ai-Lao).

Trên đường thiên-lý, đi được nửa tuần trăng, đến huyện Đăng-Xương (Hải-Lăng, Quảng-Trị), Công-Chúa nhiễm lấy sương lam, nằm bệnh. Khắc-Chung trần trọc lui tới thỉnh an, Chế-Bồ-Khâm trông nom đề ý. Chung uất hận đã mang vào lòng, vì cuộc hôn nhân xa

- 
- 1) Kiệu-hoa Công-Chúa : Lấy theo kiệu kiệu-hoa của vua Tống Triết-Tôn sai tài hoàn pho kinh «Được-Sự thập nhị nguyên văn» cho vua Lý-Nhập-Tôn nước Việt (1072 - 1127).
  - 2) Sạp Kỹ-loan-hương của vua Chiêm Chế-Mân tặng cho Thái-Thượng-Hoàng Trấn-Nhân-Tôn. Thượng-Hoàng cho Công-chúa.
  - 3) Mộc-lưu-xá : nhà bằng cây có bánh xe đẩy đi được, để nghỉ ngơi hay tắm rửa lúc đi đường.
  - 4) Mộc lưu-trù : nhà bệp bằng cây đẩy theo trong lúc đi đường.

vời của Công-Chúa. Nay gặp phải Chế-Bồ-Khâm theo dõi dóm mình, thừa lúc Công-Chúa đường an, đoàn hồi-vu tam nghỉ, Chung giả đi săn, mượn một tờ san-tràng liệt-hộ (1) rình núp trên cây, khi đoàn hồi-vu qua đường trung-lũng, bản Chế-Bồ-Khâm chết không nhắm mắt, thấy quân chờ trong một xe sau.

Bồ-Khâm bị hành thích, Phó-Sứ Ôn-Khôn trông nom bọn tùy tùng sự bộ.

Đoàn hồi-vu lần lượt trải qua châu Ô, châu RI, sang mé O.Lâu, vào Tượng-Quận, đến Hải-Vân Quan. Ngồi trông non nước, trong dạ bồi hồi, Công-Chúa ngâm một bài Hán văn Đường luật. « Trong Trần-triều di-diễn, Trần-Nguyên-Đán » ghi lại hai vế văn nôm :

*Chiều tà gió thổi Hải-Vân,  
Chim kêu gành đá gấm thân thêm buồn !*

Qua thung-lũng Li-Năng (Đà-Năng), vượt sông Cà-Nhĩ, đến Ngũ-Hành-Sơn, Công-Chúa truyền cho tam-nghỉ, xem mấy động có tượng Thần Chiêm, cùng sơn khê, thạch nhũ.

Qua Thung Trà-Kiều (Sinhapura), đến bãi Đồng-Dương (Indrapura), đi ngang suối Chuk (Chuk-Va), Công-Chúa cho dừng, để quan quân tắm rửa.

Khải Chu-Sa, Cồ-Lũy, đến bến Minh-Lương (Ben-Sai-Hai), có thuyền rồng vua Chiêm cho đón đê rước qua sông.

Khi lên bộ, Công-Chúa ngồi Bạch-Tượng cho đến thành Chiêm (Vijaya : Đồ-Bàn, Chà-Bàn hay Phật-Thệ ở vùng Kauthara (Bình-Định), sau 1 tháng 23 ngày hành-vu cấp bách.

Tại Kinh-đô Đồ-Bàn, lễ nghinh hôn rất là long trọng : nào lễ trình diện Thánh-Mẫu Thiên-Y Anà (Pô Ino Nagar), lễ cáo Thần Mộc-hương Trụ-quốc (Vak Kraik), rồi đến lễ Prah-Min (cúng Ông Bà Nguyệt : Brahma, Viechnou)... đại yến thiết tại Điện Kim-Loan (Champarudok), v..v.. vui vẻ tưng bừng, huy hoàng trọng thể như cảnh mô tả trong Thiên-Phương nhất dạ đàm bắt diệt Đồng-Phương.

Đến ngày thứ bảy (sau cuộc hồi-vu), ngày vía Thần Ợi Cambhu, lễ tấn phong Công-chúa Nohr Bal (Công-chúa nước Nam) làm Chiêm-

1) San-tràng liệt-hộ : Người thủ-linh cuộc săn bắn ở miền núi non.

Bang Hoàng-Hậu (Paramesvari). (Nhậm ngày 12 tháng 10 năm Bình-Ngo 1036).

Chính trong ngày lễ tấn phong này, Chiêm-Hậu thất sủng Đan-Thư (Tapasi), khi nghe tiếng trống chuông rền đồ theo nhạc khúc dâng quang, biết Công-chúa Nohr Bal được tấn phong Hoàng-hậu, uất hận, tủi, ghen, lao đầu vào vách, rồi cắn lưỡi chết luôn.

Hồn thiêng lảng vảng, cách ít hôm, hiện vào tâm cung Hoàng-hậu, đòi Huyền-Trần giao trả vương miện, phụng bào, chức Chiêm-Vương Hoàng-Hậu...

Cộng-Chúa tỏ lại vua Chiêm. Chiêm-vương truyền Pháp-sư trấn ếm; rồi cùng Công-Chúa ngoạn du trên một trăm ngày, đợi cho tà khí tiêu tan, mới hồi loan cung điện. Trong cuộc hôn du, xiết bao tình ái...

Trong lúc Chiêm-Vương, Hoàng-Hậu ngoạn du, thì Khắc-Chung dạo xem phong cảnh Đồ-Bàn. Nhân khi viếng thăm cô tháp Pô Krah-varman I, thấy ở hậu cung một bảng hình điêu-khắc trở một vị Nữ hoàng đang tuần thiêu trên giàn hỏa. Chung hỏi vị Pháp-sư trụ trì, biết được phong tục người Chiêm hỏa thiêu Hoàng-hậu đúng một năm, sau đức vua tạ thế, trong một ngày lễ Thần Chiêm. Chung lấy làm lo sợ cho Công-Chúa về sau, vì thấy Chế-Mân tướng không thượng thọ. Từ ấy, Chung đề ý xét xem địa thế Đồ-Bàn, cùng miền duyên hải, xa khơi, những hòn đảo quanh vùng, địa hình, vị trí, nhất nhất đều ghi vào sổ quyền trong lúc ban đêm. Chung đã nảy ra ý kiến điều-độ Công-Chúa về Thăng-Long khi Chế-Mân mệnh-một.

Trên ba tháng ngoạn du, Chiêm-Vương hồi ngự điện. Các quan triều bái tung hô... Khắc-Chung tâu về việc dạy nghề cho Công-Chúa lành nghề, theo biểu-thơ vua Anh-Tôn khải-khoản. Chiêm-Vương chấp thuận và chọn cung Khala-gari cho Chung đến dạy mỗi ngày, cùng Công-Chúa cho khỏi quạnh hiu ở quê người xứ lạ. Nhân tiện, Chung phóng theo một bức thư cõ truyền Lâm-Ấp, thuê bà Thiên-Hậu Ana ngự du-thuyền trên hồ sen đầy chim, cá. Khi bức chèo linh động hoàn thành, trải trên ba tháng, Chung dâng tặng vua Chiêm, rồi tạ từ xin về nước.

Qua châu Rí, châu Ô, lúc này đã thuộc về Nam (1307) đổi tên châu Hóa, Thuận; Đoàn-Nhữ-Hải làm quan Kinh-lý, đặt quan quân, đem người Nam vào ở.



Lúc ấy, ở thành Chiêm, vào độ cuối hè, khi trời oi ả, Ché-Mân có tiểu tật tiết-hân nặng hơi (đồ mồ hôi có mùi hơi nặng). Muốn cho người ngọc tránh hơi xú uế để hưởng thanh hương, Vương dạy cất đình trâm ở nơi Ngự-Uyền (abjurai), quan Công-thự cùng Tả Thừa-Tướng khuyến can, rằng làm như thế, sợ linh Thần giáng họa, không nên. Vương chẳng kể vẫn cho cất đình trâm (Gahla Bakar) ở giữa Hồ-Bán-Nguyệt, trong Ngự-Uyền Hoàng-Cung.

Lại khiến Ngự-y rước thầy chữa cho thanh mùi tiết-hân. Mất một thời gian khá dài, có trên hai tháng, mới tìm được một vị Lão-sư chuyên-chữa. Dặn, khi tắm thuốc vào, phải ngồi nghỉ thừa lương, để cho thuốc thấm.

Vương dạy đặt long án ở một góc vườn, bên hồ bán nguyệt, dưới một tàn cây, vừa xem kiến trúc, vừa tắm thuốc, thừa lương; trời trưa, thiu thiu...

Bất thần, một nhánh cây to, bị con trốt cuốn, gãy chằm ngay vào ót, Vương băng.

Các quan làm lễ thần, đặt trong cỗ áo-quan (sarcophage) dời ngày hỏa táng. (Nhằm tháng 9 Đinh-Mùi 1307, Vương thọ 50 tuổi, trị vì 26 năm, 1281-1307). (Huyền-Trần, 25 tuổi góa, 11 tháng, sau ngày lễ thành hôn).

Triều-đình tôn thái tử A-Đà-Ba (Prayja Karitj Adhaba) lên kế vị.

Tháng hai, năm sau (Mậu-Thân 1308) Tân-Vương cử Thừa-Tướng Bảo-Lộc-Kê (Pô-Loo-Kee) mang biểu-thơ, phương vật, đến cáo tang Nam-triều.

Triều-đình Nam bèn cử tang Thái-thượng-hoàng (băng nhằm ngày 23 tháng 2 năm Mậu-Thân 1308), một tháng sau vua Anh-Tôn mới tiếp sứ.

Hay được tin Chiêm-Chúa thắng hà, Huyền-Trần sắp lên giàn hỏa, vua Anh-Tôn cùng đình-thần mật nghị cứu Huyền-Trần. Trần-Khắc-Chung coi việc xây lăng vừa về, Anh-Tôn vội vào cung nghị kế. Vương biết tánh Huyền-Trần sẽ đình-ninh tuần tiết cho trọn nghĩa cang thường. Muốn cứu em, chỉ có một phương: «Bất cốc». Chung trình đồ-biểu nước Chiêm, vua tôi cùng thảo luận: sẽ lập kế cho Chiêm-Hậu ra khơi, giả Tàu Ô cướp bắt. Vua Anh-Tôn rất nên cân thận. Một chỉ tiết nhỏ trong kế hoạch cũng suy lượng kỹ-càng. Vì

thề-thống quốc-gia, phải làm sao cho kín nhem, đừng để người Chiêm, cùng lân bang biết được, họ sẽ gọi người Nam ngoan trá. Tàu Ô, quân cướp, y phục... phải nguy trang cho giống, cho đến hành vi, cử chỉ, lời nói, hiệu loa, nhứt nhứt đều rập theo in hệt. Không thể tập trận thao diễn ngoài khơi, sợ người đề ý, Phạm-Ngũ Lão dâng kế dụng « Thủy Bàn ». Lấy « Hoàn-Nhân-Hồ » trong thành nội, xây dựng đá làm gành bãi Chiêm, đặt những hòn cù-lao giả, vị trí theo thước mực phân minh, dùng những thoi gỗ nhỏ, theo nỉ tắc cân phân giả làm hải đình, tập chiến lược thuần thực xung phong, đổi thay nhiều thế trận, cho có hiệu quả thần tốc tinh vi, không siển sai sơ hở.

Muốn giấu nhem Huyền-Trần, Khắc-Chung dâng ý kiến : sẽ lưu lại một thời gian ngoài Khoái-Long hải, đẩy những cù lao thâm động lõ-nhỏ sầm-uất, trên mặt biển, trời nước mênh-mang, đợi người ngoại việc cướp, rồi sẽ đưa về.

Vua Anh-Tôn chuẩn-y kế hoạch, giao Khắc-Chung quản đốc việc cứu Huyền-Trần. Phạm-Ngũ-Lão coi duyệt Thủy-Bàn, Đề-Đốc Trần-dăng-Long, cùng Phó Thủy-Sư Lê-Trung-Nhiên thống lãnh một trăm (100) chiến thuyền hải đình nguy trang Tàu-Ô theo chiến lược Thủy-Bàn, thao duyệt lại ở vịnh Khoái-Long rồi lần lượt thẳng đến hải phận Đồ-Bàn.

Trần-Khắc-Chung cùng Đặng-Thiệu mang đồ thông sứ, ngồi khinh thuyền tảo-dinh đến Hóa-Châu, lên bộ, vào huyện đường mượn ngựa, cùng nhân viên sứ bộ toàn là thủy quân tảo-dinh hóa trang, đem đồ sứ lễ đi đến Đồ-Bàn.

Sau khi dâng lễ phúng điệu vua Chiêm, Khắc-Chung tâu cùng Tân-Chúa cho Chiêm-Hậu Huyền-Trần làm lễ chiêu hồn Chế-Mân tiên-đế về dẫn vong-linh tiên-hậu khi hỏa táng xuất linh. Lễ chiêu hồn sẽ lập một nơi thanh vắng, ngoài hải đảo xa khơi, lúc trời hôm lạng lẽ. Tân-Vương Chế A-Đà-Ba chấp thuận, truyền lệnh quan Khâm-giám cùng Pháp-sư kim tháp Thiên-Y Ana hiệp với Khắc-Chung soạn thảo chương trình, nghi thức lễ. Hòn Chuk-Mui trong quần đảo Knor Knour ngoài biển Đồ-Bàn (Bình-Định) được chọn làm nơi lập đàn chiêu vong tiên-đế.

Xong việc dự thảo chương trình, Khắc-Chung cùng sứ-bộ từ giả về Thăng-Long, có quân Chiêm đưa tiễn.

Đến Hóa-Châu (huyện Hòa-Vang), quân Chiêm đã về, Chung xuống thuyền tảo đình, mặc y phục Tàu-Ô, theo chiến thuyền cướp giá.

Tới ngày lễ, vào buổi hoàng hôn, Huyền-Trần tiên-hậu ngự Long-Thuyền ra đảo Chuk-Mui, nơi đã lập đàn tràng tế lễ. Dẫn đầu, thuyền 5 vị pháp-sư chùa Krahvartha xông trầm hương nghi ngút. Thấy khói lên, thuyền Tàu-Ô chuẩn bị. Sau khi mãn đàn tràng, cũng lối nửa đêm, Chiêm-Hậu cùng chư-tăng, quan khách thỉnh bàn vong xuống thuyền trở lại để đồ; đốt vàng mã tắt đàn, cho oan hồn uổng tử ở lại giành xé chia nhau, không vương vít anh linh Tiên-Chúa. Thấy lửa lên báo hiệu, thuyền Khắc-Chung lướt cặp Long-Thuyền, tung lưới bắt cóc Huyền-Trần về tảo đình. Đạo chiến thuyền Tàu Ô 100 chiếc của đô-đốc Trần-Đặng-Long bắn tên lửa hủy thiêu 10 chiến hạm Chiêm-Thành đã tuần vãng ngoài khơi bảo vệ đàn cúng tế. Thuyền pháp-sư bị đánh chìm, 5 vị sư tăng bị sóng cuốn (sau được lập miếu tại đảo vọng thờ, có khắc bia bằng đá). Chiếc Long-thuyền được dẫn đi xa, khỏi hải phận Chiêm-Thành, rồi đứt dây giữa biển, (sau, « Chẽ-Chí Cựi Jaya Sinhavarthi », (có lẽ là Chẽ A-Đà-Ba Karitj Adhaba, tần vương hiện tại, kể vị Chẽ-Mân, phụ cốt đồng cầu thần Jobor, được mách bảo là quân Nam giả dạng Tàu Ô bắt Chiêm-Hậu Nohr Bal, mới sanh ra thù hận).

Thuyền Khắc-Chung hộ giá Huyền-Trần, y theo kế-hoạch lệnh-dệnh trên mặt biển Khoái-Long, cho tới ngày, 18 cuối thu năm Kỷ-Dậu (1309), năm Hưng-Long thứ 17, mới về tới Thăng-Long, kịp cho Huyền-Trần xả tang Chiêm-Chúa.

(Năm ấy, Huyền-Trần (tuổi Quý-Mùi) 27 tuổi, vừa mãn hạn lệnh-dệnh, còn Khắc-Chung tuổi Bính-Dần) 44 tuổi, bắt đầu mang tai tiếng hàm oan. Chớ trong lúc hộ tống Công-Chúa Huyền-Trần, quan Hành-Khiển Khắc-Chung trọn giữ lễ quân thần, trong tình thương chị em chú bác gặp cảnh ngộ điêu-linh, không làm điều bất chính).

Nhưng khi biết được Công-Chúa ở vịnh Khoái-Long trốn một năm trời, người Thăng-Long có điều bất mãn, nghi cho Hành-Khiển Khắc-Chung trái đạo luân thường, nên phát một châm ngôn :

*Tiếc thay hột gạo trắng ngần,  
Đã vo nước đục, lại vắn lửa rơm.*

Hột gạo trắng ngần ám chì Huyền-Trần Công-Chúa.

Nước đục mươn vi Chẽ-Mân. — Không xét rằng người Chiêm theo văn minh Ấn-Độ, một văn minh bắt nguồn từ đạo Bà-la-môn theo kinh Phệ-Đà rất là cao khiết; còn Chẽ-Mân là một vị vương tài-ba, lỗi-lạc, trọn nghĩa chung tình.

Lừa rơm nói quan Hành-Khiển. Làm hoen ố thanh danh, để tiếng oan cho người thiên cổ !

Hai châu Ô, Ri là đất Quảng-Trị, Thừa-Thiên, kinh-đô Huế bây giờ. « Ăn trái nhớ kẻ trồng cây, Uống nước nhớ người đào giếng », nên ở đất Thần-kinh có bài ca Nam-bình nhắc Huyền-Trần Công-chúa, viết theo điệu hát Chiêm, lời lâm-lý ai-oán :

*Nước non ngàn dặm ra đi,  
Cái tình chi ?  
Mượn màu son phấn  
Đền nợ Ô, Ly.  
Đắng cay vì  
Đương độ xuân thì.  
Độ xuân thì !  
Cái lương duyên  
Hay là cái nợ duyên gì ?  
Má hồng đa tuyết,  
Quyết liễu như hoa tàn trắng khuyết,  
Vàng lộn theo chì,  
Khúc ca ly,  
Sao còn mường tượng nghe gì ?  
Thấy chim hồng nhạn bay đi,  
Tình lai láng, như bóng hoa quì !...  
Dặn một lời Mân-Quân,  
Nay chuyện mà như nguyện*

---

Huyền-Trần Công-chúa con nhà bác. Trần-Khắc-Chung con nhà chú. Chỉ em chú bác.

Khắc-Chung lớn hơn Huyền-Trần 14 tuổi. Chẽ-Mân lớn hơn Công-chúa 25 tuổi.

Công-chúa hồi vu năm 24 tuổi (1306), đoạn huyền năm 25..., về Thăng-Long năm 27.

*Đặng vài phần,  
Vì lợi cho dân,  
Tình đem lại mồ côi,  
Đặng cay muôn phần!*

Bao giờ ở đất Thần-Kinh còn nghe giọng hát Nam-Bình, còn tưởng niệm Huyền-Trần Công-Chúa.

Hiện thời, nhiều kịch-gia, văn-sĩ thi-vị hóa duyên Việt tình Chiêm, soạn ra tuồng Huyền-Trần xuất sắc. Âu cũng là diễn lại sự tích người xưa.

#### CƯỚC CHÙ :

Những tài liệu để viết về Huyền-Trần Công-Chúa có chỗ bất đồng sau đây :  
Ngày đưa Công-Chúa về Chiêm,

Có chỗ đề : Tháng 8 năm Bình-Ngo (1306)

Có chỗ đề : Tháng 6 năm Bình-Ngo (1306)

Chiêm Chè-Mân thắng hà,

Có chỗ đề : Tháng 9 Đinh-Mùi (1307)

Có chỗ đề : Tháng 5 Đinh-Mùi (1307)

Huyền-Trần Công-Chúa bạn cùng Chè-Mân,

Có chỗ đề : 11 tháng

Có chỗ đề : 14 tháng

Về việc cáo tang vua Chiêm,

Có chỗ đề : Tháng 2 năm Mậu-Thân (1308)

Có chỗ đề : Tháng 9 năm Đinh-Mùi (1307)

Tác giả căn cứ theo một số tài liệu, nhưng chưa thỏa mãn, vẫn còn hoài nghi.

**HỒ - QUÍ - LY**



## Hồ-Quý-Ly

---

Nhà Trần, từ khi Trần-Thái-Tôn chính vị, năm Ất-Dậu (1225) đến Trần-Dụ-Tôn Đại Trị nguyên niên (1358) thì bắt đầu suy yếu.

Vua Dụ-Tôn chỉ lo việc hoang chơi, ưa kẻ quyền thần xu phụ, không nghe lời trung gián, lại gặp phải mấy năm mất mùa nên nhân dân đói khổ. Trong nước chỗ nào cũng có giặc nổi lên cướp bóc. Ngoài thì quân Chiêm hay khuấy nhiễu. (Về sau lại sang đánh phá Thăng-Long mấy lần, vua tồ nhà Trần lấy làm kinh sợ).

Vua Nghệ-Tôn nối ngôi Dụ-Tôn nhà Trần (1370) là người nhu nhược. Quyền hành giao cả cho người ngoại thích là Lê-Quý-Ly, phong cho làm Khu-mật-đãi-sứ, Trung-tuyên-hầu. (Quý-Ly gốc họ Hồ. Tò tiên ở Quỳnh-Lưu, đất Nghệ, sau dời về Thanh-Hóa. Quý-Ly có hai người cô đồng thờ vua Minh-Tôn : Minh-tử Hoàng-hậu sinh ra Nghệ-Tôn, và Đôn-tử hoàng-hậu sinh ra Duệ-Tôn, nên vua Nghệ-Tôn tin dùng lắm).

Nghệ-Tôn truyền ngôi cho em là Kính, tức Duệ-Tôn (1374) Duệ-Tôn cũng đề Quý-Ly chấp chương triều đình.

Nhân khi đi đánh giặc Chiêm, Duệ-Tôn từ trận. Thượng-hoàng Nghệ-Tôn lập con Duệ-Tôn là Hiền làm vua, tức là Phế-Đế (1377-1388).

Trong đời Phế-Đế, Lê-Quý-Ly đánh đuổi giặc Chiêm hai lần, năm Canh-Thân 1380, và Nhâm-Tuất 1382, quyền thế thêm to. Phế-Đế sợ Quý-Ly thoán vị, mưu trừ. Nghệ-Tôn truất vua Phế-Đế, lập con út mình là Chiêu-Định-Vương lên kế vị, tức là vua Thuận-Tôn (1388-1398).

Tháng chạp năm Giáp-Tuất (1394), Nghệ-Tôn thăng hà. Quý-Ly lên làm Thái-Sư phụ chính.

Trong nước lúc bấy giờ, nhân dân cũng thường đói khổ, giặc Chiêm khuấy nhiễu bất thường, kho tàng kiệt quệ. Đề lấp lại phần



nào công quỹ, Đổ-Từ-Bình bày lập thuế đinh, mỗi đầu người phải đóng 3 quan tiền thuế.

Bên Tàu, nhà Minh diệt được nhà Nguyên, toàn lấy nước Nam làm đô hộ, sách nhiễu vua Nam phải cung cấp lương thực cho quân sĩ Tàu, đòi dâng nạp lễ cống : gỗ quý, tăng nhân, v.v...

Nước Nam suy yếu, binh bị kém dần.

Cầm quyền-bính trong tay, Quí-Lý lo bề chính đôn.

Quí-Lý lại toàn chiếm nhà Trần, nên lập tâm lo làm cho nước nhà hưng vượng.

Muốn tiện bề thoán đoạt, Quí-Lý cho cất Tây-Đô ở vùng Thanh Hóa, dời Thuận-Tôn về ngự Tây-Đô (năm Bình Tý 1396) Qua năm sau, xui Thuận-Tôn thoái vị để lo việc tu hành. Thuận-Tôn nhường ngôi cho thái tử Ân tước mới lên ba, tức là Thiếu-Đế (1398-1400). Quí-Lý làm phụ-chính, tự xưng là Khâm-Đức Hưng-Liệt đại-vương. Năm Canh-Thìn (1400) Quí-Lý bỏ Thiếu-Đế, lập mình làm vua, xưng Quốc-Tổ chương-hoàng, đổi lại họ Hồ, lấy niên hiệu Thánh-Nguyên. Qua năm sau, nhường ngôi cho con là Hồ-Hán-Thương (1401-1407), rồi làm Thái-Thượng-Hoàng để cùng coi việc nước.

Trước hết, Quí-Lý chỉnh đốn quân cơ : lập ra hộ tịch, bắt tráng đinh phải sung quân đội. Số quân tăng gấp mấy lần, phân doanh, đoàn, đội, vệ, đại quân, trung quân. Tất cả dưới quyền chỉ huy của một viên Đại Tướng.

Về binh thủy, dạy đo thuyền to, trên có sàn tiện bề chiến đấu.

Quân phục, quân nhu, lập kho tàng chứa sẵn. Bắt lính, hay thợ chuyên môn rèn đồ khí giới.

Đặt quảng-tế-thự (y viện) để trông nom quân lính và thường dân (1403).

Quí-Lý lại có sáng kiến lập « sa bàn » mô hình cát, để nghiên cứu trận đồ, chiến lược binh cơ.

Tài-chánh là huyết mạch lưu thông của nước nhà. Quí-Lý bày ra tiền giấy :

Giấy 10 đồng, in hình rồng biển ; 30 đồng, lượn sóng bề đồng.

1 tiền, vầng mây Tam-diệp, hai, ba, năm tiền, 1 quan hình tú linh : Quí, Lân, Phụng, Rồng một con mỗi thứ.

Ai làm giấy giả, tội ra pháp trường.

Xài tiền giấy nhẹ nhôm để tiêu, thanh hành mậu dịch, lại thâu được tiền đồng để làm binh khí.

Ai chôn giấu tiền đồng cũng tội tử hình như làm giấy giả (1396).

Lập điều lệ thương mại để bảo vệ người buôn, duy trì tiền giấy. Đặt giám-thị viên kiểm soát thị trường, cung vật dụng đo lường : thước, cân, thăng, đấu (1403).

Lược điền thổ : Trừ vương tôn, công chúa, được số đất khá hơn, dân gian, bất luận, dưới 10 mẫu, không trên.

Ai có dư phải nộp vào công quân, để phân phát lại bần nông, hữu sản hóa dân nghèo. Nghèo, giàu không chênh lệch lắm.

Đất Chiêm-động (Quảng-Nam) và Cồ-Lũy (Quảng-Ngãi) mới thuộc về Nam, còn trống, thừa người, cho di dân đến nơi lập nghiệp.

Ở mỗi lộ (tỉnh), lập ra kho lúa Thường-Bình, lấy tiền công mua lúa trữ để cứu cấp những năm thất mùa, và bình-thường hóa giá lúa, không để lên cao hay là sụt quá.

Thuế sưu, cũng quan tâm sửa đổi, phân ra từng hạng, theo tỷ lệ mà thâu : thương thuyền, điền thổ, nhân đinh... tùy theo sức trọng tải, số thâu hoạch ít nhiều, người hữu sản hay vô, thâu theo cấp bậc. Mọi người : thương gia, tư sản, tráng đinh đều tùy khả năng, góp phần vào công quỹ.

Cô nhi, quả phụ được tha. Người già được miễn.

Trong việc kinh-tế lý-thải, Hồ-Quý-Ly có người tôi là Hoàng-Hối-Khanh giúp vua đắc lực.

Nhờ tân pháp đổi thay, thực hành, nước nhà cũng được phần khởi thêm lên. Chế độ nhà Hồ cũng là xứng đáng.

Về văn học, nên nói rằng Hồ-Quý-Ly là một nhà trí thức có óc phê bình, ưa thực-tiễn hơn là lý-thuyết suôn, không muốn bo bo giữ theo lẽ lối cũ. (Người ta thường ví Hồ-Quý-Ly như Vương-An-Thạch Tống triều).

Quý-Ly đã « dịch thiên Vô-dật », nói về chính-trị, văn-học, trong Kinh-Thư, ra quốc ngữ để dạy vua ; dịch Kinh-Thi và giảng giải theo ý riêng của mình để dạy các hậu-phi và cung nữ, và đã viết sách Minh-Đạo 14 thiên, đặt điều ngự Không-Tử, bài bác Tống nho

thì biết người có tâm hồn cách mạng, thực tế duy tân. Nên việc học hành, thi cử, từ trước đến đây, đều sửa sang lại hết. Thêm một phần toán pháp vào các kỳ thi.

Xem một tờ chiếu của Hồ-Quý-Ly, thì rõ ý vua có lòng lo mở mang dân trí.

Tờ chiếu đặt ra ngạch Học-Quan ở lộ (tỉnh) (1397).

### BÀI DỊCH :

Đời xưa, nước có nhà học, ở thôn đảng có nhà tư, ở xóm có nhà trường, là để mở mang giáo hóa, làm tốt cho phong tục nước nhà.

Ý Trẫm hăm mộ lắm thay.

Nay thê chế ở Kinh-Đô nước ta đã đầy đủ, mà ở Châu, Huyện còn thiếu, thì biết lấy gì để mở rộng đạo đức cho dân ta?

Vậy, nay ở các lộ Sơn-Nam, Kinh-Bắc, Hải-Đông, mỗi phủ đều đặt một Học-Quan.

Ban cho ruộng công có thứ bậc: châu và phủ nào lớn 15 mẫu, châu phủ vừa 12 mẫu, châu phủ nhỏ 10 mẫu, để cung vào việc chi phí dạy học ở chỗ mình: (một phần làm lễ cáo ngày mồng một, một phần dùng vào việc học, một phần về sách vở, đèn dầu).

Các quan ở lộ phải đốc sức Học-Quan dạy dỗ học trò, để cho thành tài thực dụng.

Mỗi cuối năm phải chọn kẻ học giỏi tiến vào triều, Trẫm sẽ thân ra thi và cất dùng làm quan, bổ dụng.

Trước Nguyễn-Huệ, Hồ-Quý-Ly đã từng dùng quốc âm làm sắc chiếu, hiệu dụ, công văn.

Hồ-Quý-Ly còn lưu ký một pho sách « Bình, Chánh, Kinh Quốc Toàn Lục » nêu những sáng kiến cải cách về quân-cơ, hành-chánh, kinh-tế lý-tài. Có chỗ chưa thi hành kịp, vì nhà Hồ ngắn ngủi chỉ có 7 năm (1401—1407).

Nếu nhà Hồ ngự trị được lâu, nước Nam sẽ đi thêm một bước dài trên đường tiến hóa.

(Quý-Ly được 2 người con cũng giỏi: Hồ-Nguyên-Trừng và Hồ-Hián-Thương.

Hồ-Nguyên-Trùng, con trưởng, làm sứ « thần cơ », viết Nam-Ông mộng lục, hoàn tất quyển « Binh, Chánh, Kinh quốc toàn lục » do Quí-Ly khởi đầu. Những sáng kiến họ Hồ, người Trung-Hoa xem còn thần phục, muốn thực hiện ở Trung-Nguyên.

Hồ-Hán-Thương, con thứ, kế vị Quí-Ly (1401 — 1407) lấy được đất Chiêm-động (Quảng-Nam) và Cồ-Lũy (Quảng-Nghĩa) của Chiêm-Thành, phân ra làm 4 châu : Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, đặt quan Thăng-Hoa An-Phủ-Sứ thống trị. Cho dân Bắc di vào. Cho những người có tội được chuộc bằng trâu, để cấp cho người di cư sử dụng).

Công nghiệp nhà Hồ cũng là đáng kể, làm cho dân, nước được mở mang.

Nhưng than ôi ! Nước Nam ta còn nhiều tai nạn. Một miêu-duệ nhà Trần : Trần-Khang, tự Thiêm-Bình đến Yên-Kinh cầu vua Tàu cho binh phục nghiệp.

Nhà Minh, nhân cơ thỉnh cầu, lấy nước Nam làm thuộc địa (1414—1427), cai trị người Nam rất là khắc khổ.

Nhờ có người Anh-Hùng áo vải Lam-Sơn, vua Lê-Lợi, đánh 10 năm, mới đuổi được quân Tàu khỏi phục lại giang sơn.

---

**CƯỚC-CHỮ :** Họ Hồ không chống nổi quân Minh, vì thời kỳ ấy người ta tôn sùng Quân-Chủ hơn là nghĩ đến quyền lợi quốc gia. Quân nhà Minh kéo qua giày xéo, những hạng người tôn Quân gọi Quí-Ly là oán, toan lập lại nhà Trần, đều ứng giúp quân Minh. Quí-Ly cô lập, ba cha con bị bắt về Tàu.

Và lại Quí-Ly đã thề với vua Nghệ-Tôn không oán đoạt : « Nếu thần không giữ phận làm tôi, thì xin cho Trời tru, Đất diệt », nên bị lời thề mà mất ngôi, bị bắt. (Cười. . .).



**LÊ - THÁI - TỎ**



## **Bình-Định-Vương, Lê-Thái-Tổ Lê-Lợi**

---

Cuối nhà Trần, vua quan hèn yếu, Hồ-Quí-Ly tiếm vị xưng vương. Trần-Thiểm-Bình sang Trung-Quốc cầu cứu vua Minh. Minh-Thánh-Tổ nhân cơ «điều dân» sai Mộc-Thạnh, Trương-Phụ qua lấy nước Nam, đặt nền đô-hộ. Trương-Phụ hung-hăng giết hại người Nam tàn nhẫn, khi về Tàu bắt dẫn theo một số đồng dân bà con gái, để lại bọn Hoàng-Phúc với các quan Tàu cai trị người Nam rất là khắc-khở, khiến dân Nam phải đồng hóa theo Tàu (1414 — 1427).

Những gì đặc tính của Nam, văn hóa, nghệ thuật (sách vở, đồ sứ, đồ chạm, thêu v.v...) đem hết về Tàu. Bắt người Nam khai thác mỏ vàng, mỏ bạc, vào rừng, xuống biển thu hoạch tài nguyên, để vơ vét về Tàu. Lại đặt ra sưu cao thuế nặng, làm cho dân ta chịu nhiều kham-khở, cơ-cực, lầm-tham.

Một người anh hùng áo vải quê ở Lam-Sơn, huyện Thụy-Nguyên, Thanh-Hóa, tên là Lê-Lợi, thấy vậy không yên, đứng lên khởi nghĩa.

Ông là một người khảng-khải, có chí khí to, thường nói: «Đứng làm trai sinh ở trên đời, phải lập nên nghiệp lớn, cứu vãn dân lành, chứ bo-bo làm thân nô lệ».

Là nhà trường giả, mấy đời chuyên nghiệp canh nông, ông chiêu tập anh hùng, những người hữu chí, những kẻ lưu vong có can trường nhiệt huyết về truyến-thống độc lập nước nhà.

Mùa xuân năm Mậu-Tuất (1418), ông tự xưng là Bình-Định-Vương, ra hịch xa gần kẻ tội quân Minh, rồi cùng tướng Lê-Thạch, Lê-Liêu... khởi binh tại núi Lam-Sơn, đánh quanh vùng Thanh-Hóa, nhưng binh tướng của ông, lúc đầu, không trên một vạn.

Quan nhà Minh, Mã-Kỳ, ở Tây-Đô (Thanh-Hóa) đem binh đến dẹp.



Vương đuổi được quân Minh tại Lạc-Thủy (Quảng-Hóa), nhưng tướng ít, binh thưa, chống lâu không được, phải về đóng ở Chí-Linh (Thanh-Hóa), để vợ con lọt vào tay giặc.

Tháng Tư năm Kỷ-Hợi (1419), Bình-Định-Vương lấy đồn Nga-Lạc (huyện Nga-Son), giết Nguyễn-Sao, Minh Tướng, rồi cũng rút quân về Chí-Linh để bồi dưỡng lại.

Quân nhà Minh vây đánh Chí-Linh. Trong cơn nguy cấp, bộ tướng của ngài là ông Lê-Lai xin áo ngự bào mặc thay ông, cỡi voi ra trận. Quân Minh tưởng ngài, vây đánh, giết được Lê-Lai rồi tự rút về.

Bình-Định-Vương thoát khỏi, thân nhứt quân tàn về đóng ở Lu-Son (Thanh-Hóa).

Năm Canh-Tý (1420), Vương định đánh Tây-Đô, Minh tướng Lý-Bân đem binh tới đánh. Bị phục binh của Vương đánh bại, Lý-Bân rút về phòng thủ Tây-Đô.

Vương đóng quân ở Lỗi-Giang (Cầm-Thủy). Nơi đây, Vương thâu dụng ông Nguyễn-Trãi, một người tài lương đồng.

(Ông Nguyễn-Trãi là con ông Nguyễn-Phi-Khanh làm quan nhà Hồ. Khi Nguyễn-Phi-Khanh bị quân Minh bắt, Nguyễn-Trãi theo đến ải Nam-Quan. Phi-Khanh bảo: « Con phải lo trả thù cha, rửa nhục cho nước, chớ theo làm gì. » Nguyễn-Trãi về trau giồi binh lược, để chí phục thù, nay phò Lê-Lợi).

Năm Tân-Sửu (1421), tướng Minh Trần-Trí hiệp với quân Lào, đánh Bình-Định-Vương.

Được Nguyễn-Trãi làm tham-mur, Vương đánh lui Trần-Trí cùng 3 vạn binh Lào. Nhưng Lê-Thạch, tướng của Vương, bị tên bắn chết.

Sang năm sau, Nhâm-Dần (1422) quân Minh lại hiệp với quân Lào vây đánh Bình-Định-Vương nữa. Vương hết sức phá được vòng vây, đem quân về Chí-Linh cố thủ.

Tại Chí-Linh, lương thực hết dần, phải ăn tới ngựa, voi. Tướng sĩ xin Vương nghị hòa. Vương sai Lê-Trần đi thương thuyết. Quan Minh Trần-Trí nhận lời.

Nhưng sau, Trần-Trí bắt giữ Lê-Trần, Vương thấy việc hòa đã vỡ, đem quân về đóng ở Lư-Sơn, định lấy đất Nghệ-An làm nơi căn-cứ.

Vì binh ít, tướng côi, nên việc đánh đuổi quân Tàu 10 năm mới thành tựu. Phần nhiều những trận mà Vương thắng được quân Minh là nhờ ở phục binh trước sẵn, quân Tàu gặp phải phục binh đại bại.

Trong năm Giáp-Thìn (1424) Vương lấy được đồn Đa-Cãng, thành Trà-Long (Nghệ-An), đất Khả-Lưu (Hà-Tĩnh). Trần-Trí giữ Nghệ-An.

Đầu năm Ất-Tỵ (1425), Vương vây đánh thành Nghệ-An. Trần-Trí bỏ chạy về Đông-Quan.

Đến tháng Năm, Đinh-Lễ, tướng của Bình-Định-Vương hiệp cùng Lê-Sát, Lưu-Nhân-Tú vây thành Tây-Đô.

Tháng bảy, tư-dõ Trần-Nguyên-Hãn, thượng-tướng Lê-Nỗ hạ được hai thành Tân-Bình và Thuận-Hóa.

Từ đây binh thế của Bình-Định-Vương ngày thêm mạnh. Tướng sĩ tôn Ngài «Đại Thiên hành hóa». Ngài cầm binh có đức độ và nghĩa nhân, cấm việc cướp bóc và giết kẻ đầu hàng.

Năm Bính-Ngọ (1426), Bình-Định-Vương ra đánh Đông-Quan. Trần-Trí phải gọi Phương-Chính từ Nghệ-An đem quân ra tiếp.

Minh-Đế rõ được tình hình, sai Chinh-Di tướng-quân là Vương-Thông và Tham-Tướng Mã Anh đem 5 vạn quân sang cứu Đông-Quan.

Bình Vương-Thông, Phương-Chính hiệp lại có trên 10 vạn người, đóng đồn dày, liên tiếp nhau phòng bị. Khi mưu lược tấn công, kế hoạch bị phát giác, nên bị quân ta tập công ở Tuy-Động (Nghệ-An) hao gần phân nửa (tháng 10 Bính-Ngọ).

Vương-Thông, Phương-Chính, Mã-Kỳ về giữ Đông-Quan. Nơi đây, bị thua hoài, Vương-Thông cho người ra nói với Bình-Định Vương tìm lập con cháu nhà Trần làm vua, sẽ bãi binh về nước.

Vương nghĩ: giặc lâu tàn hại dân lành, nên theo ý Vương-Thông, lập Hồ-Ông, cháu ba đời của vua Nghệ-Tôn lên làm vua, đổi tên là Trần-Cảo, còn mình làm Vệ-Quốc-Công, để cho Vương-Thông thu binh về nước.

Bị gièm pha, Vương-Thông một mặt giả hòa, một mặt cho đào hào, đắp lũy, rắc chông, lại sai người đem thơ về Trung-Nguyên cầu cứu.

Bắt được thơ, Bình-Định-Vương giận lắm, vây hãm Đông-Quan và lấy hết những thành kế cận.

Vương-Thông gấp rút sai người về tàu cùng Minh-Đế xin cấp thêm binh. Minh-Đế sai Chinh-Lự An-Viên-Hầu Liễu-Thăng Công-bộ Thượng-thor Hoàng-Phúc... đem 10 vạn quân đi ngả Quảng-Tây, Chinh-Nam Đại-Tướng-Quân Kiểm-quốc-công Mộc-Thạnh đem 10 vạn binh đi đường Vân-Nam sang đánh.

Liễu-Thăng qua cửa Ba-Lự (Nam-Quan), lấy ải Ai-Lưu, phá luôn một lượt nhiều đồn. Quân Nam không chống nổi, lui về giữ ải Chi-Lăng. Bình Liễu-Thăng đuổi tới, gặp chỗ bùn lầy, phục binh ta tuồn đánh, chém Liễu-Thăng tại Đạo-Mã-Pha (Mã-Yên-Sơn, Lạng-Sơn), ngày 20 tháng 9, Đinh-Mùi (1428). Hoàng-Phúc chạy về thành Xương-Giang (Phủ Lạng-Giang), bị bắt sống. Quân Minh hàng phục và hao chết rất nhiều.

Mộc-Thạnh hay tin Liễu-Thăng tử chiến, ra lệnh rút lui bị quân ta tập hậu, giết trên 1 vạn người, bắt sống trên 2 ngàn người ngựa.

Bình-Định-Vương sai đưa bọn Hoàng-Phúc và tín-phù của Liễu-Thăng về Đông-Quan cho Vương-Thông biết.

Vương-Thông rõ được cứu binh đã tàn, sợ hãi quá, viết thơ xin bãi binh, cầu hòa.

Vương thuận cho. Rồi lập đàn thề với Vương-Thông ở phía Nam Thành Đông-Quan, định tháng Chạp cho quân Minh về nước.

Tháng Chạp năm Đinh-Mùi (1428), Vương cấp cho Phương-Chính, Mã-Kỳ 500 chiếc thuyền, cho Sơn-Thọ, Hoàng-Phúc một số lương thực và ngựa làm chân, giao 2 vạn người đầu hàng và bị bắt cho Mã-Anh quản lĩnh về Tàu.

Vương-Thông dẫn binh bộ ra khỏi ải « Nam-Quan ».

Bình-Định-Vương tiền đưa rất hậu.

Từ mùa Xuân Mậu-Tuất (1418) tới mùa Đông Đinh-Đùi (1428) ròng rã 10 năm, Bình-Định-Vương mới đánh bại quân Tàu, cho về Trung-Quốc, lấy lại nước Nam, duy trì độc lập. Thật là một anh-

hòng kiên gan trì chí, nhiều trận đã thua, suýt không toàn tánh mạng, mà vượt khỏi nguy, chuyển hư thành thắng, khôi phục được nước nhà, cứu muôn dân khỏi vòng nô lệ, công đức trường lưu.

Bình-Định-Vương lên ngôi, tức là Lê-Thái-Tổ (1428) đặt tên nước là Đại-Việt, truyền đến vua Chiêu-Thống thì dứt nhà Lê (1788), trước, sau, được 360 năm dài đặc.

### BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO

Khi dẹp xong giặc rồi, Bình-Định-Vương truyền lệnh cho ông Nguyễn-Trãi, Lại-Bộ Thượng-Thư làm tờ hịch bá cáo cho dân gian được rõ.

Ông Nguyễn-Trãi viết bài « Bình Ngô Đại Cáo » kể rõ :

Nguyên do cuộc khởi nghĩa chống đỡ họ nhà Minh : sự hà khắc của quan cai trị tham tàn.

Những chi tiết về cuộc đánh đuổi quân Minh : sự khó khăn buổi đầu, những trận toàn thắng lúc sau, tên các tướng Minh sang Nam bại trận.

Việc phóng thích quân Minh, tha cho về nước với lòng cảm phục ân đức vua Nam.

Là một bài cổ-văn Hán tự đạo mạo nghiêm trang, ông Bùi-Kỷ dịch nôm theo cổ-thể.

Thật là một áng văn hay, nên đọc kỹ, để biết rõ việc đánh quân Minh, cũng thưởng thức một bài văn điệu cổ.

### BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO (Bài dịch Nôm của Bùi-Kỷ)

Từng nghe :

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,*

*Quân điếu phạt chỉ vì khử bạo.*

*Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn-hiến đã lâu,*

*Sơn hà cương vực rõ chia, phong tục Bắc Nam cũng khác.*

*Từ Đinh, Lê, Lý, Trần gây nền độc lập,*

*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương.*

*Dẫu cường nhược có lúc khác nhau,*

*Song hào-kiệt đời nào cũng có.*

Vậy nên :

Lưu-Cung sợ oai mất vía, Triệu-Tiết nghe tiếng giết mình.  
Cửa Hàm-Tử giết gà Toa-Đỗ, sông Bạch-Đằng bắt người Ô-Mã.  
Xét xem cớ tích đủ có chứng minh.

Vừa rồi :

Vì họ Hồ chính-sự phiến hà, đề trong nước nhân dân oán hận.  
Quân cuồng Minh đã thừa bạo ngược.  
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh.  
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,  
Vùi con đỏ xuống đáy hầm tai vạ.

Chước dối đủ muôn ngàn khước, ác chứa ngót hai mươi năm.  
Bại nhân nghĩa, nát cả càn khôn,  
Nặng thuế sưu, vết không sơn trạch.

Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bề mờ châu,  
Nào hồ bẫy hươu đen, nào lưới dò chim sả.  
Tàn hại côn trùng thảo mộc, neoh nhớt thay quan quả cô đơn.  
Kẻ há miệng đũa nhe răng, máu mủ bấy no nê chưa chán ?  
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa ?  
Nặng nề về những nỗi phu-phên. Bớt-bớt mất cả nghề canh cửi.

Độc ác thay, trúc rừng không ghi hết tội,  
Dơ bẩn thay, nước bể khôn rửa sạch mùi !  
Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần nhân nhin được ?

Ta đây :

Núi Lam-Sơn đầy nghĩa,  
Chốn hoang dã nương mình.  
Ngắm non sông cam nổi thế thù,  
Thề sống chết cùng quân nghịch tặc.  
Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa,  
Nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.  
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,  
Ngắm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.  
Những trăn-trọc trong cơn mộng mị, chỉ băn-khoăn một nỗi đồ hồi.  
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngật vì :

Tuấn-Kiệt như sao buổi sớm, nhân-tài như lá mùa thu.  
Việc bốn-tàu thiếu kẻ đỡ đần, nơi duy-ác thiếu người bàn bạc.

Đôi phen vùng vẫy, vẫn dăm-dăm con mắt dục Đông, (1)

Mấy thuở đợi chờ, luống dăng-dăng cỗ xe hưu tá. (2)

Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt mờ như kẻ  
vọng dương, (3)

Thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội vã như khi chừng nịch, (4)

Phần thì giận hung đồ ngang dọc, phần thì lo quốc bộ khó khăn.

Khi Linh-Sơn lương hết mấy tuần, khi khôi huyệu quân không  
một đội.

Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết  
thiên ma.

Cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử.

Múa đầu gậy ngọn cờ phất phới,

Ngóng vãn nghe bốn cõi đàn hồ.

Mở tiệc quân, chén rượu ngọt ngào, khắp tướng sĩ một lòng  
phụ tử.

Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi.

Quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Cho hay :

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,

Lấy chí nhân mà thay cường bạo.

Trận Bồ-Đàng sấm vang sét dậy, miền Trà-Tân trước phá tan tành.

Sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh.

Trần-Tử, Sơn-Thọ mất vía chạy tan,

Phương-Chính, Quý-An tìm đường trốn tránh.

Đánh Tây-Kinh phá tan thế giặc,

Lấy Đông-Đô thu lại cõi bờ.

Dưới Ninh-Kiều máu chảy thành sông

Bến Tuy-Động, xác đầy ngoài nội.

Trần-Hiệp đã thiệt mạng, Lý-Lương lại phơ thay.

Vương-Thông hết cấp lo lường,

Mã-Anh khôn đường cứu đỡ.

1. Dục Đông : muốn về lấy Đông-Đô.

2. Hưu tá : không có người bên tả, để đợi người hiền.

3. Vọng Dương : trông ra biển, không thấy gì, không thấy người giúp.

4. Chừng nịch : vót người chột đuôi.

Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao,  
 Ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất.  
 Tướng nó đã thay lòng đổi dạ, hiểu lẽ tới lui,  
 Ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội nghiệt.  
 Cậy mình là phải, chỉ quen đồ vạ cho người,  
 Tham công một thời, chẳng bỏ bầy trò dờ duốc.  
 Đến nỗi dứa trẻ ranh như Tuyên-Đức (1), nhâm vô không thôi,  
 Lại sai đồ nhút nhát như Thạnh, Thăng, đem đầu chữa cháy.

Năm Đinh-Mùi tháng chín :

Liễu-Thăng từ Khâu-Ôn tiến sang,  
 Mộc-Thạnh tự Văn-Nam kéo đến.  
 Ta đã điều binh giữ hiểm đề ngăn lối Bắc-quân,  
 Ta lại sai tướng chẹn ngang đề tuyệt đường lương đạo.  
 Mười Tám, Liễu-Thăng thua ở Chi-Lăng,  
 Hai Mười, Liễu-Thăng chết ở Mã-Yên.  
 Hai mươi lăm, Lương-Minh trận vong,  
 Hai mươi tám, Lý-Khánh tự-vẫn.  
 Lưỡi dao ta đang sắc, ngọn giáo giặc phải lùi.  
 Lại thêm quân bốn mặt vây thành, hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc.  
 Sĩ tốt ra oai thì hổ, thần thú đủ mặt trao nha.  
 Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,  
 Voi uống nước, nước sông phải cạn,  
 Đánh một trận, sạch không kình ngạc, đánh hai trận, tan tác  
 chim muông.  
 Cơn gió to trút sạch lá khô, ô kiến hồng sục toang đê cũ.  
 Thôi-Tự phải quỳ mà xin lỗi,  
 Hoàng-Phúc tự trời dề ra hàng,  
 Lạng-Giang, Lạng-Sơn thầy chất đầy đồng,  
 Xương-Giang, Bình-Tham máu trôi đỏ nước.  
 Gấm ghê thay, sắc phong vân cũng đổi,  
 Thảm đạm thay, sáng nhật nguyệt phải mờ  
 Bình Văn-Nam ghen ở Lê-Hoa, sợ mà mất mặt,  
 Quân Mộc-Thạnh tan nơi Thăng-Trạm, chạy đề thoát thân.

1. Vua Tuyên-Tôn nhà Minh, niên hiệu Tuyên-Đức.

Suối máu Lành-Câu, nước sông rền-rĩ,  
 Thành xương Đan-Xá, cỏ nội đầm-đìa;  
 Hai mặt cứu binh cầm đầu trốn chạy,  
 Các thành cùng khẩu còi giáp xuống đầu.  
 Bất tướng giặc mang về, nó đã vấy đuôi phục tội,  
 Thề lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh.  
 Mã-Kỳ, Phương-Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến  
 bè chưa thôi trống ngực.  
 Vương-Thông, Mã-Anh, phát cho vài ngàn cỗ ngựa, về đến Tầu  
 còn đồ mỡ hôi.

Nó đã sợ chết cầu hòa, ngo lòng thù phục,  
 Ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ ngơi.  
 Thế mới là mưu kế thật khôn, và lại suốt xưa nay chưa có.  
 Giang-San từ đây mở mặt,  
 Xã-Tắc từ đây vững bền.  
 Nhật-Nguyệt hối mà lại minh,  
 Càn-Khôn bi mà lại thái.  
 Nền vạn thế xây nên chẵn-chẵn,  
 Thẹn ngàn thu rửa sạch lâu-lâu.

Thế là:

Nhờ Trời Đất tỏ tôn khôn thiêng che chở giúp đỡ cho nước ta  
 đó vậy.

Than ôi!

Vấy vùng một mảnh nhung y, nên công đại định,  
 Phẳng lặng bốn bề thái vớ, mở hội vĩnh thanh.  
 Bá cáo xa gần ngở cùng nghe biết.



\* Chú-thích Bản-đồ-trang 122 : (tiếp theo)

Ba lần rút quân về đóng ở núi Chi-Linh bởi bỏ : năm Mậu-Tuất (1418), Kỷ-Hợi (1419) và Nhâm-Dần (1422).

Đánh lấy Nghệ-An năm Ất-Tỵ (tháng Giêng), vây thành Tây-Đô (tháng 5), lấy Tân-Bình, Thuận-Hóa (tháng 7).

Năm Bính-Ngo (1426) Bình-Định-Vương tiến đánh Đông-Đô; đánh Vương-Thống ở Tuy-Dộng.

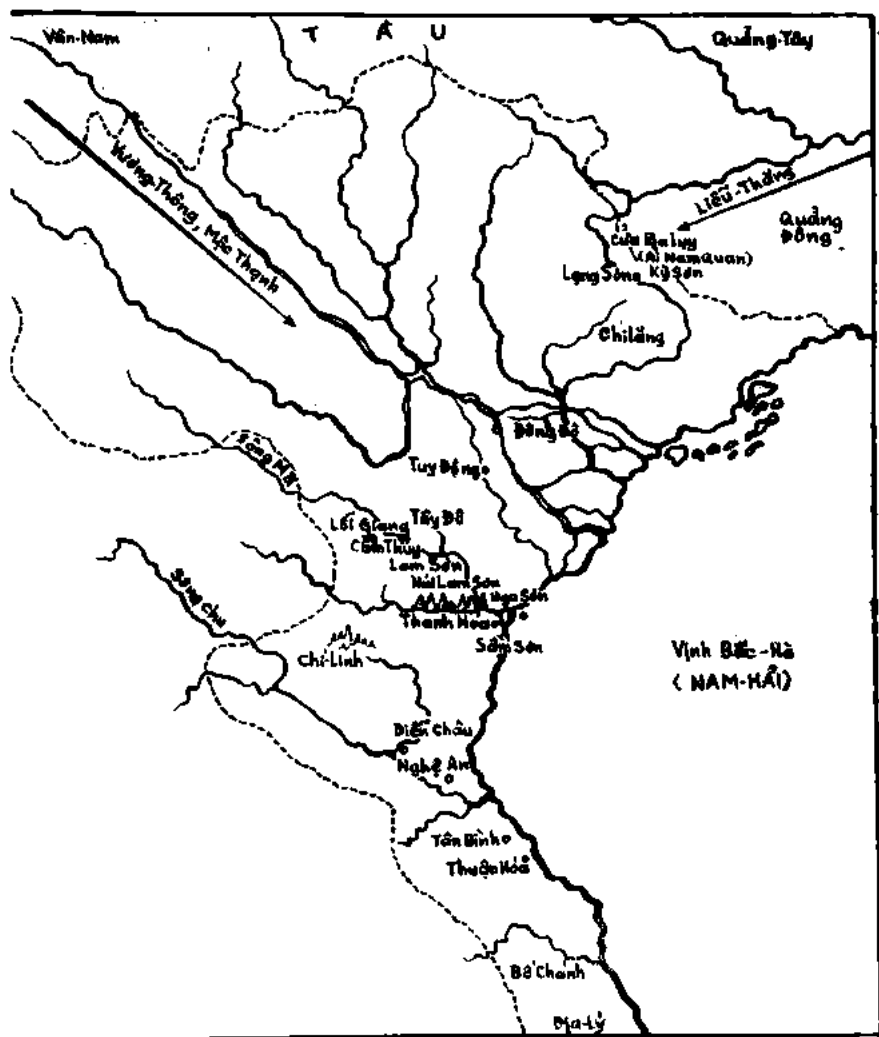
Trận Chi-Lăng Liễu-Thăng tử chiến (ngày 20 tháng 9 năm Đinh-Mùi (1428) Vương-Thông xin hòa (lần thứ hai), năm Đinh-Mùi 1428, dứt cuộc xâm lăng đó-hệ của nhà Minh.

Tại Lôi-Giang, Bình-Định-Vương thâu dụng ông Nguyễn-Trãi, một người tài lương-dũng.

Đỗ-Chánh, nơi tướng Minh, Nhâm-Đổng bị đẩy lùi.



**Bản đồ nước Nam khi Bình-Định-Vương Lê-Lợi  
đánh đuổi quân Minh.**



Bình-Định-Vương Lê-Lợi khởi binh tại núi Lam-Sơn (Thanh-Hóa) tháng Giêng năm Mậu-Tuất (1418).

(Xem tiếp Chú Thích trang 121)

**LÊ - THÁNH - TÔN**



## **Lê Thánh Tông (1460 — 1497)**

Niên hiệu : Quang-Thuận (1460 — 1469)

Hồng-Đức (1470 — 1497)

---

Bình-định-vương Lê-Lợi dẹp dứt giặc Minh, lên ngôi đế vị vào năm Mậu-Thân (1428) tức là vua Lê-Thái-Tổ đặt quốc hiệu là Đại-Việt, trị vì được 6 năm thì mất (1433) thọ 49 tuổi.

Vua Lê-Thái-Tôn nối ngôi Ngai, khi 11 tuổi, trị vì được 9 năm (1434-1442), thọ 20 tuổi, bệnh chết thình lình.

Thái-Tử Bổng-Cơ mới nên 2 tuổi, được đặt lên ngôi (1443), tức Lê-Nhân-Tôn, bà Thái-Hậu cầm quyền, Nhân-Tôn ở ngôi được 17 năm.

Vào năm Kỷ-Mão (1459), người anh khác mẹ là Lạng-Sơn-Vương, Nghi-Dân, thế Nhân-Tôn, giết Hoàng-Thái-Hậu, tự lập mình lên làm vua.

Nghi-Dân cướp ngôi được 8 tháng, giết hại cựu thần, lòng người không phục. Các quan đại thần : Nguyễn-Xí, Đinh-Liệt... đình nghị, sát Nghi-Dân, rồi lập Bình Nguyên Vương, Tư-Thành, lên làm vua, tức là Lê-Thánh-Tôn.

(Tư-Thành là con thứ tư của vua Thái-Tôn cùng nàng Tiệp-nữ Ngô-thị Ngọc-Dao. Vua thấy nàng kiều diễm đòi vô biệt điện cho hầu. Khi nàng mang thai, bà Từ-Huệ Hoàng-Hậu phát lưu nàng khỏi nơi cung cấm. Công thần Nguyễn-Trãi tâu vua xin cho ăn nấu ngoài thành. Thái-Tôn giáng chỉ cho ở tạm gần chùa Hoa-Văn. Khi Tiệp-nữ sanh được Hoàng-nam, vua đòi xem mặt đứa trẻ, đặt tên Tư-Thành phong tước Bình-Nguyên-Vương (1). Khi Nhân-Tôn tức vị, bà Thái-hậu cầm quyền, hai mẹ con Ngọc-Dao lần trốn tại vùng Quảng-Yên, ở nơi hẻo lánh. Tư-Thành mới được trên năm (trên 1 tuổi).

---

1. Chữ « Tư-Thành » đi đôi với « Bổng-Cơ » tên hoàng-tử giữa, lớn hơn mấy tháng.

Lớn lên, Bình-Nguyên-Vương Tư-Thành thông minh dĩnh tuệ, học rộng hiểu nhiều, ở với mẹ rất hiếu.

(Nghị-Dân chết, đình thần rước về làm vua).

Vua Thánh-Tôn lên ngôi lúc trưởng thành, năm 18 tuổi đã trải việc gian nan, nên rất được lòng đối với các quan triều chánh.

Ngài phong tước và cấp ruộng cho các vị công thần ; truy tặng những người bị giết oan ở các triều vua trước ; cho tìm con cháu ông Nguyễn-Trãi về, cấp cho ruộng đất để thờ phụng tổ tiên. Ngài phong cho mẹ, (Tiếp-nữ Ngọc-Dao), là Quang-Thục Hoàng-Thái-Hậu, thính về nội cung.

Vua Thánh-Tôn là một vị minh quân sáng kiến, nên việc triều chính, kinh tế, lý tài, văn học, binh cơ...đều quan sát kỹ, thay đổi cho hợp thời.

Việc triều chính ngoài Lục-Bộ, Lục-Khoa, Thánh-Tôn đặt thêm Lục-Tự (1), lập quan chế, lễ nghi theo Minh triều.

Quan, ngoài bổng lộc, được cấp ruộng quan ; 65 tuổi được cho về trí-sĩ, hàng nha lại 60 tuổi được hưu.

Trước, vua Thái-Tổ chia nước ra làm 5 đạo. Thánh-Tôn chia lại 12. Mỗi đạo có Tòa-Đô coi về binh sự, Tòa Thừa coi về hành chánh, Tòa-Hiến, luật hình. Sau khi lấy được đất Quảng-Nam của Chiêm-Thành, đặt lại làm 13 xứ : Thanh-Hóa, Nghệ-An, Sơn-Nam, Sơn-Tây, Kinh-Bắc, Hải-Dương, Thái-Nguyên, Tuyên-Quang, Hưng-Hóa, Lạng-Sơn, An-Bang, Thuận-Hóa và Quảng-Nam.

Những xứ hiểm yếu như Nghệ-An, Thái-Nguyên, Lạng-Sơn, Thuận-Hóa đều đặt quan Thủ-Ngự Kinh-Lược-Sứ để giữ gìn.

Về thuế vụ : Ruộng lúa, ruộng dâu,... sắp mỗi thứ làm 3 hạng, tính số mẫu mà thu. Mỗi 6 năm phải tu bộ lại.

Vua Thánh-Tôn rất chú trọng về việc nông, tang. Ngài sắc chỉ cho phủ, huyện khuyến nhủ việc cày bừa, ươm tơ, đặt quan Khuyến-

1. Lục-Bộ : Lại-Bộ, Hộ-Bộ, Lễ-Bộ, Binh-Bộ, Công-Bộ và Hình-Bộ. Qua Thượng-Thư làm đầu.

Lục-Khoa : Lại-Khoa, Hộ-Khoa, Lễ-Khoa v.v...

Lục-Tự : Đại-lý tự, Thái-Thượng tự, Quang-lộc tự, Thái-bộc tự.

Hồng lô tự, Thượng bảo-tự, có quan Tự-Khanh, Thiệu Khanh và Tự Thừa.

nông Thừa-chính coi khai khẩn đồn điền, ruộng hoang, bắt dân phu cày cấy.

Ngài dạy lập nhà tế sinh để dưỡng nuôi người già yếu, săn sóc kẻ ốm đau. Khi có bệnh truyền nhiễm, quan Tế-Y đem thuốc chữa trừ.

Những phong tục xấu, Ngài dạy sửa lần ; cấm nhà tang chế bày tiệc linh đình, ma chay hát xướng ; việc hôn lễ không được dè dặt dài ; sau lễ hỏi phải định liền lễ cưới.

Giảm bớt sự cất thêm chùa chiền vì lòng mê tín, đề tài nguyên dùng phát huy cơ sở. Người tu hành có được giấy cấp mới làm sư.

Ngài đặt ra 24 thanh điều, sức cho dân xã giảng đọc trong thôn, để giữ lễ lối tốt.

Về văn học, vua Thánh-Tôn định phép thi hương, sửa phép thi hội. Ngài lập ra lệ xướng danh Tấn-sĩ, và lệ cho về vinh qui.

Ngài thiết lập Hàn-lâm-viện (Việt-Nam) (1495) dưới danh hiệu « Tao-Đàn Nhị-thập-bát tú », gồm 28 vị Hàn-lâm, Ngài làm trưởng, gọi Nguyễn-soái Tao-Đàn. Phó Nguyễn-soái là Thân-Nhân-Trung, Tấn-sĩ, Lại-Bộ Thượng-Thor. Những vị khác đều là người khoa mục, tấn-sĩ, thượng-thor, đại-thần v.v... đủ tài cầm, kỳ thi, họa.

Ngoài việc sưu tập, tu thơ, đề vào văn khố, sáng tác biểu dương của viện Tao-Đàn là tập « Quỳnh-Uyển cửu ca » Ngài phóng tác 9 bài, vịnh cảnh tượng thanh bình minh quân, lương tề. 28 vị trong ban thấy đều họa lại, cộng tất cả 261 bài. Và thành tích còn lưu lại ngày nay, là một phần của bộ bách khoa « Thiên-Nam dư hạ tập », gồm trên 100 quyển, kể cả bộ Đại-Việt Sử-ký, Ngài sức cho Ngô-sĩ-Liên soạn thảo từ đời Hồng-Bàng tới Lê-Thái-Tổ ; quyển Địa-Dư đồ bản, Ngài truyền cho Bộ-Hộ thâu thập tài liệu các tỉnh (đạo) gửi về, kèm theo những bản đồ địa phương, có ghi rõ núi sông, sự tích cổ kim trong địa hạt ; và Bộ Luật Hồng-Đức, đến bây giờ, những nhà luật-gia còn tham khảo.

Ngài tập-san thành nhiều quyển tác-phẩm của Ngài, như Chinh Tây (Chiếm ký-hành), Chinh Chiêm.Thành sự vụ, Minh lương cầm tú, Xuân văn thi tập, v.v... Thơ nôm của Ngài cũng đặc sắc, như loại bài khẩu khí : Người dệt cửi, Thăng mỗ, Con cóc, v.v... và những bài tả cảnh kỳ quan, như Hương-sơn phong-cảnh, Đèo Ngang, v.v... chúng ta thường đọc.

Dưới thời Lê-Thánh-Tôn sự học hành rất phát đạt và mở mang.

Ngoài việc văn chương, sử địa, luật hình, quy chế võ tướng, văn quan, Lê-Thánh-Tôn còn thiết tha về võ bị, nghề-rang; một nước được thịnh cường, phải có một quân đội dũng mãnh. Số quân trong nước bấy giờ thường xuyên có trên 7 vạn. Ngài dạy các quan Tổng-binh phải chăm chú trận đồ, luyện tập quân sĩ. Cứ 3 năm, có 1 kỳ thi võ lược. Ngài đặt ra luật-điều quân lĩnh về thủy chiến, bộ chiến, tượng trận, mã trận, ; người làm tướng phải tập dượt kỹ cương.

Đánh Chiêm-Thành, mở rộng bờ cõi nước Nam. Canh Dần (1470) Hồng-Đức nguyên niên, vua Chiêm Trà-Toàn xuất quân 10 vạn vào cướp Hóa-Châu.

Vua Lê-Thánh-Tôn ra lệnh tuyển chọn tráng đinh thao luyện cấp tốc, hiệp với quân chính qui tại ngũ, hơn 20 vạn người, chinh phạt nước Chiêm.

Thái-Sư Đinh-Liệt, Thái-Bảo Lê-Niệm lãnh 10 vạn tiên phong. Thánh-Tôn đem 15 vạn chỉ huy hậu tập.

Tới Thuận-Hóa, Ngài dạy đóng quân, dượt lại, sai người lên vẽ địa đồ nước Chiêm, mấy nơi hiểm yếu. Rồi Ngài tiến quân đóng ở cửa Đại, Tiểu Áp (thuộc Quảng-Nam).

Quân Chiêm đóng ở phía Bắc Quảng-Nghĩa.

Ngài mật sai Lê-Huy-Cát đem 500 chiến-thuyền, 3 vạn thủy-lục quân vượt biên vào cửa Sa-kỳ (phía nam Quảng-Nghĩa) xây đồn, đắp lũy để chặn đường về của quân Chiêm và đánh lên, từ mặt dưới. Đồng thời, Ngài ra lệnh Nguyễn-Đức-Trung kéo 5 vạn binh-sĩ theo đường núi, xông vào nội địa nước Chiêm. Ngài tự đem 1.000 chiến thuyền với 7 vạn quân ra biển, đồ bộ lên. Cả ba mặt đánh đồn. Quân Chiêm đại bại.

Trà-Toàn vội vã sai sứ xin hàng. Thánh-Tôn nhận thấy thái độ vua Chiêm ngụy trá, không chấp thuận ngay. Ngài kéo binh lấy cửa Thị-Nại (Binh-Định), rồi hạ thành Đồ-Bàn, kinh-đô Chiêm-quốc (ngày 29 tháng Giêng, Tân-Mão, 1471).

Trà-Toàn, và cả hoàng gia đều bị bắt. Vua Thánh-Tôn đổi dãi từ-tế, và trả lại tự-do.

Cuộc đánh Chiêm lần này đem lại cho nước Nam đất Đồ-Bàn, Đại-Chiêm và Cồ-Lũy. Vua Thánh-Tôn lập ra đạo (xứ) Quảng-Nam gồm 3 phủ, 9 huyện, lấy dãy núi Hoành-sơn Đại-Lãnh làm giới hạn (1). Sách chép, khi trông Đèo Cả, thấy rừng đá lên đứng sừng như bia, Ngài dạy khắc sâu hai chữ : « Hồng-Đức », để kỷ-niệm năm chiến thắng, và làm ranh giới cực Nam. Dãy núi này gọi Thạch-bi-sơn. Chữ khắc xưa, nay không tìm thấy.

Năm Kỷ-Hợi (1479), người Lão-Qua (thuộc Lào) quấy nhiễu nước Nam, Vua Thánh-Tôn sai quan Thái-Ủy Lê-thọ-Vức cùng các tướng-quân đem binh đánh đuổi, được khai hoàn.

Cùng một lúc, tù trưởng Bồn-Man (Trần-Ninh) đánh quân Nam chiếm đất. Thánh-Tôn ngự giá thân chinh ; nhưng được tin Thái-Ủy khai-hoàn, Ngài trở lại, sai Thái-Bảo Lê-Niệm đi dẹp Bồn-Man. Tù-trưởng Cầm-Công thua chết. Bồn-Man xin hàng.

Nước Đại-Việt bấy giờ thanh thế rất to.

Đối với nước Tàu, vua Thánh-Tôn lúc nào cũng giữ gìn cẩn thận. Ngài bảo với triều thần : « Ta đừng để cho ai lấy mất một phần núi, một tấc sông của vua Thái-Tổ để lại ».

Phê bình vua Lê-Thánh-Tôn, ông Trần-trọng-Kim viết trong Việt Nam Sử Lược : « Xem những công việc của Vua Thánh-Tôn, thì Ngài thật là một đấng anh quân. Những sự văn trị và sự vũ-công ở nước Nam ta không có đời nào thịnh hơn đời Hồng-Đức. Nhờ có vua Thái-Tổ thì giang sơn nước Nam mới còn, và nhờ có vua Thánh-Tôn thì văn hóa nước ta mới thịnh ».

Vậy nên người An-Nam ta không bao giờ quên công đức hai ông vua ấy ».

Thánh-Tôn làm vua được 38 năm, thọ 56 tuổi.



1. Công cố tài liệu biên rằng : Vua Lê-Thánh-Tôn lấy đất Chiêm-Thành đến tận Phan-Rang (sông Phan-Lang) đặt ra đạo Quảng-Nam. « Thừa-tuyên » thứ 13 gồm 6 phủ : Thăng-Hoa (Quảng-Nam), Tư-Nghĩa (Quảng-Nghĩa), Hoài-Nhơn (Qui-Nhơn), Phú-An (Phước-Yên), Thái-Ninh (Khánh-Hòa), Hòa-Thuận (Phan-Rang), đặt dưới quyền cai trị của Phạm-Nhữ-Tăng, tước Phụ-Chánh Tham-tướng-phủ Quảng-Dương-Hầu.



Dưới đây là : 24 thanh điều của vua Lê-Thánh-Tôn dạy dân giữ lấy thuần phong mỹ-tục.

1.— Cha mẹ dạy con phải có phép tắc, trai gái đều có nghề nghiệp, không được cờ bạc rượu chè, tập nghề hát xướng dè hại thuần phong.

2.— Người gia trưởng tự mình phải giữ lễ phép làm gương để cho cả nhà bắt chước ; nếu con em làm càn, thì bắt tội người gia trưởng.

3.— Vợ chồng phải cần kiện làm ăn, ăn nghĩa vẹn tròn, duy chỉ có khi nào người vợ phạm tội thất xuất (1) thì mới được bỏ, chớ không được khiên ái, cầu dung (2), phạm hại đến phong hóa.

4.— Làm kẻ tử đệ phải yêu mến anh em, thuận hòa với người hương đảng, phải lấy lễ nghĩa mà cư xử ; nếu trái phép thì người tôn trưởng dạy răn, có tội to phải đưa đến quan trừng trị.

5.— Ở hương đảng, trong tôn-tộc, có việc gì phải giúp đỡ lẫn nhau. Ai có tiếng là người hạnh nghĩa, thì quan sở tại phải bậm lên tòa Thừa, tòa Hiến để tâu vua mà tình biểu cho.

6.— Đàn bà có lỗi mà cha mẹ và chồng đã trừng trị, thì phải sửa mình bỏ lỗi, không được tự tiện trốn đi, làm hư mất tiết-dân-bà.

7.— Đàn bà góa không được chứa trai trẻ trong nhà, nói dối là con nuôi, để dâm loạn.

8.— Người đàn bà góa chồng, đối với các con vợ cả, hoặc vợ lẽ, nằng hằn, nên có lòng thương xót, không được mưu mô để chiếm đoạt gia tài làm của riêng.

9.— Đàn bà góa chồng chưa có con cái, phải ở nhà chồng để giữ đủ lễ tang, không được chuyển vận của cải đem về nhà mình.

10.— Phận đàn bà thì phải theo chồng, không được cậy cha mẹ mình, phú quý mà khinh rẻ nhà chồng ; nếu không như thế, thì bắt tội đến cha mẹ.

1) Tội thất xuất : Bấy tội người đàn bà ngày xưa có thể bị chồng bỏ : không con, dâm-dật, ngoại tình, không thờ cha mẹ chồng, làm điều nhieu chuyện, trộm cắp, ghen tuông, bị những bệnh ác như phong, lao, cổ, lại.

2) Khiên ái : yêu thương một người đàn bà khác, đem về làm vợ. — Cầu dung : ăn ở với một người đàn bà không hợp pháp.

11.— Kẻ sĩ phu nên qui phạm hạnh và giữ phép quan, không xu nịnh người quyền quí để cậy thế làm cần, phải bị cách, bỏ đi, không dụng đến nữa.

12.— Kẻ điển lại giữ việc sổ sách giấy tờ để làm việc quan, không nên diên đảo án tử, quan trên xét được phải trừng trị ngay.

13.— Quan dân đều phải hiếu đễ, chăm chỉ ruộng nương, cùng giúp đỡ lẫn nhau. Đi làm việc quan, không nên trễ biếng. Nếu ai có tiếng là người lương thiện thì các quan phủ huyện phải trình tòa Thừa, tòa Hiến đề tâu mà tinh biếu.

14.— Kẻ thương-mãi phải tùy thời giá mà bán buôn, không được đổi thay thung đấu, và tụ tập đồ-dăng để cướp giết nhau ; nếu phạm điều ấy, thì trị tội làm gương.

15.— Việc tế tự, giá hôn phải giữ lễ phép, không được làm cần ngoài vòng lễ giáo.

16.— Dân gian có mở trường du hí, hoặc cúng nghinh, con trai con gái đến xem, không được đứng chung lẫn lộn, để khỏi thói dâm-d.

17.— Các hàng quán bên đường có phụ nữ đi xa đến trọ, phải phòng giữ cho nghiêm. Nếu để người bị hà hiếp ô-nhục, việc phát giác ra, thì người phạm cùng người chủ đều phải tội chung.

18.— Phủ huyện phải lập bia ở các nơi sở tại để cấm con trai con gái không được tắm chung một bể, để cho có phân biệt.

19.— Các xã-thôn phải chọn một vài người già cả, đạo đức làm trưởng, những ngày thông thả đem dân ra đình, tuyên giảng những lời cáo dụ, để khiến dân học theo làm điều thiện mỹ, phong tục thuần lương.

20.— Trong địa hạt, huyện phủ, có kẻ cường hào xâm chiếm đất đai, ức hiếp người cô độc và xui giục kiện thưa, thì cho xã-thôn cáo giác để quan trên xử trị, nếu mà im ỉn thì phải tội đương.

21.— Các nhà vương tôn, công tử, đại thần dùng từng những đứa tiểu nhân đưa người khấn lễ và để cho người nhà đi hiếp bức dân gian, mua rẻ đồ vật, thì cho dân được đấu cáo để trọng trị.

22.— Những người làm quan phủ huyện mà biết khuyến bảo dân gian làm điều lễ nghĩa khiêm nhượng, có quan Thừa-chính, Hiến

sát xét thực, thì được cho vào hạng tốt ; nếu ai không chăm dạy bảo dân, thì cho là người không xứng chức.

23.— Các người huynh trưởng ở chốn xã thôn và phường, biết dạy bảo con em trong làng cho nên được phong tục tốt, thì quan Phủ huyện phải băm tòa Thừa, tòa Hiến đề tâu vua ban thưởng.

24.— Các dân mừng mán ở ngoài bờ cõi phải giữ lời di huấn không được trái đạo luân thường : như cha, anh, chú, bác đã chết thì con em không được chiếm lấy những thê thiếp, nếu mà trái phép, thì sẽ trị tội.

Đây không phải là một áng văn thơ để cho người thưởng thức ; mà là điều răn dạy để lập lấy mỹ tục thuần phong, thật là quý giá. Phương chi, đó là một « sắc lệnh », một huấn dụ của nhà vua tự thảo ban hành.

Chúng tôi còn nhớ trong làng mạc thôn cư, cách mấy mươi năm về trước, khi văn minh Âu-Mỹ chưa tràn ngập cõi Nam, dân quê ta còn thuần phác lắm.

Trong hương đảng, người trưởng thượng được kính tôn, gái, trai đều có hạnh. Những đám hội hè được vẻ nghiêm trang, nữ nam hữu biệt. Người quả-phụ vẹn giữ tiết trinh. Thanh niên không kết bè du đảng. Xóm làng có việc quan, hôn, người đều giúp lẫn. Trọn giữ nét thuần lương. Nếp ở ăn y như lời khuyến cáo.

24 thanh điều Thánh-Tôn, trải 5 thế kỷ, qua các triều đại sau, nào Lê, nào Nguyễn, cũng còn lẫn quất ở chốn dân gian, gây lấy thuần phong mỹ-tục.



**QUANG · TRUNG**  
**HOÀNG · ĐẾ**  
**(NGUYỄN · HUỆ)**



# Vua Quang-Trung (Nguyễn-Huệ)

Vũ Hoàng - Đề

---

Cuối đời nhà Lê, ngoài Bắc, Chúa Trịnh xa-xỉ tiêu hoang làm cho kho tàng kiệt quệ. Muốn phu-phỉ quân binh, Chúa phải gây thêm sưu cao thuế nặng, bắt nhân dân phục dịch vất vả vô cùng.

Nhiều cuộc nổi loạn : Ninh-Khá, Ngân-Già, Nguyễn-Danh-Phượng, Nguyễn-Hữu-Cầu, Hoàng-Công-Chất, v.v... làm dân tình điêu linh khổ sở.

Thêm vào đó, có nạn Kiêu-binh, những quân tặc, về muốn cướp giết quan dân lúc nào cũng được.

Nhân dân đồ thán.

Trong Nam, triều Nguyễn suy đồi, quan liêu tồi tệ, nhà quý tộc chuyên chế phân chia, quyền-thần, Trương-Phúc-Loan chuyên quyền làm điều bạo ngược, quan địa phương những nhiều, nạn ác bá cường hào.

Các tầng lớp dân gian chịu điều thống khổ.

Đàng Ngoài, Đàng Trong, tình trạng xã hội nguy nan, rối ren.

Lợi dụng thời cơ, cứu vãn thế tình, anh em nhà Tây-Sơn gây sự nghiệp.

Nguyễn-Nhạc, anh cả, một người biện-lại tầm thường, nhưng nhiều quả cảm trí mưu, cùng hai em Nguyễn-Lữ, Nguyễn-Huệ khởi tại ấp Tây-Sơn (Qui-Nhơn) vào năm Tân-Mão (1771), chiếm vùng Bình-Định, lấy thành Qui-Nhơn làm căn-cứ chẳng bao lâu làm chủ giải đất từ Bình-Thuận đến Hải-Vân của nhà Nguyễn.

Mặt khác, Chúa Trịnh-Sâm lại cho quân vào đánh lấy Phú-Xuân của nhà Nguyễn (1774).

Định-Vương, Nguyễn-Phúc-Thuận chạy vào Quảng-Nam ; bị đánh dồn, Vương cùng cháu Nguyễn-Phúc-Ánh đi thuyền về Gia-Định.

Thấy thế Trịnh đang háng, Nhạc xin hàng Chúa Trịnh, để giữ yên mặt Bắc, rồi chiếm lấy Quảng-Nam, sửa cung điện Đồ-Bàn, tự xưng Tây-Sơn-Vương quốc chủ (1776) ; lại sai Lữ, Huệ vào đánh chiếm Gia-Định, bắt giết Định-Vương (1777).

Cách năm sau, Nguyễn-Nhạc xưng Hoàng-Đế, lấy niên hiệu Thái-Đức nguyên niên (1778), phong Nguyễn-Lữ làm Tiết-Chế, Nguyễn-Huệ, Long nhương tướng quân.

Nguyễn-Phúc-Anh trốn ở Sài-Côn cũng xưng Vương hiệu (1780).

Nhạc cùng Huệ đem binh thuyền vào Nam đánh bại Nguyễn-Anh (1782).

Anh chạy ra Phú-Quốc, quân Tây-Sơn rút về, Anh lấy lại Sài-Côn, Nguyễn-Huệ đem quân vào đánh (1783).

Nguyễn-Anh trốn ra đảo Koh-Rong (Vịnh Xiêm-La), rồi cầu quân Xiêm tiếp viện (1784). Vua Xiêm cho hai vạn quân nhân cùng 300 chiến thuyền sang giúp, đều bị Nguyễn-Huệ đánh tan. Nguyễn-Anh phải trốn sang Vọng-Các.

Đánh bại xong Chúa Nguyễn, chiếm được đất miền Nam, nhà Tây-Sơn xoay ra đất Bắc.

Vua Thái-Đức Nguyễn-Nhạc sai Nguyễn-Huệ làm Tiết-chế, cùng con rể Vũ-vân-Nhậm làm Tá-quân Đô-đốc, Nguyễn-Hữu-Chính Hữu-quân Đô-đốc, đem binh bộ, binh thuyền, đánh ra Thuận-Hóa.

Chỉ trong mấy ngày, nhờ tài của Huệ, đất từ Thuận-Hóa ra đến Linh-Giang đều thuộc về Tây-Sơn cả (1786).

Lấy xong Thuận-Hóa, Chính khuyên Huệ nên đánh Bắc-Hà, mượn cớ là phò Lê diệt Trịnh.

Trước còn do dự, sau Nguyễn-Huệ nghe theo.

Nguyễn-Huệ sai Chính đem quân thủy, lục vào cửa Đại-An, lấy kho lương Vị-Hoàng, hẹn lấy xong, đốt lửa lên làm hiệu ; quân Nguyễn-Huệ đến nơi chiếm đóng, lấy luôn thành Sơn-Nam. Rồi Nguyễn-Huệ truyền bịch lấy danh nghĩa phò Lê, kéo quân đánh Thăng Long, Chúa Trịnh.

Trịnh-Khai ra quân, bị Tây-Sơn đánh rã, Khai bị bắt đem nộp Tây-Sơn, đi giữa đường tự vẫn (1786). Huệ cho lấy lễ Vương, tặng thi hài Chúa Trịnh, rồi vào Long-Thành yết kiến vua Lê.

(Họ Trịnh giúp nhà Lê trung hưng, rồi giữ lấy chính quyền làm Chúa, từ Trịnh-Tùng (1576) đến Trịnh-Khai (1786) : được 210 năm đến đây là dứt.

Nguyễn-Huệ trừ được họa Chúa cho vua Lê, lại dứt được nạn Nguyễn-Trịnh tranh hùng suốt gần hai thế kỷ, công đức ấy cũng gọi kỳ công).

Vua Lê-Hiến-Tôn phong Nguyễn-Huệ : Nguyên-Soái Ủy-Quốc-Công và gả Ngọc-Hân công-chúa cho Huệ. (1) Chẳng bao lâu (2), vua Hiên-Tôn thăng hà, Nguyễn-Huệ đứng chủ tang, cất táng. Lê-Duy-Kỳ lên nối ngôi vua, lấy niên hiệu là Lê-Chiêu-Thống.

Vua Thái-Đức (Nguyễn-Nhạc) thấy Huệ ở lâu, sợ có biến, đem binh ra Bắc tiếp em, Nguyễn-Huệ cùng về. Về Qui-Nhơn, Nhạc xưng Trung-Ương Hoàng-đế (1786), phong Nguyễn-Lữ Đông-dinh-Vương ở đất Gia-Định, Nguyễn-Huệ Bắc-bình-Vương ở vùng Thuận-Hóa, lấy Hải-Vân-Sơn làm giới hạn.

Trong lúc Nguyễn-Huệ ngự ở Phú Xuân (Thuận-Hóa), Nguyễn-hữu-Chỉnh trấn Nghệ-An, được chiếu vua Lê, ra Bắc-Hà, chuyển quyền bồng bách, Bắc-bình-Vương sai Vũ-văn-Nhậm giết Chỉnh. Vua Lê-Chiêu-Thống lo sợ Tây-Sơn, về Lạng-Giang ăn náu. Bà Hoàng-Thái-Hậu đem Hoàng-tử đến Long-Châu xin binh Tàu cứu viện.

Vũ-văn-Nhậm tôn Sùng-Nhượng-Công Lê-Duy-Cần làm Giám-quốc triều Lê. Sẵn binh quyền, Nhậm toan làm phản. Bắc-Bình-Vương ra Bắc lần hai, trừ Nhậm, chính đốn chánh quyền, đề Ngô-văn-Sở, Ngô-thời-Nhiệm trông nom, rồi về Thuận-Hóa.

Bấy giờ, Tôn-sĩ-Nghị, Tổng-đốc Lương-Quảng dâng biểu tâu Vua nhà Thanh xin ra binh giúp vua Chiêu-Thống, thừa cơ hội lấy nước An-Nam nhập lĩnh thổ nước Tàu.

Vua Càn-Long phong Chiêu-Thống An-Nam quốc vương, truyền Tôn-sĩ-Nghị cất binh bốn tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây, Qui-Châu, Vân-Nam sang An-Nam dẹp loạn.

Tôn-sĩ-Nghị dẫn đạo binh đầu cùng Đề-đốc Hứa-thế-Hạnh đi ngã Lạng-Sơn đến Thăng-Long, đóng đại-bàn-dinh giữa bãi mé Nam

1) Mồng 10 tháng 7 năm Bính-Ngo (1786)

2) Bảy hôm sau, ngày 17 tháng 7 vua thăng hà.



sông Nhị-Hà, bắc phù-kiểu ngang sông, cho dễ bề đi lại, thông đồng với các đồn đóng ở ngoại ô.

Sâm-nghi-Đổng, tri-phủ Điền-Châu đem một đạo sang mạn Cao Bằng, đóng tại gò Đống-Đa, chia quân ra đóng các đồn phía dưới, Văn-Điền, Ngọc-Hồi, Hà-Hồi, Phú-Xuyên, v.v...

Quan Tổng-binh Văn-Nam, Châu-Quí dẫn một đạo sang ngã Tuyên-Quang, đóng Sơn-Tây, Phú-Thọ.

Tổng cộng số quân trên 20 vạn người, đóng đồn rải rác khắp vùng trung châu Bắc-Việt.

Tướng Tây-Sơn Ngô-văn-Sở, Thời-Nhiệm bỏ Thăng-Long rút quân về Tam-Điệp, giữ Thanh-Hóa Ninh-Bình, cho người về Phú-Xuân cáo cấp.

Bắc-Bình-Vương tức thì tập họp chủ tướng bàn việc ra binh. Các tướng sĩ xin ngài đăng để vị đề phạt Bắc cho chính danh. Vương cho đắp đàn ở núi Bàn-Sơn, tế đàn Giao, rồi lên Ngõi Hoàng-đế, lấy niên hiệu Quang-Trung (1788).

Ngài thống lĩnh đại binh ra đất Bắc.

Muốn đi mau lại giữ còn sức khỏe, ngài truyền quân lính 2 người vờng một luân phiên. Đi một khoảng đường, người trên xuống thay người dưới. Trong 3 khoảng mỗi người đều có nghỉ một thời gian.

Đến Nghệ-An nghỉ lại 10 ngày, tuyển lấy thêm binh mã, cộng tất cả lối 10 vạn người, bốn trăm thớt tượng.

Ngày 20 tháng Chạp Mậu-Thân (1788) đến vùng Tam-Điệp.

Ngô-văn-Sở, Ngô-thời-Nhiệm yết kiến Quang-Trung, đều xin tạ tội.

Vua Quang-Trung phủ dụ, vừa cười : « Ta ra chuyến này trong 10 hôm thì dẹp an đất Bắc, đuổi hết quân Tàu. Nhưng nước ta nhỏ, nước Tàu gấp mười nước ta, khi thất bại rồi, họ tất đem binh sang đánh nữa, nạn chiến tranh kéo dài làm nhân dân khổ. Ta không nỡ chiến chinh. Vậy xong trận này, Ngô-thời-Nhiệm dùng lời lẽ khéo, đề gởi sang Tàu, làm đình chỉ việc binh đao. Mười năm nữa ta sẽ quyết cường đánh sang Trung-Quốc ».

Vương truyền cho quân sĩ ăn tết nguyên đán trước ngày, đề đến hôm trừ tịch sẽ cất quân đi, định ngày mồng 7 tháng Giêng và Thăng-Long mở tiệc mừng chiến thắng.

Đoạn Ngải cắt binh : Đại-tư-mã Sở, nội-hầu Lân lãnh tiền quân đi tiên phong mở trận : Hồ-hồ-Hầu đem hậu quân đốc chiến ; Đê-đốc Lộc, Đê-đốc Tuyết làm cánh hữu chi, dẫn thủy, lục quân vượt qua bể vào sông Lục-dầu, Tuyết giữ mặt Hải-dương, Lộc nom vùng Yên-Thế đề chặn đường về quân Thanh ; Đê-đốc Bào, Đê-đốc Mưu làm chi tả dục, dẫn đội tượng, mã quân, đi dọc theo đường núi huyện Chương-Đức, Thanh-tri đề đánh vào trại Đống-Đa, nơi đóng quân của Sầm-nghi-Đống.

Vua Quang-Trung thống lĩnh trung quân, ngày 30 tháng Chạp qua sông Giản-Thủy. Cánh nghĩa quân Lê thất kinh bỏ chạy. Vương đuổi theo đến huyện Phú-Xuyên, vây bắt toán quân Tàu không đề sót một tên, cắt đường dây liên lạc. Đêm mùng 3 tháng Giêng, vây hãm đồn Hà-Hồi, phóng loa kêu vang dậy, quân trong đồn vừa thức kinh hoàng, xin hàng. Khuya mùng 4, gió sương mờ mịt, Vương truyền đốt hết lương, đề quân hơ cho ám, lại liều chết tấn công. Sáng mùng 5 sương còn dày đặc, quân tiến tới Ngọc-Hồi. Quân trong đồn bắn ra dữ dội, nỏ đạn, lửa, tên... Không thể lướt vào, Vương dạy khép ván ba, ngoài quần rơm thấm nước. Quân lực-lượng làm vách khiêng đi, quân núp sau tấn công sát địch. Vua Quang-Trung hùng dũng cỡi voi, loáng gươm thiêng lướt trận. Từ tinh sương đến chiều áo hồng bào sạm đen mùi thuốc súng. Vương tả đột hữu xông, chỉ huy đường tấn thối. Đồn Ngọc-Hồi, Khương-Thượng vỡ tan, Quân nhà Thanh thấy bày la liệt. Đê-đốc Hứa-thế-Hạnh, tiên phong tả dục, cùng các tướng hữu danh đạo « Chính quy » Tàu đều từ trận. Sầm-nghi-Đống ở trại Đống-Đa bị hãm vây tuần tiết.

Vua Quang-Trung kéo thẳng Thăng-Long, nhờ nội ứng, vô thành rất dễ, đêm mùng 5 tháng Giêng năm Kỷ-Dậu (1789).

Tôn-sĩ-Nghị không kịp thẳng yên, cỡi ngựa trần, xông về mạn Bắc. Quân Sĩ-Nghị chen nhau qua phù kiều chạy thoát. Cầu sụp đổ, sông Nhị-Hà đầy ngập xác quân Thanh.

Vua Chiêu-Thống cùng bà Hoàng-thái-hậu lục đục theo Tận, sang Tàu, sau thẳng-hà ở nơi khách địa.

Đạo quân Tàu Văn-Nam, Châu-Quý đang đóng ở Sơn-Tây, vội rút lui, không giáp chiến.

Vua Quang-Trung đại phá 20 vạn quân Tàu trong kỷ lục 5 hôm thật là một vị anh hùng trên lịch-sử. Nước ta thoát bị một lần đô-hộ Trung-Nguyên.

Nhận thấy chiến tranh là điều bất lợi, vua Quang-Trung sai sứ cầu hòa với vua Thanh. Vua Càn-Lông phong Nguyễn-Huệ làm An-Nam quốc vương. Việc bang giao hai nước được điều hòa.

Đại phá quân Thanh, sắp yên cõi Bắc, vua Quang-Trung về ngự Phú-Xuân, xây dựng nền đế chế.

Ngài khiến dựng Hoàng-thành ở Nghệ-An, nơi đất tổ (Tổ phụ vốn họ Hồ ở đất Nghệ-An, ba anh em nối theo họ mẹ để gây nghiệp đế vương), gọi Hoàng-thành Trung-Đô, đổi Thăng-Long làm Bắc-thành, lập bà Ngọc-Hân làm Bắc-cung Hoàng-hậu.

Ngài trọng dụng nhân tài của triều Lê, như Ngô-thời-Nhiệm, Phan-Huy-Ích, v.v... ; biệt đãi người hiền, như La-Sơn Phu-tử (Nguyễn-Thiếp), thường thỉnh giáo nơi ông.

Ngài chỉnh đốn cơ quan hành chánh trung ương cùng địa phương, chấn hưng nền kinh tế, xin mở chợ buôn miễn quan thuế với nước Tàu, xin lập ngân-hàng ở Nam-Ninh ; chăm sóc việc dinh điền, phân phối ruộng đất hoang.

Dưới triều đại Tây-Sơn, giấy tờ, công văn hành-chánh dùng Việt-ngữ, chữ nôm, thay vì chữ Hán, Quốc văn còn dùng làm hiệu dụ quân dân, lời hiệu triệu quân-nhân tướng-sĩ. Lệ thi hương, nhà Vua cũng đặt dùng văn nôm quốc ngữ, để gây lấy tinh thần người Việt, Việt-bang. Về văn nôm, Phan-Huy-Ích, Hồ-Xuân-Hương, Ngọc Hân công-chúa (Bắc cung hoàng-hậu) v.v... còn lưu lại những áng văn hay.

Vua Quang-Trung còn hoài bão việc đánh Tàu. Ngài tổ-chức quân đội, cường bách tông quân, dung nạp tàu ở để làm nội ứng.

Năm 1792 vua sai sứ sang Tàu cầu hôn và xin hoàn lại nước ta Lương-Quảng.

Nhưng chẳng may, dinh ngự mây chìm, rồng thiêng thoát hóa, ngài lâm bệnh, sa băng, năm Nhâm-Tý (1792), các quan dìm việc ấy, không làm phát ý vua Thanh.

Vua Quang-Trung, một người dân thường áo vải, ở đất Bình-Khê (Bình-Định) đã giúp Anh là Nguyễn-Nhạc dựng nghiệp đế vương

có sức mạnh hơn người có tài dụng binh thần tốc, chẳng trận nào thua ; bốn lần bại thành Gia-định, ba lần chiến thắng Thăng-Long, đánh lui Chúa Nguyễn, diệt mả Chúa Trịnh, quét sạch quân Thanh thâu non sông về một mối.

Năm Giáp Thìn (1784) đánh tan 2 vạn quân Xiêm 300 chiến thuyền do Nguyễn-Ánh rước về Gia-Định.

Năm Kỷ-Dậu (1789) đại phá 20 vạn quân Tàu do Chiêu-Thống, thỉnh sang đất Bắc.

Dân tộc thoát ách vong nô, Tò quốc vững nền độc lập.

*«Non Tây ao với cờ đào,*

*Giúp dân dựng nước xiết bao công trình.» (1)*

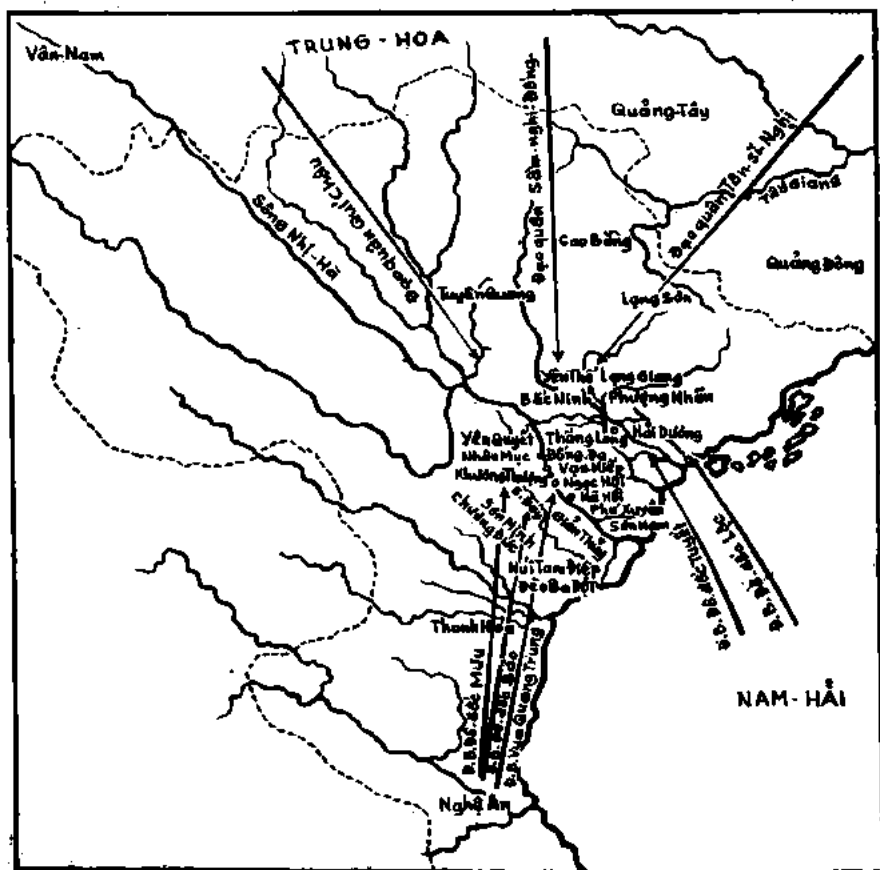
Kỷ niệm nhất và kỳ công nhất là trận Đống-Đa, quét sạch 20 vạn quân Tàu trong 5 hôm kỷ lục.

Năm Kỷ-Dậu vừa rồi (1969) đã ba lần Kỷ Dậu trôi qua, tác-giả tiểu-sinh có bài «Xuân chiến thắng» ghi lại từng chi tiết trận Đống Đa và bài thơ thời đại «Tưởng niệm người anh hùng lịch sử Vũ Hoàng-đế Quang-Trung».

---

1) Câu này ở trong bài Ai-tư văn của Bắc-cung Hoàng-hậu khóc vua Quang-Trung, sau thành ra câu hát lưu truyền ở khắp dân gian.

## Vua Quang-Trung đại phá quân Thanh



Ngày 25 tháng 11 năm Mậu-Thân (1788) vua Quang-Trung thống lĩnh thủy bộ đại binh ra Bắc-Hà phá giặc Thanh. Ngày 29 đến Nghệ-An, nghỉ hơn 10 ngày.

Ngày 20 tháng Chạp đến Tam-Điền. Phân binh: Đò-đốc Lộc, đò-đốc Tuyết lãnh thủy quân vượt biển vào sông Lục-Đầu, Tuyết ở Hải-Dương, Lộc đến Lạng-Sơn, Phước-Nhân, Yên-Thế, chặn đường và quân Thanh. Đò-đốc Bảo, đò-đốc Long dẫn tượng, mã quân đến Nhâm-Mục đánh đồn quân Diên-Châu (của Sâm-Nghi-Đổng). Vua Quang-Trung (Nguyễn-Huệ) điều khiển trung quân.

Ngày 30 Tết qua sông Giản-Thủy (Ninh-Bình); Mồng 1, mồng 2 Tết Kỳ-Dậu 1789, lấy đồn Phước-Xuyên và vượt qua khỏi; Mồng 3 Tết, lấy đồn Hà-Hồi lúc nửa đêm; Sáng ngày mồng 5, hạ đồn Ngọc-Hội. Tướng-nhà Thanh đầu chết. — Sâm-Nghi-Đổng tự vẫn ở Đông-Đa. Đồn Đông-Đa triệt hạ. Chiều mồng 5 vua Quang-Trung vào thành Thống-Lạc. Tôn-Sĩ-Nghị trốn chạy về Tàu. 20 vạn quân Thanh tan rã.

## XUÂN CHIẾN THẮNG

Biết bao giờ gặp lại một mùa Xuân Chiến Thắng,  
Xuân rõ ràng, Xuân bắt diệt Vua Vạn Thắng Quang-Trung?  
Trận Đống-Đa ghi đề oai hùng  
Trên Việt Sử kỳ công hiển hách.

Thành Phú-Xuân được tin cấp bách:  
Hai mươi vạn quân Tàu sang hống hách Thăng-Long,  
Bắc-Bình-Vương định ý thành công  
Trong một trận giao phong hỏa tốc,  
Diệt tham tàn, quân ô trọc xâm lăng.

Tế Giao dân, tiên dăng Đế vị,  
Xuất binh hùng chinh bị nghiêm minh,  
Vua Quang-Trung tự cầm binh, thân chinh, Bắc tiến.

Rợp tinh kỳ, xạ tiễn, qua mau,  
Cờ viễn nâu, voi thiện chiến.  
Ngựa thực thuần, quân lão luyện,  
Khúc ca hành vụng chèo núi sông.

Tiết trời đông, sương lồng, gió quện,  
Đề ngự hàn, bước tiến thêm nhanh,  
Trải mấy đợt rừng xanh, qua bao đồi cát trắng,  
Khi lên ái vãng, lúc xuống đèo hoang,  
Tới Nghệ-An, ngày hai mươi tháng chạp.

Vương tạm dừng binh, cho người xả giáp,  
Tuyền nạp quân lương, tại địa phương, vùng Thanh, Nghệ, Tĩnh,  
Hiệp với binh trào, phòng định trăm voi, mười muôn binh sĩ.

Lệnh cho hoan hỉ, ăn Tết trước ngày Xuân,  
Đề bắt thần, đánh ngay đêm trừ tịch.  
Định quét sạch quân Thanh,  
Vào Long-thành, trước hạ nêu, mừng bầy.

Toàn quân hăng hái, vững chãi sự thành công,  
Chỉ trông mong ngày giết giặc.

Vương sắp đặt chia binh làm năm đạo viễn chinh:  
Hai đạo gìn mặt bể, đường Yên-Thế Lạng-Giang,  
Chặn hình tan triệt thoái;  
Hai, giữ đường Yên-Bái Hà-Giang,  
Ngăn binh Tàu tràn sang từ Vân-Nam xuống đánh.

Vương thống lĩnh đại quân,  
Đêm giao thừa, qua sông Giản-Thủy.  
Thế mạnh như đập lũy, tuôn thành,  
Nghĩa quân Lê thất thanh hoảng chạy.

Quân ta hăng hái đuổi tới Phú-Xuân,  
Vây đồn liên căn mặt,  
Bất sạch toán quân Thanh,  
Cắt nhanh đường liên lạc.

Đồn Hà-Hồi ở sát không hay,  
Đêm mừng ba còn say chén Tết.  
Đạo viễn chinh vây hét « công thành »,  
Bốn cửa đồn phá bành một lượt.  
Toán quân Thanh vừa chợt tỉnh say,  
Thấy binh ngoài ào vô nợp nợp,  
Đâu còn kịp trở tay, tự trời tay hàng phục.

Đêm mừng bốn, gió heo may vùn vụt,  
Trời mù mịt sương rơi,  
Đạo viễn chinh, ngựa, người, lạnh buốt,  
Vương truyền đốt lửa rừng,  
Sổ thặng lương dạy khuân dùng tất,  
Cho thêm sức lực dẻo dai,  
Đề rạng mai phá giặc.

Sáng mừng năm, sương còn dày đặc,  
Đại binh đã vây chặt Ngọc-Hồi, một đồn quân kiên cố:

Tường nhiều lỗ châu mai, trên cắm dày chông sắt nhọn,  
Hầm hố rộng bao quanh.

Đồn vừa dứt trống canh,  
Đạo hùng binh phát thanh : « công hãm ».  
Trong, hỏa pháo, tên, đạn bắn ra.  
Tiếng hét la vang dội.

Trải mấy đội xung phong, bị pháo trong bắn ngã,  
Vương truyền xả lẫn-khiên, quân thêm liền rơm ướt,  
Trên ván rộng ráp mau.

Quân núp sau tiến tới sát chân tường phá vội bề tan,  
Lớp leo thang dộn nhép, Quân tràn ngập, tấn công.  
Trận ác chiến giao phong khốc liệt...

Nhiều tướng Tàu anh kiệt trận vong,  
Quân sĩ đồng phơ mình, bỏ xác.  
Thây chồng chất ngồn ngang, Máu tràn lan mặt đất.  
Quân Thanh mất quá nhiều,  
Đánh tháo lui, chạy vùi qua các đồn kẻ cận.

Vương chinh bị, trực tấn Đống-Đa.  
Đại binh Thanh tiến ra chĩa ngựa,  
Bầy hàng ngũ hần hoi : Nào ngựa, voi, thần công, đại bác...  
Tướng đóng đặc hiên ngang, quân hàng hàng lớp lớp ;  
Định bóp dẹp quân Nam trong bàn tay thép sắt.

Đạo binh Nam vừa thoát đến nơi,  
Bị thần công bắn tới lửa đạn,  
Dừng khiên ván, khép sẵn Ngọc-Hồi,  
Tiến tới nhanh, đánh trôi giàn hỏa pháo.

Vương cầm giáo lưng tượng, chỉ huy,  
Lúc cầm chùy giao phong cùng tướng dữ,  
Khi ngồi ngựa vung kiếm khiên quân,  
Phát cờ lệnh canh chừng đường tiến thoái ;

Áo long bào đầy khói sạm tro.  
Tiếng quát to như chuông đồ, mắt ánh lộ điển quang,  
Đi tới đâu, phá tan hàng ngũ giặc.



Cánh tả chi, hữu dực vừa bắt kịp đến nơi,  
Đánh tơi bời quân Thanh tán loạn.

Trời vừa chạng vạng... tối qua,  
Trận Đống-Đa kết liễu.

Sầm-Nghi-Đống khó liệu thoát thân.  
Tại bản dinh quần khăn thắt cò.

Tôn-Sĩ-Nghị ở phủ Chúa, ven đô,  
Cùng Bộ Tham-Mưu, toàn quân dò xô vẽ đất Bắc,  
Qua phủ kiều nặng đứt dây neo,  
Lăn chen nhau, đại binh Tàu ngả trôi theo dòng nước bạc.  
Sông Nhị-Hà còn dào dạt tiễn quân nhung :

« Vua Quang-Trung đại thắng »

Vào Long-Thành rờ rạng khao quân,  
Ngày mồng sáu, Tháng Mạnh Xuân, Năm Kỷ-Dậu.



Tưởng niệm người Anh-hùng Lịch-sử :

## VŨ-HOÀNG-ĐỀ QUANG-TRUNG

Cờ viễn nâu, từ lâu nay đã đến,  
Cánh huy hoàng mừng rước đức Quang-Trung :  
Người oanh liệt, anh dũng, khí hào hùng,  
Vừa đánh đuổi quân Tàu, dân cảm mến.

Thăng-Long thành đã thoát nạn xâm lăng.  
Ôi nhẹ nhàng, xiềng xích ai cỡi mớ ?  
Hai mươi vạn quân Tàu thua đồ vớ,  
Mộng tham, tàn tan rã tợ giá băng !

Mười muôn binh đất Việt ? Bằng phân nửa  
 Sở không lờ, hách dịch, của quân Thanh,  
 Nhưng hận thù nung nấu chí hùng anh,  
 Tài thao lược Quang-Trung hơn quá nửa.

Người Anh-hùng áo vải đất Tây-Sơn  
 Đã hai lượt điều binh ra đất Bắc,  
 Trừ Chúa Trịnh, phò Lê, an xã-tắc ;  
 Muôn dân còn ngưỡng mộ Bắc-Bình-Vương.

Thành Phú-Xuân, Vương vừa an gối bính  
 Giận Thanh triều toan thôn tính Việt-Nam,  
 Mặt phi thường đâu để chịu cho cam,  
 « Mau Bắc tiến » lần ba, Vua xuống lệnh,

« Diệt quân thù để rửa hận non sông »  
 Ngàn quân sĩ, ngàn muôn trai đất Việt  
 Theo tiếng gọi, hò reo : « Lòng quả quyết  
 « Hiến thân mình Tò Quốc, lập kỳ công » !

Trời 'cuối đông, mặc sương lũng, gió rét,  
 Qua núi rừng, heo hắt gió đìu hiu,  
 Trại tuần kiết, chân cứng, đá phải chiều,  
 Đá mềm kinh trai hùng chân sắt thép.

Thành quách, nào chống được chí hiên ngang ?  
 Từ Hà-Hồi, Ngọc-Hồi,... đồn kiên cố,  
 Đến Khương-Thượng, Đống-Đa..., đều dập dờ,  
 Cùng binh sĩ, gươm giáo,... bị giày tan.

Loảng gươm thiêng, đầu lâu rơi rải rác,  
 Hươi chùy nặng, tướng dừ khiếp phôi mình ;  
 Sầm-Nghị-Đống tuần tiết tại bản dinh,  
 Tôn-Sĩ-Nghị thoát thân về cõi Bắc.

Vọng quân nhân thảm bại chốn sa trường,  
Ngàn tướng sĩ trôi theo dòng nước bạc,  
Đạo binh Thanh hùng hồn nay tàn mác,  
Trong năm ngày, tham vọng đã tiêu tan !

..

Trong năm ngày đầu Xuân năm Kỷ-Dậu,  
Kỷ-Dậu này, trăm tám chục Xuân qua,  
Nhưng mỗi độ Xuân về, chuyện Đống-Đa,  
Ngày đầu Xuân, còn là câu chuyện mẫu.

Người Anh-hùng thường tại nghiệp huân công...  
Nuôi chí cả đợi ngày thâu Lưỡng Quảng.  
Quận tức số, lực cường, mưu sắp sẵn,  
Chỉ thi hành, trong gang tấc, là xong.

Trời chưa cho dư-dồ Nam rộng mở,  
Đất vội lấp thi thề kẻ anh tài !  
Ngôi cửu ngũ chưa được mấy lâu dài,  
Sáu năm chẵn, sao băng, cơ nghiệp đổ !

Mộng còn nằm trong lá sử điệp văn...

Mộng đẹp chưa thành vội giá băng !  
Còn ai nổi chí diệt xâm lăng ?  
Xua binh Bắc tiến trừ hung bạo,  
Đề tiếng Anh-Hùng sử sách đặng.



**NGỌC-HÂN CÔNG-CHÚA**



## **Công-Chúa Ngọc-Hân, Quang-Trung Vũ-Hoàng-Hậu**

---

Nói đến Vua Quang-Trung, ta không thể quên Ngọc-Hân Công-chúa, được vua phong Bắc-cung Hoàng-hậu.

Ấu cũng là một Hương-Hoa đất Việt, còn lưu lại một áng văn hay.

Công-chúa là con gái út của vua Lê-Hiến-Tôn, mẹ là bà Phù-Ninh Từ-cung Hoàng-hậu (quê ở làng Phù-Ninh, tỉnh Bắc-Ninh).

Công-chúa có thiên-tư mẫn tiệp, nhan sắc diễm-kieu, nét-na thùỵ mị, học thông kinh sử, sau này, lại có tài tác dụng văn nôm.

Vua Hiến-Tôn thường bảo: « Con bé này sau phải gả làm hoàng-hậu, vương-phi mới đáng ». Trong hoàng thành đều gọi Chúa Tiên.

Năm Bình-Ngo (1786), quan Tiết-Chế Nguyễn-Huệ theo lời Nguyễn-Hữu-Chính ra Bắc-Hà, khi dẹp yên Trịnh-Khai, vào cung Vạn-Thọ châu vua Lê.

Vua Lê-Hiến-Tôn ủy lạo, rồi sắc phong làm Nguyễn-Soái Uy-Quốc-Công.

Nguyễn-Huệ không vừa lòng, về dinh nói với Chính :

« Ta đem mấy vạn quân nhà ra đây, đánh một trận, bình được Bắc-Hà. Cả non sông đất Bắc, ta muốn lấy hết để xưng vương, cũng còn là được, hà hưởng cái danh dự Nguyễn-Soái, Quốc-Công ? Nếu ta không lãnh, thì vua Lê sẽ bảo ta kiêu. Còn nhận mà không nói gì, thì người cho ta lấy làm đắc ý. Vậy ta phải nói qua đề cho người cùng biết ».

Chính mượn lời an ủi, rồi thêm : « Vua Lê có nhiều Công-chúa kiêu mị, muốn kết dâu gia, để trông nhờ Tiết-Chế. Nếu Tướng-công không phụ lòng người, thì chuyển đi này kết thêm tình hòa hiếu ».

Nguyễn-Huệ cười gòn : « Xưa nay, kẻ chinh phu kết tình tha thiết. Hoặc giả Hoàng-thượng soi thấu lòng ta, nghĩa dâu-gia càng sinh khắng khít ».

Chính biết Huệ thuận tình, đem trình tấu vua Lê.

Vua Lê đang nằm bệnh, thuận gả liền Công-chúa Ngọc-Hân cho Quốc-Công Nguyễn-Huệ.

Huệ dâng lễ sinh nghi (năm Bính-Ngo 1786, tháng 7, mồng 10).

Sau tiết nghi cáo Miếu, Công-chúa được long trọng đưa về phủ Quốc-Công.

Lễ nghinh hôn rất là trọng đại. Các quan triều đi họ đều tấu-tác ngợi khen, lại khỏi lo về Tây-Sơn bức bách.

Lúc bấy giờ Công-chúa 17 tuổi xuân xanh, một cảnh vàng lá ngọc, kiều diễm nét thiên hương (1).

Huệ ra về hài lòng, trứu trắng cùng Công-chúa :

« Trong các vị con vua, có lẽ chẳng ai bằng Công-chúa, phận đẹp duyên ưa ! »

Công-chúa m... ầu thưa lại : « Phụ-hoàng phúc hậu bần thanh chỉ riêng có thiếp được sánh Thượng-công, như hạt mưa sa vào đài các, thiếp mong trọn đời hầu-hạ Tướng-công ».

Huệ nghe lời nói năng từ-tôn vui đẹp không ngần.

Ngày Rằm tháng 7, Huệ phò-mã làm lễ tôn phủ vua Lê.

Lâm đại triều, vua Lê thăm mặt.

Cách hai ngày sau, bệnh trở, vua Hiến-Tôn thăng hà. Nguyễn-Huệ coi việc ma chay, tang lễ, cùng cất táng, đưa linh-cữu, trọn đạo rề con.

Một tháng sau, vua Thái-Đức ngự ra Bắc-Hà, Huệ trình vị «chính thể». Vua Thái-Đức nhận xem dung mạo cùng cử chỉ em dâu, toại khen người hiền đức.

Rồi để huê trở lại Phú-Xuân.

«Thuyền lan chèo quế thuận bề vu qui».

Năm Kỷ-Dậu (1789), sau khi đại phá quân Thanh về, Bắc-Bình-Vương Nguyễn-Huệ đã lên ngôi Hoàng-đế, sắc phong cho Công-chúa Ngọc-Hân : Bắc-Cung Hoàng-Hậu.

Công-chúa đối với bà Vũ Hoàng Chánh-Hậu một mực khiêm tôn,

Thờ vua Quang-Trung, Vũ Hoàng-Hậu Ngọc-Hân sanh một trai Nguyễn-Quang-Đức, một gái Ngọc-Bảo, được hai chồi lan quế cung son.

1) Lúc ấy, Nguyễn-Huệ 34 tuổi, tuổi xấp đôi Công-Chúa, theo â. 1. Huệ sanh năm Quý-Dậu (1753).

Cuộc tình duyên thiên tai dầm ám khuê trung cho đến năm Nhâm-Tý (1792), vua Quang-Trung Hoàng-đế lâm bệnh thặng hà. Sáu cung đều ốm hận, chẳng riêng gì Hoàng-hậu Bắc-cung.

Nhưng trọng bài Khuê-phụ thân, Công-chúa có tỏ ra : Xót vì nỗi mẹ già, con dại, nên không nỡ quyền sinh đẻ cháu vua nơi chín suối:

*« Còn trông nước thương vì đôi chút,*

*Chữ tình thâm chưa dứt được đi.*

*Vậy nên nấn ná đòi khi,*

*Mình còn tụy ở, phách thì đã theo ».*

Sau khi Hoàng-đế băng hà, cung điện Phú-Xuân đổi với Bắc-cung Hoàng-hậu nhuộm màu đen tối. Vì quá thương tâm, vì tư chất yếu, Công-chúa tiêu tụy ngày thêm.

Năm Kỷ-Vị (1799) bà tị trần trong mùa đông giá. An táng tại làng Phù-Ninh quê mẹ. Có nhiều thần nhân ngoại tổ cùng các vị tôn-thất nhà Lê phúng điệu. Bà thọ được 30, sau 6 năm cháu vua Nguyễn Huệ, 7 năm trường ốm gối vị vong. (1)

1) Căn cứ theo 5 bài văn tề của Dụ-Am Phan-Huy-Ich, Lễ Bộ Thượng-Thor triều vua Cảnh-Thịnh.

Quan Lễ-Bộ Thượng-Thor có soạn biên 5 bài văn-tề, để mùa đông năm Kỷ-Vị (1799):

1. Cho vua Cảnh-Thịnh đứng tang,
2. Cho các vị Công-Chúa con vua Quang-Trung đứng tề,
3. Cho bà thân sinh Hoàng-Hậu, là bà Phù-Ninh Từ-Cung Hoàng Thái-Hậu,
4. Cho thần nhân ngoại tổ Hoàng-Hậu ở làng Phù-Ninh và
5. Cho các vị tôn-thất nhà Lê đứng tề.

Trong bài này có câu:

*« Hân non lam khí vương đã tên rồi,*

*Nên vườn lăng cảnh khơi mà vội thể... »*

Theo bài kê-cứu của Nhứt-Thanh ở Tập-san Sử-Địa, thì bà Ngọc-Hân Công-Chúa mất vào năm Giáp-Tý (1804), căn cứ theo « Đỉnh-Tập Quốc-Sử di biên » do Dương-Hạo-Hiến biên soạn. Trong ấy ghi bà mất ngày 21 tháng 5 năm Giáp-Tý, tại làng Phù-Ninh nơi quê mẹ, bà đã trở về, khi nhà Tây-Son mất.

Theo « Ngọc-Hân Công-Chúa dật sự » báo Nam-Phong, thì nói vua Gia-Long sau khi lưu bà ở một dịch đình cấp người hầu hạ, thì cho về quê quán của mẹ thuộc tỉnh Bắc-Ninh, cho đến khi bà mất.

Hai con của bà thì bị vua cho người ngầm giết.

Tài liệu kê trên rất rõ, nếu sự ghi chép không lầm, thì đoạn trên xin chữa lại: Sau khi Hoàng-đế băng hà, cung điện Phú-Xuân đổi với bà Bắc-Cung Hoàng-Hậu nhuộm màu đen tối.

Nhưng bóng trời chiều càng thêm đen tối nữa. Khi vận đổi thay, kinh thành Phú-Xuân thất-thủ, vua nhà Nguyễn lên ngôi, bà trở về quê mẹ, rồi tị trần vào năm Giáp-Tý (1804), tuổi thọ 35. (Vi sanh năm Canh-Đạp, 1770). Theo tài liệu Nhứt-Thanh.



Hai năm sau, kinh thành Phú-Xuân thất thủ (Tân-Dậu 1801).  
 Năm Nhâm-Tuất (1802) Nguyễn-Phúc-Ánh xưng hiệu Gia-long.  
 Triều Tây-Son đã mất.

∴

Nguyên văn bài Khuê-phụ-thán, « Ai-tư-văn » của Công-Chúa Ngọc-Hân khước vua Quang-Trung Vũ Hoàng-Đế.

(Đây là một bài tâm cangh thống thiết, vì lòng thương nhớ trong tâm khảm xuất ra, so với các bài khuê-oán khác của các thi-gia đặt mình vào cảnh ngộ của các nàng cung-nữ cô-liêu, thì có điều riêng biệt chỗ bi đát lâm-li, một áng văn-chương đầy thiết tặc).

## BÀI AI-TƯ-VĂN

Gió hiu-hắt phòng tiêu lạnh-lèo,  
 Trước thềm lan hoa héo ron-ron;  
 Cầu Tiên khói tỏa đỉnh non,  
 Xe rồng thăm-thăm, bóng loan rầu rầu.  
 Nỗi lai-lịch dễ hầu than thở  
 Trách nhân-duyên mờ mờ có sao?  
 Sầu sầu thăm thăm xiết bao,  
 Sầu đầy giọt bèo, thăm cao ngắt trời!  
 Từ cờ thăm trở với côi Bắc,  
 Nghĩa tôn-phù vắng-vặc bóng dương;  
 Xe dây văng mệnh phụ hoàng,  
 Thuyền lan chèo quế thuận dàng vu-quy.  
 Trăm nghìn dặm quân chi non nước,  
 Chữ nghi gia mừng được phải duyên;  
 Sủng yêu muôn đội ơn trên,  
 Rờ ràng về thúy, nỗi chen tiếng cầm.  
 Lượng che chở, vụng lăm nào kẻ,  
 Phận đình-ninh, cận kề mọi lời  
 Dù rằng non nước biển đời,  
 Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là.  
 Lòng dùm bọc thương hoa đoái cỗi,  
 Khấp tôn-thân đều gột ơn sơm,

Miếu đình còn dấu chường thường,  
 Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh  
 Nhờ hồng phúc gọi cảnh hê-quê,  
 Dặm hơi dương đây rẽ cùng tươi,  
 Non Nam lẫn chúc tuổi trời,  
 Dâng câu Thiên-Bảo, bày lời Hoa-Phong.  
 Những ao-ước chập trùng tuổi hạc,  
 Nguyễn trăm năm ngộ được vầy-vui;  
 Nào hay sông cạn bể vui,  
 Lòng trời dào-dở, vận người biệt-ly.  
 Từ tháng hạ mưa hè trái tiết,  
 Xót mình rỗng mõi mệt chẳng yên;  
 Xiết bao kinh sợ lo phiền,  
 Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu.  
 Khấp mọi chốn đầu đầu tìm rước,  
 Phương pháp nào đòi được cùng chăng?  
 Ngấn thay máy Tạo đất bằng.  
 Bóng mây thoát đã ngắt chường xe loan!  
 Cuộc tụ tán bi-hoan kíp bấy  
 Kề sum vầy đã mấy năm nay?  
 Lênh-dênh chút phận bèo mây,  
 Duyên kia đã vẫy, thân này nương đâu?  
 Trần-trọc luống đêm thâu ngày tới,  
 Biết cây ai đập nổi bi thương?  
 Trông mong luống những mơ màng,  
 Mơ-hồ bằng mộng, bằng-hoàng như say.  
 Khi trận gió hoa bay thấp-thoảng,  
 Ngõ hương trời bãng-lãng còn đâu;  
 Vội vàng sửa áo lên châu,  
 Thương ôi quạnh quẽ trước lầu nhện giăng.  
 Khi bóng trắng lá in lấp lánh,  
 Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi.  
 Vội vàng rào bước tới nơi,  
 Thương ôi vắng vẻ giữa trời sương sa!  
 Tướng phong thê xót xa đôi đoạn,  
 Mặt rỗng sao cách dạng lâu nay;

Cớ ai chốn ấy về đây,  
 Nguồn cơn xin nghĩ cho hay được kìa.  
 Nẻo u-minh khéo chia đôi ngã,  
 Nghĩ đời phen nỡng-nã đời phen;  
 Kiếp này chưa trọn chữ duyên,  
 Ước chi kiếp khác vẹn nguyên lửa hương.  
 Nghe trước có đấng vương Thang, Võ,  
 Công nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao,  
 Mà nay áo vải, cờ đào,  
 Giúp dân dựng nước biết bao công trình!  
 Nghe rành rạnh vua minh Nghiêu-Thuần,  
 Công đức dày ngự vận càng lâu;  
 Mà nay lượng cả ơn sâu,  
 Móc mưa tưới khắp chín châu dướm nhuần.  
 Công đường ấy, mà nhân đường ấy,  
 Cõi thọ sao hẹp mấy, Hóa-công?  
 Không cho chuộc được tuổi rồng,  
 Đời thân đất hẩm bỏ lòng tôi người.  
 Buồn thay nhẽ sương rơi gió lọt,  
 Cảnh đìu hiu thánh thất châu sa;  
 Tưởng lời di chúc thiết tha;  
 Khóc nào lên tiếng, thức mà cũng mê.  
 Buồn thay nhẽ xuân về hoa ở,  
 Mối sầu riêng ai gỡ cho xong?  
 Quyết liễu mong vẹn chữ tông,  
 Trên rừng nào ngại, giữa dòng nào e.  
 Còn trũng nước thương vì đôi chút,  
 Chữ tình thâm chưa dứt được đi;  
 Vậy nên nấn ná đời khi,  
 Minh tuy còn ở, phách thì đã theo.  
 Theo buổi trước ngự đèo Bồng-đào  
 Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân;  
 Theo xa rồi lại theo gần,  
 Theo phen diện quế, theo lẫn nguồn hoa.  
 Dương theo bóng tiếng gà sực tỉnh  
 Đan đón thay ấy, cảnh chiêm bao!

Mơ màng theo nỗi khát-khao,  
 Ngọc-Kinh chốn ấy ngày nào tới nơi ?  
 Tường thôi lại bởi hồi trong dạ,  
 Nguyên đồng sinh nào đã kíp phai ?  
 Xưa sao sớm hỏi khuya mời,  
 Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ.  
 Giờ sao bỗng thờ-ơ lặng-lẽ ?  
 Tình cô-đơn ai kẻ xét đầu !  
 Xưa sao gang tấc gần châu,  
 Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca.  
 Giờ sau bỗng cách xa đôi cõi,  
 Tin hàn huyền khôn hỏi thăm lành ;  
 Nửa cung gảy phẩm cầm lảnh,  
 Nỗi con côi-cút, nỗi mình bơ-vơ !  
 Nghi nông-nỗi ngăn-ngờ đòi lúc,  
 Tiếng từ-quí thêm giục lòng thương,  
 Nào người thay cảnh tiên hương,  
 Dạ thường quanh quất, mắt thường ngóng trông,  
 Trống mái đông lá buồm xuôi ngược,  
 Thấy mệnh-mông những nước cùng mây ;  
 Đông rồi thời lại trông tây,  
 Thấy non cao ngất, thấy mây là-đà.  
 Trông Nam thấy nhạn sa lác-đác,  
 Trông Bắc thôi ngàn bạc màu sương ;  
 No trông trời đất bốn phương,  
 Cõi tiên khời thăm biết đường nào đi ?  
 Cây ai cho phép gì tới đó,  
 Dâng vật thường xin ngỏ lòng trung ;  
 Nầy gương là cửa Hán cung,  
 Ở trên xưa đã soi chung đôi ngày,  
 Duyên hảo hợp xót rày nên lẻ,  
 Bụng ai-hoài lạnh ghê vì đâu ?  
 Xin đưa gương ấy về châu,  
 Ngơ soi cho tỏ gót đầu mang-ơ,  
 Tường linh-sáng hơn-nhơn còn dấu,  
 Nỗi sinh cơ có thâu cho không ?

Cung xanh đương tuổi ấu xung,  
 Di mưu sao nữ quên lòng đoái thương ?  
 Gót lân chi mấy hàng lẫm-chẫm  
 Đầu mũ mao, mình tấm áo gai ;  
 U-ơ ra trước hương đài,  
 Tưởng quang cảnh ấy chưa cay đường nào !  
 Trong sáu viện ở đảo ử liêu.  
 Xác ve gầy lỏng-lẻo xiêm nghê ;  
 Long-dong xa cách hương quê,  
 Mong theo lăm lối, mong về túi duyên.  
 Dưới bệ ngọc hàng uyên vò-vở,  
 Cất chân tay thương khó xiết chi ;  
 Hang sâu nghe tiếng thương bi,  
 Kẽ sơ còn thể hướng gì người thân ?  
 Cảnh ly biệt nhiều phần bất ngát,  
 Mạch sầu tuôn ai tát nên vơi,  
 Càng trông càng một xa vời,  
 Tắc lòng thăm thiết, chín trời biết chẳng ?  
 Buồn trong trắng, trắng mờ thêm tối,  
 Cương Hằng-Nga đã bụi màu trong ;  
 Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,  
 Thiên duyên lạnh-lẽo, đêm đông biên-hàn.  
 Buồn xem hoa, hoa tàn thêm thẹn,  
 Cánh hải-đường đã quện đầy sương ;  
 Trông chim càng dễ đoạn trường  
 Uyên-ương chiếc bóng, phượng hoàng lẻ đôi.  
 Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy,  
 Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu !  
 Phút giây bãi bề nương dẫu,  
 Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao ?  
 Chờ tình nghĩa, trời cao đất rộng,  
 Nỗi đoạn trường còn sống còn đau ;  
 Mấy lời tâm sự trước sau,  
 Đồi vắng nhật nguyệt trên đầu chứng cho !



**PHAN-ĐÌNH-PHÙNG**



## Phan - Đình - Phùng

---

Sau khi triều đình Huế, vì quân lực kém thua, ký hòa-ước nhượng 6 tỉnh Nam-kỳ cho Pháp (1862-1867) và chịu đặt Trung, Bắc-kỳ dưới quyền bảo hộ Pháp-Lang (1884), sĩ-phu trong nước bất bình, nổi lên chống Pháp, hoặc tự động, hoặc theo lời huấn dụ cần-vương.

Ông Phan-Đình-Phùng vâng chiếu chỉ cần-vương, vì dân vì nước một dạ tuân thành, mười năm kháng Pháp, chống bảo hộ đến hơi thở cuối cùng, đề tỏ ra rằng người Nam bất khuất.

Sanh năm Đinh-Mùi (1847) ở làng Đông-Thái, huyện La-Sơn, tỉnh Hà-Tĩnh, Ông thi đậu Đình-nguyên Tán-sĩ vào năm Đinh-Sửu (1877), được bổ làm Tri-Phủ Yên-Khánh, tỉnh Ninh-Bình.

Nhân một ông cố-đạo ý thế hiếp dân, Ông cho lính hầu hỏi tội, rồi dạy đề đánh thẳng tay, Ông bị triệu về Kinh sung vào Đô-sát-viện, làm Ngự-Sử Giám-sát-quan.

Ông không phải người ghét đạo, thường nói : « Đạo Thiên-Chúa lấy Gia-Tô làm Trời, cũng như Thích-Ca Mâu-Ni là Trời của đạo Phật, hay Khổng-Phu-Tử, Trời của đạo Nho. Ai tín ngưỡng điều gì thì thờ theo Đạo ấy ».

Ông chỉ phạt tội hiếp dân.

Làm Ngự-Sử, ông vẫn thản lòng cương trực.

Vua Tự-Đức có lập ra một sở tập bản tại cửa Thuận-An, truyền các quan phải tập. Một viên chấp-sự trông nom ghi sổ bản. Sổ ghi rất là ngoạn mục. Ngự-Sử Đình-Phùng xét qua, số tàu vua ngự xem cho tận mắt. Vua Tự-Đức ra cửa Thuận-An, thấy các quan lêu lổng, sự kết quả không chút khả quan, biết sổ ghi toàn dối. Vua khen Ngự-Sử thẳng ngay, thăng chức Hình-khoa Chương-ấn.

Sau, phái Ông làm Khâm-mạng Thanh-Tra quan-lại Bắc-kỳ. Thanh tra về, Ông dâng số tàu vua, hạch Ông Thiếu-Bảo Nguyễn-Chánh,



Kinh-lược Bắc-kỳ. Ông này bị thâu hồi tiết-việt, không cho làm kinh lược nữa.

Vua Tự-Đức thăng-hà (ngày 16 tháng 6 năm Quí-Mùi, nhằm ngày 19-7-1883), di chiếu lập Dục-Đức làm vua. Quyền thần Nguyễn-văn Tường, Tôn-thất-Thuyết phế Dục-Đức, tôn Hiệp-Hòa (30-7-1883). Phan-đình-Phùng phản kháng, xin lập theo tờ di chiếu của vua. Tôn-thất-Thuyết hạ ngục Ông, rồi cách luôn chức tước. Được thả ra, Ông trốn về La-sơn, cố quận. Sau Tôn-thất-Thuyết nghĩ suy, cử Ông làm Tham-biện Sơn-phòng Hà-Tĩnh (1884).

Vua Hiệp-Hòa bị hai quyền thần ngược đãi, toan trừ khử hai ông. Thuyết với Tường biết được, bắt giam vua Hiệp-Hòa, rồi cho uống thuốc độc chết đi (28 11-1883), tôn vua Kiến-Phúc.

Tháng 6 năm 1884, Pháp đem 5 tàu chiến đến cửa Thuận-An, theo điều ước, xin chiếm Trấn Bình-đài (gọi là Mang Cá), một nơi hiểm-yếu trong Kinh-thành. Vua Kiến-Phúc thuận cho 100 lính Pháp vào đóng Bình-đài. Cử-chỉ ấy làm phật tâm Tường, Thuyết. Ít hôm sau, vua bị cảm, Tường vào thăm, dâng chén thuốc. Vua ngự vào rồi băng.

Ngày 1-8-1884, Thuyết và Tường tôn Ưng-Lịch, tức Hàm-Nghi,

Vua Hàm-Nghi tiếp Khâm-Sứ Pháp tại điện Cần-Chánh, trang hoàng. Bản Hòa-ước Pháp-Việt, ký hồi tháng 5 năm Giáp-Thân (1884), được đem ra thi hành. Theo Hòa-ước ấy (1), Trung, Bắc-Kỳ thuộc quyền bảo hộ.

Mất Mang Cá (Trấn Bình-Đài), Tôn-thất-Thuyết lấy làm khó chịu, quyết một phen đánh Pháp cho tới kỳ cùng.

Ông sai lập sơn-phòng tại Cam-lộ (Quảng-Trị), đem lương tiền chứa sẵn ; nếu phải thua, sẽ rút lui về đó. Truyền quân lính phân công tập dượt, rèn khí giới, đúc súng đạn thêm nhiều, đào hào sâu, đắp ụ lớn trong thành, đề tiện việc dùng binh.

Tường lúc này có ý theo Tây, ra vào thường bên tòa Khâm-sứ. Thuyết hành động một mình.

---

1) Hòa-ước Patenôtre

Ngày 19 tháng 5 Ất-Dậu (1885) Đô-đốc De Courcy từ Hà-nội vô Huế, mời Tôn-thất-Thuyết tiếp nghinh. Thuyết không đi, giả bệnh. De Courcy định cho quân đến bắt. Thuyết liệu phải ra tay.

### 1. Hòa-vớt Patenôtre.

Ngày 22, Ông mật truyền cho quân các vệ, chia làm hai đạo tấn công : một do em là Tôn-thất-Trắc, ở Sơn-phòng Cam-lộ ông mới triệu về, đánh tòa Sứ bên phía sông Hương, một tự Ông quãn lĩnh, hội với Trần-xuân-Soạn Chương-vệ-quân, đánh Trấn Bình-đài.

Giữa đêm 23 rạng 24 tháng 5 Ất-Dậu (1885), đạo binh đánh Trấn Bình-đài cho súng nổ. Tiếng đại bác vang dội kinh thành. Quân Pháp xuống hầm ăn núp, chờ sáng sẽ hay.

Đạo binh Tôn-thất-Trắc cũng bắn phá tòa Khâm, nhưng vào không được.

Thuyết tướng quân Pháp đã tiêu. Trời vừa rạng sáng. Pháp phản công kịch liệt. Kinh-thành Huế hư hại rất nhiều. Hữu-quân Đô-thống Hồ-Hiến phò xa giá Hàm-Nghi, tam cung lục-viện, lên Khiêm-lăng để trốn... Tôn-thất-Thuyết bại binh, đón Hàm-Nghi ra hành cung Quảng-Trị, rồi lên Lao-Bảo, qua Hàm-Thao, định đến Sơn-phòng Hà-Tĩnh. Nhưng người Pháp tiếp tục đuổi theo.

Vua Hàm-Nghi chạy tới miền thượng-du Quảng-Bình.

Ông Phan-đình-Phùng cùng các văn-thân đón tiếp.

Vua Hàm-Nghi xuống chiếu cần-vương, phong Phan-Đình-Phùng làm Tán-lý Quân-vụ, thống lĩnh các đạo nghĩa binh.

Phùng ra hịch cần-vương. Trong mười ngày, anh hùng nghĩa sĩ bốn phương qui tụ có trên 6 ngàn. Ông dựng cờ khởi nghĩa, ngay ở làng Đông-Thái, lấy nhà Ông làm « Nghĩa-sĩ-đường » làm lễ tuyên thệ. Rồi chia binh ra từ đồn, trại, đóng khắp tổng Việt-Yên ; lập xưởng rèn gươm giáo, đúc súng, chế đạn, theo kiểu xưa, để chống Pháp.

Từ năm Dậu (1885) tới Hợi (1887) đạo nghĩa binh Phan-đình-Phùng khi thì đóng ở huyện Hương-sơn, khi thì dời ở huyện Hương-Khê, thượng-du Hà-Tĩnh, đánh toàn du kích, khi được khi thua. Quân Pháp lấy làm mệt mỏi tốn hao, mà không diệt nổi, có khi đem một toán lính tiêu trừ rồi lại về không, nhiều lần hao quá nửa.

Khi những trại, đồn ở làng Đông-Thái, bị quân Pháp đánh tan, Ông thấy mình cô lập, tự ra đất Bắc để hiến triệu sĩ phu. Trước khi

đi, ông giao binh quyền lại cho Cao-Thắng một tướng bộ-hạ tài ba có nhiều mưu lược.

(Còn Tôn-thất-Thuyết với Trần-xuân-Soạn cùng đôi mươi quân lính phò vua Hàm-Nghi, bị quân Pháp đuổi nà, từ thượng-du Hà-Tĩnh sang thượng-du Quảng-Bình, đến biên giới Lào-Mọi, chỗ Trương-Quang-Ngọc làm thổ-tù, vua Hàm-Nghi tạm trú. Thuyết đẻ hai con, Đạm và Thiệp, với bốn lính hộ-vệ Ngài, rồi cùng Trần-xuân-Soạn sang Tàu cầu cứu.

Vua Hàm-Nghi ở đất Mọi hơn năm. Quân Pháp dò ra tung tích, cho Trương-quang-Ngọc tiến dẫn tới nơi, bắt đem về chỗ sang Algérie an trí (tháng 10 đl. 1888).

Tôn-thất-Thuyết ở bên Tàu rồi chết luôn).

Phan-dinh-Phùng ra Bắc, thấy nghĩa binh Bắc-Hà rời rã như nhóm lửa rơm : chỗ này nổi lên bị quân Bảo-hộ dẹp liền, chỗ kia nổi dậy, quân Pháp đánh tan, không còn chỉ hướng. Hoàng-hoa-Thám có đến tìm Ông. Ông thấy người trẻ trung, khí tượng, đang cử sự mưu đồ. Ông khuyên nên làm gấp. Thám muốn theo Ông. Ông bảo ở lại Bắc-Hà để làm thanh viện.

Ở một thời gian, liệu thế không nhờ được văn-thân Bắc-Hà, Ông về Hà-Tĩnh.

Trong khi Ông vắng mặt, tướng quân Cao-Thắng lo tụ tập nghĩa quân. Trong một vụ phục kích đội lính tải tiền lương, Cao-Thắng bắt được 17 súng trường Pháp kiểu 1874, đem về coi theo, chế ra gần 400 khẩu, với đạn được khá nhiều, lại mộ thêm quân nghĩa ; tất cả trên 1.000 người. Đạo quân căn-vương khởi sắc. Cao-Thắng cho người đi rước ông Phan.

Ông Phan về tới, thấy vậy rất mừng. Khi hay được Trương-quang-Ngọc dẫn người Pháp bắt vua Hàm-Nghi, Ông đem quân đi bắt Ngọc, chém đầu, đầu lại được thanh bảo kiếm của vua, Ngọc lấy. Hào-kiệt xa gần lại về theo Ông, chịu điều sai khiến, thanh-thế càng to.

Ông đóng đại-dồn ở núi Vụ-Quang (gọi Ngàn-Trươi), một nơi hiểm yếu ở thượng-du Hà-Tĩnh ; còn đồn, trại khác tiếp liền, rộng ra trong bốn tỉnh : Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, ở miền sơn cước, chỗ

nào cũng có trại nghĩa-quân. Tất cả chia ra làm 15 Quân-thứ. Mỗi Quân-thứ có từ 2,3 tới 5,7 trăm người, có đề-đốc hay lãnh-binh làm thủ-lĩnh. Văn-thân, võ-sĩ qui-tụ rất nhiều, phong trào phản chiến tràn lan.

Chánh-phủ Bảo-hộ phải s' nhiều quân lính tào thanh khó khăn, tốn kém, hết năm nọ đến năm kia.

Ông Phan-đình-Phùng dùng binh có qui tắc, khi ẩn, khi hiện, mỗi trận chiến đều có hoạch định kỹ càng.

Thấy thế lực vững-vàng, quân sĩ khá đông, súng đạn chế thêm cũng nhiều, Cao-Thắng xin đem quân đi đánh lấy tỉnh Nghệ. Nếu được, sẽ cùng các nơi, phục-hồi Thanh-Hóa, Hà-Tĩnh. Đánh được ít đồn, không may, Cao-Thắng bị đạn, tử thương (tháng 10 Quý-Ty, 1893).

Mất Cao-Thắng tướng hùng, mất người chế ra súng đạn, đạo nghĩa-quân của Phan-đình-Phùng lặn lặn sa-sút.

Các Quân-thứ bị dẹp lần hồi. Toàn lực quân Pháp gom về vây hãm Vụ-Quang, mở trận đánh hoài, mà không vô tới sào-huyệt.

Ông Hoàng-cao-Khải làm Kinh-lược-sứ Bắc-kỳ là người đồng hương của Phan, chịu đứng ra viết thư chiêu-dụ, sai em vợ, Phan-văn-Mẫn, là anh nhà bác của ông Phan, đem thư đến trình.

Ông Phan coi rồi, trả lời thư, không qui thuận, giữ một tiết-cầm cần vương cứu quốc.

Ông Phan-đình-Phùng dạ sắt đĩnh-ninh; các tướng sĩ theo ông một lòng quyết chiến. Hoàng-cao-Khải chiêu dụ không xong, quân Pháp phân công đánh Vụ-Quang ráo-riết. Khi vô được, đồn trại vắng teo. Phan đã dời quân đóng Đại-Hàm (huyện Hương-Khê, Hà-Tĩnh).

Bảo-Hộ thấy quan-quân lính-tập đánh hoài không dẹp nổi, thương lượng với triều-đình Huế ra binh. Vua Thành-Thái sai Tổng-đốc Bình-Định, là Nguyễn-Thân, làm Khâm-sai Tiết-chế quân-vụ, dẫn 3.000 quân chính-quy hiệp cùng quân Pháp tiêu trừ. Nguyễn-Thân đề cho Pháp với 2.000 lính-tập đánh phá Đại-Hàm. Ông không mạo hiểm. Số 3.000 quân của ông, ông phân ra đóng đồn ở các nơi quan yếu vùng Nghệ-Tĩnh, Hễ bắt được, hoặc tình nghi ai, tiếp tế

cho « bọn » nghĩa quân, đem chém ngay làm lịnh. Nghĩa quân bị vây hãm lâu ngày, lại bắt đường tiếp tế, đến đói tuyệt lương, phần nhiều đói rét. Quân Pháp lại ráo riết tấn công. Ông Phan cùng quân sĩ sang trốn đất Mường. Thế ở lâu khôngặng, ông lại dời về núi Quạt. Nghe tin ông đóng quân núi Quạt, tàn lực Quân-thứ các nơi lục tục kéo về. Lúc này ông có gán « tam thiên tử-đệ ». Lương thực không đủ ăn, nhiều người mang bệnh, hay đói, chết. Chính ông cũng bị bệnh kiệt, cứu chữa không lành. Lúc gần kiệt lực, ông viết bài thơ tự trần :

*« Nhưng trường phụng mệnh thập canh đông,  
Vớ lực y nhiên vị tẩu công.  
Cùng hộ ngao thiên nan trạch nhận,  
Phỉ đồ biến địa thượng đồn phong.  
Cửu-trùng xa giá quan-san ngoại,  
Tứ-hải nhân dân thủy hỏa trung.  
Trách vọng dũ long ưu dũ đại,  
Tướng môn thâm tự quý anh hùng ».*

Đào-trình-Nhất dịch nôm :

*Nhưng trường vâng mệnh đã mười đông,  
Việc vớ lực chừng vẫn chẳng xong.  
Dân đói kêu trời vang ồ nhận,  
Quân gian dậy đất rộn đồn ong.  
Chín-trùng lặn-đặn miền quan-tái,  
Trăm họ phơi-pha đám lửa hồng.  
Trách vọng càng to càng khổ nhọc,  
Tướng môn riêng hổ tiếng anh hùng.*

Cách mấy hôm sau, Ông thở hơi cuối cùng, tác lòng vẫn cứu-mang hận-thù non nước.

Ông mất nhằm ngày 13 tháng 11 năm Ất-Dậu (1895), sau 10 năm kháng chiến, thọ 49 tuổi, quy thiên.

Đạo nghĩa-quân Phan-dinh-Phùng lần hồi tan rã.

Nói về Phan-dinh-Phùng, một sĩ quan Pháp, Đại-Ủy Gosselin có tham gia chiến cuộc, viết trong quyển Nước Nam (Empire d'Annam), đại khái :

« Quan Đình-Nguyên Phan-đình-Phùng là người có tài về quân-sự, biết tổ chức và huấn-luyện binh sĩ theo lối Âu-Tây. Quân đội của ông mặc đồng phục, súng kiêu 1874 do ông sáng chế, y như súng của ta (súng Pháp), chỉ khác là nòng không xẻ rãnh nên bắn không xa.

Cuộc biến loạn của ông Phan-đình-Phùng tràn lan rất lẹ, và có thanh thế rất to. Sánh lại, những đám phản đối nổi lên về trước không thấm vào đâu ».

Sau đây, là bản dịch 2 bức thơ : 1 của ông Hoàng-Cao-Khai dụ hàng, và 1 của ông Phan-đình-Phùng từ khước.

Bản dịch do ông Đào-trình Nhất. Nguyên văn 2 bức thơ viết bằng chữ Hán, rất hay.

Thơ ông Hoàng-cai-Khai chiêu dụ ông Phan-đình-Phùng.

### BẢN DỊCH :

« Đồng áp Phan-Đình-Nguyên đại-nhân túc hạ.

Tôi với Ngài xa cách nhau, xuân thu đắp đổi trải đã mười bảy năm rồi. Dầu bề cuộc đời, bắc nam đường bụi, tuy là mỗi người đi một ngã khác nhau, nhưng mà trong giấc mộng hồn vẫn thường thấy nhau, không phải xa cách. Ngồi nghĩ lại ngày trước, chúng ta còn ở chốn quê-hương giao du với nhau, cái tình ấy đậm-thấm biết là dường nào ?

Từ lúc ngài khởi nghĩa đến giờ, nghĩa-khí trung-can đều rõ rệt ở tai mắt người ta. Tôi thường nghe các quý-quan (Pháp) nói chuyện đến ngài, ông nào cũng phải thở than khen ngợi và tỏ ý kính trọng ngài lắm. Xem như thế thì tấm lòng huyết-khí tôn-nhân, tuy là người khác nước cũng chung một tâm-tình ấy thôi, không phải là người cùng thanh-khí với nhau mới có vậy.

Ngày kinh thành thất thủ, xe giá hoàng-thượng bốn-ba, mà Ngài mạnh-mẽ đứng ra ứng nghĩa, kẻ sự thế lúc bấy giờ, ngài làm vậy là phải lắm, không ai không nói như thế. Song ọc, thế sự gần đây đã xoay đổi ra thế nào, thử hỏi việc đời có thể làm được nữa không, dầu kẻ ít học thức, kém trí khôn cũng đều trả lời không được. Huống chi như ngài là bậc tuấn-khiết, chẳng lẽ không nghĩ tới đó

hay sao? Tôi trộm xét chủ ý của ngài chắc cũng cho rằng: ta cứ làm theo việc phải ta biết, cứ đem hết tài năng ta có, một việc nên làm mà làm là ở nơi người, còn nên được hay không là ở nơi trời, ta chỉ biết đem thân này hứa cho nước, đến chết mới thôi. Bởi thế, cho nên ngài cứ làm việc tới cùng, không ai có thể làm biến đổi cái chí ấy được.

Có điều tôi thấy tình-trạng ở quê hương chúng ta gần đây, lấy làm đau lòng hết sức. Nhân đó, tôi thường muốn đem ý-kiến hẹp-hòi, đề nghị cùng lượng cao-minh soi-xét; nhưng mấy lần mở giấy ra rồi, mài mực xong rồi, đã toan đặt bút xuống viết, rồi lại gác bút thờ dài, không sao viết được. Vì sao? Vì tôi liệu biết can-tràng của ngài cứng như sắt đá, không thể lấy lời nói mà chuyển động nổi. Đã vậy, lại còn khác tình, khác cảnh, xa mặt xa lòng, vậy thì lời nói của tôi chắc gì thấu tới được nơi ngài, mà dầu cho có tới nơi ngài chẳng nữa, đã chắc gì lọt vào tai ngài chịu nghe giùm cho, chẳng qua chỉ đề cho cổ nhân cười mình là thằng ngu thì có.

Nay nhân quan Toàn-quyền (De Lanessan) trở lại, đem việc ở tỉnh ta bàn-bạc với tôi, có khuyên tôi sai người đến ngỏ ý cùng ngài biết rằng: ngài là bậc người hiểu biết nghĩa lớn, dầu không bận lòng tưởng nghĩ gì đến thân mình, nhà mình đi nữa, thì cũng nên tưởng nghĩ cứu vớt lấy dân ở trong một địa phương mới phải. Lời nói đó, quan Toàn-quyền không nói với ai mà nói với tôi, là vì cho rằng: tôi với ngài có cái tình xóm làng cổ cựu với nhau, chắc hẳn tôi nói ngài nghe được. Vậy có lẽ nào tôi làm thỉnh không nói?

Ngài thử nghĩ xem: quan Toàn-quyền là người khác nước, muốn dậm tới đây, mà còn có lòng băn khoăn lo nghĩ tới dân mình như vậy thay, huống chi chúng ta sinh-đẻ lớn khôn ở đất này là đất của cha mẹ tộc-tôn ở đó, có lý đâu mình làm lơ đành đoạn, thì trăm năm về sau, người ta sẽ bảo mình ra làm sao? Ôi! làm người trên phải có lòng thương yêu dân làm cốt, chưa từng có ai không biết thương dân mà bảo là trung với vua bao giờ. Việc của ngài làm từ bấy lâu nay, bảo rằng trung thì thiệt là trung, song dân ta có tội gì mà nông-nổi lâm-than thế này, là lỗi tại ai? Nếu bảo là đã vì thiên hạ thì không thiệt chỉ tới nhà nữa cũng phải, nhưng một nhà của mình đã vậy, chứ còn bao nhiêu nhà ở trong một vùng cũng bỏ đi

cả, sao cho đang tâm? Tôi nghĩ nếu như ngài cứ khăng-khăng làm tràn tới mãi, thì e rằng khắp cả sông Lam núi Hồng đều biến thành hồ cá hết thấy, chứ không phải chỉ riêng lo ngại cho cây cỏ một làng Đông-Thái chúng ta mà thôi đâu. Đến nỗi đề cho quê hương điêu-đứng xiêu-tàn, tưởng chắc bậc người nhân-nhân quân-tử không lấy gì làm vui mà làm, thì phải.

Tôi suy nghĩ đắn-đo mãi, vụt lấy làm mừng-rỡ mà nói riêng với mình: — Được rồi, lời nói đó tôi có thể đem ra nói cho ngài nghe lọt tai, đề xin ngài chỉ-bảo cho biết như vậy có phải hay không?

Tuy nhiên, sự-thế của ngài như cỡi trên lưng cọp đã lỡ rồi, bây giờ muốn bước xuống, nghĩ lại khó khăn biết bao!

Nếu như tôi không có chỗ tự tin chắc chắn nơi mình, thì quyết không khi nào dám mở lời nói liệu linh đề mang lụy cho cá nhân về sau. Nhưng may là tôi với quan Toàn-quyền vốn có tình quen biết nhau lâu, lại với quan Khâm-sứ ở Kinh, và quan Công-sứ Nghệ-Tĩnh, cùng tôi quen thân hiệp ý nhau lắm, cho nên trước kia Trần Phiên-sứ (tên là Khánh-Tiến, làm Tuần-phủ gọi là Phiên-sứ), Phan Thị-lang (tên là Huy-Nhuận) cũng là chỗ thân trong tỉnh, trong làng, hoặc bị tội nặng, hoặc bị xử đầy rồi, thế mà tôi bảo toàn cho hai ông ấy đều được yên-ôn vô sự. Lại như mới rồi, ông Phan-trọng-Mưu ra thú, tôi dẫn đến yết kiến các đại hiến quý quan, thì các ngài cũng tiếp đãi trân trọng như đãi khách quý, và tức thời điện về tỉnh nhà, bắt trả lại mồ mã, và tha cả ba con về, như thế tỏ ra nhà nước Bảo-hộ khoan-dung biết chừng nào! Cứ xem vậy đủ biết lẽ ấy, lòng ấy, dầu là người nghìn dặm xa nhau, vẫn là giống nhau vậy.

Bây giờ, nếu ngài không cho lời tôi nói là dông dài, thì xin ngài đừng ngần-ngại một điều gì khác hết, tôi không khi nào dám đề cho cổ nhân mang tiếng là người bất trí đâu.

HOÀNG-CAO-KHAI  
đón thư





Thơ ông Phan-Đình-Phùng trả lời không qui thuận.

### BẢN DỊCH :

« Hoàng quý-đài các hạ,

Gần đây, tôi vì việc quân, ở mãi trong chốn rừng xanh, núi thẳm, lại thêm lúc này tiết trời mùa đông, khí hậu rét quá, nông-nỗi thiệt là buồn tênh. Chợt có người báo có thư của cố nhân gửi lại. Nghe tin ấy, không ngờ bao nhiêu nỗi buồn rầu lạnh-lẽo tan đi đâu mất hết. Tiếp thư liền mở ra đọc. Trong thư cố nhân chỉ bảo cho điều hòa phước, bày tỏ hết chỗ lợi hại, đủ biết tấm lòng của cố nhân, chẳng những muốn mưu sự an-toàn cho tôi thôi, chính là muốn mưu sự yên ổn cho toàn hạt ta nữa. Những lời nói gan ruột của cố nhân, tôi đã hiểu hết. Cách nhau muôn dặm tuy xa, nhưng chẳng khác gì chúng ta được ngồi cùng nhà nói chuyện với nhau vậy.

Song lẽ tâm sự và cảnh-ngộ của tôi có nhiều chỗ : tròn vàn khó nói hết ra. Xem sự thể thiên hạ như thế kia, mà tài : Ơi như thế này, y như lời cố nhân đã nói « thân con bộ ngựa là bao mà dám giơ cánh tay lên muốn cản trở cỗ xe người » làm sao cho nổi. Việc tôi làm ngày nay sánh lại còn quá hơn nữa, chẳng phải như chuyện con bộ ngựa đưa tay ra cản cỗ xe mà thôi.

Nhưng tôi ngẫm-ngĩ lại, nước mình mấy nghìn năm nay, chỉ lấy văn-hiến truyền nối nhau hết đời này qua đời kia, đất nước chẳng rộng, quân lính chẳng mạnh, tiền của chẳng giàu, duy có chỗ ý-thị dựa-nương đề dựng nước được, là nhờ có cái gốc vua tôi, cha con theo năm đạo luân thường mà thôi. Xưa kia nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh bên Tàu, bao nhiêu phen lăm-le muốn chiếm lấy đất ta làm quận huyện của họ mà vẫn chiếm không được. Ôi ! nước Tàu với nước ta, bờ cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn bội, thế mà trước sau họ không thể ý mạnh mà nuốt trôi nước ta được ; nào có vì lẽ gì khác đâu, chẳng qua non sông nước Nam tự trời định phận riêng hẳn ra rồi, và cái ơn huệ thi thư lễ nghĩa vốn có chỗ đủ cho mình tự có thể trồng cấy dựa-nương lăm vậy. Đến nay người Pháp với mình, cách xa nhau không biết là mấy muôn dặm, họ vượt bể lại đây, đi tới đâu như là gió lướt tới đó, đến nỗi nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, bỗng chốc non sông nước mình biến thành bờ cõi người ta, thế là trọn cả nước nhà,

dân nhà, cũng bị đắm chìm hết thảy, có phải là riêng một châu nào hay một nhà ai phải chịu cảnh lâm-than mà thôi đâu.

Năm Ất-Dậu, xe giá thiên-tử ngự đến sơn phòng Hà-Tĩnh, giữa lúc đó, tôi đang còn tang mẹ, chỉ biết đóng cửa cư tang cho tròn đạo hiếu, trong lòng há dám mơ tưởng đến sự gì khác hơn. Song, vì mình là con nhà thế-thần, cho nên đôi ba lần Đức Hoàng-Thượng giáng chiếu vời ra, không lẽ nào có thể từ chối, thành ra tôi phải gắng-gỗ đứng ra vâng chiếu, không sao đứng được. Gần đây, Hoàng-thượng lại đái tướng lựa chọn tôi mà giao phó cho việc lớn, ủy-thác cho quyền to ; ấy, mệnh vua ủy-thác như thế đó, nếu cố nhân đặt mình vào trong cảnh như tôi, liệu chừng cố nhân có đành chối từ trốn tránh đi được hay không ?

Từ lúc tôi khởi nghĩa đến nay, đã trải mười năm trời, những người đem thân theo việc nghĩa, hoặc đã bị trách phạt, hoặc đã bị chém giết, vậy mà lòng người trước sau chẳng hề lấy làm chán nản ngã lòng bao giờ ; trái lại, họ vẫn ra tài, ra sức giúp đỡ tôi, và lại số người mạnh bạo ra theo tôi càng ngày càng nhiều thêm mãi. Nào có phải người ta lấy điều tai-vạ hiềm-nguy làm cho sự sung sướng thêm thường mà bỏ nhà dân thân ra theo tôi như vậy đâu. Chỉ vì họ tin cậy lòng tôi, lượng xét chí tôi, cho nên hăm hở vậy đó thôi. Ấy lòng người như thế đó, nếu như cố nhân đặt mình vào cảnh của tôi liệu chừng cố nhân có nở lòng nào bỏ mà đi cho đành hay không ?

Thưa cố nhân, chỉ vì nhân-tâm đối với tôi như thế, cho nên cảnh nhà tôi hương khói vắng tanh, bà con xiêu ịạt, tôi cũng chẳng dám đoái-hoài. Nghĩ xem, kẻ thân với mình mà mình còn không đoái-hoài, huống chi kẻ sơ ; người gần với mình mà mình còn không bao-bọc nài, huống chi người xa. Vả chẳng hạt ta đến đôi điều-đứng lâm-than quá, không phải riêng gì vì tai-họa binh đao làm nên nông-nổi thế đâu. Phải biết quan Pháp đi tới đâu, có lũ tiều-nhân mình túa ra bày kẻ lập công, thù vợ oán chạ ; những người không có tội gì chúng cũng đâm thọc buộc ràng cho người ta là có tội, rồi thì bữa nay trách thế họ, ngày mai phạt thế kia ; phạm có cách gì đực khoét được của-cải của dân, chúng nó cũng dùng tới nơi hết thảy. Bởi đó mà thói hư mỗi tề tuôn ra cả trăm cả ngàn, quan Pháp làm sao biết thấu cho cùng những tật khờ của dân trong chốn làng xóm quê mùa, như thế thì bảo dân không phải tan-lìa trôi-giạt đi sao được.

Cố nhân với tôi, đều là người sinh đẻ tại châu Hoan, mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cố nhân còn cố lòng đoái tưởng quê hương thay, huống chi là tôi đây đã từng lấy thân chịu đựng và lấy mắt trông thấy thì sao? Khốn nỗi cảnh ngộ bó buộc, và lại sức mình chẳng làm được theo lòng mình muốn, thành ra phải đành, chứ không biết làm sao cho được. Cố nhân đã biết đoái-hoài thương xót dân này, thì cố nhân nên lấy tâm sự tôi và cảnh ngộ tôi thử đặt mình vào mà suy nghĩ xem, tự nhiên thấy rõ-ràng, có cần gì đến tôi phải nói dông-dài nữa ư?»

PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

phúc-thư

Bức thư trả lời tỏ ra lòng cương quyết, vì vâng lời ủy-thác của vua, vì tín-nghĩa với quân-nhân đồng chí, lại vì khổ nạn của dân, của nước, do người Pháp gây ra và người Nam a-tòng với Pháp, nên ông Phan chẳng chịu quy hàng, chống Pháp cho tới hơi thở cuối cùng mới thôi.



**PHAN - BỘI - CHÂU**  
(SÀO-NAM TIÊN-SINH)



## Phan-Bội-Châu

(Sào-Nam tiên-sinh)

---

Người huyện Nam-Đàn, tỉnh Nghệ-An, sanh năm Đinh-Mão (1867), nổi tiếng văn tài, ông Phan-Bội-Châu là một nhà Chí-sĩ, nửa đời bốn-ba hải ngoại mưu đồ giải phóng nước Nam dưới quyền Pháp thuộc.

Khi ông còn là học sinh trường Quốc-tử-Giám tại Kinh-đô (Huế), quan tể-tửu trường là Khiếu-năng-Tĩnh, một người có tiếng hay chữ đương thời, phê trên một bài kinh-nghĩa của ông : «Tiền vô cớ nhân, hậu vô lai giả» ý nói : Trước không có người và sau ắt cũng chẳng có ai viết hay hơn nữa (vô tiền, khoáng hậu). Nhưng màng lo thời cuộc, đến năm Canh-Tý (1900) ông mới thi đậu giải-nguyên ; những quyền-văn đều được phê «ưu» tất cả. Ông mượn khoa bảng để làm lối xuất thân, chứ kỳ trung ông làm «cách mạng».

Năm ông 17 tuổi, quân Pháp chiếm mấy tỉnh trung châu Bắc-kỳ (1883), ông hưởng ứng nghĩa quân, ban đêm chong đèn thảo bài văn hịch «Bình Tây thảo Bắc».

Năm 19 tuổi (1885), xúc động vì phong-trào cần-vương chống Pháp do ông Phan-dinh-Phùng lãnh-đạo, ông cùng các bạn học thanh niên tổ chức đội «Sinh-quân nghĩa-dũng» hoạt động dưới hiệu cờ «Si-từ cần-vương».

Không được kết quả gì, ông quay viết sách : «Song tuất lục» tán-dương công nghiệp của những người đã hy-sinh kháng Pháp, «Việt-Nam Nghĩa-liệt truyện» đề cao những gương nghĩa-liệt chống xâm-lãng.

Năm Tân-Sửu (1901), ông cùng với Phan-dinh-Cứ (con ông Phan-dinh-Phùng) và một nhóm nghĩa-quân vùng Nghệ-Tĩnh, định đánh thành Vinh vào ngày lễ quốc-khánh (14 Juillet) ; nhưng sự bất thành, ông nhờ ông Tổng-đốc Nghệ-An che chở.

Sau cuộc đó, ông đi Yên-Thế tìm ông Hoàng-Hoa-Thám hội đàm, rồi đi khắp miền thượng du Nghệ-Tĩnh kết nạp các tù-trưởng Mán, Mường.

Năm Quý-Mão (1903), ông vào Huế, mượn trường Giám để tìm bạn tâm giao. Ông gặp được cụ Tiểu-La Nguyễn-Thành. Cụ Nguyễn Thành giới thiệu ông cùng quý ông Tăng-Bạt-Hồ, Đặng-tử-Kính, Đặng-thái-Thần, v. v... Được tri-âm khuyến-khích, ông viết ra tập « Lưu-Câu Huyết-lệ tâm thư » tả tình trạng nhà tan nước mất, điều tủi nhục của dân tộc vong-nô, và đưa ra những phương lược cấp thời để cứu nguy tình thế: khai dân trí, chấn dân tâm, dưỡng nhân tài v. v... Sách ông được phổ biến nhiều trong hạng sĩ-phu. Do đó ông được biết quý ông Phan-châu-Trình, Huỳnh-thúc-Kháng, Trần-Quý-Cáp v. v...

Ông cũng có vào Nam kết nạp đồng chí, như Nguyễn-thần-Hiến, Trần-chánh-Chiếu, v. v...

Sau những cuộc mật đàm với cụ Tiểu-La, ông quyết định chọn Kỳ-ngoại-Hầu Cường-Đề làm minh chủ, đề làm việc to. Kỳ-ngoại-Hầu Cường-Đề chấp thuận. Ông ngỏ ý xuất dương. Tất cả tán thành, đều hy-vọng nơi ông.

Đầu năm Ất-Tý (1905), ông cùng Tăng-Bạt-Hồ, Đặng-tử-Kính, sang Tàu, mong gặp Lương-khải-Siêu, một nhà chính khách. Lương khải-Siêu đang lưu vong trên đất Nhật, ông sang Nhật hội ngộ Lương. Lương giới thiệu ông cùng Thủ-Tướng Nhật Onukai Tsuyoki = Khuyển-dương-Nghị. Thủ-tướng Nhật tiễn dẫn ông cùng Bá-Tước Đại-Ôi = Okuma Shigenobu. Trong lúc hội đàm, có Nghị-sĩ Nhật là Bá-nguyên Văn-thái-Lang = Kashiwara Bun Taro, Giám-đốc trường tư-thục « Đông-Á Đông-văn ». Người Nhật biệt đãi ông lắm.

Sau những cuộc gặp gỡ này, về sau, Nhật thân nhận 4 người Nam vào trường Lục-quân Chấn-Võ, là một trường công, và tất cả du học sinh Nam vào « Đông-Á Đông-văn học-hiệu », tư thực này, ngoài các môn học phổ-thông, cũng dạy về quân sự. Học sinh Nam, sau lên tới 200 người. Ông Phan phải lập ra « Việt-Nam Công-hiến-hội » (1907) để chăm nom và nâng đỡ du-học-sinh trên đất Nhật.

Do Khuyển-dương-Nghị, ông hội kiến với Tôn-Văn. Tôn-Văn ở Mỹ về Hoành-Tân tổ chức « Trung-Quốc Đồng-minh hội ». Ông tổ-chức đảng Duy-Tân. Hai người gặp nhau lấy làm tương đắc.

Ở Nhật, ông soạn ra quyển « Việt-Nam vong quốc-sử » để cho người ngoại-quốc biết hoàn cảnh nước Nam. Lương-khai-Siêu đề tựa, và khuyên ông về nước mở rộng cuộc tuyên truyền đưa thanh niên du học ngoại quốc, để đào tạo cán bộ tương lai.

Ông có về nước hai lần.

Lần đầu, tháng 6 năm Ất-Tỵ 1905, sắp đặt việc đưa Kỳ-ngoại-Hầu xuất dương, và cử động phong-trào Đông-du, đem du học-sinh ra ngoại quốc.

Lần thứ hai, tháng giêng năm Đinh-Mùi 1907, đi quan sát biên giới Việt-Hoa để định bề sách-lược ; viếng Hoàng-hoa-Thám và thuyết phục Thám làm hậu thuẫn cho đảng Cách-mạng Duy-Tân ; và tiếp xúc cùng các yếu nhân trong nước, lo mưu-đồ hoạt động mạnh hơn.

Hoàng-hoa-Thám cam kết cùng ông :

1. Gia nhập đảng Duy-Tân, nhận Kỳ-ngoại-Hầu làm linh tự ;
  2. Dung nạp nghĩa-sĩ miền Trung vào chiến khu Yên-Thế ;
  3. Bao giờ Duy-Tân khởi nghĩa, Yên-Thế ứng-viện dấy binh.
- Đổi lại, Ông cũng cam kết cùng Hoàng-hoa-Thám :

1. Lúc nào Yên-Thế động binh, thực lực đảng ông sẵn sàng tiếp trợ ;
2. Kháng-chiến Thám nổi lên, Duy-Tân Hội lo về ngoại giao các nước để gây thanh-thế nước ngoài ;
3. Chiến khu Yên-Thế thiếu về quân nhu, đạn dược, Hội Duy-Tân tìm cách ủng hộ cho.

Sau hai lần về nước của ông Phan, tình hình Duy-Tân Cách-Mạng trong nước rầm rộ lên. « Đông-kinh Nghĩa-thực », « Triều-dương thương cuộc » được sáng lập ra, đưa con em sang Nhật. Các Học-hội, Thương-hội khác được mở đều ở khắp Bắc, Trung, Nam.

Lần lượt Kỳ-ngoại-Hầu, Phan-châu-Trinh cùng nhiều yếu nhân khác gặp-gỡ nhau ở Nhật (1906) hay Tàu.

Trước tình trạng này, Chánh-phủ Pháp ở Đông-Dương thương thuyết và yêu cầu Chánh phủ Nhật giải tán các du học sinh và trục xuất tất cả người Nam lưu vong ở Nhật (1908). Chánh phủ Nhật làm theo Kỳ-ngoại-hầu và ông Phan-bội-Châu rời Đông-Kinh về



Hương-Cảng, đầu năm 1909. Một hào phú Nhật, Thiên-Vũ Thái-Lang, giàu lòng nghĩa-hiệp, trước đã giúp tiền cho ông Phan hoạ, động nay lại giúp lộ phí và phương tiện cho ông thanh toán về vụ học sinh.

Về Hương-Cảng, ông trú liệu sang Xiêm để mong hoạt động vì trước kia ông có sang Xiêm, được Bá-tước Nhật Tá-dăng Hạ-Cát đang làm cố vấn cho Xiêm-hoàng tiến dẫn ông cùng vua Xiêm, và tiếp xúc với các vị thần vương, các vị đại thần. Trong lúc thu xếp để lên đường, ông được tin trong nước Hoàng-hoa-Thám khởi binh chống Pháp. Đồng-chí trong đảng Cách mạng của ông là Tùng-Nham Nguyễn-văn-Ngôn cũng lập đồn trong khu vực Yên-Thế để trợ lực đánh đuổi xâm lăng. Ông định việc sang Xiêm, lo mua súng đạn gửi về cho Đề-Thám. Nhưng chẳng bao lâu, Đề-Thám bị phản công rất ngặt. Nguyễn-văn-Ngôn bị bắt và liễu mệnh. Nhiều đồng chí khác cũng bị nguy vong hay tù đầy : Đặng-thái-Thần, Trần-quý-Cáp lên đoạn đầu đài, Ngô-dức-Kế, Đặng-nguyên-Cần, Huỳnh-thúc-Kháng, Phan-châu-Trình, v.v... bị đày ra Côn-đảo.

Việc sang Xiêm hoãn lại, ông nép mình ở Quảng-Đông, nương nhờ bà Châu « Sư-Thái ». Lúc đầu, ông viết « Tân dân tùng báo », của Lương-khai-Siêu, lấy tên là Phan-thị-Hán, biệt hiệu Sào-Nam. Sau lại đi bán sách đạo, đề đàm bạc cùng các đồng-chí ở Quảng-Đông. Nấn ná một thời gian, khi được số tiền của bà Lương-văn-Can và của Nam-Xương Thái-Phiên gửi sang Trung-Hoa tiếp-tế, ông cùng các đồng chí, Đặng-thúc-Hứa, Đặng-tú-Kính sang Xiêm vào hạ tuần tháng 9 (1910). Ở Xiêm, khi chưa hoạt động gì đặc lực ông chuyên viết sách gửi về nước để chấn chỉnh tinh thần quốc dân.

Sang năm Tân-Hợi (1911) cuộc Cách-Mạng Trung-Quốc thành công. Ông trở về hoạt động dưới Chính-thể cộng-hòa « Trung-Hoa Dân-Quốc », Chính phủ lâm thời tại Hoa-Nam. Các đồng chí lần lượt tề tựu lại Quảng-Đông.

Tháng 2 Nhâm-Tý (1912) dưới sự chủ tọa của Kỳ-ngoại-Hầu và Phan-bội-Châu, toàn thể đảng viên Trung, Nam, Bắc mở đại hội quyết nghị tổ chức một cơ quan mới, thay thế hội Duy-Tân cũ, lấy tên là « Việt-Nam Quang-phục-hội » ; chế định quốc kỳ, quân kỳ, phát hành quân-dụng-phiếu, là một thứ tiền tệ riêng, lập

quân đội hẳn hoi, chẳng khác nào một Chánh-phủ lưu vong. Ông Kỳ-ngoại-Hầu là Quốc-trưởng, Phan-bội-Châu Thủ-tướng. Nhiều chính khách Trung-Hoa ủng hộ. Một hội đoàn « Chấn Hoa, Hưng-Á-Hội » liên kết thân hữu Việt-Hoa. (Đuốc nhà Nam).

Vài anh em đồng chí tình nguyện về nước gây bạo động cho có tiếng vang.

Nguyễn-hải-Thần, Nguyễn-trọng-Tường do đường Lạng-Son vào Bắc ;

Hà-duy-Nhân, Đặng-tử-Vũ do đường Xiêm vào Trung ;

Bùi-chính-Lộ cũng do đường Xiêm về Saigon.

Tất cả đều mang theo tạc đạn để khủng bố tinh thần người Pháp. Nhưng kết quả không được khả quan. Ở Bắc, tạc đạn ném vào Hà-nội Hôtel, Montgrand và Chapuis chết, dinh quan Tuần-phủ Thái-Bình, Tuần-phủ Nguyễn-duy-Hàn chết. Sau này ông Phan bị buộc tội về hai khoản ấy. « Bốn viên tạc đạn khác sang Xiêm bị vất uồng ở nơi đồn điền ». « Hai quả tạc đạn của Bùi-chính-Lộ chỉ giết mấy con chó săn nhỏ, mà phải hy-sinh đến tánh mạng mình ». (Phan-bội-Châu).

Bạo động này gây một ít tiếng vang. Nhưng Chánh-Phủ Pháp kêu án Phan-bội-Châu tử hình vắng mặt ; đồng thời làm áp-lực Trung-Hoa, yêu cầu dẫn độ phạm nhân.

Phan-bội-Châu và các đồng-chí vẫn tiến hành theo chương trình hoạch định của Việt-Nam Quang-phục-Hội, là tranh đấu bằng vũ lực mới xong.

Hoàng-trọng-Mưu được đặt đi Quảng-Tây kết liên đồng-chí và tổ-chức Quang-phục-quân cho hùng-hậu chờ lúc trở về nước tấn công.

Đặng-tử-Mẫn, Huỳnh-Hưng, Đặng-Bình-Thành đi Hương-Cảng đặt cơ sở chế tạo bom và thuốc nổ để cung cấp cho Quang-phục. (Hội).

Trần-hữu-Lực đi Xiêm, vận động đưa quân nhu, khí giới vào Trung-kỳ.

Lương-ngọc-Quyển về hoạt động miền Bắc. Nguyễn-Yên-Chiều, miền Nam.

Chưa hoạt động nên gì, trụ sở chứa bom đạn ở Hương-cảng bị phát giác. Huỳnh-Hưng, Nguyễn-thần-Hiến bị bắt giao cho Lãnh-sự

Pháp đưa về Đông-Dương. Đặng-tứ-Mẫn làm lựu đạn bị nổ đứt rời ba ngón tay.

Lúc ấy Viên-thế-Khai bỏ chế độ Dân-quốc, lập lại Đế-quyền, muốn mượn đường xe lửa Hà-nội—Vân-nam đi dẹp Đường-kế-Nghiêu chống Khải. Toàn-quyền Sarraut đến Quảng-đông yêu cầu Long-tế-Quang, Đốc-quân Lương-Quảng giải tán đảng Cách-Mạng Việt-Nam ở Tàu và trục xuất Cường-Đề, Bội-Châu.

Ông Phan bị Tế-Quang bắt nhốt, ngày 24 tháng Chạp năm Quý-Sửu (1913). Nguyễn-Thượng-Hiền cầu cứu với Đoàn-kỳ-Thụy làm «Bộ-trưởng» Lục-quân. Thụy ra lệnh cho Quang giữ ông Phan, «đừng làm hại».

Ông Phan bị giam ở Quảng-Châu lấy làm uất hận. Ngồi Âu-Châu đại chiến nổ bùng (1914), ông hi vọng cuộc chiến sẽ có ảnh hưởng nước Nam, và phong trào Duy-tân chống Pháp. Đề quên lãng ngày giờ, ông ngồi yên viết sách. Những «Quốc-Hồn lục Việt-Nam, Trùng quang tâm-sử, Hà-thành Liệt-sĩ truyện, Ngư-Hải tiên sinh biệt truyện, Tiều-La tiên sinh biệt-truyện, Hoàng-Yên-Thế tướng quân truyện», v.v... đều là tác phẩm viết ở trong lao. (Đức Nhà Nam).

Viên-thế-Khai tự tận (6-6-1916), bè đảng Viên, Long-tế-Quang sụp đổ; Hồ-hán-Dân và đảng Cách mạng Tàu đem ông Phan ra khỏi ngục (1917). Thấm thoát, ông ngồi tù đã 4 năm.

Ông lên Hàng-Châu ăn náu, viết bài cho Binh-sự Tạp chí qua ngày, trong mình hơi bệnh, thường tiện huyết, vì ở trong ngục mấy năm. Ông lại sai người liên lạc với Tòa-Sứ Đức ở Thiên-Tân. Trước kia, nhờ tiền Đức, cuộc đánh ở biên giới Yên-Báy, Lạng-Sơn thất bại, Trần-hữu-Lực, Hoàng-trọng-Mậu, Lê-đức-Mân, bị chém (1915). Sau này, Nguyễn-thức-Đường, Nguyễn-đức-Công bị bắt, tử hình. Rồi ra việc thông đồng với Đức đồ bề. Các cuộc kháng Pháp trong thời Âu chiến đều chẳng thành công. Trong nước, Trần-cao-Vân, Thái-Phiên bị giết, vua Duy-Tân bị lưu đày ở đảo Réunion (1916). Giặc Âu-Châu kết thúc (1918). Pháp càng mạnh lên. Các vụ khởi nghĩa ở Đông-Dương đều bị đàn áp. Việt-Nam Quang-Phục hội vẫn âm thầm. Ông Phan chờ thời cơ xức tiến.

Đầu năm Giáp-Tý (1924), «Tâm-Tâm-Xã» của nhóm Thanh niên Cách-mạng phát triển mạnh tại Quảng-Châu. Toàn quyền Merlin

sang Nhật. Phạm-hồng-Thái, Lê-hồng-Sơn theo dõi. Khi về, Merlin ghé Quảng-Châu, ngồi tiệc tại nhà hàng Victoria, thành phố Sa-diện (Shameen), tổ giới Anh. Phạm-hồng-Thái giả làm phóng-viên Tàu, mang lựu đạn trong máy ảnh; Tân khách chúc mừng nhau; Thái vút bom vào bàn tiệc. Bom nổ Merlin bị miềng nhẹ ở đầu. Năm người ngồi-quanh chết, 10 người khác bị thương. Cuộc săn bắt phạm nhân ráo riết. Phạm-hồng-Thái giải vây, kịp đến mé Châu-giang lao mình tự tử (18 tháng 5 Giáp Tý, 19-6-1924).

Tiếng bom Sa-diện nổ, làm nóng lại tinh thần phản chiến Việt-Nam.

Tháng 7 năm ấy, (Giáp-Tý, 1924) Phan-bội-Châu về Quảng-dông triệu tập đồng-chí, bàn kế hoạch tiến hành; đổi Việt-Nam Quang-Phục Hội thành Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, hành động như Quốc-Dân Đảng Trung-Hoa, vận động với Tưởng-giới-Thạch, Lý-tế-Thâm, đưa học sinh vào trường Võ-bị Hoàng-Phổ.

Dân trí, dân tâm lúc này nổi lên bất bển, Thế giới cũng chú ý đến công cuộc giải phóng của người Nam trên đất Tàu. Nhà cầm quyền Pháp ở Đông-Dương đặt một số tiền lớn, mưu bắt được ông Phan.

Theo Đào-trình-Nhất: Lúc ấy, Nga-Sô muốn tuyên-truyền chủ-nghĩa Cộng-sản ở Á-Đông, đưa một phái đoàn sang Quảng-Châu làm cố vấn cho Chánh-phủ Hoa-Nam. Phái đoàn gồm: Borodine cố vấn chánh-trị, Galen cố vấn quân-sự, Lý-Thụy (tức Nguyễn-ái-Quốc) làm bí thư.

Lý-Thụy tìm gặp ông Phan, Nguyễn-hải-Thần, và các anh em khác, trình bày rằng: Đế tam Quốc-tế đang chủ trương lập một hội «Toàn Thế-giới Nhược-tiểu dân-tộc liên-hiệp Hội», mục đích là lãnh-đạo các nước nhỏ yếu trên hoàn-cầu đang bị ách đô-hộ, chống lại các nước thực-dân và Đế-quốc tư-bản, đề tranh-thủ độc-lập cho nước nhà. Vậy Việt-Nam nên gia nhập tổ chức ấy, và lấy tên «Toàn Thế-giới Nhược-tiểu dân-tộc liên-hiệp hội, Á-Đông Bộ, Việt-Nam Chi-phần» để nhờ Nga trợ giúp.

Ông Phan và các đồng chí bằng lòng. Ông lại tự đảm đương đi đến Hàng-Châu nói chuyện với cụ Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền,

cùng mời các đồng chí ở Hoa-Trung, Hoa-Bắc về Quảng-Châu tham gia công cuộc. Khi đi, ông ủy-thác cho Hoàng-chân-Đông tức Lâm-đức-Thụ (Nguyễn-công-Viên) ở nhà cùng với Lý-Thụy lo việc xếp đặt và mời thêm các anh em khác. Khi nào công việc xong thì đánh điện lên Hàng-Châu cho ông biết đề về khánh hi.

Ông đi rồi, Lâm-đức-Thụ bàn cùng Lý-Thụy về việc tổ chức Tổng-Bộ của Việt-Nam Chi-phần, vấp phải vấn đề tài chánh mang đương. Lâm-đức-Thụ thuyết phục anh em hy-sinh ông Phan cho người Pháp dâng lãnh một số tiền to về hoạt động. Lý-Thụy tán đồng. Lâm-đức-Thụ tới lui Tòa Lãnh-sự Pháp Hương-Cảng.

Chẳng bao lâu, ông Phan ở Hàng-Châu được tin-diễn mời về. Ông cùng đi với Nguyễn-thượng-Huyền, cháu cụ Mai-Sơn, Xe hỏa đến ga Bắc-Trạm. Ông bước ra ga. Một bọn người Pháp đẩy ông lên một chiếc xe hơi chực sẵn, rồi máy chạy ngay về Tổ-giới Pháp ở Thượng-Hải, trưa ngày 11 tháng 5 Ất-Sửu 1925. Rồi chuyển ông xuống một pháo-thuyền, đem về giam ở nhà pha Hà-nội, với thẻ đánh đính bài tên Trần-văn-Đức. « Trong lúc đó Lâm-Đức-Thụ được lĩnh món tiền thưởng của Pháp là 15 vạn đồng » (Đào-trình-Nhất).

Ngày 23-11-1925, ông Phan-bội-Châu ra trước Hội-đồng Đề-bình Hà-nội.

Trong bản cáo trạng buộc tội ông có 8 khoản, rút lại là :

Chủ trương việc ám sát Tuần-phủ Nguyễn-duy-Hàn, Thiếu-tá Montgrand và Chapuis. Âm mưu và bạo động khuấy rối sự trị an trong nước. Dự vào những Hội, Đảng mục đích làm hại sinh mạng, tài sản của tư nhân.

Ông Phan đồng-dặc trả lời : « Tôi chỉ có tội yêu nước, dùng ngọn bút, lời văn đề thức tỉnh đồng bào, yêu cầu Chánh-phủ cải lương chính-trị. Chánh-phủ ngờ vực bắt tôi, tôi phải trốn ra ngoại quốc, và rủ người cùng đi đề mở mang kiến thức... »

Hội đồng hỏi cung lấy lệ, rồi tuyên án « Khô sai chung thân ».

Ông Phan đã bị án « tử hình vắng mặt », nay bị kêu án « khô sai chung thân » là nhẹ đấy !

Vụ xử Phan-bội-Châu làm phong-trào chấn động, tinh-thần cách-mạng bùng-bọt nổi lên.

Đồng-bào đứng ra xin ân xá, trả tự-do cho nhà chí-sĩ Phan-bội-Châu. Đáng kể nhất, có Hội Việt-Nam Thanh-niên, Việt-Kiều ở Pháp, Kiêu-bào Hoa-Việt ở Paris, Sinh-viên Cao-Đẳng Hà-nội, Huế, Phụ-nữ và Nữ-sinh trường Đồng-Khánh, Hội Tương-Tế Trung-kỳ, các nhà Báo trong Nam v.v..

Trước tình trạng ấy, Toàn-quyền Varenne, mới đáo nhậm. Đồng-dương, muốn được lòng người, xin Tôn-Quốc Pháp ân xá cho ông Phan. Ngày 24-12-1925, ông Phan được mời đến phủ Toàn-quyền nhận giấy trả tự-do.

Toàn-quyền định trao cho ông chức Thượng-thư Bộ Học, hay là Cố-vấn riêng ở phủ Toàn-quyền. Ông từ khước, không nhận; Chỉ nhận một cây Canne của quan Toàn-quyền biếu.

Được ân xá, được trả tự do, ông Phan được đưa về ở Huế, an trí, dưới sự canh chừng của thực-dân. Ông cất một mái nhà tranh ở gần Bến Ngự. Hai lần, ông diễn thuyết: ở trường Quốc-Học Huế, trường Đồng-Khánh nữ-sinh. Sau, Pháp không cho ông diễn thuyết nữa. Ông đi đâu cũng bị Công-an đón cản. Ông đến nhà ai, sau khi ông về, nhà ấy bị chính-quyền làm khó dễ. Ai đến thăm ông cũng đều bị tình nghi, theo dõi, bị ghi tên vào sổ bla đen Mặt-thám. Ông sống một đời cô-lập. Trong giai-đoạn này, ông viết những thiên ký sự « Tự phán », Tuồng Trưng-nữ-Vương, Không-học đấng, Chu-Dịch quốc.âm diễn giải...

Ông mất tại Huế đêm 29 tháng 10 d. l. 1940, thọ 74 tuổi, còn âm mỗi hận trong lòng. Trước khi chết, ông than:

Sinh bất năng trừ thiên hạ hoạn, tử bất năng tiết ý trung cừ, trường hận mang-mang, Lam thủy Hồng-sơn thiên cổ tại.

Tiền hồ thử hí-cuộc phương chung, hậu hồ thử vũ-dài sơ khởi, bức nhân đốt-đốt, Âu-phong Á-vũ bất phương lai.

(Sống không trừ nạn khổ cho ai, chết chẳng tiêu hận thù trong dạ, vẫn vút tâm can, sông núi Lam Hồng còn gởi lại.

Việc trước như màn hát đã xong, chuyện sau tự lớp tuồng mới khởi, đây đưa thế hệ, gió mưa Âu-Á vẫn tuồng qua!)

Cụ Dương-bá-Trạc khóc ông:

Một bầu nhiệt huyết, tưới ra khắp Hoành-tân, Bang-cốc, Thượng-hải, Yên-kinh, ðm về núi Ngự, sông Hương, vùi xuống cừu nguyên còn ðóng cục!...

Ông Phan trọn đời xả thân vì nước, lo việc quốc dân, chớ không nghĩ đến gia-ðình thân-thế.

Vậy, ðể giữ kỷ-niệm ông, chúng tôi xin nêu lại ít bài thi tả tâm trạng ông, khi bôn-ðào hải-ngoại.

1) Bài thi, khi ông cất bước ra nước ngoài (1905):

Sinh vi nam tử yếu vi kỳ,  
Khảng hứa càn khôn tự chuyển ði.  
Ư h niên trung tư hữu ngã,  
Khởi miên tái hạ cánh vô thù? !  
Giang sơn tự lý sinh ðồ nhưế,  
Hiển thánh liêu nhiên tụng ðiệp si!  
Nguyễn trưc trường phong ðông-hải khứ,  
Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

Ông tự ðịch:

Khác thường bay nhảy mới là trai,  
Chẳng chịu vắn xoay mặc ý trời.  
Trong cuộc trăm năm ðành có tớ,  
Rồi sau muôn thuở há không ai?  
Non sông ðã mất, mình khôn sống,  
Hiển thánh ðâu còn, học cũng hoài!  
ðông hải xông pha nương cánh gió,  
Nghìn lần sóng bạc múa ngoài khơi.

2) Bài thi, khi ông ở Trung-Hoa (Thượng-Hải) nghe tin ðề-Thám bại binh, Tùng-Nham Nguyễn-văn-Ngôn tuấn-tiết, Ngự-Hải ðặng-thái-Thần bị bắt:

Ỗ lâu Nam vọng nhật bởi hồi,  
Tâm tự như vắn uất bất khai!  
Sơ vụ thâm tiêu nhận ám khố,  
Tà dương sơ nguyệt nhận cô hồi!  
Khả vô mãnh hỏa thiêu sâu khứ,  
Thiêm hữu trường phong tổng hận lai!

Cô ánh tự lân hoàn tự tiêu,  
Đồng bào như thử ngã hà ai!

Ông tự dịch:

Tựa lâu Nam đề ngóng phương trời,  
Tâm tự tæ vương ruột rối bời!  
Lắc-dắc đêm trường mưa diêm giọt,  
Là-dà bóng nhận tít ra khơi!  
Đốt sầu nhưng kiếm không ra lửa,  
Rước giận ai xui gió thổi hoài!  
Ngó bóng gấm mình cười lẫn khóc,  
Đồng bào như thế dạ sao nguôi!

3) Ba bài thi tuyệt mạng, viết ở cửa Ngô-tùng, trong chiếc chiến-hạm, khi ông bị bắt đưa từ Thượng-Hải đến Hồng-Kông (1925)

Nhất lạc nhân hoàn lục thập niên,  
Hảo phùng kim nhật liễu trần duyên.  
Bình sinh kỳ khí vì hà hử?  
Nguyệt tại ba tâm, vân tại thiên.

Sinh bất năng trừ thiên hạ loạn,  
Nà kham tử lụy hậu lai nhân.  
Hảo tòng hồ khẩu hoàn dư nguyện,  
Khẳng nhượng Di-fê nhất cá nhân.

Thống khóc giang san dữ quốc dân,  
Ngu trung vô kể chủng trầm luân.  
Thử tâm vị liễu thân tiên liễu,  
Tu hướng tuyền đài diện cố nhân.

Một người, khuyết danh, đã dịch:

Sáu chục năm nay ở cõi đời,  
Trần duyên giờ hẳn gỡ xong rồi.  
Bình sinh chí lớn là đâu tá?  
Trăng rọi lòng sông mây ngắt trời.



Sống đã không trừ xong giặc nước,  
Chết đi há lụy tới người sau.  
Phen này miệng cọp âu đành dạ,  
So với Di-Tề có kém đâu?

Thương khóc non sông với quốc dân,  
Tài hèn không vớt được trầm luân.  
Lòng này chưa hả thân đã chết,  
Chín suối thẹn thùng gặp cố nhân.



**PHAN - CHÂU - TRINH**



## Phan - Châu - Trinh

---

Trong cuộc chống Pháp giành độc-lập nước Nam, nhiều nhà lãnh-tự thấy cần phải dùng võ lực đặng đánh đổ cường quyền. Lại cũng có nhà lưu tâm về việc mở mang dân trí, đào tạo dân quyền theo đường lối Duy-tân nhằm vào việc giải phóng. Tiêu biểu phong trào này là ông Phan-Châu-Trinh, hiệu Tây-Hồ, biệt hiệu Hi-Mã.

Phan-Châu-Trinh sanh năm Nhâm-Thân (1872) tại làng Tây-Lộc, tỉnh Quảng-Nam. Ông có tên là Từ-Cán, hiệu Tây-Hồ, biệt hiệu là Hi-Mã, vì có ý mong làm được như Mã-chí-ni (Mazzini), một nhà ái-quốc Ý đã đem độc-lập cho nước nhà.

Thân phụ ông từng làm Quản-Cơ Sơn-phòng. Ông có theo tập tành cung mã. Năm 1887, thân phụ ông mất về việc Cấn-vương. Hàng ngũ này lần lần tan rã. Ông lui về trau dồi kinh sử, chí hướng về việc xả thân vì quốc nạn.

Năm 29 tuổi (Canh-Tý), ông đỗ Cử-nhân, năm sau đậu Phó-bảng ; được bổ làm thừa biện Bộ-Lễ, Nam-triều. Nhưng ông không màng tưởng đến việc làm quan, thường lúc cao đàm hùng biện về quốc sự giữa đám đông người.

Ở kinh đô hai năm, ông đọc sách Lương-khai-Siêu, Khang-hữu-Vi, sách báo mới bên Tàu, hấp thụ được tư-tưởng dân-quyền, mong lập nền dân chủ, đánh đổ quân quyền, chuyên chế, chánh-sách thực dân.

Năm Giáp-Thìn (1904) chiến tranh Nhật-Nga bùng nổ. Ông từ giả quan trường. Tháng hai năm Ất-Tý (1905), ông cùng bạn tâm giao, đồng chí, Huỳnh-thúc-Kháng, Trần-quý-Cáp hoạt động chính-trị ở mấy tỉnh miền Nam Trung-Kỳ.

Đến Bình-Định, gặp kỳ thi hạch ra đề tài : « Chí thành thông bánh » thi, « Danh san lương ngọc » phú, ba ông hiệp nhau tả đề,

Hai bài truyền tụng ra, dưới bút danh Đào-mộng-Giác, làm chấn động sĩ phu. (Hai bài này sẽ ghi lại ở phần sau). Đại để nói : Các nước Á-Châu ngày nay vùng dậy ; kẻ anh hùng đang sôi nổi, người liệt sĩ xông pha, tìm phương tấn tiến rạng-rỡ nước nhà.

Riêng đồng bào ta còn say mê trong giấc ngủ, ư thi phú từ-chương, chuộng đường khoa cử. Nhưng khoa cử ấy tùy thuộc những quan chấm bài, còn đường hoạn lộ thì như buổi chợ đông, mạnh ai nấy cướp. Kẻ chơn tài không ai dùng đến.

Nước Nam ta từ khi lập quốc, cũng hùng cường chẳng kém sứ chi. Nay nhân vì thất sách, thua kẻ ngoại bang, mặc người vơ vét. Quan dân ngậm miệng cúi đầu, trọng người như thánh ; họ khinh ta như vật, nay cho chức quan, ngày mai tước lại, chẳng chút đoái hoài.

Sao kẻ thư sinh, người tráng sĩ không quăng viết, xách gươm đi làm cách mạng ? Hàng quan lại không vứt mào ra đi, để làm kẻ tay sai cho chúng, « nha môn tàu cầu » mặt dạn mày dày, ta lấy làm hổ thẹn.

Còn bút mực nào mà tả bài « Chí thành thông thánh », « Lương-ngọc danh-san » ?

Bài này có ảnh hưởng sâu xa. Sau, thi sinh bỏ lần thi cử. Nhiều người đi làm cách mạng, hoặc Đông-du, sang Tàu, sang Nhật, trên đường Duy-Tân cứu quốc.

Ba ông đi đến Bình-thuận, ông Phan đầu năm. Hai ông Trần-quý-Cáp, Huỳnh-thúc-Kháng trở về Quảng-Nam. Ông Phan-Châu-Trình ở lại, lập một thi xã tại Bình-thuận truyền bá tư tưởng canh tân. Rồi ông trở về Quảng-Nam hiệp với ông Trần-Quý-Cáp, Huỳnh-thúc-Kháng ra Bắc, qua Hà-Tĩnh, Nghệ-An, viếng Hà-Nội, Lạng-Sơn, có hội kiến với ông Hoàng-hoa-Thám. Hoàng-hoa-Thám xin ông ở lại giúp tay. Ông ra đi vì không đồng chí hướng.

Hạ tuân tháng Hai, năm 1906, ông tới Hương-Cảng, gặp ông Phan-Sào-Nam. Hai ông đàm đạo hơn 10 ngày, rồi sang Nhật. Ông thăm các học đường, khảo sát dân tình, dân phong, chính trị, giáo khoa nước Nhật-Bản. Ông tán thành phong trào Đông-du, nhưng không đồng ý sự suy tôn Cường-Đề, vì ông đang đề xướng dân chủ dân quyền, ghét chế độ vua quan phong kiến. Ông cũng không đồng ý kiến với ông Phan-bội-Châu về việc dùng bạo lực mà đánh đuổi thực dân ; một là mình có thể, hai là dân chúng chưa được mở

mang. Ông nói : « Đương thời, bạo động là chết ». Ông từ giả nước Nhật về Nam.

Về đây, ông hội kiến với ông Nguyễn-Thành, Trần-quý-Cáp, Ngô-đức-Kế, cùng nhau hoạch định kế sách phát động phong trào Duy-tân... chấn hưng kỹ nghệ, nhất là chăm lo việc thuyết dân chủ, dân quyền, đề mở mang dân trí, phấn khởi dân tâm.

Đồng thời, ông gửi một bức điều trần cho quan toàn quyền Beau, vạch rõ thói tệ hại quan liêu của triều đình Huế cùng các viên chức địa phương, nổi nhân dân khổ sở, trình độ thấp kém mong nhờ người Pháp sửa đổi chính trị, khai hóa dân gian, chờ theo chính sách ngu dân là thất sách.

Bức thư, đề ngày 15-8-1906, càng làm cho chính quyền thêm đề ý tới ông, triều đình thêm oán ghét.

Ông Phan-bội-Châu hay được, ở hải ngoại cũng viết thư về can ông.

Thực dân cho người theo dõi, sợ ông sách động quần chúng làm rối sự trị an.

Khoảng tháng hai năm Mậu-Thân (1908), dân huyện Đại-Lộc tỉnh Quảng-Nam họp nhau làm đơn xin giảm thuế. Đoàn dân kéo lên tỉnh, dọc đường dân chúng tham gia có đến hàng ngàn. Từ Quảng Nam, phong trào kháng thuế lan rộng đến Quảng-Ngãi, Bình-Định, Phú-Yên, Thừa-Thiên, Quảng-Trị. . . .

Chính quyền cấu kết với quan Nam đàn áp. Nhiều sĩ phu can dự bị bắt, bị đày. Có người bị chém.

Nam triều và Tòa Khâm-Sứ Huế qui tội cho Phan-châu-Trinh làm đầu sớ ; gửi công điện ra Hà-Nội truyền bắt ông Phan về đây đi Côn-đảo với bản án Nam-triều ; « Chung thân phát Côn-lôn, ngộ xá bất nguyên » (trọn đời đày Côn-đảo, gặp ân xá cũng không tha), tháng Tư năm 1908.

Trong khi ông ở đày Côn-đảo, chủ nhiệm báo Đại-Việt là Babut lúc trước có đăng tải những bài diễn thuyết của ông, và Hội Dân-quyền Pháp vận động xin trả tự do cho ông.

Ở Côn-đảo trên 2 năm, thân tuy gian khổ mà lòng thiết tha không vui, chỉ hào hùng bất khuất, ông được trả tự-do về Saigon,

và an trí tại Mỹ-Tho. Nơi đây, ông cũng khích lệ được nhiều nhân sĩ. Nhưng không thể kéo dài tình trạng bị giam lỏng ở một nơi khó cho ông hoạt động, hay học hỏi gì, ông vận động xin cho ông sang Pháp, quê hương của những nhà triết học Voltaire, J. J. Rousseau, Montesquieu mà ông đã từng xem qua học thuyết, qua những bài ông đọc trong sách Lương-khai-Siêu.

Năm Tân-Hợi (1911) ông cùng người con trai, Phan-châu-Dật, được xuống tàu sang Pháp, cùng một lượt với quan toàn-quyền Klobukowky.

Sang Pháp ông ngụ tại Paris. Lúc đầu, Bộ thuộc-địa Pháp còn cấp học bổng cho con ông, và lo lắng sự sinh hoạt cho ông ; chỉ trông mong ông đừng làm chính trị chống đối. Nhưng ông vẫn thường phản đối chính sách thuộc địa ở Đông-dương, chỉ trích những nhà cầm quyền bảo hộ, ngay trên đất Pháp ; lại hay diễn thuyết nhiều lần đề khích động lòng yêu nước của kiều dân Việt. Lâu ngày, bất mãn về ông, Chính phủ Pháp không còn châu cấp cho ông và rút học bổng con ông. Ông phải sống chật vật với nghề rửa hình.

Vào tháng 9 năm 1914, trong lúc Âu-Châu đại chiến (giặc Pháp-Đức), ông bị khép vào tội thông đồng với Đức, lãnh số tiền Đức, đề tạo loạn ở Đông-Dương, bị giam vào ngục Santé, chính trị phạm, gần một năm mới được thả, và cũng còn lưu lại Paris.

Năm 1922, nhân có cuộc đấu xảo quốc-tế tại Paris, vua Khải-Định sang chơi ; Ngài xa-hoa lãng-phí. Các báo đều đăng với lời phê bình châm biếm. Phan-châu-Trình thấy thế cho là nhục quốc thể. Ông viết ngay một bức thư, đề ngày 14-7-1922, gởi vua Khải-Định. Thư bằng Hán-văn, lời lẽ danh thép, chỉ trích nhà vua, phải nói đả kích nhà vua, và quân quyền mới đúng, vì lời thư răn ròi với tư tưởng quá khích tấn dân.

Đến năm 1925, trong mình ông yếu, phần con ông đã về, chết ở Việt-Nam, ông thấy ở lâu nước Pháp, không giúp ích gì được quê hương, muốn đem chút thân tàn với bầu tâm huyết về tổ diêm giang-san. Ông về tổ quốc, ngụ tại Saigon, nhằm tháng 6 năm 1925. Các chính khách, thân-hào, nhân sĩ tới thăm ông tấp nập. Mặc dầu sức ông đã kém, ông cũng còn diễn thuyết được 2 lần ở Hội-quán Thanh-

niên. Lần đầu, với đề tài « Đạo-đức và Luân-lý Đông-Tây », trong có đoạn: « ... Một loài dân, cùng một bọc máu xé ra, cùng một thứ tiếng nói, ở trong miếng đất mà ông, cha nó đã đổ máu, đổ mồ hôi, nước mắt, để vỡ vạc ra thành một nước lưu truyền từ 4.000 năm đến giờ, thì được phép hưởng quyền lợi trong miếng đất ấy, được sống ở đó, chết chôn đó, giàu nhờ đó, nghèo nương đó, làm gì thì làm, không ai cấm đoán được.

« Loài dân ấy không đến nỗi như dân Do-Thái ở Âu-Châu, đi đến đâu cũng bị ngược đãi, không đến nỗi như Hắc-nô ở Mỹ-Châu, đi đến đâu cũng bị giết chóc, thì cũng không khi nào chịu quên ân miếng đất mà chúng nó thường gọi là Tổ-quốc của chúng nó bao giờ.

« Một loài dân như vậy, nay bảo nó đừng thương Tổ-quốc, thì bảo nó thương ai?... »

Lần thứ hai, với đề tài « Quản trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa », trong có những câu thiết thức: « Xét lịch sử xưa, dân nào khôn ngoan biết lo tự cường, tự lập, mưu lấy sự ích lợi chung cho mình, thì càng ngày càng bước tới sự vui vẻ vinh quang. Còn dân nào ngu dại, cứ ngồi yên mà nhờ trời, mà mong đợi, trông cậy ở vua, quan, giao phó tất cả những quyền lợi của mình vào trong tay một người, hay là một chính phủ muốn làm sao thì làm, mà mình không hành động, không luận bàn, không kiểm soát, thì dân ấy phải khốn khổ đủ mọi đường...

« Anh chị em đồng bào ta đã hiểu thấu các lẽ, thì phải mau mau góp sức lo toan việc nước mới mong có ngày cất đầu lên nổi ».

Qua hai bài diễn thuyết đó, và soi tấm gương người chí sĩ vì nước quên mình, quốc dân bừng tỉnh, tha thiết việc nước nhà, không còn sè sẹt như xưa.

Phan-Tây-Hồ tiên-sinh thường bảo: « Đồng bào phải tự lực, tự cường hầu mưu cuộc tự trị về-vang ».

Ông mất vào ngày 24 tháng 3 năm 1926. Người đến dự lễ tang và đi đưa đám táng của ông có trên hàng vạn. Cả quốc-dân, từ Trung, Nam, Bắc đều có lập bàn truy điệu nhà chí sĩ Phan-châu-Trinh.



Sau đây là bài Thi và bài Phú.

Đề tài kỳ thi hạch ở Bình-Định năm 1905, ba ông Phan-châu-Trình, Trần-quý-Cáp và Huỳnh-thúc-Kháng hiệp nhau tả đề, đánh thức thi sinh và nhân sĩ.

(Bài Hán văn, phiên âm bằng Việt-Ngữ)

Thi : « Chí thành thông thánh », dĩ thông dĩ vận (lấy vần chữ thông).

Phú : « Danh san lương ngọc », dĩ cầu lương ngọc tất danh sau vi vận (lấy cầu lương ngọc tất danh san làm vần).

Tả đề: **CHÍ THÀNH THÔNG THÁNH, THI.**

Thế sự hồi đầu dĩ nhất không,  
 Giang san hòa lệ khắp anh hùng!  
 Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,  
 Bát cớ thi văn túy mộng trung.  
 Trường thử bách niên cam thỏa mạ, (1)  
 Bất tri hà nhật xuất lao lung?  
 Chư quân vị tất vô tâm huyết,  
 Thịnh bả tư văn tụng nhất thông



**DANH SAN LƯƠNG NGỌC, PHÚ.**

Quân bất kiến ngô đồng bào chi Á-Í-Á Châu?  
 Anh hùng đánh phất, chí sĩ đào xu,  
 Dĩ thời cuộc biến, vị nhân loại mưu;  
 Nam-Hải tiên sinh cô phong trào ư Trung-quốc (2)  
 Cao-san liệt-sĩ trường thống khốc vu thông cù (3)  
 Nhân giai tri sĩ, ngã độc vong tu.  
 Khởi yển-đường chi khả lạc, phủ lộc-mộng hà an cầu?  
 Nguyên ngã Việt chi lập quốc,  
 Xứ Đông-Á chi nhất phương,  
 Hạ từ Trần Lý, thượng tổ Hồng-Bàng.  
 Nhân tâm thuần phác, dân khí quật cường.

1) Thử hay Sử đều có ý nghĩa riêng.

2) Nam-hải tiên sinh là ông Khang-hữu-Vi, chính khách Tàu.

3) Cao-San liệt-sĩ là ông Cao-San Chánh-chi, chí-sĩ Nhật.

Trục Tô-Dịnh ư Linh-Biêu,  
 Cầm Mã-Nhi ư Phú-Lương;  
 Kỳ cử, nhi Chiêm-Thành thất hiềm,  
 Qua huy, nhi Chân-Lạp khai cương.  
 Trống tai ngô quốc, khởi nhượng nhân trường.

△.

Tự thất thời chi thất sách,  
 Toại vạn cớ chi di ương  
 Tự thượng văn chương, sĩ xu khoa mục.  
 Đại cớ, tiểu cớ, chung nhật ngư-ngư,  
 Ngũ ngôn, thất ngôn, cùn niên lục-lục.

Văn-sách hí trường quan chi tì tức, Chích khả thị, nhi Nghiêu  
 khả phi,  
 Từ-phú thập Bắc nhân chi thóa dư, biến phi tứ, nhi ngẫu phi lục.  
 Nhiều-nhiều lợi danh chi bối, Tề thị hoạt kim,  
 Liêu-liêu hào kiệt chi tài, Sở đình hiễn ngọc.

Cái bất duy: tư thân gia, thù lợi lộc, vi dương đồ chi trực trực,  
 Nhi khả khu: thiên vạn nhân chi hu huyết dà thần,  
 Tận nập chư sở thập bát tăng chi hắc ám địa ngục, đã già...

Đi nhược sở vi, cầu nhược sở dục,  
 Bình hà đi cường, tài hà đi tức?  
 Ta hồ, dân quốc diên liên,  
 Di hữu kim nhật chi sĩ-nhục giá!  
 Thùy giai chi lệ, nhi lưu chi độc đã gia!

Sự thế chí tư nhân, thần uất uất,  
 Công ích, công sưu, kim nhật minh nhật,  
 Ta bì-cốt chi không tồn, tuần cao-chi kỳ đi tất!  
 Dân trí thôn thình, quan diệt khuất tất,  
 Triều tích chi quan, mộ đoạt kỳ phất.  
 Ngã tắc sự chi như thần,  
 Bì nãi thị nhược vô vật.  
 Hối thâm tề phê, ta biến kể chi đi trì,  
 Thế cấp mi nhiên, khởi du an chi khả tất?

*Đi nghi: thống tâm tậi thủ, tuận nghĩa quyên danh.*

*Thượng nhi quan lại, hạ chí thứ sanh,*

*Đầu bút nhi khởi, quải quan nhi hành.*

*Tàn siên khả diên, tương phá phủ trầm châu chi hữu nhật.*

*Dư sinh hà lạc, đồ can phá não nhi du vinh?*

*Nãi chí hà ưu-du tốt tuế, thống dạng bất quan?*

*Đạn khồ tâm ư thức bút tàn đặng chí hạ!*

*Ký thân ư túy-sanh mộng tử chi gian!*

*Yêm-yêm như nữ-tử phụ-nhân thọ tha thóa mạ,*

*Lục-lục như nha môn lậu cầu, hậu ngã dung nhan.*

*Ta ta, tầm phụ thiên địa, ường trú nhân hoàn!*

*Sĩ giá, thế tâm thờ thất, cáo mục thời gian.*

*Phụ thân thế nhi tắng cảm, kinh biến cuộc chi như hoàng.*

*Sở thủy thương mang, không sái trường sa chi lệ,*

*Thu sương diêu lạc, cửu huyền thần-vô chi quan,*

*Vọng An-tử ư Thấn-sơn, phiến phạm khả thấu,*

*Tống Kinh-Kha ư Di-thủy, nhất khứ bất hoàn.*

*Trường ca oán (1) khốc, hạ bút san san,*

*Hà tậi Chí thành thông thánh, Lương ngọc danh san? nhi dĩ tai!*



1) Chữ này đọc vòng quí (par euphonie).

Hai bài này đã có bài dịch nôm bằng văn xuôi và văn vần. Trừ một vài câu hơi khó hiểu và điển tích thông thường, kỳ dư trọn bài cũng dễ hiểu, nên không biên bài dịch vào đây. Tự tìm lấy hiểu, thì hiểu được sâu xa và thấy chỗ hay cách hành văn thể phú.

**NGUYỄN - THÁI - HỌC**



## Nguyễn-Thái-Học

Từ khi người Pháp đặt nền thống trị ở nước Việt-Nam, biết bao danh-nhân chí-sĩ mưu lật đổ cường quyền, biết bao tinh hoa đất Việt tàn rụi vì phản kháng thực-dân.

Nguyễn-Thái-Học, một sinh-viên ưu-tú, đầy nhiệt huyết trường đại-học Thương-mãi Hà-nội, đứng ra làm linh-tụ một Chánh-Đảng có tổ chức khoa-học hẳn hoi : «Việt-Nam Quốc-dân Đảng» chống lại chánh quyền (Pháp), đề đem độc lập cho nước Nam.

Nguyễn-Thái-Học cùng các đồng chí thanh-niên, khai đại hội ngày 25-12-1927, chánh thức thành lập V.N.Q.D.Đ. và thảo chương trình hành động, tự tay.

V.N.Q.D.Đ., nguyên thành lập đầu năm 1926 do các ông Phạm-tuấn-Tài, Phạm-quế-Lâm, Hoàng-Phạm-Trần tức Nhượng-Tổng. Đầu tiên, lập ra nhà xuất bản Nam-đồng Thư-xã để truyền bá tư-tưởng cách-mạng trong dân gian, và làm nơi gặp-gỡ cho các đồng-chí, đảng-viên, mục đích là xây dựng cho Việt-Nam một chính- thể Dân-chủ Xã-hội. Những sách xuất bản ra lần hồi bị nhà cầm quyền Pháp tịch thu hết cả.

Đến cuối năm 1927, nhận thấy Nguyễn-thái-Học là một người có đủ tư cách, tài năng đảm nhiệm, các đảng-viên đồng thanh cử ông lên làm linh-tụ, tổ chức lại cho có qui-mô.

Chương trình của đảng đại khái là : Cướp chánh quyền bằng phương pháp cách mạng, có thể dùng vũ lực đi tới nơi — Lập Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-hòa — Và giúp các nước nhược tiểu chống đế-quốc xâm lăng.

Chính-thể sẽ gồm có 3 viện : Tối cao pháp-viện, Hành-chánh viện, và Lập-pháp viện như Chánh-phủ Trung-hoa hồi ấy.

Chương trình hành động phân ra làm 4 thời kỳ :

- 1.— Thời kỳ phối thai ; và
- 2.— Thời kỳ dự bị đều giữ trong vòng bí mật để tiện hành vi ;
- 3.— Thời kỳ cách mạng và lật đổ chánh quyền, công khai ;
- 4.— Thời kỳ kiến thiết, sau khi cướp được chánh quyền.

Hành-dộng : Trước hết, quân-sự hóa tất cả đảng-viên có mệnh lệnh vũ trang để cướp chánh quyền. Huấn luyện một số đảng-viên cầm tử để tiêu diệt đối phương cùng những người phản quốc. Chú trọng vào sự tuyên truyền trong sinh-viên, công chức và quân sĩ Việt-Nam trong quân-đội chánh quyền. Lấy những binh-sĩ Việt-Nam ấy làm cán-bộ phản công. Dùng phụ-nữ làm liên-lạc-viên, gián-điệp và tuyên-truyền.

Về tài chánh, Đảng nhờ có « Việt-nam Khách-sạn » quỹ cũng được dồi dào.

Về ngoại giao, tìm cách giao thiệp với các lân bang Xiêm, Tàu... để nhờ giúp vào việc giải phóng Việt-Nam.

Tháng 6 năm 1928, Nguyễn-thái-Học gọi sang Xiêm một phái bộ 3 người do ông Nguyễn-ngọc-Sơn dẫn dắt để giao thiệp với Việt-khieu ở Xiêm. Nhưng phần đông Việt-khieu này đã theo Cộng-sản (Việt-nam Thanh-niên Cách-mạng đồng chí Hội của Lý-Thụy, tức Nguyễn-ái-Quốc).

Tháng chạp năm ấy (1927), Học gọi ông Châu-dương-Bình sang Tàu, điều đình với nhà chức trách Quảng-Tây xin đóng binh ở biên giới để làm thế-tập giúp cho việc bạo động cướp chánh quyền ở Đông-dương. Sự điều đình không kết quả.

Nhà linh-tự V.N.Q.D.Đ. cũng cho tiếp xúc với đảng Tân-Việt trong Nam, với nhà cách mạng Nguyễn-an-Ninh, cùng cụ Phan-sào-Nam đang bị cầm ở Huế. Những cuộc tiếp xúc này cũng không tạo thêm gì cánh vẫy cho Đảng.

Trong năm 1929, Đảng tổ-chức được 120 tiểu-tổ ở Bắc, hơn 1.500 đảng-viên, và trên 120 hạ-sĩ quan trong quân-đội Pháp. Ngoài ra, ông Nguyễn-thế-Nghiệp hoạt động ở Văn-Nam và trên biên giới Bắc Việt.

Chiều mồng 1 Tết (9-2-1929) xảy ra vụ ám sát Bazin, một nhân viên của sở mộ phu cho các hãng cao-su Nam-kỳ và Tân-thế-giới.

Nhà cầm-quyền Pháp truy-nã các đảng-viên V.N.Q.D.Đ., bắt trên 200 người, với nhiều tài liệu quan trọng.

Nguyễn-thái-Học và Nguyễn-khắc-Nhu tức Xứ-Nhu ở ngoài vòng truy-nã. Tức thì, điều lệ đảng được sửa đổi lại về các hệ thống tổ chức. Tổ chức thành đoàn, cho chặt-chẽ hơn. Mỗi đoàn có 9 viên, được huấn luyện với một tinh thần cách mạng rất cao, không hề nao núng, và tập-tành quân sự rất gắt gao để thành một chiến sĩ xung phong. Những đoàn phụ-nữ cũng chính đồn lại trong phần vụ gián-điệp và liên-lạc viên. Cô Giang, cô Bắc, cô Hào... đều là những tấm gương anh-liệt.

Đảng-bộ trung-ương bị vỡ, các đảng-viên bị ruồng bỏ. Trước tình thế nguy-ngập, Nguyễn-thái-Học nhất quyết hành động ngay, dù phong trào chưa được chín, hy vọng ở các cán bộ quân-nhân trong quân-đội Pháp đem lại thắng lợi cuối cùng.

Cuộc khởi nghĩa định vào ngày Tết (1930); nhưng bại lộ, vì mật thám Pháp bắt được tài liệu và truyền-đơn. Chánh-phủ Pháp liệu cách đề phòng.

Được tin này, nhà linh-tụ khai đại hội kín, ấn định lại ngày 10 tháng 2, (1930). Chương trình khởi nghĩa chia từng khu: Nguyễn-thế-Nghiệp khu Lào-Kay; Nguyễn-khắc-Nhu, Phó-đức-Chính khu Yên-Báy, Lâm-Thao, Sơn-Tây; Nguyễn-thái-Học Bắc-Ninh, Đáp-Cầu; Vũ-Hồng-Khanh (Vũ-văn-Giang) Kiến-An.

Vì đường liên lạc với khu Lào-Kay khó khăn, bị trễ chầy, Nguyễn-thái-Học định lại ngày 15 tháng 2.

Nguyễn-khắc-Nhu vẫn giữ ngày 10 khai hấn. Ngày 9, chiến-sĩ V.N.Q.D.Đ. của Nhu được võ trang bao vây Phú-Thọ và Yên-Báy. Lúc giữa đêm, Nhu ra lệnh cho các đảng-viên trong quân-đội Pháp giết sĩ-quan Pháp và chiếm đồn. Đồn Yên-Báy bị chiếm, sĩ-quan Pháp bị thủ-tiêu, nhiều súng đạn được lấy dùng. Nhưng gần sáng, viện binh Pháp kéo đến rất đông, đánh lui quân khởi nghĩa, thâu lại đồn.

Cùng đêm ấy, Nguyễn-khắc-Nhu đánh Lâm-Thao, Phú-Thọ, định chiếm lúc 3 giờ khuya. Nhưng quân nội ứng ươn-hèn, Pháp phản công rất mạnh. Khắc-Nhu bị đạn, tử thương. Đạo nghĩa-quân của Nhu bại tầu.



Chiều ngày 10 tháng 2, tại Hà-nội, đoàn xung-phong có 6 sinh-viên trường Kỹ-nghệ thực hành ném mấy quả bom vào nhà chánh mật-thám, pha Hóa-lò, Cảnh-sát-cuộc, sở Hiến-binh gây chút đình thiệt hại.

Đạo nghĩa-binh đánh Hà-nội, do Nguyễn-thái-Học cầm đầu, đến 15 tháng 2 mới khởi. Chỉ tấn công được ít địa-diểm thủ-đô, đề rằng buộc quân-đội Pháp không đi tiếp các nơi. Học sai người liên lạc Bắc-Ninh, trao lệnh cướp thành. Người liên lạc đến cầu Doumer bị xét bắt, sau khi bắn chết 2 cảnh binh và trong mình hết đạn.

Cuộc khởi nghĩa trong 3 ngày 10, 15, 16 tháng 2 đ. l. 1930 không kết quả. Các đảng-viên V.N.Q.D.Đ. tập trung lại ở vùng Cồ-Am (Hải-dương) đề tấn công tỉnh Kiến-An, do Vũ-hồng-Khanh phụ trách.

Đánh tỉnh này, tri-huyện Hoàng-gia-Mô, huyện Vĩnh-Bảo, bị giết. Sau khi đánh Phú-Đức, cuộc tấn công thất bại. Nghĩa-quân rút về đóng Cồ-Am. Quân-đội Pháp ra lệnh cho không-quân oanh-tạc, tiêu diệt hết làng này.

Nghĩa-quân tiếp-tục đánh Bắc-Giang và các huyện khác trong ngày 18 tháng 2. Nhưng vì lực lượng không được dồi dào, phải chịu thất bại, bị quân-đội Pháp đánh tan.

Các đảng-viên khuyên Nguyễn-thái-Học sang Tàu. Học không đi, quyết tâm ở lại tạo một phong trào khởi nghĩa lần thứ hai.

Nhưng chẳng bao lâu, Phó-đức-Chính, Đoàn-trần-Nghiệp tức Ký-Con, Nguyễn-thái-Học, cùng nhiều đồng-đảng khác đều bị bắt giam.

Trong lúc bị giam, Học có viết 2 bức thư bằng chữ Pháp : 1 cho Hạ-Nghị-Viện Pháp, và 1 cho Toàn-quyền Đông-dương chịu lãnh tội, và xin thả những người bị bắt cùng chung không đáng tội.

Ngày 17 tháng 6 năm 1930, nhà lĩnh-tự V.N.Q.D.Đ. Nguyễn-thái-Học lên đoạn-dầu dài, cùng 12 bạn đồng-chí. Mỗi người đều anh-dũng hồ to : « Việt-Nam vạn-tuế », khi bước chân lên đoạn-dầu dài. Trời Yên-Báy mây mù âm-đạm, khóc anh-hùng vì quốc vong thân !

..

Sau đây, là 2 bức thư trích dịch của Nguyễn-thái-Học viết cho Hạ-Nghị-Viện Pháp và Toàn-quyền Đông-dương (bản dịch của Cố-nhi-Tân).

Thư của NGUYỄN-THÁI-HỌC  
viết cho Hạ-Nghị-Viện Pháp

Các ông Nghị-Viên,

Tôi ký tên dưới đây là Nguyễn-thái-Học, người Việt-Nam, 26 tuổi, chủ-tịch và sáng-lập viên Việt-Nam Quốc-dân-đảng hiện bị bắt và giam ở ngục Yên-Báy, Bắc-kỳ (Đông-Dương), trân trọng bày tỏ cùng các ông những điều sau đây :

Theo công lý, ai cũng có quyền bênh vực tổ-quốc mình khi bị các nước khác xâm lược, và theo nhân đạo, ai cũng có nghĩa vụ phải cứu vãn đồng-bào khỏi vòng nguy-hiểm, khó khăn. Như tôi, tôi thấy rằng, dưới ách chuyên-chế của các ông, đồng-bào tôi khốn khổ vô cùng, và dân tộc tôi dần dần sẽ bị hoàn-toàn tiêu-diệt, theo luật đào-thải tự nhiên. Bởi vậy, quyền lợi và nghĩa-vụ đã thúc giục tôi, tôi phải tìm hết cách để bênh vực Tổ-quốc tôi đương bị người chiếm lĩnh, và dân tôi đương ở cảnh gian nguy. Trước hết, tôi muốn hợp tác với các người Pháp ở Đông-dương để làm việc cho đồng bào, Tổ-quốc và Dân-tộc tôi, nhất là việc mở mang trí thức cùng kinh-tế. Về phương diện kinh tế, năm 1925, tôi đã có gởi cho quan Toàn-quyền Varenne một bức thư, gồm có những nguyện vọng xin bênh vực che chở cho nền công thương bản xứ, và nhất là lập một trường Cao-Đẳng Công-Nghệ ở Bắc-Kỳ. Năm 1926, tôi lại gởi một bức thư nữa cho Toàn-quyền Đông-Dương, trong có một dự án giúp cho dân nghèo có thể dễ sống. Năm 1927, tôi lại gởi cho Thống-sứ Bắc-Kỳ một bức thư, xin ra một tập tuần báo, mục-dích bênh vực và khuyến khích nền công, thương Việt-Nam. Về phương diện trí thức, năm 1925, tôi gửi thư cho Toàn-quyền Đông-dương yêu cầu :

- 1) Quyền tự-do mở các trường dạy không, không lấy tiền, cho dân hạ cấp đến học, nhất là cho thợ thuyền và nông-dân ;
- 2) Quyền tự-do mở các bình dân thư-xã ở các làng, cùng ở các tỉnh công-nghệ.

Khốn nỗi, cái gì cũng bị cự tuyệt. Thư tôi chẳng được trả lời ; dự án của tôi chẳng thấy thực hiện ; các lời yêu cầu của tôi chẳng được ưng chuẩn, mà đến các bài tôi viết lên báo cũng bị kiểm duyệt xóa bỏ nốt. Cứ những chuyện cự tuyệt đó, tôi thấy rõ ràng rằng

người Pháp không hề có thực lòng với người Việt, và tôi chẳng giúp ích gì được Tổ-quốc tôi, đồng-bào tôi, dân-tộc tôi cả, trừ phi đuổi người Pháp ra khỏi đất nước tôi. Bởi vậy, năm 1927, tôi bắt đầu tổ-chức một đảng cách mệnh, lấy tên là Việt-Nam Quốc-dân đảng, mục-dịch đánh đổ chế-độ cường quyền áp bức và lập nền Chính-phủ Cộng-hòa Việt-Nam, gồm những người thành tâm tha-thiết đến hạnh phúc của quần chúng.

Đảng tôi tổ-chức bí mật, và đến tháng 2 năm 1929 thì bọn mật thám khám phá được. Trong các đảng-viên đảng tôi, bị bắt một số khá lớn, và bị xử cấm cố từ 2 năm đến 20 năm, tất cả 52 người. Bị bắt nhiều, bị xử ức, dẫu vậy, đảng tôi đâu có chịu hoàn toàn tiêu-diệt! Dưới quyền chỉ huy, Đảng vẫn hoạt-động để đi tới mục-dịch. Ở Bắc-kỳ nổi lên một phong-trào cách-mệnh; nhất là ở Yên-Báy, đã giết chết được mấy sĩ-quan. Tổ chức và cầm đầu cho phong-trào đó, người ta buộc cho đảng tôi, lấy cớ rằng chính tôi là chủ-tịch của Đảng đã hạ lệnh đánh. Kỳ thực thì tôi chưa hề hạ lệnh ấy, và đã đem những chứng cớ đích xác để chứng tỏ rằng không với Hội-đồng Đề-hình Yên-Báy. Vậy mà một số đồng đảng-viên hoàn-toàn không biết đến phong-trào ấy cũng bị bắt và bị buộc là có tham dự vào công việc đó! Chính-phủ Đông-Pháp đã đốt phá nhà họ! Chính-phủ Đông-Pháp đã cho lính đến đóng, rồi tịch thu gạo thóc của họ chia phần với nhau! Chẳng những đảng-viên Đảng tôi phải cam chịu nỗi bất bình, mà gọi là tàn bạo thì đúng hơn! — mà còn phần đồng đồng-bào hiền lành làm lụng ở nhà quê, để sống cái đời ngựa trâu cũng chịu hại lây nữa! Hiện nay trong các miền Kiến-An, Hải-phòng, Bắc-Ninh, Sơn-Tây, Phú-Thọ, Yên-Báy có hằng vạn người đàn ông, đàn bà, ông già, con trẻ, vô tội bị giết! Hoặc bởi chết đói, chết rét, vì Chính-phủ Đông-Pháp đã đốt mất nhà!

Vậy tôi trân trọng lấy nước mắt, nhờ các ông làm cho tỏ rõ nỗi bất bình ấy, là những điều có thể làm cho dân-tộc tôi hoàn-toàn tiêu-diệt, là những điều có thể làm cho mất hết danh-dự nước Pháp, và giảm cả giá-trị của loài người.

Sau nữa, tôi trân trọng bảo cho các ông biết: tôi xin chịu trách nhiệm về tất cả mọi việc chính-biến phát sinh trong nước tôi, vì tôi là người chỉ-huy Đảng tôi từ năm 1927 đến giờ! Vậy chỉ cần giết

một mình tôi là đủ, mà đừng làm tội những người khác hiện nay đang bị giam ở các ngục. Vì chỉ có mình tôi là thủ-phạm thôi, còn những người khác đều vô tội cả! Họ vô tội vì trong số đó một phần là những đảng-viên, nhưng số đi họ vào đàng là vì họ nghe lời tôi khuyến-khích cho họ biết: thế nào là nghĩa-vụ một người dân đối nước, thế nào là những nỗi khổ-nhục của một tên vong-quốc nô! Còn ngoài ra thì là những người không phải đảng-viên, nhưng bị kẻ thù hay bọn mật-thám đặt điều vu cáo, hay là vu cáo bởi những bạn hữu không chịu nổi những cách tra tấn tàn nhẫn của Công-an-cục (sở mật-thám), và khai bừa ra cho đỡ phải đòn! Tôi nhắc lại một lần nữa để các ông biết rằng chỉ cần phải giết một mình tôi, hay còn chưa đủ hả, thì tru-di cả nhà tôi, nhưng xin các ông tha cho những người vô tội như trên đã nói.

Sau cùng, tôi kết luận bức thư này mà nói cho các ông biết rằng: Nếu người Pháp muốn ở yên ở Đông-dương, mà không phải khốn đốn vì phong-trào cách-mệnh thì phải thay đổi cái chương trình chính-trị hung-tàn và vô-đạo hiện-hành ở Đông-dương; phải cư xử cho ra vẻ những người bạn của giống Việt-Nam, chứ đừng có lên bộ là những ông chủ bạo-ngược và áp-chế; phải hết lòng tìm cách trút bỏ những nỗi đau khổ về tinh thần và vật chất cho người Việt-Nam, chứ đừng có khát khe, thăm độc nữa!

Các ông Nghị!

Hãy nhận lấy tấm lòng tôi trân trọng cảm ơn.



Thư gửi cho viên Toàn-quyền Đông-Dương

Yên-Báy, ngày... tháng 3 năm 1930

Gửi ông Toàn-quyền Đông-Dương ở Hà-Nội.

Ông Toàn-quyền,

Tôi, Nguyễn-thái-Học ký tên dưới đây, chủ-tịch đảng cách-mệnh Việt-Nam Quốc-dân-đảng, hiện bị giam ở ngục Yên-Báy trân trọng nói ông rõ rằng:

Hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, tôi thực có trách-nhiệm về tất cả mọi chính-biến phát sinh ở trong nước do Đảng tôi chỉ-huy từ năm 1927 tới nay, vì tôi là chủ-tịch của Đảng, và là người sáng lập nữa. Vậy xin ông giết một mình tôi, chứ đừng giết các người đảng-viên hay gọi là đảng-viên, hiện bị giam ở các ngục, bởi vì các người ấy vô tội, vì trong số đó thì một phần là đảng-viên, nhưng họ vào đảng vì tôi khuyến-khích họ, cho họ biết thế nào là những nỗi khổ nhục của một tên dân mất nước; còn ngoài ra là những người bị vu cáo bởi bọn thù hằn, lũ mặt-thám, những bọn bè bán mình cho Chánh-phủ Đông-Dương! Tôi nhắc lại một lần nữa đề các ông biết rằng chỉ cần giết một mình tôi, vì tôi mới chính là thủ-phạm. Mà nếu mà chưa đủ hả, thì xin tru-di cả nhà tôi, nhưng tôi đem nước mắt mà xin ông tha những người khác! Sau nữa tôi mong ông nghĩ đến danh-dự nước Pháp, đến công lý, đến nhân đạo mà thôi, đừng ra lệnh ném bom hay đốt phá những làng vô tội như ông vừa mới làm! Đó là một lệnh giết người, những đồng bào của tôi sẽ vì thế mà chết đói, chết rét không biết bao nhiêu mà kể.

Sau cùng, để kết luận bức thư này, tôi nói cho ông biết rằng: nếu người Pháp muốn ở yên tại Đông-Dương mà không phải khốn khổ vì phong-trào cách-mệnh thì:

- 1) Phải thay đổi ngay chương-trình chính-trị hung tàn và vô đạo hiện-hành ở Đông-Dương;
- 2) Phải cư xử cho ra vẻ người bạn dân Việt-Nam, chứ đừng có lên bộ ông chủ bạo-ngược và áp-chế;
- 3) Phải tìm cách trút bỏ những nỗi đau khổ về tinh-thần, về vật-chất cho người Việt-Nam, bằng cách trả lại các nhân quyền như tự-do du-lịch, tự-do học-hành, tự-do hội-hợp, tự-do ngôn-luận; đừng có dùng súng bọm tham quan, ô lại, và những phong-tục hủ bại ở các hương thôn; mở mang nền công-thương bản xứ, cho nhân-dân được học-tập những môn cần thiết.

Ông Toàn-quyền, hãy nhận lấy tấm lòng tôn kính và cảm kích với sự nhiệt-liệt tạ ơn của tôi.

Kẻ thù của ông

Nhà Cách-Mạng NGUYỄN-THÁI-HỌC

Xem hai bức thư trên đây, chúng ta thấy nhà Cách-mạng Nguyễn-thái-Học thật là xứng đáng một vị linh-tụ một Đảng Quốc-dân.

**PHẠM - HỒNG - THÁI**



## Phạm - hồng - Thái

(1896 — 1924)

---

Phạm-Hồng-Thái chính tên Phạm-Cao-Đài (lại có tên là Phạm Thành-Tích) sinh năm 1896 tại làng Xuân-Nga, tổng Văn-Viên, phủ Hưng-Nguyên, tỉnh Nghệ-An, là một làng nghèo khổ ở phía Bắc Trung-Việt nhưng rất giàu có về tinh-thần cách-mạng.

Thân phụ của Phạm-Hồng-Thái là cụ Huấn đạo Phạm-Cao-Điền trước có tham-gia phong-trào Cần-Vương ở vùng Thanh-Nghệ. Tỉnh khi phong trào Cần Vương tan rã, cụ Huấn Mỹ trở về dạy học bất-hợp-tác với Pháp, nên chánh-quyền thực-dân đã làm khó dễ cụ đủ điều.

Phạm-Hồng-Thái là con của gia-đình cách-mạng; khi lớn lên lại ảnh-hưởng bởi nhiều cuộc cách-mạng xảy ra với những biến-cổ quan-trọng như các vụ chống thuế ở Miền Trung, vụ ám-sát tuần-phủ Thái-Bình Nguyễn-Duy-Hàn, vụ ném bom vào Hà-Nội Hotel, vụ mưu-sát toàn-quyền Pháp Albert Sarraut, vụ phá các nhà ngục Lao-Bảo, Côn-Lôn, Khám Lớn Saigon, kể đó là hai cuộc khởi-nghĩa : Thái-Nguyên khởi-nghĩa và Duy-Tân khởi-nghĩa .Do đó Phạm-Hồng-Thái ngay từ lúc thiếu-niên đã có tinh-thần cách-mạng, rồi ý-chí cách-mạng. vì vậy, Phạm-Hồng-Thái đang học ở trường Quốc-Học Vinh đã bỏ ra Bắc vào làm trong nhà máy xi-măng ở Hải-phòng để hoạt-động cách-mạng. Tại đây, Phạm-Hồng-Thái càng thêm căm thù bọn thực-dân đế-quốc vì chàng đã thật mực sớ thị cái cảnh lao-động bị đàn áp, bóc lột dưới bàn tay của chúng và bẽ lủ tay sai.

Những danh từ tuyên-truyền như « bảo-hộ » như « khai-hóa văn minh » chỉ là những viên thuốc độc có bọc đường bên ngoài.

Thấy không thể nào sống trong cảnh người bóc lột giữa người và người được, năm 1922, Phạm-Hồng-Thái cùng một số đồng-chí xuất-dương qua Xiêm rồi qua Tàu. Tại Tàu Phạm-Hồng-Thái sống



ở Quảng-Đông và được các nhà cách mạng Việt-Nam kết nạp vào Việt-Nam Nghĩa-hiệp-đoàn, một tổ-chức cách-mạng sơ-khai giai đoạn bấy giờ.

Năm 1924, tên toàn-quyền Đông Pháp là Martial Merlin sang thăm viếng nước Nhật, bề ngoài là với danh nghĩa bang giao để thăm viếng nước Nhật, để chia buồn và tương-trợ với nước này vì mới bị nạn động đất và núi lửa tàn phá. Nhưng kỳ thực là để cùng Nhật kết thúc một thương ước. Theo bản thương-ước này, Pháp đề cho Nhật được đem hàng-hóa vào Đông-Dương và bù lại Nhật phải trục-xuất cách mạng Việt-Nam ra khỏi lãnh thổ Việt-Nam, một điều rất cần cho phía chánh-quyền thực-dân Pháp.

Nhân chuyến đi này, tên trùm thực-dân trên dã ghé Trung-Hoa để cùng với chánh-phủ nước này mật đàm về biện-pháp bài-trừ các đảng cách-mạng của Việt-Nam trên lãnh-thổ Trung-Hoa.

Những chủ-trương thâm độc trong chuyến công-du của tên toàn-quyền Pháp không để lại lọt vào tầm nhận-xét của các nhà cách mạng Việt-Nam. Vì thế, khi tên Merlin từ Nhật trở về ghé Quảng-Đông thì Nghĩa-Hiệp-Đoàn quyết-định phải hạ-sát kẻ thù dân-tộc.

Trong cuộc hội-ngập, Phạm-Hồng-Thái xung-phong lãnh trách-nhiệm và được toàn thể anh em tán-thành, giao-phó cho công-việc.

Từng bước đi chuyển của toàn-quyền Merlin đều được nhà cách mạng V.N. theo dõi để thi hành bản án tử-hình.

Để đề-phòng những bất-trắc xảy ra, khi Merlin đến Quảng-Châu nhà đương cuộc tỉnh này đã đề-phòng xung quanh chỗ y-bằng mọi biện-pháp an-ninh và tuyệt-đối cấm hãm, không cho một người Việt-Nam được bén mảng đến gần, đặc-biệt là đêm 18 tháng 6 năm 1924 là đêm các yếu-nhân Tàu và Anh thiết-tiệc đãi Ông khách Pháp tại khách-sạn Victoria trong thành-phố Sa-Diện, nơi đất thuộc tô giới của Anh, một khách-sạn lớn vào bậc nhất ở thị-xã Quảng-Châu.

Vì sự bố phòng quá nghiêm mật, Phạm-Hồng-Thái phải giả làm phóng-viên nhiếp-ảnh của một tờ báo Tàu vào được Sa-Diện và đem bom trong người được tới tận khách-sạn nói trên.

Khách sạn Victoria đêm ấy được trang-hoàng rực-rỡ, viên toàn-quyền Merlin được nhà đương cuộc Tàu tiếp-rước như một vị Hoàng-

đế ; y ngồi trên kiệu do một đám phu kiệu Tàu khiêng đi ; và hai bên có những toán lính đi hầu ăn mặc quần áo như đám thị-vệ của các Vua nhà Thanh.

Bữa tiệc đêm ấy có hơn 50 người gồm toàn những chánh khách Trung-Hoa và của các nước Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, Bồ-Đào-Nha v.v...

Đúng 8 giờ, bữa tiệc khai-mạc sau bài diễn-văn tuyên-bố khai-mạc của viên Lãnh-sự Anh và lời chúc-tụng của các viên Lãnh-sự khác, tên toàn quyền Merlin đứng lên đáp từ lại bằng những lời cảm ơn và phở trương các công việc khai thác của thực-dân Pháp ở Đông-Dương.

Đêm ấy ở, Merlin tỏ vẻ đắc-chí lắm, vì sự tiếp đón quá nồng hậu của các nước cùng bè cùng lũ, nhất là chuyến đi này của hắn đã đem lại được kết quả như bọn chủ thực-dân của hắn đã mong muốn từ lâu.

Không ngờ, trong lúc giữa tiệc đang say sưa, quả bom từ tay Phạm-Hồng-Thái nhằm thẳng vào người tên Merlin ném tới. Tiếng nổ rung chuyển cả khách-sạn. Toàn thể mọi người đều hốt-hoảng, náo loạn. Đáng lẽ tên Merlin chết ngay, nhưng quả bom lại trúng vào một tên Pháp là Louis Cordeau, một nhân viên của tòa Lãnh-sự Pháp, tên này bị chết ngay tại chỗ với mấy tên ngồi gần. Số bị thương có trên 10 người, trong đó có một chánh-khách Trung-Hoa, một vũ-nữ Thượng-Hải.

Tên Merlin không chết, chỉ bị miếng bom làm trầy da đầu, vì thế, có dư-luận bảo Phạm-Hồng-Thái khi liệng quả bom đã nhìn lầm tên Tây Cordeau ra Merlin. Việc này chưa chắc là đúng. Nhưng phải khen Phạm-Hồng-Thái đã tìm được một cách dễ lọt vào cho đến tận chỗ bọn thực-dân ăn uống để thi-hành bản-án.

Merlin không chết nhưng ảnh-hưởng của vụ ám-sát táo-bạo này liền sau đó đã làm chấn-động cả dư-luận hoàn-cầu. Các báo-chí xuất-bản ở Trung-Hoa, ở các nước Anh, Pháp, Mỹ và ngay cả Đông-Dương cũng xem đó là tin tối quan-trọng và đăng nơi trang nhất với những hàng chữ lớn nhất.

Riêng về Phạm-Hồng-Thái thì sau khi quả bom nổ, Ông bị lính tố giới đuổi bắt rất gắt. Sẵn súng trong tay, Phạm-Hồng-Thái vừa chạy vừa quay lại bắn đề chống cự. Bọn lính tố giới cũng tìm

chỗ núp bắn lại và lại tiến lên để đuổi theo. Chúng áp lại càng lúc càng đông, nên chống cự không đầy 10 phút, khẩu súng của Phạm-Hồng-Thái bị hết đạn.

Biết không thoát được, nên khi chạy đến Châu-Giang, Phạm-Hồng-Thái đã tự lao mình xuống sông để mượn dòng nước xanh kết-liều cuộc đời. Lúc ấy vào khoảng 9-10 giờ đêm ngày 19 tháng 6 năm 1942, Phạm-Hồng-Thái mới 23 tuổi.

Khi Phạm-Hồng-Thái nhảy xuống sông, bọn lính tô giới xả súng như mưa xuống, nhưng không thấy tằm dạng người Việt-Nam đâu cả. Kế đó, các ca-nô tuần-tiểu tìm kiếm suốt đêm cũng không gặp.

Đêm ấy, tên toàn-quyền Merlin sợ quá, y xấu hổ và cũng bất-mãn với sự bảo-vệ an-ninh của Anh và của Tàu nên sáng sau, từ lúc hừng đông, đã vội-vàng lên đường về Hà-Nội, thay vì y phải nán lại ít hôm để chờ gặp Tôn-Văn.

Phạm-Hồng-Thái trầm mình xuống Châu-Giang, thi thề Ông sau 3 ngày mới nổi lên. Viên lãnh-sự Pháp cho vớt lên khám-nghiệm thấy trên tay còn đeo chiếc đồng hồ kim chỉ ở chỗ 8 giờ 25 phút và trong ống quần còn sót một viên đạn không có giấy tờ gì, nhưng nhờ giáo-nghiệm viên đạn, chúng biết chắc-chắn là thi-thề Phạm-Hồng-Thái nên đem quảng xác trên bờ Châu-Giang cho ruồi bu kiến đục. Nhà đương cuộc Quảng-Châu phải can-thiệp, và cuối cùng bằng lý-do vệ-sinh chúng mới chịu giao thi-thề cho người Tàu chôn cất.

Nhờ sự vận-động của các nhà cách-mạng Việt-Nam, nhà đương cuộc Trung-Hoa đã giao xác liệt-sĩ họ Phạm cho Hội Quảng-tế Y-viện lo việc mai-táng vào một nghĩa-địa ở chân đồi Bạch-Vân. Trong đám táng, hầu hết các nhà cách-mạng Việt-Nam ở Tàu đều cải trang để tiến đưa Ông về nơi an-nghỉ cuối cùng.

Nhiều cuộc truy-diệu được các nhà cách-mạng Việt-Nam cử hành ở Trung-Hoa và ở Xiêm.

Năm 1925, một nhà cách mạng có thế lực của Trung-Hoa là Hồ-Hán-Dân vì ngưỡng mộ tinh-thần cao cả của Phạm-Hồng-Thái nên đã tự bỏ tiền ra, và dùng quyền hành của mình để dời ngôi mộ của họ Phạm từ đồi Bạch-Vân đem về táng chung vào nghĩa-địa Hoàng-Hoa-Cương là nơi đất Thánh của thi-hải 72 liệt-sĩ tiên-phong của cách mạng Trung-Hoa trong cuộc khởi nghĩa để đánh Triều-dinh

Mãn-Thanh. Trước một Phạm-Hồng-Thái có tấm bia đá khắc chữ « Việt-Nam Liệt-sĩ Phạm-Hồng-Thái chi mộ ».

Đặc-biệt ngày cải-táng mộ Phạm-Hồng-Thái là đúng ngày 19 tháng 6 năm 1925 tức là ngày đệ nhất chu-niên Phạm-Hồng Thái đã hy-sinh và nghĩa cả dân-tộc. Ngày ấy các nhà cách-mạng Việt-Nam ở Tàu đều kéo về Hoàng-Hoa-Cương để làm lễ cải táng và truy-diệu. Một số các nhà cách-mạng Trung-Hoa ở Quảng-Châu cũng có mặt. Bọn thực-dân Pháp có lên tiếng phản-đối, nhưng lời nói của chúng đối với chánh-giới Trung-Hoa lúc ấy như ném vào giữa bãi sa-mạc.

Chúng cho bọn văn-nô dùng đủ mọi cách để xuyên-tạc Phạm-Hồng-Thái, nhưng tánh danh người liệt-sĩ này vẫn bất-tử trong lòng người dân Việt. Và cuộc đời cách-mạng của Ông đã được một nhà ái-quốc lão-thành ở Xiêm là cụ Đặng-tử-Kinh đúc-kết thành bài thơ sau đây :

Nước Việt Nam bốn nghìn năm lễ,  
 Bảy mươi năm dáo dè lăm than  
 Mịt mù một áng khí oan,  
 Sông sôi máu chảy non chan lệ sầu.  
 Hồn liệt-sĩ ào ào gió thổi,  
 Dẹp anh-hùng tím ngắt lá gan.  
 Nhớ xưa người ở Nghệ-An,  
 Là Phạm-Hồng-Thái cả gan anh hùng.  
 Thẹn vì nước mắt vòng tôi-tố,  
 Giặc Méc-Lanh là đứa gian-hùng.  
 Ra tay một tiếng sấm vang,  
 Năm châu dậy đất, Méc-Lanh đi đời.  
 Tám giờ tối tàu binh ghé lại,  
 Hấn lần lên Sa Diện rong chơi  
 Bấy giờ cơ đã tới nơi,  
 Lòng người có chí thì thời cũng bền.  
 Ông khi ấy một mình len lỏi,  
 Một chiếc thuyền theo dõi bờ sông.  
 Toàn-quyền Đông pháp Méc-Lanh.  
 Hấn lên xe điện thẳng dong cửa hàng.  
 Thành Sa Diện phố-phường đón rước,  
 Mời vào nhà thiết tiệc hoan-nginh.

Ông vào thám-thính phân-minh,  
 Lại gần chú lính đang kinh nạt đờn.  
 Tám giờ tối hàng-hoàng chưa định :  
 Việc gấp rồi phải tính mau mau.  
 Khen người kẻ-hoạch mưu cao,  
 Túc ngay cửa sổ ném vào một khi.  
 Người trong tiệc còn chi dẫu nữa ;  
 Chúng kinh-hoàng hồn rữa phách tan.  
 Tây kia mới hết khoe-khoang,  
 Xương tan xác pháo, thịt tan bụi hồng.  
 Chốn Sa Diện một vùng tối mịt :  
 Thuyền Châu-Giang trăm chiếc đón đưa.  
 Hy-sinh cứu nước bấy giờ,  
 Hồn-thiên cao phất ngọn cờ tự-do.  
 Anh-hùng vị quốc quyền khu,  
 Sông Châu-Giang ấy nghìn thu lưu-truyền.



# ĐỀ - THÁM



## Đề - Thám

(1862 — 1913)

---

« Quốc-gia hưng-vong, thất phu hữu-trách »; sự vong-tồn của một nước chẳng những dựa vào hàng tri-thức, mà người ít học cũng có một phần trách-nhiệm ở trong. Vì vậy, ta thấy trong cuộc kháng Pháp có những người học rộng thấy xa, mà cũng có người cùng đinh thất học. Hoàng-hoa-Thám là một người ít chữ; Cụ Cường-Đề là một vị diện hạ vương-giống, chứng minh rằng khi nước nhà bị trị, thì mọi tầng lớp nhân dân đều chung lo giải thoát.

Đề-Thám tên thật là Trương-văn-Thám. Cha mất sớm, mẹ tái giá, Thám phải đi chăn trâu nuôi mình. Ở vùng Yên-Thế, Thám có học võ với thầy Tàu, ít người địch nổi.

(Dưới đây là bản chiết sao lại trong quyển « Tiểu truyện danh nhân » của « Cổ Nhị-Tán » nói về Đề-Thám).

Bảy giờ tuy ở phía Trung-châu, cờ xanh trắng đỏ của Pháp đã khoe màu, nhưng về miền Thượng-du, mặt thì có cờ vàng của Hoàng-sùng-Anh, mặt có cờ Đen của Lưu-vĩnh-Phúc cũng pháp phối tranh-hùng. Năm 29 tuổi, Thám xuống Bắc-Ninh, xin đăng vào đội nghĩa-quân của lãnh-binh Trần-quang-Soạn. Nhờ có sức khoẻ và võ giỏi, ít lâu Thám được lên chức lãnh-binh, chỉ huy một toán quân chống Pháp. Nhưng vì không đủ khí giới, nên thất bại. Thám trở về Yên-Thế giúp Bá-Phước (Trần-văn-Phước) là một tay hào-phú trong miền, có kiến-thức lại thạo nghề binh.

Ngày 12 tháng 3 năm 1884 (giáp thân), quân Pháp lấy Bắc-Ninh, Bá-Phước nổi lòng căm-phẫn quyết chí Cẩn-Vương, bèn tổ chức khao quân, đem đại-binh xuống miền xuôi để đánh Pháp. Được vài trận, đạo binh của Phước tan vỡ, Bá-Phước cùng Thám chạy sang Tàu nhập bọn với Cai-Kinh, tức Hoàng-dinh-Kinh, cựu cai tổng.



Cai-Kinh là dư đảng của Cai-Vàng. Từ khi Cai-Vàng chết, Cai-Kinh sang Vân-Nam, cố chiêu tập binh mã để mong nổi chí thầy. Gặp Thám, Cai-Kinh nhận làm tâm phúc và cách ít lâu sau, đem bộ hạ về nước chiếm mấy rừng núi miền thượng du sông Thương. Thám được cử là Đề-đốc coi một toán quân khá lớn, nên được gọi là Đề-đốc Thám nói tắt là Đề-Thám. Nhưng đương lúc công việc chưa xếp đặt xong, Cai-Kinh bị một người trong đảng ám hại (6-7-1888). Thám bèn thâu nhặt lấy ít nhiều tàn quân, từ phủ Bắc-Phước, kéo về miền xuôi, quyết định một phen tung-hoành cho p. chí.

Thoạt tiên Thám cướp huyện Việt-Yên để lấy súng rồi đánh phá huyện Hiệp-Hòa, Võ-Giang, Quế-Dương, v.v...

Chánh phủ Pháp phải quan quân chia đi các ngả đón bắt rất ngặt, Thám phải rút về phủ Lạng-Giang, nhưng vẫn bị tìm đánh kịch liệt. Thám mất hết quân, lặn lội một mình, tìm đường lẩn tránh.

Chánh quyền thông-sứ đi các nơi : « Ai bắt được Đề-Thám sẽ được trọng thưởng. Ai giấu giếm Đề-Thám sẽ bị phạt nặng ». Vì vậy mà từ thành thị đến thôn quê, không mấy người là không biết danh tiếng Đề-Thám.

..

Thám nghĩ cứ giữ tên họ cũ, hình dạng cũ, thì khó lòng thoát lưới, bèn cạo tóc để râu, đổi tên là Hoàng-Hoa-Thám. Ba chữ Hoàng-Hoa-Thám bắt đầu xuất hiện từ đây. Thám còn trá hình nhiều cách : lúc áo cà-sa, nón tu-mạng, hiền lành như một thầy tu ; lúc tay xách nải, vai quây bồ, lật đật như một lái buôn ; lại có lúc tay bị, tay gậy, quần áo rách bần, tả tơi như một kẻ hành khất. Nhờ trá hình, Thám đã lọt lên miền thượng-du, giao thiệp với dân Thổ, Mán. Trong khi lẩn tránh Thám vẫn không quên chí lớn, nếu có cơ hội, vẫn ngấm-ngấm rủ người vào đảng.

Năm Kỷ-Sửu (1889) Thám lần lút tại-chùa Định-Tảo (thuộc Nhã-Nam), chiêu tập được khá đông đồng chí. khi giới hạn được cũng thu thập được nhiều, liền làm lễ tế cờ, cử những người có khả năng vào các trách nhiệm quan trọng : Lãnh-Huân làm chánh tiên-phong, Ba-Biểu làm phó tiên-phong, Sư Định-Tảo làm phó chỉ-huy. Cuối tháng tư năm ấy những người này đem một cánh quân xuống

đóng ở làng Chương-Văn, làm thế ý-giốc. Lại đặt ở nhiều địa-diểm trong các tỉnh Bắc-Giang, Thái-Nguyên, Vinh-phúc-Yên.

Tung-hoành trong một năm trời, đồ đảng của Thám mỗi ngày một đông thêm, đã thành một đám quân lớn. Trong các yếu nhân có: Cã-Dinh, Cã-Huỳnh, Cã-Trọng, Cã-Căn, Cã-Hoành, Hai-Xuân, Ba-Biêu, Tư-Sáu, Năm-Tý, Tám-Chinh, Cửu-Cam, Mười-Phong, Cai-Sơn, Bang-Kinh, Lý-Thu, Đốc-Hầu, Đốc-Hiền, Đốc-Kế, Đốc-Thu, Đốc-Xuyết, Lãnh-Túc, Lãnh-Huân, Quan-Phúc, Thông-Luận (Thân-đức-Luận), Thông-Trù, Thuyết-Vân, Tông-Chu, Trần-Thanh, Đề-Công, Đề-Bảo, Đề-Huỳnh, Đề-Kiều (Hoàng-Thụy-Kiều), Nho, Cao, Cam, Tinh, Sỏi, Tê v.v... Những tay sai luồn rừng sang Quảng-Tây mua được nhiều súng đạn và kết thân với bọn quan Tàu. Thám lại cưới được người vợ thứ ba tên là Đặng-thị-Nhu, em nuôi Thông-Luận, thường gọi là cô Ba, có đảm lược và võ nghệ.

Chính quyền phái trung-tướng Tarre, đại-tá Piessier và trung-tá Mayer đem quân tiêu trừ. Quân Thám trận đầu thua to phải rút vào rừng Hữu-Thế. Đây là một khu rừng lớn bao trùm nhiều đồi núi, thung-lũng, địa thế rất hiểm-trở. Thám cho xây pháo đài, đào chiến-hào, mở đường lối, xếp đặt căn cứ này rất vững.

Sở dĩ Đề-Thám đã biến Yên-Thế thành nơi kháng chiến trường kỳ, là vì Yên-Thế thuộc miền trung-du, nằm giữa dãy núi đá Cai-Kinh và dãy núi trùng điệp ở thượng-lưu sông Thương và sông Cầu, gồm hai vùng Thượng-Yên và Hạ-Yên. Thượng-Yên là rừng sâu rậm rạp, còn Hạ-Yên là đồng bằng có thôn xóm khá đông rải rác trên nhiều ngọn đồi. Rừng Thượng-Yên nhiều tre nứa và chằng chịt, cây cối dày rậm nhiều muỗi mòng rắn rết, nhất là vắt, chỉ trong nháy mắt đã bám đầy người, chướng khí bao bọc quanh năm. Lợi dụng nơi hiểm địa, Đề-Thám rèn luyện binh sĩ cho quen đường lối để dễ bề tiến thoái.

..

Toàn quyền De Lanessan, và thống-tướng Duchemin lại phái đại binh mở cuộc tiêu trừ. Tháng 4 năm Nhâm-Thìn (1892), quan quân liền xông vào rừng rậm đề phá tan sào huyệt của Thám. Tuy Thám chống cự rất dữ, rốt cuộc quan quân cũng phá được,

Trung-tướng Henry, đại-tá Lecière bị thương, trung-úy Holstein, Vigneron, Becquet tử trận.

Thám rút tàn quân về ở rừng Yên-Thế, lại bí mật mua súng đúc đạn và chiêu dụ đồ đảng.

Qua năm 1893 đảng Thám lại đông, súng đạn dự bị khá nhiều, Thám kéo quân xuống miền Lạng-Giang, Việt-Yên, Võ-Giàng đánh phá đồn lính và phủ-huyện. Tổng đốc Bắc-Ninh Lê-Hoan được Pháp giao cho 800 quân, đến đóng ở đồn Cao-Thương. Trước khi giao-chiến, Lê muốn dùng ngoại-giao để chiêu hàng, cho dự đảng Đề-Kiều vào sào huyệt của Bá-Phước để dụ Phức. Quân Cần-Vương khi đó đã tàn, những tướng già không còn chí quật cường nữa, nên cuối năm Thành-Thái thứ năm (1894), Bá-Phước thống-tướng quân Cần-Vương ở Hữu-Thế, cùng với bộ hạ mang khí giới ra đầu thú.

Lê-Hoan biết Bá Phức là cha nuôi của Đề-Thám, bèn cho y vào Yên-Thế thuyết phục Thám. Lê-Hoan hứa cho Thám sống độc-lập, nếu chịu quy thuận và đừng gây việc binh-đao, phương hại cho sinh mạng của dân Yên-Thế.

Thám yêu cầu được hội kiến với Lê-Hoan trước khi quyết định và đề-nghị Lê-Hoan hãy tạm rút quân đi nơi khác, trước đồn chỉ để một ít lính canh, phía sau mấy hàng ruộng mà thôi.

Đúng giờ hẹn, Thám theo Bá-Phức mang 200 quân đến đóng ở ngoài xa, rồi cùng mấy thủ-hạ lực-lượng vào yết-kiến Lê-Hoan. Trong khi nói chuyện, Lê-Hoan đề Đề-Thám và Bá-Phức ngồi cùng chiếu, lính hầu bưng lên một khay hai chén nước trà. Thám lễ-phép cầm một chén nước đưa cho người tùy tùng của Bá-Phức bảo uống, anh này vừa uống xong, lăn ra chết. Thám thần nhiên đứng dậy chào Lê-Hoan rồi cùng với thủ-hạ ung-dung ra khỏi đồn Cao-Thương.

Lê-Hoan chưng-hửng. Sau đó y lại bày mưu khác: sai Bá-Phức đem một quả bom vào sào huyệt để hại Thám, nhưng Thám lanh trí, lừa cho Bá-Phức đi rồi vội-vả tránh ra xa, để cho bom nổ phá tan tành và đề Bá-Phức yên-trí mình đã bị thiệt mạng. Sau đó Thám bắt thần ra quân, làm cho hai viên đồn Trouvé và Lambert tử trận, công-sứ Muselier bị thương, lính Tây và lính khổ xanh thiệt mạng gần 30 người. Rồi Thám rút về Thái-Nguyên, Ở đây

cũng thua luôn mấy trận nữa, quân binh, đạn dược đều hết cả. Thẩm lại ăn núp trốn tránh.

“.”

Cách đó ít lâu, Thẩm chiêu dụ được nhiều đồ-dâng, cướp đồn Lạng-Giang lấy súng đạn, rồi kéo lên Thượng-Yên chiêu mộ quân-sĩ. Nhờ có Bang-Kinh trợ lực, lại thêm dân Thổ, Mán và khách Quảng-Tây phụ giúp nên thanh-thế chẳng mấy lúc lại lừng-lẫy. Pháo đài, quân trại, chiến hào, được kiến thiết chu đáo ở Yên-Thế. Ở thân cây, ở sườn núi, đều thấy có kẻ những câu :

*Ở đây là đất ông Đề,  
Tây lên thì có, Tây về thì không.  
Thăm ông chỉ có câu này,  
Thề cùng giặc Pháp có mảy không tao.*

Nghĩa quân từ trong rừng sâu, cứ lần lượt mở rộng tầm hoạt động đến Đáp Cầu, khiến cho quân đội Pháp lúc nào cũng ở trong tình trạng báo động. Muốn cho đường tiếp-tế được dễ dàng và dễ xúc tiến việc đặt đường xe lửa Hà-Nội — Lạng-Sơn, toàn quyền De Lanessan ra lệnh cho quân-đội Pháp phải tận diệt Đề-Thẩm. Bên Pháp lại phái đại-tá Galliéni sang để đối-phó quyết liệt. Galliéni đã từng tiêu trừ những nghĩa quân ở xứ Soudan mấy năm trước, lần đầu hành-quân ở đây bị ngay nghĩa quân giết chết đại úy Delaunay và nhiều binh-sĩ Pháp. Đại-úy Brodriez mất đường tiếp-tế lương thực và đạn dược, phải liều chết chạy về Trí-Lễ, bỏ lại cả quân trang, quân-dụng. Tuy thiếu tá Barre chiếm được Len-Đài, nhưng cũng không tiến hơn được nữa. Mãi đến tháng giêng năm 1894, sau khi chuẩn bị hẳn hoi, Galliéni mới quyết định trả thù, tấn công Lũng-Lạt, một địa điểm quan trọng của Đề-Thẩm, sau chiến khu Yên-Thế. Nhờ ở Lũng-Lạt nhóm nghĩa quân do Hoàng-Thái-Ngân chỉ huy có lần một bọn thổ phỉ hay làm mất lòng dân ở những vùng Vũ-Địch, Vũ-Sơn, Vũ-Lệ và Tam-Trị, quân Pháp liền võ trang cho dân địa phương tập kích. Do đó, khi đại quân Galliéni tấn công mãnh-liệt. Hoàng-thái-Ngân phải rút lui, bị thiệt hại nặng nề. Ba phía đều bị quân Pháp vây chặt, nghĩa quân cùng Thái.Ngân rời bỏ căn cứ Lũng-Lạt, rút lần lần về phía Vũ-Sơn, Vũ Lệ, Vũ-Địch và Chợ Mới. Galliéni truy kích rất gắt, và tìm được dọc đường nhiều thầy chết

của nghĩa quân nằm ngổn ngang. Không may cho Hoàng-thái-Ngân, dân chúng ở những vùng kia đã oán hận những thờ-phi mà Thái-Ngân chứa-chấp, nay thấy nghĩa quân rút chạy, liền phục kích khắp nơi khiến Thái-Ngân tử trận và nghĩa-quân bị diệt rất nhiều. Đề-Thám ở Yên-Thế hay tin trễ mấy ngày sau mới cho nghĩa quân từ Trí-Lễ kéo đến tiếp viện Lũng-Lạt, nhưng đến Trấn-Yên thì bị quân Pháp chặn đánh tan, vì Pháp quân đông, có vũ khí tốt lại có trọng pháo yểm-hộ. Thế là Lũng-Lạt hoàn toàn rơi vào tay quân Pháp. Yên-Thế bị đặt trong thế nguy, vì Yên-Thế và Lũng-Lạt là hai nơi quan-trọng nhất của Đề-Thám. Nhận thấy lực-lượng không thề nào đương đầu nổi với binh-lực của Pháp, Đề-Thám bèn nhờ giám mục Velasco đứng ra hòa-giải. Pháp ưng-thuận cho Thám cầu hòa. Lại nhân toàn quyền De Lanessan bị chính phủ Pháp triệu hồi và cho Rousseau sang thay thế, Thám đưa ra hai điều kiện :

— Chính quyền Pháp phải trả cho Thám 15.000 đồng để chuộc hai người Pháp Chesnay và Logiou bị nghĩa-quân bắt trên công trường đường xe lửa.

— Chính quyền Pháp phải để cho Thám làm chủ một vùng đất gồm 22 làng với 2.600 xuất đinh, và thu thuế tất cả những ruộng đất ở vùng Yên-Thế.

Dù biết Đề-Thám đòi hỏi quá nhiều, nhưng nội bộ của chính-quyền Pháp đang bị lung-củng, Pháp liền ưng chịu.

Hay tin chính-phủ Pháp nhượng bộ cho Đề-Thám, các kiều dân Pháp cũng như quân đội viễn chinh thấy đều phẫn-uất. Nhất là Galliéri tỏ ra vô cùng bất mãn. Tuy vậy, chính-quyền bảo-hộ cũng dự biết Thám cầu hòa đây chỉ là kế hoãn binh, nên vẫn phòng-bị và dự-trù sẵn kế-hoạch tấn-công Yên-Thế.

••

Về phía Đề-Thám, bề ngoài tỏ ra trung thành với những lời cam kết với Pháp, nhưng bên trong vẫn âm thầm tăng-cường lực-lượng ở Yên-Thế, lại cho người đột nhập vào hoạt động trong hàng ngũ các đội binh Pháp để sau này để bề toan tính việc nội công ngoại kích. Vào năm 1895, con đường sắt Lạng-Son — Hà-Nội đã hoàn tất. Công việc di chuyển và tiếp tế lương thực cho các đồn ở miền thượng-du rất thuận tiện cho quân-đội Pháp. Galliéri lại đích

thân đi thanh-tra các vùng từ Lạng-Sơn đến Cao-Bằng, rồi qua Bắc-Cạn, xuống Chợ-Chu, Thái-Nguyên dụng ý là quan-sát tình hình khu Yên Thế và tìm hiểu tại chỗ sự hành động của Đề-Thám;

Nhận thấy đồn lũy đóng lẻ tẻ và làm toàn bằng vật liệu nhẹ, đại-tá cấp tốc cho triệt hạ và xây cất lại kiên cố hơn, cùng cho lập thêm nhiều đồn, trạm mới khắp miền biên giới Việt-Hoa để ngăn chặn những bọn thổ phỉ và buôn lậu thường qua lại mua bán đồi chác vũ-khí với nghĩa quân. Sau đấy Galliéni lại dùng chánh trị: đổi các viên chức người Việt ở miền thượng-du về đồng bằng, thay thế họ bằng những người địa phương như Thái, Nùng, Mán để họ tự cai trị lấy; cất nhắc những người tù trưởng lên làm quan và cấp súng cho họ. Galliéni muốn dùng họ để chống Đề-Thám còn quân-đội Pháp chỉ đứng ngoài bảo vệ, khi nào cần mới đích thân ứng-chiến. Kế hoạch này làm cho vùng Yên-Thế lọt vào vòng kiểm soát của quân-đội Pháp một cách chặt-chẽ. Đề-Thám hiểu rõ dụng ý thâm độc của Galliéni, nên cũng trù tính mọi cách đối phó: đột kích các đồn bót quan trọng ở các đô-thị tăng-cường nghĩa quân, mua sắm thêm vũ khí tối tân của Đức ở bên Tàu, tích-trữ lương thực và quân nhu để chuẩn bị một cuộc chiến lâu dài, xây những chiến lũy trong rừng sâu, đào hầm ở dưới đất, cho người len-lỏi tuyên-truyền trong dân chúng địa phương và nhất là tố-chức địch vận ngay trong lòng địch. Một số lính khổ đỏ, khổ xanh cùng những thành phần bất mãn ở địa phương đã theo về Yên-Thế. Trong công cuộc cùng cố Yên-Thế Đề-Thám đã nhờ vào công lao của người vợ thứ ba là Đặng-thị-Nhu rất nhiều. Năm 1895, Đề-Thám cho nghĩa quân tấn-công đồn Phả-Lại, cướp được đồn. Cùng trong năm này, Đề-Thám cho quân xâm nhập vào địa-phận tỉnh Bắc-Ninh, ám sát ba viên chức người Pháp. Đề-Thám lại sai Lãnh-Túc kéo quân đến làng Phú-Liêm ở gần Phủ Lạng-Thương, cảnh-cáo dân chúng ở đây, vì họ đã nghe theo lời Pháp không chịu tiếp tế cho nghĩa quân. Uy danh của Đề-Thám mỗi ngày một vang dậy.

..

Lúc này, 1897, Kỳ-Đồng ở Pháp về, xin lập đồn-diên ở Yên-Thế. Kỳ-Đồng mộ được đến 3.000 dân phu lên khai khẩn trên đó, rồi liên-lạc với Đề-Thám, ngầm giúp cho Thám nào người, nào

của, nào khi giới. Nhưng chẳng bao lâu, việc đến tai toàn quyền Doumer, viên này một đêm cho bắt Kỳ-Đồng, đưa xuống tàu thủy ra Hải-Phòng, đem đi đày ở Guyane.

Tuy Đề-Thám không nhận các sự việc xảy ra là do mình chủ mưu, nhưng chánh quyền Pháp chắc chắn là những hành-động phá-rối an-ninh đều tự Đề-Thám mà ra cả. Galliéni tức giận những nhà cầm quyền cao cấp Pháp đã nhâu nhượng với Đề-Thám. Đã nhiều lần y đề nghị đặt khu Yên-Thế vào vùng kiểm-soát quân sự do chính y chỉ huy, đề chặn đứng mọi hành động phá hoại của nghĩa-quân, nhưng không được cấp trên chấp thuận. Sau khi nghiên cứu kỹ-lưỡng, Galliéni quyết định tấn công Kê-Thượng, một căn cứ nghĩa-quân do Ba-Kỳ điều khiển. Muốn chiếm Yên-Thế, tất phải chiếm Thượng-Yên trước, nhưng sự hao-tồn về nhân lực và quân nhu sẽ rất nặng nề. Mặc dù vậy Galliéni cũng thấy không thể nào nhượng bộ Đề-Thám hơn nữa. Thảo xong kế hoạch, Galliéni trình lên cấp trên lần này được chấp thuận. Tập trung tất cả lực-lượng, Galliéni liền tấn công vào Kê-Thượng, và nhờ có kinh nghiệm trong trận Lũng-Lạt trước đây, Galliéni quyết hành quân chớp nhoáng. Điều khó khăn là Kê-Thượng ở sát địa phận của Đề-Thám và Lương-Tam-Kỳ; trên pháp lý hai người này đã quy-thuận nhà cầm quyền Pháp, nếu vi-phạm đề cho Đề-Thám và Lương-Tam-Kỳ có cơ hợp lực mà trợ giúp Kê-Thượng thì thật là một mối nguy cho quân-đội Pháp, vì chiến tranh sẽ lan rộng khắp miền thượng-du. Do đó Galliéni quyết đánh thật nhanh và thật mạnh, nhưng chỉ đánh nguyên địa phận Kê-Thượng của Ba-Kỳ mà thôi, đề tránh sự mất lòng của Lương-tam-Kỳ và Đề-Thám. Nhưng trong khi nghĩa-quân ở Kê-Thượng chiến đấu anh dũng, thì ở khắp miền thượng-du Bắc-Việt tiếng súng cũng nổ vang rền: Tôn-Thất-Thuyết kéo một nhóm nghĩa-binh Cần-Vương đánh miền Cao-Bằng rất dữ-đội. Tại Yên-Thế, Đề-Thám liền cho người liên-lạc với Lương-Tam-Kỳ ở Chợ-Chu đề hợp-lực đánh tan những đạo quân Pháp và chặn đường tiếp tế của họ. Galliéni hoảng sợ vội ra lệnh cho trung-tá Vallière ở Cao-Bằng chặn đánh các đạo nghĩa-quân đến tiếp viện Kê-Thượng, đề cho quân của hắn tiến đến địa điểm này theo chương trình đã vạch trước. Bị Vallière ngăn cản, nghĩa-quân không thể tiếp viện Kê-Thượng, đành

phải rút lui. Lương-tam-Kỳ thấy tình thế khó-khăn, cũng thu quân về bản doanh Chợ-Chu để giữ hòa khí với quân Pháp. Hay tin này Đề-Thám tức-giận nhưng cũng không làm thế nào hơn là «án binh bất động» để lo những việc cho là quan trọng hơn. Thế là Kê-Thượng bị hoàn toàn cô-lập và thất bại trước sức tấn công vũ bão của Galliéri. Trong trận Kê-Thượng quân Pháp giết mất của nghĩa-quân một viên tướng có tài là Lân-Nguyên ở Hòa-Mục. Nguyên vốn là bộ tướng đặc lực của Ba-Kỳ.

Sở dĩ trước kia có việc Pháp hòa-hoãn với Đề-Thám là vì nội-bộ chính-quyền bị lũng-cung, phe hành-chánh có những ý-kiến bất đồng với phe quân sự của thống-tướng Duchemin và đại-tá Galliéri. Nhưng sau hai lần thâu được thắng lợi rực rỡ ở Lũng-Lạt và Kê-Thượng, Galliéri bắt đầu có uy-tín dưới mắt toàn-quyền Rousseau nên quyết định tiêu-diệt Đề-Thám. Y lẳng-lặng chuẩn-bị một cuộc tấn-công đại-quĩ-mô. Vào tháng 9 năm 1895, Galliéri đề-nghị với phủ toàn-quyền, sáp nhập Yên-Thế vào khu quân-sự để đề-dàng kiểm-soát hành động của nghĩa-quân, và gửi cho Đề-Thám một bức thư hăm-dọa đại ý cho Thám biết là chính-quyền bảo-hộ đã quyết đem lực lượng chính-quy lên thay thế những đội lính khố xanh hiện đóng ở Nhã-Nam và Bồ-Hạ, nhất là nhấn mạnh ở điểm quân-đội Pháp sẽ thẳng tay trừng-trị những hành-động phá-rối cuộc trị-an của nhóm nghĩa-quân. Nhận được bức giắc-thư này, Đề-Thám biết không còn né tránh được một phen quyết liệt, nhưng cũng trả-lời rằng Yên-Thế từ khi có thư cầu hòa vẫn giữ đúng lập trường của mình, không hề tham-gia bất cứ nhóm nghĩa-quân nào để hoạt-động chống Pháp. Dù đã có dụng ý kéo dài thời gian để lo củng-cố quân-lực của mình, nhưng Đề-Thám vẫn gấp rút tru-liệu để đối phó mọi sự bất ngờ. Thám cho bố-phòng chiến-khu Yên-Thế thêm chặt-chẽ, đắp thêm pháo lũy, đào thêm đường hầm, lại cho nghĩa quân len-lỏi trong hàng ngũ địch để hoạt-động phá-hoại. Những vụ bắt cóc kiều dân và sĩ-quan Pháp làm con tin vẫn tiếp-tục, vì thuận lợi cho việc điều-đinh, lại được Pháp chuộc tiền. Những cuộc tấn-công các chuyến xe lửa, đánh úp đồn trại ở vùng Phú-Lạng-Thượng, Bắc-Ninh, Bắc-Giang diễn ra hàng ngày, làm quân Pháp điên đầu. Vì Đề-Thám nghĩ rằng, không sớm thì muộn nghĩa-quân cũng phải có một trận sống mái với quân Pháp, thì giết chúng trước còn hơn là ngồi chờ chúng đến



giết mình. Bấy giờ Galliéni vừa đặt tổng-hành-dinh mới tại Nhã-Nam, liền tiếp được báo-cáo khắp nơi về hoạt động của nghĩa-quân. Anh ta sốt ruột vô cùng, nhưng chưa dám tấn-công, vì sợ Đề-Thám ở Yên-Thế liên kết với các nhóm nghĩa-quân và những nhóm Cần-Vương ở miền thượng-du Bắc-Việt rồi cùng một lúc phản-công thì y khó bề trở tay cho kịp : lực lượng quân Pháp chưa đủ để mở rộng chiến trường. Và lại, Galliéni đang chờ binh tiếp viện, và nhất là một thứ vũ khí mới phát-minh, đó là loại trái phá có sức tàn-phá mãnh liệt. Galliéni cho nhiều người dò la tin-tức quanh chiến khu Yên-Thế để biết rõ cách bố-phòng và tìm hiểu chính-xác lực-lượng của nghĩa-quân, nhưng họ hoàn-toàn thất bại, vì không đột nhập vào được. Sau khi có binh tiếp-viện, Galliéni đem ba đạo quân có trọng pháo yểm-trợ và lần này lại gửi thêm cho Đề-Thám một bức thư nữa, cho biết Thám phải giao nộp tất cả vũ-khí của nghĩa-quân, triệt-hạ ngay các pháo đài, giao quyền kiểm-soát toàn khu Yên-Thế cho quân đội Pháp ; riêng Thám sẽ được định cư ở một nơi khác và có thể lập ấp riêng biệt để sinh-sống, hoặc hợp-tác với chính quyền ; yêu-cầu Thám trừng trị Đốc-Thu và Lãnh-Trúc, vì hai người này đã hành-động phá rối an-ninh làm giảm uy-tín của Yên-Thế ; cho Thám kỳ hạn chót là ngày 22 tháng 11 năm 1895 phải trả lời dứt khoát về những điều đã nói trên.

Nhưng hạn chót đã trôi qua. Đề-Thám vẫn im lặng ; Galliéni gửi thêm bức thư hăm dọa, buộc Thám phải tức-tức trả lời ngay, không thể viện lý-do nào để trì hoãn được nữa. Mặt khác, Galliéni hứa đề cho Thám được đến làng Bình-Yên, huyện Yên-Dũng, sống với gia đình và khai thác vùng này, sẽ được cấp đủ nông-cụ và 40 tên quân, song vũ-khí và nghĩa quân còn lại phải giao cho Pháp. Hạn trong 3 ngày, đến ngày 28 tháng 11 năm 1895 là cùng, nếu không có đáp ứng, chính-phủ sẽ coi Thám như kẻ thù. Trong ngày 27, tất cả ba đoàn chánh quy của Pháp được lệnh chuẩn bị tấn-công Yên-Thế. Nhưng qua đến ngày 28, Galliéni nhận được phúc thư của Thám, báo tin sẽ cho một viên lãnh-binh cùng với 30 nghĩa-quân đến tận tổng-hành-dinh của y tại Nhã-Nam để thương-thuyết. Đồng thời cho biết ý-kiến của mình là xin ở lại Phồn-Xương như từ trước tới nay.

Galliéni biết Thám lại cố ý kéo dài cuộc thương-thuyết để hòng tiếp tục chiến đấu. Y trả lời ngay là không chấp thuận thay đổi

bất cứ một điều kiện nào đã ghi trong bức thư ngày 25-11, và bắt buộc Thám phải đích thân đem nộp tất cả vũ-khí ngay chiều 28.

Tưởng hăm dọa như vậy Thám sẽ khiếp sợ, nhưng cũng như mấy lần trước... Thám vẫn lặng thinh, Galliéni đâm hoảng, đánh điện về bộ tổng-tư-lệnh xin đừng chấp thuận cho Thám ở lại Phồn-Xương như cũ và bắt buộc phải ra trình-diện ở Nhã-Nam; nếu điều đình không kết quả, trận đánh Yên-Thế sẽ diễn ngay vào sáng hôm sau.

Galliéni cũng đánh điện riêng về cho thống-tướng Duchemin biết sẽ xuất quân vào ngày 29-11-1895 và vì sự liên-lạc khó khăn, có thể thay đổi chiến lược trong lúc hành-quân. Nhưng toàn quyền Rousseau và thống-tướng Duchemin thấy tình thế bấy giờ không cho phép chánh-quyền hành-động quyết-liệt như vậy; sau cái chết của nhà cách-mạng Phan-Đình-Phùng, tất cả các nhóm nghĩa quân cũng như các bộ-đội Cần-Vương đều hướng về Đề-Thám, nay nếu Thám bị đưa vào ngõ bí, tất nhiên nghĩa-quân ở khắp nơi sẽ kéo về giải-vây, làm thế nào điều động được đề kịp thời ứng phó? Sau khi thảo luận, Duchemin liền cho người hỏa-tốc mang lệnh ra tại tổng-hành-dinh của Galliéni ở Nhã-Nam, truyền cho đại-tá chỉ nên buộc cho Đề-Thám rút lui khỏi vị trí đóng quân, chứ không nên mở cuộc đánh tiêu diệt. Galliéni được lệnh vô cùng tức giận, nhưng vì thế điện không thể không ra oai. Sáng hôm sau, khi quân đội Pháp tiến vào Phồn-Xương, Đề-Thám và nghĩa-quân đã rút đi bao giờ rồi. Thế là cũng như mấy lần trước, quân đội Pháp chỉ chiếm được một miền hoang-vu không có lấy một người. Galliéni cho binh sĩ tiến sâu vào rừng để truy kích. Nhưng quân Pháp gặp phải sức kháng-cự mãnh-liệt của nghĩa-quân, bị tổn thất nặng-nề. Tuy chiếm được Yên-Thế, nhưng quả không có gì đáng kể. Bên nghĩa quân, Thông-Luận anh của cô Ba, bị truy kích gắt quá, phải đầu hàng, khiến cho hàng ngũ nghĩa-quân nứt rạn, hơn nữa, việc mất Yên-Thế gây ra mặc cảm thất bại trong lòng quân và cả lòng dân.

Sau đó Galliéni mãn hạn, xin về nước, vì bất-mãn với cấp trên.

Mặc dầu vậy, Thám cũng thấy rằng không sao chống chọi được với quân Pháp nữa, nên nhờ đại-tá Peroz ở Nhã-Nam xin cho quy chánh.

Toàn-quyền bấy giờ là Paul Doumer, bận nhiều việc khác trong nước, nên bằng lòng cho Thám được cai-trị cả miền Yên-Thế với điều kiện:

Không được mộ người vào đảng.

Không được đánh phá những làng không thuộc quyền mình ;  
và những cơ-sở đã làm trên đất Phồn-Xương phải để cho  
viên đại-lý Nhã-Nam kiểm soát.

Thám đóng đồn tại Phồn-Xương, yên-trí làm đồn điền, khai-  
khăn lâm sản, trong ba năm trời không chút gì xích-mịch với chính-  
quyền.

Đồn-diên Phồn-Xương của Thám, Nam tới Lạng-Giang, Bắc tới  
Lạng-Son, Đông từ sông Sỏi lật sang, từ Thái-Nguyên Tuyên-Quang  
trở lại, là một dải rừng xanh núi đỏ, bát-ngát bao-la. Thám một mặt chiêu  
mộ điền tốt tới để phá núi, vỡ rừng, cày cuốc các thung-lũng, một  
mặt dựng làng lập ấp, xây đắp các căn cứ cho đồn đảng của mình.

Thực ra, tuy Thám đầu thú với chính-phủ, nhưng vẫn không  
quên cái chí vẫy vùng trời biển, suốt ngày suốt tháng chỉ lo tính  
việc khởi binh. Những dân làm ruộng của Thám hầu hết là kẻ có  
gan cướp đồn, phá ải, lấy của giết người. Lúc vô sự, họ vẫn cuốc  
vườn, cày ruộng, cặm-cui như nông-dân, đến lúc hữu sự, chân tướng  
mới lộ ra, họ đều có thể vác súng ra trận, bắn phát nào trúng phát  
ấy, bởi vì họ phần nhiều là đảng cướp ở Trung-Châu hoặc quân  
tàn của đảng Văn-Thân ngày trước, bất đắc chí mà trốn lên đây.

Thám còn chia ngã về các tỉnh Trung-Châu mộ người lên đồn  
điền, gặp ai họ cũng lân la làm quen rồi tùy cơ khuyến dỗ, trai  
làm thợ cày, gái làm thợ cấy, thuyền thợ thì ai theo nghề nấy. Còn  
những ông cử, ông tú, thầy khóa thầy đồ người nào tư chất chậm  
chạp thì dùng vào việc trông nom sổ sách, hay là dạy học, người nào  
thông minh thì làm thám-mưu hoặc cho sang Tàu, Nhật để khảo sát  
về quân sự.

Nhờ có người đi lại bên Tàu, ảnh-hưởng cách-mạng Tàu đã  
lan đến Thám. Biết rằng muốn làm việc lớn mà cứ dùng thủ-đoạn  
cá-nhân độc-đoán, bắt người ta phải hy-sinh cho mình, tất nhiên là  
khó thành-công. Thám bèn bắt chước phương pháp của bọn cách-  
mạng Tàu, lập ra một đảng lấy tên là đảng Nghĩa-Hung. -

Năm Đinh-vị (1907), trong nước đang có phong trào Đông-Du (sang Nhật du học).

Đề-Thẩm lợi dụng ngay cơ hội đó, nói phao lên rằng : Đảng Nghĩa-Hưng tức là đảng Đông-Du, các người Việt-Nam sang Nhật đều là làm việc cho đảng, đảng cấp lương cho hết thảy. Vì vậy lại càng được nhiều người tin và tìm đến gia-nhập.

Trong số mới nhập đảng có Đội-Nhân, đội pháo-thủ, Đội-Đàm đội khổ xanh, Cai-Ngà, Cai-Lê cai khổ đỏ, Hai Hiền và Nho, đều bấp trong trại lính Tây v.v..

Không bao lâu đảng Nghĩa-Hưng lập chi-bộ rải-rác khắp trong tỉnh Thái-Nguyên, Bắc-Giang, Lạng-Son, Bắc-Ninh, Hưng-Yên, Hà-Nội. Nhứt là ở Hà-Nội càng đông : ở trại lính, nhà pha Hỏa-Lò, đều có người trong đảng.

Khi thế-lực đảng « Nghĩa Hưng » đã khá lớn mạnh, Đề-Thẩm quyết định đánh lấy Hà-Nội.

Theo chương-trình dự thảo, thì trong đêm 17-11-1907, đảng-bộ ở Hà-Nội phải chiếm lấy thành phố, sau đánh Bắc-Giang, Bắc-Ninh, Thái-Nguyên, Vinh-Yên, rồi sẽ chia ngả kéo xuống miền Đông, miền Nam.

Đứng đầu đảng-bộ ở Hà-Nội là Đội-Hồ và Lý-Nho, tổng cơ quan ở phố cửa Nam, nơi chứa những súng đạn các nơi đưa về.

Ngày 16-11-1907, những người lãnh nhiệm vụ đều có mặt tại đây.

Chẳng ngờ chiều hôm đó, có đảng viên nội công, đem hết việc báo cho sở mật-thám. Thanh-Tra chánh-trị De Miribel một mặt cáo cấp với tướng Piel, một mặt sai người dò thám. Piel lập tức sai lính Tây đi tuần khắp phố ; phủ toàn-quyền, dinh thống-sứ, kho súng kho đạn, trại lính v.v.. đều dùng lính Tây canh phòng rất nghiêm-nhật. Lính ta thì bị cấm trại, và lột hết đạn dược, cửa trại khóa lại.

6 giờ chiều ngày 17, Piel đem quân vây phố cửa Nam, xông vào nhà của Đảng, nhưng không thấy một ai, chỉ bắt được nhiều súng đạn. Thì ra từ sáng hôm ấy, Lý-Nho, Đội-Hồ, Lang-Sửu và các đảng viên biết việc bại lộ, đã trốn đi nơi khác, không kịp đem súng đạn đi.

Việc không thành, Lý-Nho tại định khởi sự vào ngày lĩnh đi tập bắn ở bãi chùa Thông. Cũng lại không thành, vì Piel đã dự phòng bất trắc bằng cách cho lính đi từng tiểu đội lên đến bãi bắn mới phát đạn. Đến 9 giờ tối, lính và cai trong đảng đã tháo hậu súng đại bác, và rút ra ngoài thành về mé đường đi Sơn-Tây, đợi nhập bọn với đảng viên, rồi khởi sự. Nhưng nội-bộ xảy ra lúng cúng. Một vài cai đội không dám hưởng-ứng, sợ lính Tây đông, hòa lực mạnh.

Lý-Nho phiên trách Lang-Sửu đã không thật lòng, Lang-Sửu lại cho rằng Lý-Nho không đủ uy-thế để chỉ-huy. Rút cục, cả bọn lại về không. Lang-Sửu sợ Lý-Nho về phức trình với Tham đồ tội cho mình làm hư việc, nên đầu độc cho Lý-Nho chết.

Tham thấy thất bại hai lần, chép miệng phàn nàn mãi, sau cho gọi hết các đảng-viên trọng-yếu ở đường xuôi lên Phồn-Xương để cùng bàn định việc tiến thoái. Tham cho rên hai thanh kiếm để giao quyền chỉ-huy cho Đồ-Đàm và Đội-Hồ khởi sự một lần nữa ở Hà-Nội.

..

Ngày 22-6-1908, Đồ-Đàm và Đội-Hồ họp đảng-viên ở bàn doanh nơi một quán ăn phố cửa Nam, gần trại lính, cắt đặt công việc : Lang-Sửu, Hiền, người thầu nước vo gạo trong trại, Cai-Ngà, Cai-Xe, lái gỗ Vinh sẽ đầu độc trại lính Tây bằng cách trộn bột hạt cà độc được vào thức ăn ; Đội-Nhân, Dương Bé, Tư-Bình, trong toán lính thợ đội pháo thủ sẽ sửa soạn lừa ngựa đợi lúc khởi sự thì chõ cỗ súng trái phá ra ngoài ; 9 giờ chiều ngày 27, Cai-Ngà sẽ bắn 3 phát súng hiệu rồi cùng Hiền, người thầu nước gạo, tiến đánh phía Bắc ; phó Khiết dẫn quân ở Sơn-Tây xuống Ô Cầu-Giấy, đánh dinh trại, cướp súng đạn, rồi nhập bọn với quân Đồ-Đàm, Đội-Hồ, giết lính Tây, cho lừa ngựa của trại chõ đại bác ra cầu sông Cái và Cầu-Giấy để ngăn quân tiếp viện ở Sơn-Tây, Bắc-Ninh và Hải-Phòng có thể tiến tới ; chừng 200 quân mai phục ở bãi Phúc-Xá sẽ vào cướp các nhà si-quan Tây ở Đồn-Thủy, còn Cà và Hòa thì cướp Gia-Lâm, phá nhà ga, bóc đường sắt, cắt dây thép ; 11 giờ đêm mọi việc phải xong.

Ngày 27 đã tới. Đúng 12 giờ trưa, Hiền người thầu nước vo gạo, sai tên bếp Ngọc đến nhà Cai-Ngà lấy những gói bột cà độc-

được, chừng 4 giờ chiều thì đưa mỗi hỏa-dầu-quân một lít, 6 giờ : Cai-Ngà đơn-độc cho ai nấy chuẩn-bị theo công-tác của mình.

7 giờ chiều, thiếu tá Grimaud được tin 200 lính trong cơ pháo thủ 4 và 9 bị trúng thực. Ba người cai tinh-nghi trong cơ lính thợ bị bắt. Từng toán bộ binh kéo ra đóng ở nhà máy điện và những nơi trọng yếu. Từng toán lính tuần hành qua các phố. Thấy động nghĩa quân biết là có biến. Cai-Ngà cùng bọn hỏa-dầu quân lần trốn.

Các sĩ-quan quân-y vội-vả cấp cứu những người trúng độc, người nào người ấy mắt cũng đỏ ngầu, bước đi không vững ; chữa chạy trong 2 tiếng đồng hồ mới hết. Tuy vậy vẫn còn những người bị thuốc độc kích thích, trèo cả lên cây, một người trần truồng cưỡi xe đạp chạy suốt đêm quanh phố.

Chính quyền lập hội-dồng đề xét xử những phạm nhân. Từ 29-6-1908 đến 27-11-1908, hồ sơ mới kết thúc, vì trước hết phải truy-tầm cho được phạm nhân : họ đã trốn đi gần hết. Nhưng ngay từ 8-7-1908, những cai pháo thủ Từ-Bình, Dương-Bé và Nhân đã bị hành quyết : ngày 3 tháng 8 đến lượt Hiền, người thầu nước vo gạo, Cai-Ngà và Xuân. Ngày 29 tháng 11-1908, Đồ-Đàm, lái gỗ Vinh, Đội-Hồ, và Đồ-Chánh. Tất cả 13 người, trong số này 7 người là đồ đảng Đề-Thám. Ngoài 13 người này ra, còn 4 bị dày chung thân, 26 bị dày từ 5 đến 20 năm, 10 bị tù từ 1 đến 5 năm, 8 được tha bổng. Thế là chi-bộ Nghĩa-Hung ở Hà-Nội tan-rã.

..

Việc Hà-Nội thất-bại làm cho tướng tá của Đề-Thám dâm rụt-rẻ. Chính Thám cũng lo sợ, không dám trú đầu liền hai đêm. Cô Ba và Cà-Trọng thay phiên nhau canh chừng giấc ngủ của Thám, cất quân coi giữ suốt ngày đêm ngoài cửa phòng.

Thám truyền cho các tướng ở Bắc-Ninh và Phúc-Yên, Phả-Lại rút cả về Yên-Thế, đồn chính đặt ở làng Chợ-Gò, chung quanh có hào-lũy. Lại cấp tốc tổ-chức Yên-Thế thành chiến khu, mỗi lối đi vào đều có điểm canh. Khi viên đại-lý Nhã-Nam đến hỏi xây lũy ở đâu làm gì. Thám trả lời : « Cho nó đẹp ! » Mỗi làng trong chiến khu, có cất quân canh chừng hành-dộng của lính khố xanh, khố đỏ, trong khi đoàn nghĩa-quân đi dò-thăm có khi xuống đến tận sát Nhã-Nam.

Thấy tình thế đã tạm vững, Thám lại cho Ca đem quân đánh Vinh-Yên. Ca bị tử thương trong trận đánh với Lagarde đồn khố xanh. Quận Mỹ cũng bị tử trận khi đánh với đồn khố xanh Lafferrère ở chùa Liễu-Đề, Bắc-Giang.

Sang đầu năm Kỷ-Dậu (1909), toàn quyền Klobukowski thay toàn quyền Beau là người kế-nhiệm của Doumer, thấy quanh vùng Yên-Thế mãi không yên, bèn quyết định dứt khoát một phen với Đề-Thám : cử đại-tá Bataille bao vây Phồn-Xương và tiêu trừ những ổ nghĩa-quân ; ngày 28-1-1909, gửi một tối-hậu-thư buộc Đề-Thám phải giao lại tất cả vũ-khí và đạn dược, cùng những lính đào ngũ, những kẻ cướp, những tội phạm đã bị xử khiếm diện hiện ẩn náu ở Yên-Thế ; và chính Đề-Thám phải đích thân tới Hà-Nội trình-diện cùng cam-kết trở lại cuộc sống lương thiện.

Thám không trả lời.

Sáng 29-1-1909, một cáo-thị của thống-sứ dán khắp trên tường các đình làng thuộc tỉnh Bắc-Giang, kêu gọi dân chúng hợp tác để diệt trừ Hoàng-Hoa-Thám. Sau đó lính khố xanh tiến đánh Chợ-Gò để cố diệt Cô-Ba, vì cô là người thân yêu nhất của Thám, và cũng là một kiện tướng bắn súng không bao giờ phí đạn. Nhưng vào đến trong làng thì không gặp sức kháng cự nào, tưởng mọi người đã trốn hết. Có ngờ đâu, Cô Ba đã cho mai phục, đề lại trại không. Lính vừa muốn rút ra thì bốn phía súng nổ, trong tiếng súng có tiếng hô quân của Cô Ba, thét lên như hồ gầm. Kết quả, thiếu-úy Courteix và chuẩn-úy Cololna tử trận, tàn quân chạy tứ tán.

Tuy vậy, ngày 30-1-1909, quân Pháp cũng chiếm được Chợ-Gò và Ấm-Đông, vì Đề-Thám và nghĩa-quân đã từ chiều hôm trước chạy về Rừng-Tre. Ngày 1-2-1909, nghĩa-quân giết được một ít quân Pháp rồi lại biến. Ngày 11, ở Đồng-Dung, Cà-Dinh, Cà-Huỳnh, Lý-Thu, trong 6 giờ chiến đấu, giết được 6 quân Pháp, 16 bị thương. Trở về Đồng-Đền, lại giết thêm 5, gây thương tích cho 2 sĩ-quan Pháp. Mỗi lần Pháp kiếm nghĩa-quân là một lần thất-vọng ; rõ-ràng đã vây kín, mà khi đánh vào vẫn không bắt được gì : họ lần vào rừng sâu mất hút. Nhưng họ cũng đã bị tán mỏng : Cà-Dinh chạy lên Mon-Lương, Đề-Thám và Cà-Trọng về Rừng-Phé, Cà-Huỳnh sang Phúc-Yên,

Thống-sứ treo giải 2.000đ và một phẩm hàm cho kẻ nào lấy được xác Đề-Thám. Hành động này có hiệu lực làm cho Đề-Thám phải giữ mình với chính đồ đảng của mình, và không dám mộ thêm đồ đảng mới. Đến tháng 4, quân bản-bộ của Cả Huỳnh tồn-thất đến 3 phần 4. Cả Trọng chết, dư đảng phân tán chạy sang Vĩnh-Yên, Phúc-Yên, Bắc-Ninh. Cuộc truy kích vẫn không ngừng. Cuối tháng 4, quân Pháp chết 29, bị thương 79. Sau đó, Đề-Thám gửi thư tỏ lòng trung thành với Pháp.

Đầu tháng 5, Đề-Thám lần quất ở Phúc-Yên. Chạy trốn mãi kiệt lực, Lý.Thu và Can, em rể Đề-Thám, ra hàng. Các báo Tây mỗi ngày đăng tin Đề-Thám sắp sửa hàng. Thực ra, Thám cùng Cả Định, Ba Biều, Cai Sơn, Hải-Nam, ngày 24-6 ở cách Hà-Nội chỉ có 15 cây số, và ngày 5-7, lại bắt cóc Voisin, một viên giám-thị hăng thâu Leroy, khi anh này đi xe tay đi qua làng Phú-Lỗ.

Đề-Thám buộc Voisin viết cho viên đồn khố xanh bảo đừng hành động gì. Đêm ấy, Đề-Thám cùng nghĩa-quân đem Voisin lên Thái-Nguyên; qua ngày 8-7, đến Lang-Lai, vào ngụ trong chùa, cho liên lạc với giám-mục Velasco đề nhờ điều đình với Pháp. Thống-tướng Geil cử thiếu-tá Chofflet đi cứu Voisin. Chofflet là người cứng rắn tàn-bạo. Trong khi Velasco thương-thuyết với Pháp, Chofflet tiếp viện cho đoàn lính khố xanh đương vây Lang-Lai. Ngày 12-7, chính phủ Pháp trả-lời: Thả Voisin ra thì sẽ được sống, và được cấp-dưỡng; gia-đình Thám ở Yên-Thế đã bị bắt, và sẽ bị đầy, nếu Voisin bị hại. Thám nổi trận lôi đình, cho trói Voisin chặt thêm. Cô Ba đưa khẩu súng Mauser cho Thám bắn. Thám gạt đi, và đẩy kịp khẩu súng của Đội Huân, vì Đội Huân muốn hạ sát Voisin.

Ngày 13, chính-quyền hối Thám trả lời. Đêm hôm ấy, một trận bão lớn nổi lên, mưa như trút, sấm sét đùng-đùng, loang-loáng. Ngày 14, quân của Chofflet vào chùa không còn ai trong đó.

Mấy ngày liền, nghĩa quân lánh từ làng này sang làng khác, đến ngày 21, mới dừng chân ở Xuân-Lai; ở đây tuy được yên ổn, nhưng cũng phải canh chừng, vì Hai Nôm, ti tướng ở Phúc-Yên, mới bị trung-ủy Lê-dương Bouffé bắn chết.



Chofflet hành quân ngày càng tàn bạo; đập phá các đền thờ, hỏi nghi ai là bản liên. Từ sáng đến trưa, quân Pháp đã vây kín làng Xuân-Lai. Đề-Thám đứng trong một đường hầm sau nhà thờ, Voisin bị trói một bên, có hai người giữ. Quân Pháp khai hỏa, Đề-Thám cũng nghĩa quân rút về phía đông-nam, nằm trong một hố sâu. Súng bắn ầm ầm, mà không trúng ai cả.

Giữa khoảng hai phút đại bác nổ, bỗng nghe tiếng Voisin kêu thất thanh : « Đứng bắn nữa, Đề-Thám sẽ ra hàng ». Quân Pháp ngừng bắn. Ba lần như thế, vẫn chẳng thấy Thám ra, Chofflet gọi thêm quân từ Đa-Phúc về bao vây, khai hỏa mạnh hơn, chú trọng vào hàng tre phía nam là chỗ cổng làng. Cách đó 600 thước, hàng tre phía bắc có lính canh và ánh lửa sáng do thủy quân Pháp đốt nhà dân, chắc nghĩa-quân có chạy ra lối ấy cũng không sao thoát được.

Vậy mà Đề-Thám chọn chính lối ấy để trở ra.

Gặp lính canh, Ba Biểu kêu gọi tình đồng bào, lính canh không bắn, cả bọn kéo lên đê, và bắn trở vào Xuân-Lai, giả như mình là lính khố xanh vậy. Bên đê có một cái ao rộng và sâu, nghĩa-quân nhảy xuống bơi qua mà không ai biết. Hai người giữ Voisin vẫn kèm y đi và y vẫn bị trói. Rồi một trận mưa bão lại dội đến nữa, Đề-Thám và nghĩa-quân thoát hiểm.

Voisin mệt lã, lại lên cơn nóng lạnh. Ngày 24-7 khi lên đường, y nói với Thám :

— Ông giết tôi đi, tôi kiệt sức rồi không theo được nữa.

Cô Ba đưa súng cho Thám :

— Ông bắn nó đi cho rồi.

Thám gạt đi, bảo Voisin :

— Nếu tao thả mày, mày có đi được không ?

— Nếu thả thì tôi sẽ nằm đây đợi cứu hay đành chờ chết vậy.

Cả Dinh quát :

— Mày cũng cứ phải theo, tao sẽ có cách cho mày khỏi mệt.

Cả Dinh cho dẫn tre làm một cái cang, hai người khiêng Voisin đi.

Thám đã suy-nghĩ nhiều. Cứ trốn mãi mà lúc nào Pháp cũng bám riết theo sau. Mình không nhượng bộ đã đành, nhưng Voisin có thể chết vì mệt và vì bệnh. Nó chết thì gia-tiêu mình ở Yên-Thế sẽ nguy mất. Trước khi lên đường, Thám đến gần Voisin dúm vào túi 1 một lá thư :

Đêm nay tao sẽ thả mày, mày phải đưa thư này cho viên đại-lý, và nói rằng vẫn được tao đối xử tử-tế.

Thế là nghĩa quân ra đi. Voisin nằm dài trên cang như chết, đến 1 giờ sáng, sức tỉnh dậy, thấy mình ở trong một căn nhà lá. Thì ra hai người nghĩa quân đã khiêng y đến đây rồi bỏ đi. Nghe tiếng-cầm canh xa-xa, Voisin gắng gượng lết ra, hướng theo âm vang, 3 giờ rưỡi, y tới chỗ canh là đồn Kim-Anh.

Ngày 25-7, Chofflet đánh Hiền-Lương : 13 quân Pháp chết, 20 bị thương. Nghĩa quân lại mất dạng như mọi lần. Quân Pháp theo đến Bắc-Ninh, ngày 26 quân Pháp lại tồn mất 5 người.

Ngày 13-6, giáp chiến ở Bạch-Đa, Chofflet lại mất 1 tử thương và 3 bị thương. Ngày 16, tại Thượng-Yên, đánh từ sớm đến trưa với lính khố xanh, khố vàng, Ba-Biểu phải rời bỏ tiền tuyến, rồi Chofflet đến tiếp viện đánh tới tối mịt, Ba-Biểu tử trận.

Toàn-quyền thấy đánh mãi không được bèn cử một khâm sai. Đó là Lê-Hoan, bấy giờ đang làm Tổng-Đốc Hưng-Yên.

...

Ngày 30-7 Lê-Hoan nhận chức, xin cho Đỗ-Dinh-Thuật đứng ra chỉ huy một đạo quân « khố vàng ». Khâm sai là người của Vua sai ra, vậy từ nay Đề-Thám không là kẻ thù của Pháp nữa mà là của hoàng-đế : thần dân phải ra sức đánh đuổi quân thù của nhà vua.

Khâm sai Lê-Hoan rất độc ác, các làng trong tỉnh Phúc-Yên thấy đều run sợ, vì làng nào hễ bị tình nghi là bị phạt nặng, chức dịch bị thu gia-sản. Lê-Hoan tìm cách ly gián những bộ tướng của nghĩa quân, liên lạc với họ cốt để cho chủ tướng sinh nghi, gây một sự nứt rạn trong hàng ngũ. Một người trong họ Thám ra hàng, được Lê-Hoan cho làm lính-lệ, sau vì mặt báo nhiều điều quan-trọng, được bổ tri huyện, và sau này leo dần lên hàng tuần-phủ : ấy là Hoàng-Tường.

Chofflet muốn đánh mau đánh mạnh, không đồng ý với chánh sách mềm dẻo của Lê-Hoan, nên ngày 30-8, bị gọi về, Bonifacy lên thay.

Lê-Hoan do thám và bao vây. Bonifacy tấn công. Ngày 6-9 đánh làng Yên-Lô, ở ranh giới Vinh-Phúc-Yên, phòng tuyến của nghĩa-quân rất nghiêm mật, Pháp bị 4 chết, 6 trọng thương. Đề-Thám cùng với Cà Dinh, Cai Sơn và Cô Ba và chừng 40 người có súng ống, thoát về miền núi Lạng, ở tả ngạn sông Lô, là nơi có sẵn pháo đài kiên cố.

Bonifacy tiến đánh phía bắc dãy núi. Lê-Hoan giữ mặt Nam. Ngày 5-10, chiến đấu từ 2 giờ chiều tới 7 giờ tối, Pháp chiếm được pháo đài núi Lạng với giá đắt: 17 quan quân chết, 36 bị thương. Đề-Thám lại thoát. Thoát, nhưng nản lòng, vì đồn núi Lạng là kiên cố nhất mà nay bị mất. Cà Dinh bị thương, ra đầu thú ngày 24-10. Đề-Thám chạy lên Thái-Nguyên, sau lại trở về Yên-Thế. Ngày 20-11 Cai-Sơn bỏ ra hàng.

Đề-Thám cùng Cô Ba lẫn trong tam giác Mỏ-Trang, Chợ Gò, Đình-Tập. Quân Pháp lục soát từng bụi cây một, một hôm bắt được Cô Ba trong rừng rậm, tính dùng Cô làm mồi đề như Đề-Thám. Quả nhiên, Đề-Thám, đêm 1-12, đem quân đi tìm, bị phục kích, nhưng cũng lại thoát.

Cùng bị bắt với Cô Ba, có con gái cô là Hoàng-thị-Thế. Tất cả nghĩa-quân bị bắt hay đầu hàng là 78 người. Họ bị xích tay giải về Hà-Nội, rồi cho xuống tàu biên đưa sang đây ở đảo Guyane, ở Đại-tây-dương, gần bờ Nam-Mỹ. Xuống đến tàu, Cô Ba cắn lưỡi chết. Pháp đem Hoàng-thị-Thế về Pháp cấp dưỡng, sau cô này làm tài-tử xi-nê một dạo, không thành công, kết cục lấy chồng người Pháp ở luôn bên đó. Còn các bạn tù đây lần lượt đã vùi xương nơi góc biên chân trời.

••

Tuy chưa bắt được Thám, nhưng đồ đảng của Thám vừa chết trận, vừa ra thú, tính ra đã gần hết. Liệu chừng Thám còn một mình cũng không làm gì nổi nữa, ngày 9-12 năm 1909, Bonifacy chấm dứt mọi cuộc hành quân, chỉ để lại ít sĩ-quan giúp viên đại-lý Nhã-Nam dò la tung-tích của Thám.

Dân chúng đồn-rằng Đề-Thẩm đã chết vì kiệt sức. Đề-Thẩm thực ra vẫn lẩn lút trong rừng Yên-Thế. Ngày 11-7-1911, lại có người phao lên đã trông thấy Đề-Thẩm ở Yên-Lệ. Linh khố xanh, khố vàng tới bao vây, 5 tên chết, 7 tên bị thương. Đề-Thẩm vẫn thoát.

Chuyến này yên được khá lâu. Cuối tháng 6-1912, Đề-Thẩm gửi thư xin hàng, ròi chính quyền cho ở đâu cũng được.

Sarraut, linh chức toàn-quyền từ 15-7-1911, nhất quyết cự-tuyệt. Y nghĩ rằng bấy lâu bắt mãi Thẩm không được, Thẩm đã hầu như một nhân vật thần thoại trong đầu óc dân chúng Việt-Nam, thì nhượng bộ nữa, tức là làm cho thần thoại thành sự thực, và y sẽ mất thế diện, và chẳng cho hàng ròi biết đầu Thẩm chẳng liên kết với những kẻ thù của chính phủ, mà gây nhiều hậu họa. Bouchet hỏi có nên truy tìm không ? Sarraut nói : không, chỉ canh chừng là đủ. Sự canh chừng cho biết Thẩm thường liên-lạc với bọn lục-lâm ở Quảng-Tây, bọn này dung nạp những đồ-dàng cũ của Lương-Tam-Kỳ.

Lương-Tam-Kỳ vốn là đảng-viên Thái-Bình thiên quốc bấy nay vẫn yên ngụ ở Linh-Đàm gần Chợ-Chu. Lão đầu hàng từ năm 1890. Năm 1912, lão đã 72, tuổi, chỉ cầu sống an-nhàn. Sarraut chỉ thị cho giám-đốc chính trị Bosc giao-thiệp với Lương-Tam-Kỳ để trừ Thẩm.

Bosc đến thăm Lương, hứa thưởng 25.000 đồng cho ai bắt được Thẩm. Lương từ chối :

— Việc ấy khó lắm. Bao nhiêu người đã uổng mạng ròi mà có bắt được đâu...

Trăm-ngăm ít lâu, Lương tỏ ra mệt-mỏi, nói :

— Mấy ngày nữa con tôi, Lương-văn-Phúc, đi Hà-Nội sẽ có dịp lên chào quan lớn.

Lương-văn-Phúc bấy giờ giữ chức tri-huyện ở một huyện trong địa hạt của cha. Mấy ngày sau, Phúc tới thăm Bosc, Bosc nói :

— Quan Sarraut không muốn giết Đề-Thẩm, chỉ cần bắt hẩn thôi...

...

Ba lái buôn Tàu, ngày 10-1-1913, đi lang-thang trong vùng Yên-Thế. Bỗng có tiếng gọi :

— Đi đâu thế kia ?

— Chúng tôi đi tìm cụ Đề, may lại gặp ngay cụ, vì tôi đã nhận ra tiếng của cụ rồi. Tôi đã yết kiến cụ ở Phồn-Xương bốn năm trước đây. Chúng tôi vừa ở Quảng-Tây sang, có thư của tướng Liên gửi cho cụ đây.

Một phút yên lặng. Bổng Đề-Thám cùng hai tùy tướng nhảy ở trong bụi cây ra, không một tiếng động. Thám nhìn khách rồi nói :

— Tôi biết chú. Tướng Liên gửi chú sang đây có mục-dịch gì ?

— Tướng Liên nói ba chúng tôi có thể giúp ích cho cụ. Ở Quảng-Tây, chúng tôi đã học cách chế bom dể chuyển chỗ và lúc nào ném mới phải chắm ngòi. Và lại có thư của tướng Liên đây.

Thám nhận ra dấu son của tướng Liên, nói :

— Đề ta cho thầy đồ đọc thư, còn bạn của chú đâu ?

— Chúng tôi ba người, mỗi người có một khẩu Lebel, tôi lại có thêm một súng lục.

— Phải bỏ súng lại rồi theo ta vào đây. Ta sẽ cho người ra lấy súng cho.

Ngày lại ngày, Thám thay đổi chỗ ở luôn. Lúc ở động có cửa sau, lúc ở hang ngáng gỗ lên trên làm mái, có khi ở trong một ngôi chùa hoang tàn. Hai tùy tùng canh chừng suốt ngày đêm. Một hôm, Thám đột nhiên hỏi người Tàu :

— Chú có ở trên đất ông Lương bao giờ không nhỉ ?

— Có, nhưng ông ấy nghiệt lắm, chúng tôi bỏ về với tướng Liên.

Tuy trả lời thân-nhiên, nhưng ba người Tàu không khỏi lo-lắng, bảo nhau hết sức giữ mình. Tháng 2-1913 Thám ăn trọng rừng sâu ở gần Đình-Tập. Khi đi từ Chợ-Gò vào Đình-Tập, Thám dừng lại giữa đường nói với bọn Tàu :

— Ba tháng trước ở chỗ này, một tên phó-đội-lệ muốn rử ta vào bẫy. Ta đã cho bắn một viên đạn vào bụng ; 40 ngày sau, tại Lục-Giới gần đây, ta đã kết liễu đời một tên chức dịch. Đứa nào muốn hại ta, sẽ không sống mà ra ngoài rừng !

Bọn Tàu hoảng-hồn. Họ ngủ trong một lều, nhưng không dám ngủ cùng một lúc. Thám cũng ở một lều tương-tự, ba khẩu súng và hai cái cuốc kê bên tay (cuốc thường dùng để đào hố đứng bắn) hai tùy-tùng canh cửa lều, súng nạp đạn sẵn.

Hôm 9-2-1913, Thám bảo hai người này :

— Chỗ kia có ba gốc cây vường mắt, Bay hãy chuẩn bị dẫn đi, dẫn cây lớn trước.

Ba gốc cây, ba người Tàu...

Đêm xuống dần. Hai tùy tùng ngồi cửa lều, bọn Tàu nằm thiu-thít trong lều bên.

5 giờ sáng, hai tùy tùng thiu-thiu ngủ. Bọn Tàu lặng lẽ bước ra, bò vào lều Thám, không một tiếng động.

Đêm rồi, Thám hút thuốc phiện đến gần khuya, bảy giờ đang lơ-mơ ngủ gà. Khi tên Tàu đầu đảng tiến đến gần giường, Thám mở choàng mắt, giơ tay giáng cho y một quả đấm thối sồn, rồi vớ ngay lấy súng. Nhưng tên Tàu cũng hết sức dấm lại, vào hai cạnh sườn Thám. Ông lão đảo chưa đứng dậy kịp, thì tên Tàu đã vớ được cái cuốc. Một nhát bổ vào ngực Thám, một nhát bổ vào mặt, dưới mắt trái. Thám tắt hơi ngay. Hai tùy tùng cũng chết luôn, vì khi chạy vào cứu chủ, họ bị bọn Tàu dùng súng của Thám mà bắn trúng chỗ hiểm.

Ngày 10-2-1913, tức 5 tháng giêng năm Quý-Sửu, ba tên Tàu tìm đến Bouchet, đại-lý Nhã-Nam, trình một bọc và nói :

— Bầm quan lớn, đây là thủ-cấp Đề-Thám.

• Bouchet đứng dậy, loạng-choạng như trong cơn mê-sảng :

— Thế còn hai người nữa đâu ?

— Hãy còn để tại chỗ.

— Được rồi. Các anh ở yên đây, trưa nay đưa tôi đi coi.

Giấy thép đánh ngay cho công sứ Bắc-Giang và thống-sứ. Bouchet giao thủ-cấp cho viên đồn Richy ; rồi tất cả đi đến chỗ Đề-Thám cho lấy thủ-cấp hai người tùy tùng đem về bêu ba ngày ở Nhã-Nam, xong đó cho hỏa thiêu ba cái xác.

• • •

Sau khi Đề-Thám qui thân, linh-hồn còn hiện nhiều lần đòi lại đòi gươm đã dùng chiến đấu, mà đại tá Chofflet đã lấy treo chơi trong nhà, khi Thám chết. Việc đòi gươm này có tường thuật trong quyển « Tiểu truyện danh nhân » kể trên.



**CƯỜNG - ĐỂ**





## Kỳ ngoại hầu Cường-Đề (1) (1882-1951)

---

Cường-Đề, tức Kỳ-Ngoại-Hầu, sinh ngày 11 tháng giêng năm Nhâm Ngọ 1882. Ông là cháu năm đời của Đông-cung hoàng-tử Nguyễn-Phúc-Cảnh (con trưởng vua Gia-Long Nguyễn-Phúc-Ánh).

Đức độ của Ông được hầu hết sĩ phu kính mến. Dung mạo ông, theo lời ký giả Nhật là Tùng-Lâm đã đến phỏng vấn ông khi ngụ ở Nhật vào khoảng năm 1943: « Điện-hạ Xuân thu đã ngoài sáu mươi nhưng râu tóc chưa bạc, tinh thần thì rất quả cảm. Thân thể trung bình, cử chỉ lạnh lẽo. Tai to, trán rộng, mắt sáng quắc, mũi nở nang. Tướng mạo nghiêm trang, nhưng thái độ hòa nhã. Điện-hạ nói tiếng Nhật y như người Nhật, cách tiếp khách cũng vậy, ân cần tử tế. Ký giả phỏng vấn danh nhân ngoại quốc đã nhiều, song lần này là lần thứ nhất ký giả không cảm giác thấy là mình đang ngồi nói chuyện với người ngoại quốc ».

---

- 1) Bài trên đây trích ở báo Đuốc-Nhà-Nam, do Nguyễn-việt-Thê biên soạn.

Nhận thấy tài liệu cũng đủ, câu chuyện tóm tắt, nên trong phần phụ trang, tác giả quyển « Tinh-Hoa đất Việt » không soạn lại bài khác, chỉ đem ngay bài của ông Thê vào.

Sở dĩ, tác-giả đem câu chuyện Cường-Đề và Đề-Thám vào quyển Tinh-Hoa đất Việt :

— Một là để chứng minh rằng muốn bảo-tồn nước Việt, mọi người Việt đều có trách nhiệm chung nhau.

— Hai là, những sách, báo nói về Nhân-vật nước nhà, một khi ra rời, khó mà kiếm lại, trừ phi tìm ở Thư-viện hay tư-gia người hiếu sách, Hạng bình dân khó mà tìm-tòi.

Quyển Tinh-Hoa đất Việt viết cho quần chúng, nên ghi lại để tiện xem.

Khi sống cuộc đời lưu-vong, ông mang nhiều tên ngoại quốc như, khi ở Trung-Hoa thì lấy tên là Lý-Cánh-Thành, Lâm-Thuận-Đức, khi ở Nhật thì có tên Nhật là Minami.

Thân phụ ông là một vị Công-tước, mỹ hiệu là Hàm-hóa-hương công. Lúc Phan-Đình-Phùng lãnh đạo cuộc kháng Pháp ở chiến khu Vạn-Quang (Hà-Tĩnh), có cho người đi đón rước thân phụ ông ra làm thủ lãnh. Nhưng vì tuổi già sức yếu thân phụ ông liệu không gánh vác được trách nhiệm gian-nan trọng đại nên quyết định cho ông đi thay mặt. Bấy giờ ông mới 13 tuổi.

Được tin, Phan-Đình-Phùng phái sứ-giả là Hồ-Quý-Châu vào đón ông ra Chiến-khu. Chẳng may đi đến nửa đường thì Hồ-Quý-Châu vướng bệnh mất. Rồi không bao lâu cụ Phan-Đình-Phùng cũng từ trần vì bệnh. Cuộc kháng-chiến tan-vỡ.

Tuy vậy ông mong làm lãnh-tụ kháng-chiến, song ông đã trui rèn được thêm nghị-lực, tâm chí cũng vững định hơn trước. Ông bỏ hẳn lối học cử nghiệp, chuyên tâm nghiên cứu sử-địa và các môn học thực dụng, sẵn sàng chờ cơ hội ra mặt vẫy vùng.

Quy-Mão 1903, khoảng tháng 3, do lời đề nghị của cụ Tiểu-La Nguyễn-Thành, cụ Phan-Bội-Châu ra Huế, đến nhà Trần-Xuân-Hàn con út để谒 謁 Trần-Xuân-Soạn — cây hướng-dẫn diện kiến Cường-Đề.

Đến với Trần-Xuân-Hàn, Cường-Đề vẫn thường lui tới nhà thăm nhau. Hôm ấy, Trần-Xuân-Hàn chưa kịp đưa cụ Phan đến gặp ông, thì bất ngờ ông lại đến. Gặp nhau không hẹn mà nên, đôi bên mừng rỡ. Ấy là lần thứ nhất ông cùng Phan-Bội-Châu hội ngộ.

Nghe cụ Phan và các đồng-chí bày tỏ kế-hoạch cứu quốc và yêu cầu ông đứng làm lãnh tụ, ông nhận lời. Rồi thì cùng nhau xúc tiến kế-hoạch của Việt-Nam Quang-Phục Hội hình thành. Cuộc nhóm họp đầu tiên mở tại « Nam-thịnh Sơn-trang » tức là ngôi nhà của cụ Nguyễn-Thành ở Quảng-Nam.

Sang năm Giáp-Thìn 1904, khoảng tháng 10, lại mở cuộc hội nghị khẩn cấp tại Nam-thịnh Sơn-trang, thảo luận vấn đề khí-giói. Ông bí mật ở Huế vào, làm chủ tọa hội nghị. Toàn thể hội viên đều biểu quyết để ông viết thư và phái người sang Nhật cầu viện. Đại-hội cũng cử Phan-Bội-Châu lãnh sứ-mạng sang Nhật cùng với hai tùy-viên là Đặng-tử-Kính và Tăng-Bạt-Hồ.

Át-tị 1905, tháng giêng, Phan-Bội-Châu lên đường, đến Trung tuần tháng tư thì tới Nhật. Được kết ý kiến của các chính khách Trung Hoa và Nhật-Bản như Lương-khải-Siêu, Khuyển-dương-Nghị (Okuma Tsuyoki), Đại-ôji Trùng-Tín (Okuma Shigenobu), cụ Phan-Bội-Châu lại quay về nước vào khoảng tháng 8, tính việc đưa đức Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề sang Nhật cho tiện việc hoạt động hơn.

Về nước sắp đặt xong, Cụ Phan trở sang Nhật ngay để khởi lộ hành tung. Trong khi ấy, được thư cụ Phan do Đặng-tử-Kính đem đến, Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề không do dự, chuẩn bị lên đường. Các đồng chí trong nước hết sức lo liệu tìm cách chờ đợi xuất dương. Đặc biệt nhờ người bạn tàu Nguyễn-Đức-Tuệ — tức gọi là Lý-Tuệ — giấu ông trong phòng Lý-Tuệ ở dưới tàu, hộ vệ đến Hương-Cảng vô sự. Cùng đi với ông có Đặng-tử-Kính.

Tàu cập bến Hương-Cảng vào tháng 2 năm Bính-ngọ 1906. Phan-Châu-Trình đi đường khác, cũng vừa đến Hương-Cảng. Gặp mừng rỡ tính cuộc tương-lai, một mặt gửi tin qua Nhật cho cụ Phan-Bội-Châu biết mà đến Hương-Cảng đón rước, một mặt ông cùng Phan-Châu-Trình đi Quảng-Châu thăm cụ Tấn-Thuật (Nguyễn-thiện-Thuật).

Nghe thuật ý định của ông, cụ Nguyễn-thiện-Thuật đã cảm ông mà thốt lời cảm khái:

— Ngài sang Nhật cố làm thế nào đem được súng đạn về mau. Thân già này còn đủ sức đánh Tây.

Tháng tư năm Bính-ngọ 1906, ông theo gót cụ Phan-Bội-Châu từ Trung-Hoa sang Nhật-Bản, ngụ tại nhà của cụ Phan-thúc, ở Hoàng-Tân. Đề kỷ-niệm ngày ông có mặt trên đất Nhật, cụ Phan đặt tên ngôi nhà ấy là « Bính-ngọ hiên ». Sau đó cụ Phan đưa ông lên ở Đông-Kinh thủ-đô nước Nhật để tiện việc tiếp xúc với các chính khách cao cấp của Nhật.

Nhưng mọi dự định lúc đầu đều bất thành, vì tình thế chưa thuận tiện cho cuộc bạo động vũ trang khởi nghĩa. Chiều theo ý đa số, Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề đành xếp vấn đề mua khí giới lại. Ông cùng Phan-Bội-Châu lo đến vấn đề tuyên truyền khuyến khích thanh niên du học, phát động phong trào Đông-Du, nỗ lực về kế hoạch dưỡng nhân tài. Ông cho gọi về nước hai tuyên truyền phẩm của ông, một là bài hịch « Cáo quốc dân », hai là bài « Phô cáo toàn đồ Nam-kỳ lục tỉnh ». Cả hai bài đều do Phan-Bội-Châu phụng-thảo.

Liệu chưa thể làm nên việc gì, Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề lại đành phải tạm náu mình trong trường « Chấn-Võ lục-quân ». Trường này do Đại-tướng Phúc-Đào (Fukudima) sáng lập ; về trước đã từng có ba du học sinh Việt vào học là Trần-Hữu-Công (tức Nguyễn-Thức-Canh), Lương-Lập-Nham (tức Lương-Ngọc-Quyến) và Nguyễn-Điền nay có thêm ông vào nữa là bốn người.

Học trường Chấn-Võ hơn một năm, đến tháng giêng năm Mậu-Thân thì ông bệnh ға trường, nằm bệnh viện rồi nghỉ học luôn.

Nhưng đến tháng tư, ông lại vào trường Đại-học Waseda đổi tên theo quốc-tịch Trung-Hoa là Lý-Cánh-Thành. Thăm khở cho ông lia nước là đề đi mưu quốc, há chỉ khư khư làm một sinh-viên thường ? Tâm trí đâu mà nhai vắn nhá chữ cho ra hồn ? Cho nên không bao lâu ông rời viện Đại-học, băng mình sang Xiêm (Thái-Lan) với ý định tìm chỗ dung thân và cầu viện xem sao.

Ông cùng Lưu-Do-Hưng sang Xiêm vào khoảng tháng 11 năm Mậu-Thân 1908. Tại Xiêm ông được anh em đồng chí do Ngô-sanh-Đặng (Thú-Hứa) chăm nom hết lòng lo lắng cho ông. Nhưng sau khi quan sát tình thế, liệu không mong gì được ở chính phủ Xiêm, ông rời bỏ Xiêm trở về Đông-Kinh trong tháng 3 năm 1909.

Tại Nhật tình hình biến chuyển cũng không mấy thuận lợi cho ông nữa. Chính phủ Pháp đã dùng thủ-đoạn ngoại giao với Nhật buộc chính phủ Nhật phải dẫn độ ông về cho chúng. Cố nhiên chính phủ Nhật không thể làm như thế được, còn gì là quốc thể Nhật, còn ai dám tin họ nữa. Rốt cuộc chính phủ Nhật phải thỏa thuận với Pháp bằng biện pháp trục xuất ông và các du học sinh Việt-Nam. Dưới sự che chở của chính khách Nhật Bá-Nguyên Văn-Thái-Lang (Kashiwara Bun Taro) ông đáp tàu Jiomaru lia khỏi nước Nhật vào ngày 26 tháng 10 năm 1909. Tính ra ông đã ngụ trên đất Nhật một thời gian ba năm rưỡi.

Ông trở lại Hương-cảng vô sự. Đến tháng 10 năm Tân-hợi 1911, cuộc Cách-Mạng của Quốc-dân Trung-Hoa thành-công. Tôn-Văn được bầu làm Tổng-thống Trung-hoa Dân-quốc tổ chức chánh phủ lâm thời. Thấy người ta rời ngành lại mình, anh em đồng chí Việt xôn-xao náo nức. Cụ Phan-Bội-Châu từ Xiêm thẳng sang Hương

cảng, ngò ý cùng Kỳ-ngoại-hầu nên thừa cơ hội cầu viện đảng cách-mạng Trung-hoa. Đồng-thời nhóm Nguyễn-hải-Thần tam hán người ở Thượng-hải cũng gửi thư xin Ông đi ngay đến Thượng-hải bàn định kế hoạch.

Ông chấp thuận. Tháng giêng năm 1912. Ông và Phan-bội-Châu lìa Hương-cảng sang Thượng-hải.

..

Từ đây về sau, cuộc đời Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề bước sang giai-đoạn sôi-dộng hơn. Chịu ảnh-hưởng sự thành-công của cách-mạng Trung-hoa, đảng cách-mạng Việt-Nam cũng vùng lên. Nhóm lưu vong hải ngoại và các nhóm trong nước đều đồng thanh quyết phải bạo động mới thành công, hướng mắt trông về vị minh chủ Cường-Đề và vị lãnh-tụ Phan-bội-Châu. Đáp ứng nguyện vọng của các đồng-chí, Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề trực tiếp vận động cầu viện với những nhân vật trọng yếu trong đảng cách-mạng Trung-hoa như Trần-kỳ-Mỹ, Hoàng-Hưng, Tống-Giao-Nhân. Đồng-thời, ông cùng Phan-bội-Châu xúc tiến việc thành lập Việt-Nam Quang-Phục Hội.

Sau cuộc đại hội, toàn thể hội viên chấp thuận tôn chỉ của hội là: Khôi phục Việt-Nam, kiến lập Việt-Nam cộng-hòa dân-quốc.

Thế là từ chủ trương xây dựng dân chủ, từ đây Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề và Phan-bội-Châu đã ngã về mặt chủ trương thành lập một nước Việt-Nam Cộng-Hòa. Thành phần điều khiển hội chia làm ba bộ: Tổng-vụ, Bình-nghị và Chấp hành. Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề nghiễm nhiên được công cử vào chức vụ Hội-trưởng, Phan-bội-Châu ở địa vị Phó hội-trưởng. Ông và cụ Phan coi về Tổng vụ bộ.

Thành phần phân phối như sau :

1.— **Tổng vụ bộ.**— Bộ trưởng giao về Chánh, phó hội-trưởng Hội Việt-Nam Quang-Phục nắm quyền lãnh-đạo.

Bộ trưởng: Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề.

Tổng-lý : Phan-bội-Châu.

2.— **Bình nghị bộ.**— Bộ này ba người làm bộ viên, chọn trong ba miền Nam, Trung, Bắc mỗi miền một người.

Bắc : Nguyễn-Thượng-Hiền.

Trung: Phan-Bội-Châu.

Nam : Nguyễn-Thần-Hiến.

**3.—Chấp hành bộ.** Ban chấp hành gồm 10 ủy-viên.

Quân-vụ ủy-viên : Hoàng-trọng-Mậu, Lương-ngọc-Quyển.

Kinh-tế — — : Mai-lão-Bang, Đặng-tử-Mẫn.

Giao-tế — — : Lâm-đức-Mậu, Đặng-bình-Thành.

Tuyên-truyền — : Phan-bá-Ngọc, Nguyễn-yên-Siêu.

Thư-vụ — — : Phan-quí-Châu, Đinh-tế-Dân.

Ngoài ra, đặt thêm ba người phụ tá, giữ phần việc giao liên trong ba miền :

Nam : Đặng-bình-Thành.

Trung : Lâm-quảng-Trung.

Bắc : Đặng-xuân-Hồng.

Trụ sở thì ở ở hai nơi : Một ở nhà thờ họ Lưu, do Lưu-vĩnh Phúc cho mượn, địa điểm tại Sa-hà. Hai là nhà riêng của bà Châu-Sư-Thái ở Hoàng-sa.

Hội Việt-Nam Quang-Phục thành lập xong, ban chỉ đạo lại trữ liệu việc chế định quốc-kỳ. Lá quốc-kỳ của hội gọi là cờ Ngũ-tinh liên-châu, nền vàng, năm ngôi sao đỏ. Màu vàng là đề biều thị nòi Việt thuộc giống da vàng ; ngôi sao đỏ đề biều thị sắc nước Việt, vì Nam phương thuộc hỏa, hỏa sắc hồng.

Hội lại tổ chức Quang-phục quân, chế định quân-kỳ. Lá quân-kỳ thì nền đỏ, sao trắng, nền đỏ tượng trưng dòng máu hùng hào của nòi Việt, sao trắng tượng trưng giống da trắng tức là biều lộ ý chí sắt máu đánh đổ quân Pháp xâm lăng.

Có quốc-kỳ, quân-kỳ, Quang-phục quân, Kỳ-ngoại-hầu và cụ Phan-bội-Châu lại ủy cho Hoàng-trọng-Mậu coi sóc việc in « quân dụng-phiếu ». Quân dụng phiếu có bốn thứ 5đ., 10đ., 20đ. và 100đ. Mặt trước phiếu quân dụng in một hàng chữ lớn « Việt-Nam Quang phục-quân quân-dụng phiếu ». Mặt sau ghi bằng hai thứ chữ Việt Hán : « Giấy bạc này là Việt-Nam Quang-phục-quân lâm thời chính phủ phát hành, y chữ số mặt giấy mua đổi bạc thật.

Chờ lúc chính thức Dân-quốc chính phủ thành lập, đem bạc thật thu hồi cấp lời một thành hai. Cấm giả mạo và lạm phát. Ai phạm sẽ bị phạt nặng. Dưới ký tên : Tổng-lý Phan-sào-Nam ; Kiểm phát viên Hoàng-trọng-Mậu.

Các cơ quan đã tổ chức xong, Kỳ-ngoại-hầu và Phan-bội-Châu bắt tay vào việc ráo-riết vận-động với các nhà tai mắt Trung-Hoa, xin giúp đỡ cho cuộc khởi nghĩa của Việt-Nam Quang-phục hội. Những Trần-kỳ-Mỹ, Hoàng-Hung, Hồ-hán-Dân thấy đều hứa lời, mà rốt lại họ chỉ giúp đỡ tiền bạc phần nào thế thôi. Thất vọng, ông và cụ Phan vẫn chẳng nản lòng, cương quyết xúc tiến chương trình dự định.

Bấy giờ, tình hình Trung-hoa cũng chẳng sáng-sủa gì. Có mấy đạo quân ở Quảng-Đông và Quảng-Tây sắp bị Tổng-Thống Viên-Thế-Khai giải tán. Các tướng lãnh ở hai nơi ấy chẳng an lòng. Cụ Phan-bội-Châu hay tin, liền phái người dùng danh nghĩa Việt-Nam Quang Phục hội và danh nghĩa Kỳ-ngoại-hầu đi liên-lạc hai đạo quân Quảng-đông và Quảng-tây. Đồng thời cụ Phan lại phái người đi vận động với đám thổ phỉ Trung-Hoã ở vùng ven biển Bắc-Việt. Các nơi ấy đều tỏ ý chấp thuận hứa sẽ đem toàn lực giúp Quang-Phục hội khởi binh đánh Pháp.

Kỳ-ngoại-hầu khi ấy đang vận-động ở Xiêm. Cụ Phan cho Trần-Hữu-Lực sang Xiêm báo cáo đề ông biết chuyện ấy. Nghe qua, ông không tán thành, đáp lời một cách rần-rời :

— Đừng làm như thế. Sự lợi dụng binh ngoài có khi cũng là một thủ đoạn tất yếu, nhưng đó không phải là chuyện dễ, tất mình phải có thực lực trước đã thì mới có thể lợi dụng họ được một cách có ích. Nghĩa là mình phải có sẵn quân-đội trong tay độ 6,7 phần trước đã, rồi lợi dụng họ độ 3, 4 phần thêm vào thì mới có kết quả hay. Trái lại, mình không có thực lực mà toàn lợi dụng họ hết, thì chẳng những không lợi dụng được họ mà lại bị họ lợi dụng cho mà xem. Huống chi quân kỹ họ rất kém, còn đám thổ phỉ thì ô tạp. Mình không có thực lực để chế ngự họ, một khi họ tùy ý hoành-hành thì sẽ di hại cho dân ta vô cùng.

Trần-Hữu-Lực khen phục ông sáng suốt lo xa, lập tức trở về Quảng-Châu, trao lại lời cho cụ Phan. Bảy hôm sau ông cũng về Hương-Cảng cho mời cụ Phan đến thảo luận kỹ hơn.

Tuy ông không tán thành việc vọng ngoại một cách liều lĩnh, nhưng ông vẫn đồng ý với cụ Phan phải kết nạp những người Trung Hoa, thật lòng muốn giúp đảng Cách-mạng Việt-Nam. Do đó ông và



cụ Phan thành lập một cơ quan nữa mang tên là « Chấn-Hoa Hưng-Á hội ». Cả hai hội « Việt-Nam Quang-Phục » và « Chấn Hoa Hưng-Á » đặt trụ sở chung tại một ngôi nhà lầu rộng lớn ở Quảng-Châu.

Đến tháng 8 năm Nhâm-Tý 1912 hội Việt-Nam Quang-Phục cải tổ đợt II, có cả người Trung-Hoa tham dự vào ban chấp hành. Thành phần công cử như sau :

Tổng lý : Phan-Sào-Nam

Phó Tổng lý : Tô-Thiếu-Lâu (Trung-Hoa)

Tổng-vụ trưởng Tài-Chánh : Lê-Lệ-Nam (Trung-Hoa)

Phó Tổng vụ Tài-chánh : Mai-Lão-Bạng

Tổng vụ trưởng Nội-vụ : Dương-Trấn-Hải (Trung-Hoa)

Phó Nội-vụ : Phan-Quí-Chuẩn

Bí thư : Hoàng-Trọng-Mậu

Hoàng-Trọng-Mậu tự tay thảo một bản « Quang-phục-quân phương-lược » hết lòng lo việc tổ chức quân đội, võ trang quân-chúng để chuẩn-bị khởi nghĩa. Thanh thế hư trương thực lực không sung mãn thì cũng khó làm nên được chuyện lớn lao gì. Thế tất phải mạo hiểm trở về nước vận động để trong ngoài hiệp nhau đồng khởi mới xong. Bởi nghĩ như thế, cụ Phan chấp thuận cho nhiều đồng-chí lên về nước, quyết định sắp đặt bạo-động một phen để gây tiếng vang.

Đồng thời Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề cũng quyết định đích thân lên về nước, hâm nóng lòng dân đang có chiều nguội lạnh bất lợi.

...

Tháng hai năm Quý-Sửu 1913 Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề rời Hương-Cảng đi Tân-gia-ba, rồi do đường ấy đáp chiếc tàu buôn Pháp mang tên là « Hải Phòng » bí mật về nước, ngụ ở Saigon, rồi lần hồi xuống vùng Hậu-giang.

Trung tuần tháng 5 năm Quý-Sửu 1913, ông từ già miền Hậu-giang trở lên Saigon. Rồi đáp tàu của Công-ty Thái-Cổ sang Hương-Cảng. Hành khách hầu hết là người Trung-Hoa, ông cũng đội lốt dân Trung-Hoa mà xuống tàu từ Saigon đến Vũng-Tàu thì ông nhờ viên mại bản giúp cho đi kín qua khỏi Vũng-Tàu rồi thì ông hoàn-toàn tự-do :

Tính ra ông đã bí mật hoạt động tại Hậu-giang trên ba tháng. Bao nhiêu là mối thâm tình lưu lại miền Nam.

Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề mạo hiểm một chuyến về nước thành công, rời khỏi Saigon qua đến Hương-Cảng những tưởng đã thoát hiểm, không còn lo gì nữa. Nào ngờ tình thế ở Hương-Cảng có chiều bất lợi cho những nhà Cách-mạng Việt-Nam lưu-vong. Bấy giờ Nguyễn-Thần-Hiến, Huỳnh-Hưng và một số đồng chí đã sa lưới cảnh sát vì vụ tạc đạn. Hay tin, ông lo ngại chạy đi vận động, nhưng rốt cuộc cũng bị bắt luôn.

May nhờ có Nguyễn-Hảo-Vinh và Lâm-Cần nhờ luật sư can thiệp, ông được tại ngoại hậu cứu với số tiền ký quỹ bảo đảm 2.000 đồng. Dù sao ông cũng mắc kẹt trong tù hết 8 ngày.

Được tạm tha, tự nhiên ông không còn lòng dạ nào nấn ná ở Hương-Cảng nữa. Phải liệu trước mà cao bay xa chạy. Ông đã trù tính trước rồi, quyết phải sang Âu-Châu một chuyến. Trong chuyến đi ông cũng dự tính đem hai đồng chí là Trương-Duy-Toàn và Đỗ-văn-Y theo, vì Trương-Duy-Toàn giỏi tiếng Pháp, Đỗ-văn-Y thông tiếng Đức. Ngoài ra ông còn định đi tàu ghé Tân-gia-ba, sẽ cho rước Lâm-Tỷ đi theo luôn, vì Lâm-Tỷ rất rành tiếng Anh.

Mọi việc đã sắp đặt xong, ngay sau khi ông ra khỏi ngục Hương-Cảng, liền xúc tiến công cuộc sang Âu-Châu. Rồi đó ông cùng Trương-Duy-Toàn, Đỗ-văn-Y và Lâm-Tỷ xuống tàu ở Tân-gia-ba, mua vé đi Luân-Đôn (Londres).

Bản tâm ông muốn sang nước Anh trước rồi sẽ sang nước Đức sau. Nhưng khi tàu ghé bến Marseille ông ngại lộ hành-tung bèn đổi ý định. Ông cùng Đỗ-văn-Y chờ khi tàu đến Naples thì lên ngụ tại đất Ý mấy hôm, rồi sẽ do đường bộ đáp xe lửa sang Đức. Còn Trương-Duy-Toàn và Lâm-Tỷ thì cứ thẳng đường tới nước Anh.

Đến nước Đức, ông và Đỗ-văn-Y thuê nhà ở đường Bismarck tại thủ-đô Bá-linh (Berlin). Được hai tháng, ông lưu Đỗ-văn-Y ở lại Bá-linh, còn ông thì sang Luân-Đôn.

Trên đất Anh, ông thu xếp cho Lâm-Tỷ có chỗ ăn học. Bấy giờ lại được tin cụ Phan-Bội-Châu bị viên đốc-quản ở Quảng-châu là Long-tế-Quang bắt giam, nóng lòng sốt ruột, lo lắng khôn cùng, ông vừa thương vừa cảm cho tình cảnh cụ Phan, vừa xót xa cho tiền đồ tổ-quốc. Một cụ Phan đang bị giam ở Quảng-châu, một cụ Phan còn

lạc-lòng ở đất Pháp. Thương xót cụ Phan-Bội-Châu bao nhiêu, ông lại bồi hồi nghĩ đến cụ Phan-Châu-Trinh bấy nhiêu. Tình thế gay go không thể chần chờ nữa, ông phải Trương-Duy-Toàn sang Paris, bí mật liên lạc với Phan-Châu-Trinh.

Không ngờ ý định của ông bất thành. Trương-Duy-Toàn lãnh sự mạng của ông sang tới Paris, tìm đến hội kiến với cụ Phan-Châu-Trinh thì lâm vào thế kẹt, rồi sau đó bị Pháp đưa trả về Saigon.

Toàn quyền Albert Sarraut và chánh sở mật thám Louis Marty dò biết Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề đã sang Anh, liền tìm cách mời ông về trù liệu chính sách mới, sẽ được đãi ngộ xứng đáng. Ông từ chối và hằng lần tránh.

Đến khoảng tháng tư năm 1914, nhân Hồ-Học-Lãm, Lam-Quảng-Trung và Định-Tế-Dân cho người sang Anh báo cáo với ông rằng Tổng-Thống Viên-Thế-Khai có ý định giúp đảng cách mạng Việt-Nam cần gấp ông đề thương nghị. Được tin và sẵn sàng muốn rời bỏ nước Anh, ông liền xuống Tàu trở về Trung-Hoa.

Khi tàu ghé bến Marseille có dừng lại một ngày, ông cùng với các bạn người Nhật thân-nhiên dạo chơi trên đất Pháp. Ông chẳng khỏi cười thầm : Người Pháp có dè dặt cái người mà họ muốn bắt bấy lâu nay, lại đang nhón nhơ giữa thành phố Marseille.

Tàu chạy hơn một tháng mới tới Hương-cảng. Ông đáp tàu khác đi Thượng-hải, rồi lên bộ đáp xe thẳng đến Bắc-kinh. Ông được Đoàn-Kỳ-Thụy thay mặt Viên-Thế-Khai tiếp đón trọng hậu. Nhưng trải nhiều cuộc tiếp xúc không đi tới đâu, ông thất vọng không còn tin tưởng ở họ nữa.

Tháng 5 năm 1915, ông rời Bắc-Kinh, trở lại ngụ trên đất Nhật. Bấy giờ ông mang tên theo quốc-tịch Trung-Hoa là Lâm-Thuận-Đức trọ ở khu phố Omoriku (Đại-sâm-Khu) thường trực-tiếp giao-thiệp với thủ-tướng Nhật là Khuyển-Dương-Nghị và nghị-sĩ Bá-nguyên Văn-Thái-Lang.

Bấy giờ đã có nhiều người ra đầu thú với chính-phủ Bảo-hộ. Trong số ấy, đáng kể có Lê-Dư (tức nhà học-giả có hiệu là Sở-Cường I), Nguyễn-Bá-Trác, hiệu Tiêu-đầu và Phan-Bá-Ngọc tức Phan-

đình-Cử (con cụ Phan-đình-Phùng !) Năm được Phan-Bá-Ngọc, thực dân dùng ngay gã làm tên đi chiêu dụ các chí-sĩ lưu-vong. Khi biết Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề đã rời nước Anh về Nhật. Toàn-quyền Albert Sarraut sai Phan-Bá-Ngọc đem thư đi khuyến dụ.

Ông cương quyết không bắt tay với thực dân, tiếp-tục sống cuộc đời lưu-vong khi ở Nhật, lúc sang Tàu, bốn-ba mưu quốc chẳng quản gian lao nguy-hiêm. Nhưng thương cho ông, tình thế chỉ toàn bất lợi ! Nhất là từ năm 1925, cụ Phan-Bội-Châu bị bắt đưa về nước rồi, ông càng lâm cảnh nát óc xé lòng. Dù trong cảnh ngộ tuyệt vọng, ông vẫn dọc ngang vẫy vùng, quyết tạo thời cơ xoay vận hội. Ông phải một đồng-chí kiên tri là Tân-Anh Võ Nguyên Trinh tức Hồng-Phong (chính người này đã giết kẻ phản quốc Phan Bá-Ngọc) lên về vận động trong nước, mặt khác ông vẫn bốn-ba các nước Nhật, Tàu, Xiêm (Thái-Lan) tìm phương lược chống trả thực-dân.

Cho đến cuối tháng hai năm 1939, ông từ Đông-Kinh sang Thượng-Hải để chủ-tọa cuộc hội nghị mở rộng chương-trình hoạt động. Tại Thượng-Hải, ông triệu tập các cấp bộ và đồng-chí đến nhóm họp. Qua các cuộc thảo-luận, đại-hội đồng-thanh chấp nhận sự cải-tổ Việt-Nam Quang-phục-hội ra làm « Việt-Nam Phục-quốc đồng-minh hội ». Ủy ban chỉ đạo do đại-hội công-cử gồm có :

Ủy-viên trưởng : Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề

- ngoại-giao : Trần-Hi-Thánh (tức Trần-văn-An)
- Tò-chức : Võ-Hải-Thu (tức Nguyễn-Hải-Thần)
- Tuyên-truyền : Trương-Anh-Mẫn
- Huấn-luyện : Hồ-Học-Lãm
- Tài-chánh : Trần-Hữu-Công
- Điều-Tra : Hoàng-Nam-Hùng
- Tổng thư-ký : Đặng-Nguyên-Hùng

Ít lâu, đáp lời mời của chánh-phủ Đài-loan, ông lại sang hoạt động ở Đài-bắc. Do đó, trung-ương tổng-bộ của Việt-Nam phục-quốc đồng-minh hội cũng đặt luôn ở đây.

Ngày 12 tháng 8 năm 1940, ông ủy cho Trần-Hi-Thánh làm đại biểu của Việt-Nam phục-quốc đồng-minh hội trú tại Quảng-đông

tiếp xúc với các tướng-lãnh trong quân-đội Nhật đang có mặt ở miền Nam Trung-quốc. Rồi tháng 9 năm ấy, dựa vào sự giúp đỡ của quân-đội Nhật, Trần-Hi-Thánh tổ-chức Việt-Nam kiến-quốc quân. Đoàn quân kiến-quốc này, giao cho Trần-Trung-Lập làm tổng-tư-lệnh, Hoàng-Lương tức Mạnh-Lương làm phó tư lệnh.

Ngày 22 tháng 9 năm 1940. Kiến-quốc quân Việt-Nam cùng quân Nhật đánh vào Đồng-Đăng và Lạng-Sơn.

Đoàn quân Kiến-quốc đã lên đường sứ mạng. Ấy là bước đầu trong kế hoạch quân-sự của Việt-Nam Phục-quốc đồng-minh hội. Làm ủy-viên trưởng điều khiển ủy ban chỉ đạo và toàn thể hội viên yêu nước. Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề dốc tâm lực mưu đồ việc lớn. Nhưng kế-hoạch đầu tiên thất bại. Chỉ vì quân-đội Nhật còn lo cho quyền lợi của họ trước đã.

Giữa lúc Kiến-quốc quân do Trần-Trung-Lập và Hoàng-Lương đang hăng say chiến-đấu, thì đại-tá Nhật là Nakai và Trần-Hi-Thánh từ Hà-nội đi xe lên Lạng-sơn, bảo hai người ấy nên lui binh. Trần-Trung-Lập ngạc nhiên. Đại-tá Nakai giải thích: «Nay chánh-phủ Pháp đã thuận điều-kiện không vận tải vật liệu cho Trung-khánh nữa, người Pháp đã chịu khuất phục nên quân đội Nhật đình chỉ các hành-động quân-sự. Các ông hãy tạm rút binh sang Trung-Hoa, rồi sau sẽ liệu.» Hoàng-Lương nghe theo rút quân về mạn Quảng-Tây. Nhưng Trần-Trung-Lập không bằng lòng bất định kháng chiến với Pháp, dù quân đội Nhật không tiếp giúp cũng chẳng cần.

Thái độ yêu nước và tinh thần bất khuất của Trần-Trung-Lập khiến Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề cảm-động. Và sự hy-sinh của Trần-Trung-Lập trong ngày 27 tháng 2 năm ấy, càng khiến ông kính-phục vô-cùng, thương tiếc ghi mấy dòng tâm-niệm trong tập hồi ký của ông:

«Trần-Trung-Lập người Bắc-Ninh năm 1917, cùng Lương-Ngọc-Quyến dấy binh trong tỉnh Thái-Nguyên. Thất bại, Lương-Ngọc-Quyến tuân nạn, Trần-trung-Lập chạy sang Tàu, lẩn lóc hơn 20 năm học về quân sự, từng làm quan võ Tàu. Trần-trung-Lập là một hội viên Phục-quân Đồng-minh-hội làm tròn bổn phận mà hiến thân cho nước».

Sau cái chết của Trần-trung-Lập và một số đồng Kiến-quốc-quân thương cảm bao nhiêu Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề càng nỗ lực hoạt động. Dần dần thế lực « Việt-Nam Phục-quốc đồng-minh hội » phát triển khắp trong và ngoài nước, ông « phần chi tranh đấu hơn bao giờ hết. Đến tháng 5 năm 1941 ông rời Đài-bắc trở về Đông-kinh, trung-ương tổng-bộ của hội-đoàn cũng dời sang đây. Phụ tá đắc lực cho ông có ba nhân-vật đáng kể : Trương-Anh-Mẫn, Vũ-Đình-Dy và Hoàng-Nam-Hùng.

Nhưng thời thế không thuận lợi cho ông, rốt lại ông vẫn phải ôm hận. Cho đến ngày 5-4-1951, ông mất tại Đông-Kinh (Nhật-bản).

Sáu năm sau, vào ngày 12-1-1957, di cốt của ông được ngu con trưởng là Tráng-Liệt đưa từ Nhật-bản về Huế an-táng.

Trong cuộc truy điệu tưởng niệm, có nhiều câu đối của anh em cách mạng đồng chí khi xưa, trong có những câu :

« Phong trào cách mạng, đi trước nhất, mất sau cùng, bốn mươi năm chủ hội đồng-minh, lá ngọc cành vàng, đất khách cũng lây vòng khói lửa.

Thời vận trùng hưng, chỉ sắp thành, thân vội lánh, hăm lăm triệu trông vờn bảo quốc, mưa sâu gió thảm, trời Nam cùng ứa lệ non sông ».

« Qua bao nhiêu nước, dày gió dạn sương; Trải bốn lăm năm, năm gai nếm mật.

Chỉ cầu cho : Cách mạng thành công ; Ba kỳ thống nhất. »





# HÌNH THÀNH NƯỚC VIỆT-NAM

(CUỘC NAM TIỀN CỦA NGƯỜI VIỆT)





# Hình Thành Nước Việt-Nam

## hay là

### Cuộc Nam Tiến của Người Việt

---

Nhân khi đọc sử đời Lý thấy nêu : Vì mất hai châu nhỏ, hai động Vật-Ác, Vật-Dương, rộng bằng hai quận-huyện bây giờ, mà vua Lý-Nhân-Tôn phải 6 lần sai sứ dâng biểu đòi lại Tống triều, trong suốt 7 năm, từ 1082 tới 1088, mà không được.

Hai động ấy thuộc nước Nam, ở miền thượng du Tây-Bắc Cao-Bằng. Dưới đời nhà Lý, lần lượt, vào năm 1057 và 1066, hai Tú-Trưởng Nùng-Tôn-Đán và Nùng-Trí-Hội dâng cho Tống triều nhập vào lĩnh-thổ Trung-hoa. Ta không đòi được, dầu phải cực nhọc trong 7 năm trường, 6 lần sai sứ dâng biểu biện minh và cho phái đoàn hội nghị xét đoán nhiều phen.

Muốn thâu lại một vùng sơn-cước về ta, còn là không dễ !

Vậy, những bậc tiền bối ta xưa không dám đề rơi một khoảnh đất về người, sợ khó bề thâu lại được. Vua Lê-thánh-Tôn thường bảo quần thần : « Ta phải giữ gìn cho cẩn-thận, đừng để cho ai lấy mất một phân quý, một tấc sông của Tiên-vương để lại ».

Chúng ta nay ở trên một dải đất « từ ải Nam-Quan tới mũi Cà-Mau », theo đường thẳng, 1.600 cây số dài, rộng 326.084 cây so vuông, của tiền nhân để lại, bằng sự khó nhọc đấu tranh, cho ta thừa hưởng, ta phải tưởng niệm công đức người xưa.

Vậy ta nên biết : giai đoạn nào cấu tạo nước Nam, cùng những người tiền bối phá thạch khai sơn, theo trào lưu lịch sử, gây dựng nước Nam.

Từ Kinh-Dương-Vương lập quốc, nước Việt ta gọi là « Xích-Quỷ » hay Viêm-bang, Bắc giáp Động-dinh-Hồ (Hồ-Nam nước Tàu) Nam giáp Hồ-Tôn (Chiêm-Thành), Đông là Nam-Hải, Tây giáp Ba-Thục (Tứ-Xuyên nước Tàu).

Theo truyền thuyết: Kinh-Dương-Vương kết hôn cùng Long-Nữ, con gái Động-dinh-Quân, sanh ra Sùng-Lâm. Sùng-Lâm nối ngôi cha, lấy hiệu là Lạc-Long-Quân.

Lạc-Long Quân cùng Âu-Cơ phối ngẫu, sinh được nhiều con, cho con trưởng trị nước Văn-Lang, hiệu là Hùng-Vương (thì-tổ). Đô-đóng ở Phong-Châu (huyện Bạch-Hạc, tỉnh Vĩnh-Yên bây giờ).

Dưới triều-đại Hùng-Vương, nước Văn-Lang chia làm 15 bộ, gồm Bắc-Việt (trừ một phần thượng du), và Bắc Trung-Việt (tới tỉnh Thừa-Thiên bây giờ).

Đến đời Hùng-Vương thứ 18, Thục-Phán là vua miền thượng du đất Bắc, đánh bại vua Hùng, chiếm nước Văn-Lang, sáp nhập thượng du vào, đặt tên nước là Âu-Lạc, xưng hiệu An-Dương-Vương. Đô-đóng ở Phong-Kê (huyện Đông-Anh, tỉnh Phúc-Yên bây giờ).

Vậy, Âu-Lạc gồm toàn phần Bắc-Việt và Bắc Trung-Việt, tới hết tỉnh Quảng-Trị ngày nay.

Bây giờ, Tần-thì-Hoàng thống trị Trung-Nguyên, gồm thâu Bách-Việt (đất Hồ-Quảng: Hồ-Nam, Quảng-Đông, Quảng-Tây). An-Dương-Vương dâng Âu-Lạc, thần phục nhà Tần. Tần chia đất mới làm 3 quận: Nam-Hải (Quảng-Đông), Quế-Lâm (Quảng-Tây) và Tượng-Quận (Âu-Lạc của An-Dương-Vương), (214 trước T.L.).

Nhà Tần suy, Triệu-Đà, quan Ủy quận Nam-Hải, gom Nam-Hải, Quế-Lâm và Tượng-Quận (sau khi đánh bại An-Dương-Vương), xưng Triệu Võ-Đế, đóng đô ở Phiên-Ngung (Quảng-Châu) đặt tên nước là Nam-Việt (207 trước T.L.).

Nhà Triệu dứt, Nam-Việt nội thuộc nước Tàu (111 trước T.L.) Vua nhà Hán đổi thành Giao-Chi Bộ, chia ra làm 9 quận, cai trị như đất Trung-Nguyên.

Sáu (6) trong 9 quận này, là vùng Bách-Việt (đất Hồ-Quảng), nguyên thì là nước « Xích-Quỷ » hay Viêm-Bang của Kinh-Dương-Vương khai sáng, bị đồng hóa nước Tàu, cả lĩnh thổ và Việt-dân (Đông-Việt, Mân-Việt và Nam-Việt).

Trừ ra 3 quận: Giao-Chi (Bắc-Việt), Cửu-Chân (Thanh, Nghệ, Tĩnh) và Nhật-Nam (Quảng-Bình, Quảng-Trị), là nước Âu-Lạc cũ, với người Lạc-Việt, còn giữ dạng cõi bờ riêng và dân tộc tánh (sau này là nước Việt-Nam).

Năm 137 T.L., quận Nhật-Nam (Quảng-Bình, Quảng-Trị) bị nước Lâm-Áp (trước gọi là Hồ-Tôn, sau là Chiêm-Thành, xâm chiếm. Nước này đặt ranh giới tới dãy Hoành-Sơn, và thỉnh thoảng cướp vùng Hoan, Ái là quận Cửu-Chân.

Năm 203, vua Hán-Hiến-Đế đặt 2 quận Giao-Chi và Cửu-Chân làm Giao-Châu. Nhà Đường đổi lại là An-Nam đô-hộ phủ (679 Đường Cao-Tôn), rồi, Trấn-Nam (758 Túc-Tôn), An-Nam (768 Đại-Tôn), Tĩnh-Hải (866 Ý-Tôn)..

Đến năm 939, năm Kỷ-Hợi, Ngô-Vương-Quyền đuổi quân Nam Hán, lập nhà Ngô (939-965), nước ta tự-trị, và tiếp theo sau, nhà Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê. Nguyễn tự lập nước Nam, vẫn giữ lấy đất Giao-Châu và mở mang thêm về phía dưới, gọi là Nam tiến, thu thập nước Chiêm-Thành (Lâm-Áp hay Hồ-Tôn) và Thủy Chân-Lạp, chớ không lấy lại được 6 quận trên, là đất Hồ-Quảng, thuộc đứt về Tàu.



Sau đây, là bước Nam tiến của người Nam, sau khi nước nhà độc-lập, kể từ năm Kỷ-Hợi (939).

Dưới dãy Hoành-Sơn nước Lâm-Áp đã từng xâm chiếm Nhật-Nam và cướp phá châu Hoan, châu Ái, quận Cửu-Đức, Cửu-Chân, nên đã nhiều phen bị Trung-Hoa đánh dẹp do những tướng Tàu như: Nguyên-Phu (353), Đỗ-Viện (399), Đỗ-Tuệ-Độ (413-420) Đoàn-hòa-Chi (433), Lưu-Phương (605), Trương-Chu (808), v.v..

Sau khi bị Lưu-Phương chiến thắng, nước Lâm-Áp đổi tên lại là Hoàn-Vương. Sau khi bị Trương-Chu đánh bại, vua Hoàn-Vương lui về phía dưới, đổi quốc hiệu là Chiêm-Thành.

Khi Đinh-Tiên-Hoàng làm vua nước Nam « Đại Cồ Việt », thì Chiêm-Thành đem hơn một ngàn thuyền chiến đến cửa Đại-An (sông Đáy) thuộc hải phận Ninh-Bình, toan đánh nước Nam. Nhưng chẳng may bị bão, thuyền đắm, quân chết rất nhiều, số còn lại phải trở về nước Chiêm (979).

Vua Lê-Đại-Hành nổi trị nước Nam, cùng Chiêm giao hiếu. Chiêm-Thành giam sứ giả vua Lê, Đại-Hành thân chinh văn tội, giết Ti-mi-Thuế tướng Chiêm. Chiêm Vương trốn chạy. Quân Nam chiếm đóng kinh thành, tịch thu báu vật. Vua ban-sư về, dẫn theo tù binh cung-nữ với một nhà sư Thiên-Trúc (981). Lê-Đại-Hành sai mở một con đường bộ từ bề Nam-giới tới Châu-Đại-Lai, thuộc nước Chiêm Thành (tỉnh Quảng-Bình, phủ Quảng-Ninh), và đào một con kinh từ Đồng-Cồ đến sông Bà-Hòa (tỉnh Quảng-Bình, huyện Ngọc-Sơn) để đi kinh lý.

Đời nhà Lý, vì quân Chiêm quấy nhiễu, Lý-Thái-Tổ đánh dẹp quân Chiêm (tại Quảng-Bình) ở trại Bồ-Chính (1011), Lý-Thái-Tôn đến tận Đồ-Bàn (Kinh đô Chiêm, ở gần Bình-Định), điều phạt quân Chiêm. Quốc-vương Sạ-Đầu bị tướng Chiêm sát hại. Vua Lý khải-hoàn, bắt Vương phi My-Ê theo dõi; đến cửa Châu-Giang, My-Ê tuân tiết, (Năm Giáp-Thân 1044). (Châu-Giang sông Lý-Nhân-Phủ-Lý).

Năm Kỷ-Dậu (1069), nước Chiêm dựa thế Tống Triều, cho quân đánh biên thủy Đại-Việt. Vua Lý-Thánh-Tôn ngự giá thân chinh. Đại tướng Lý-Thường-Kiệt thắng trận Tu-Mao bắt vua Chiêm Chế-Củ (Rudravarman III). Chế-Củ dâng 3 châu Bồ-Chính, Địa-Lý, Ma-Linh (Quảng-Bình, Quảng-Trị, đất cũ Nhật-Nam) để chuộc mình,

Nước nhà mở rộng biên cương từ triều Lý.

Đã nhượng 3 châu, Chiêm-Thành còn mong lấy lại. Vua Lý-Nhân-Tôn phải sai Thường-Kiệt đánh dẹp hai lần năm Ất-Mão (1075) và Giáp-Thân (1104). Vua Chế Ma-Na xin hàng phục,

Đến đời Lý-Thần-Tôn, Chiêm-Thành và Chân-Lạp cướp phá Nghệ-An, Thái-Uý Dương-Thanh-Nghệ đem quân tiêu trừ (1132).

Qua đời Trần, nước Chiêm cũng sang quấy nhiễu, đòi lại 3 châu, Trần-Thái-Tôn đem binh điều phạt, đến Đồ-Bàn, bắt được Vương-phi. Vua Chiêm xin hàng cống (Nhâm-Tý 1252).

Trần-Nhân-Tôn muốn thắt chặt tình giao hảo, sang viếng nước Chiêm (Tân-Sửu 1301) ; sau 9 tháng ngoạn du phong cảnh, trong buổi tiệc ra về. Thượng-hoàng hứa gả Huyền-Trần Công-Chúa cho vua Chiêm Chế-Mân (Cri Jaya Sinhavarman III).

Đến năm Bình-Ngo (1306), Chế-Mân xin dâng hai châu Ô, Rí làm lễ sinh-hồn. Vua Trần-Anh-Tôn, vì quốc lợi, đưa Công-Chúa về Chiêm ; năm sau, Đinh-Mũi (1307) nhận hai châu Ô, Rí đổi làm Thuận, Hóa-Châu (tỉnh Thừa-Thiên bây giờ) ; sai quan Hành-Khiển Đoàn-Nhữ-Hải sắp đặt việc di dân, mở mang cai trị.

Cuối đời Trần, các vua suy nhược, vua Chiêm-Thành là Chế-Bồng-Nga anh dũng, đem quân đánh phá Thăng-Long mấy lần. Vua tôi nhà Trần thấy đều kinh sợ.

Năm Đinh-Tỵ (1377). Trần-Duệ-Tôn cất binh đi đánh Chiêm-Thành ; đến Đồ-Bàn, bị Chế-Bồng-Nga trá bại rồi vây đánh giết đi.

Chế-Bồng-Nga sau lại sang đánh Thăng-Long ; khi xem thế trận trên sông Hải-triều (Thái-Bình — Hưng-Yên), bị đạn xuyên ngã chết (Canh-Ngo 1390). Từ đó hết việc xâm lăng.

Năm Nhâm-Ngo (1402), Hồ-Hán-Thương cử đại binh vào đánh Chiêm-thành, phong Đồ-Mãn làm Đô-thống, Nguyễn-Vi, Nguyễn-Bằng-Cử làm Chiêu-dụ-sứ, rầm rộ kéo quân đi, vượt qua biên giới. Vua Chiêm Ba-đích-Lại sợ hãi cầu hòa, dâng đất Chiêm-động và Cồ-Lũy cho Nam (Nam Quảng-Nam, Bắc Quảng-Nghĩa). Đất này được đổi làm 4 châu : Thăng, Hoá, Tư, Nghĩa, đặt dưới quyền cai-trị của quan Thăng-Hoa An-phủ-sứ. Dân mạn Bắc được di cư vào, đem cả gia-quyển, và được cấp phát trâu bò, ruộng rẫy sinh nhai.

Nhà Hồ chưa kịp mở mang thì đã dứt (1407), Ba-đích-Lại chiếm lại 4 châu và lấn lên tới biên thủy châu Hóa (Thừa-Thiên), trong khi Lê-Thái-Tổ còn đánh đuổi quân Tàu và lo sắp yên việc nước.

Năm Bình-Dần (1446), vua Chiêm Bí-Cai vào phá Hóa-Châu. Triều đình Nhân-Tôn cử đại thần Lê-Thu, Lê-Khả đem binh đi đánh Đồ-Bàn, bắt được Bí-Cai và cả phi-tần đem về để ở Đông-Kinh đất Việt, lập người khác lên thay, mà không lấy lại Đại-Chiêm (Chiêm-Đông) và Cồ-Lũy, để cho hai nước được yên.

Năm Canh-Dần (1470), vua Chiêm Trà-Toàn, nối chí Chế-Bồng, xuất 10 vạn quân tiến đánh Hóa-Châu.

Vua Lê-Thánh-Tôn muốn chấm dứt sự quấy-nhiều của Chiêm-thành, và mở mang thêm bờ cõi, tuyển chọn tráng đinh thao luyện

cấp tước, hiệp với chánh quy, trên 20 vạn người, chinh phạt nước Chiêm. Phạm-Nhữ-Tăng làm Trung-quân đô-thống lãnh đạo tiền phong. Vua Thánh-Tôn tập hậu, chiến thắng Chiêm-thành đến tận Phan-Lang (Phan-Rang), lấy đất Đồ-Bàn, Đại-Chiêm và Cồ-Lũy. Vua Lê-Thánh-Tôn đặt ra đạo Quảng-Nam, Thừa-Tuyên thứ 13, gồm 6 phủ: Thăng-Hoa (Quảng-Nam), Tư-Nghĩa (Quảng-Nghĩa), Hoài-Nhơn (Qui-Nhơn), Phú-An (Phú-Yên), Thái-Ninh (Khánh-Hòa), Hòa-Thuận (Phan-Rang), đặt dưới quyền cai trị của Phạm-Nhữ-Tăng, tước: Phụ-Chánh Tham-Lương-phủ Quảng-Dương-Hân (1).

Về sau, nhà Lê suy yếu, người Chiêm chiếm lại 3 phủ: Phú-An, Thái-Ninh và Hòa-Thuận. (Đại-Lãnh trở vô).

Từ năm Đinh-Hợi (1527), Mạc soán nhà Lê (1527—1592) công thần Nguyễn, Trịnh lập lại ngôi Lê, rồi phân tranh Nam, Bắc (1600—1800), Chúa Trịnh giữ đất Bắc đến Linh-Giang (thuộc tỉnh Quảng-Bình), Chúa Nguyễn từ Linh-Giang, trấn thủ Thuận-Hóa (1558), Quảng-Nam (1570), hai đạo chỉ còn có 3 phủ mà thôi.

Đất đai eo hẹp, dân cư ngày càng đông đúc, Chúa Nguyễn lại muốn lập căn cơ vững vàng chờ ngày tóm thu đất Bắc, nên tìm thế mở rộng vào Nam.

Năm Mậu-Dần (1578), chúa Tiên, Nguyễn-Hoàng, cử Lương-văn-Chánh làm trấn biên quan, xét xem ranh giới, đẩy lui người Chăm tới phủ Phú-An (Phú-Yên).

Năm Tân-Hợi (1611), vì sự xung đột Chiêm, Nam, Chúa cử quan Chủ-sự Văn-Phong đến dẹp, lập lại phủ Phú-Yên, chia làm 2 huyện: Đồng-Xuân, Tuyên-Hòa (Tuy-Hòa), Văn-Phong lưu thủ.

Vào năm Kỷ-Tỵ (1629), Văn-Phong sử dụng người Chăm làm phản. Chúa Sãi, Nguyễn Phúc-Nguyễn, sai Phò-Mã Phúc-Vinh, phó-tướng, đánh dẹp Văn-Phong, chiếm lại phủ Thái-Ninh (Khánh-Hòa) lập Trấn-biên-dinh trấn thủ, (sau gọi Phú-Yên-dinh, vì cất gần bờ sông Cái, thuộc phủ Phú-Yên). Chính thất của Phò-Mã là Công-Chúa Ngọc-Liên (trưởng nữ Phúc-Nguyễn, Chúa Sãi) cũng giúp công vào việc mở mang, phước thiện.

1) Theo tài liệu của Nguyễn Lê-Thọ.

Năm Quý-Tỵ (1653), vua Chiêm Bà-Thấm đem quân quấy nhiễu Phú-Yên. Chúa Hiền, Nguyễn Phúc-Tân, sai quan Cai-Cơ Hùng-Lộc đi đánh. Bà-Thấm xin hàng. Chúa lấy lại phủ Hòa-Thuận (Khánh-Hòa), đến sông Phan-Lang (Phan-Rang) trọn vùng đất cũ.

Ấy là chiếm lại 3 phủ ngày xưa trên phần đất vua Lê-Thánh-Tôn đánh đuổi quân Chăm. Khi tiến đến sông Phan Lang nhà vua dừng lại.

Đất sau này, hai phủ Thái-Ninh, Hòa-Thuận, Chúa Hiền đổi ra làm phủ Diên-Khánh, đặt dinh Thái-Khang. Quan Cai-Cơ Hùng-Lộc làm thái thú.

Năm Quý-Dậu (1693), vua Chiêm Bà-Tranh không thần phục Quốc-Chúa. Quốc-Chúa Nguyễn Phúc-Chu, sai quan tổng binh Nguyễn-Hữu-Kính đem quân vào bắt được Bà-Tranh. Chúa đổi đất Chiêm-Thành làm Thuận-phủ, phong cho thần tử vua Chiêm là Tả-trà-Viên, Kế-bà-Tử làm quan khâm lý, và người con của Bà-Ân, người thân thuộc vua Chiêm, làm Đề-Đốc giữ gìn Thuận-Phủ, bắt đổi y phục theo Nam, phủ dụ dân Chăm.

Đến năm Đinh-Sửu (1697), Chúa lại lấy thêm đất Phan-Lý (Phan-Ri) và Phan-Lang đổi làm huyện Yên-Phúc và Hòa-Đa, đặt ra dinh Bình-Thuận trấn thủ.

Từ đó, nước Chiêm-thành sáp nhập hẳn vào nước Việt-Nam. Dân Chiêm còn sót lại ở Bình-Thuận đồng hóa theo Nam.

Trọn nước Chiêm có một lịch-sử oai-hùng, một nền văn minh xán-lạn, ở ven bờ bán đảo Ấn-Độ Trung-hoa, trên 2.000 năm tích-tụ, bị đào-thải theo luật thường «ưu-thắng, liệt-vong»: «yếu thua, mạnh được», cũng có lẽ, một phần, vì ham chiến thắng.

Đất Trung-Việt núi-non cồn cát, hoa màu không mấy thịnh-sinh, gặp thiên tai bão lụt, dân tình đói khổ, lại bị giặc-giã Nam, Bắc phân tranh, thừa thót mùa màng, nhiều người khốn khổ muốn tìm cuộc đất phì nhiêu để dựa nương sinh sống.

Nhân nước Chân-Lạp, liền tiếp với nước Nam, đã cùng Nam giao-hiểu, — quốc vương là Chei-Chetta II cưới Công-chúa Ngọc-Vạn, thứ nữ Chúa Nguyễn-Phúc-Nguyễn, lập làm hoàng-hậu, — Vua



Chei-Chetta II, theo lời thỉnh cầu của Hoàng-hậu, chấp thuận cho người Nam lập một dinh-diền ở Mỗi-Xúy (tức Mô Xoài, gần Bà-Rịa ngày nay), vào năm Quý-Mùi 1623. Về sau, dinh điền này lan rộng tới đất Đồng-Nai, (thuộc tỉnh Biên-Hòa).

Sau khi vua Chei-Chetta tạ thế, trong nước có loạn tranh chấp ngôi vua. Triều đình Chân-Lạp nhờ bà hoàng-hậu Nam cầu xin chúa Nguyễn can thiệp. Chúa Nguyễn-Phúc-Tân sai trấn thủ Trấn-biên dinh đem 2.000 quân đến Mỗi-Xúy bắt được vua Nặc-Ông-Chân (Réam Thippeï Chan), một vị bạo chúa, đưa về giam tại Quảng-Bình, rồi Chúa tha cho về nước. Nặc-Ông-Chân nhượng đất Biên-Hòa (năm Mậu-Tuất 1658).

Năm Giáp-Dần (1674) trong hoàng tộc : Nặc-Ông-Đài viện quân Xiêm (Thái-Lan) về đánh Chân-Lạp, Nặc-Ông-Non cầu cứu ở dinh Thái-Khang (Khánh-Hòa). Chúa Hiền sai Cai-Cơ đạo Nha-Trang là Nguyễn-Dương-Lâm cùng tham mưu Nguyễn-Đình-Tho đem hai đạo quân đánh Nặc-Ông-Đài, phá đồn Sài-Côn, rồi vây thành Nam-vang khàn cấp. Nặc-Ông-Đài bỏ chạy, vào chết trong rừng. Nặc-Ông-Thu, dòng trưởng, được lập làm chánh Quốc vương Lục Chân-Lạp, đóng đô ở Long-Úc (Oudong), Nặc-Ông-Non làm phó vương Thủy Chân-Lạp, đóng ở Sài-Côn (Saigon). Hai vua hăng năm tiến cống. Riêng Thủy Chân-Lạp gần như lệ thuộc nước Nam.

Năm Kỷ-Vị (1679), quan nhà Minh trấn thủ Quảng-Tây, Dương-Ngạn-Địch, Hoàng-Tiến, Trần-Thượng-Xuyên, Trần-An-Bình khôn thần phục nhà Thanh, dẫn 3.000 người cùng 50 chiếc thuyền xâm tá túc nước Nam. Chúa Hiền cho vào ở đất Chân-Lạp : Đông-Phổ (Gia-Định), Lộc-Dã (Biên-Hòa), Mỹ-Tho (Định-Tường), cùng người Nam xây dựng phố phường thương mại. Người Ấn-Độ, Tây phương Nhật-Bồn cũng đến giao thương.

Năm Mậu-Dần (1698), Nặc-Ông-Non mất, chúa Nguyễn-Phúc-Chu sai ông Nguyễn-Hữu-Kính làm kinh lược đất Chân-Lạp, chia Đông-Phổ ra làm huyện, dinh : Đồng-Nai làm huyện Phước-Long (Biên Hòa), Sài-Côn làm huyện Tân-Bình (Gia-Định), đặt Trấn-Biên dinh (Biên Hòa) và Phan-trấn dinh (Gia-Định), bỏ quan vào cai trị mở mang. Những người Tàu ở Trấn-biên lập thành xã Thanh-Hà ở Phiên-trấn làm xã Minh-Hương, theo số bộ người Nam nước Việt.

Một người khách Quảng Đông, tên Mạc-Cửu, không từng phục nhà Thanh, cũng sang Chân-Lạp, năm (Mậu-Tý, 1708), lập ra 7 xã, gọi là đất Hà-Tiên, trở nên trù phú. Năm Giáp-Ngo (1714) Mạc-Cửu dâng đất Hà-Tiên cho Quốc-Chúa. Chúa phong Mạc-Cửu làm Tổng trấn Hà-Tiên. Mạc-Cửu qua đời, con là Mạc-Thiên-Tứ được phong Đô-đốc trấn thủ và khai hóa đất này.

Khi Nặc-Ông-Thu quá cố, các hoàng tử, hoàng tôn Ông-Thu, Ông-Non tranh nhau vương vị. Chi nhánh Ông-Thu thì viện binh Xiêm, chi nhánh Ông-Non thì nhờ người Việt. Mỗi khi triều đình Huế thiết lập an-ninh cho người Chân-Lạp, thì thế lực ở đây càng tăng, kiều dân Nam thêm phần vững đạt.

Năm Quý-Dậu (1753) Nặc-Nguyên làm vua Chân-lạp, thông sứ với Chúa Trịnh Bắc-Hà, mưu đánh Chúa Nguyễn là Võ-Vương Phúc Khoát. Chúa sai Nguyễn-cư-Trinh sang đánh. Nặc-Nguyên thua, bỏ Nam-Vang, vào Hà-Tiên, nhờ Mạc-Thiên-Tứ dâng thư xin nhường hai phủ Tầm-Bôn và Lôi-Lạp, để chuộc tội mình (Ất-Hợi 1755).

Năm Đinh-Sửu (1759), Nặc-Nguyên mất, con nhà chú là Nặc-Tôn nhờ Mạc-Thiên-Tứ dâng thư Chúa Nguyễn lập mình làm quốc vương. Võ-vương chấp thuận, truyền Mạc-Thiên-Tứ đặt Nặc-Tôn lên ngôi Chân-lạp.

Đề tạ ơn này, Nặc-Tôn dâng chúa Nguyễn đất Tầm-phong-long và cho Mạc-Thiên-Tứ 5 phủ nhập vào trấn Hà-Tiên.

Võ-Vương Nguyễn Phúc-Khoát phái ông : Trương-Phúc-Du và Nguyễn-Cư-Trinh tổ chức việc cai trị, đặt dinh Long-Hồ, phân ba đạo : Đông-Khâu đạo (Sadéc), Tân-châu đạo (Tiền-Giang) và Châu-Đốc đạo (Hậu-Giang).

Ba đạo này hiệp với ba trấn miền đông, thành sáu tỉnh Nam-kỳ, nguyên là đất Chân-lạp, các vị Chúa Nguyễn gây dựng sáng khai.

Tóm lại đất nước Việt-Nam, từ ải Nam-Quan đến dãy Hoàng-sơn là cõi bờ nguyên-thỉ trên mấy ngàn năm, từ Lạc-Long Quân, Hùng-Vương Thi-Tô đến nhà Hậu Lý (Vua Lý Thánh-Tôn 1069) trải qua các thời kỳ Tiền-Cồ, Bắc-thuộc rồi Tự-Chủ với các đời vua Ngô, Đinh, Lê, Lý.

Từ dãy Hoành-sơn đến mũi Cà-Mau, Hà-Tiên, Châu-Đốc là đất thu-nhập theo bước Nam tiến của người Nam, từ năm 1069 tới 1759, trải 7 trăm năm dưới các triều Lý, Trần, Lê, Nguyễn thời-đại Tự-chủ của nước Nam.

(Vì nước ta sa cơ một lúc, bị người Pháp buộc ràng, nên cuộc bành trướng của người Nam không còn lan rộng nữa.

Những thắng lợi về quyền thế, đất đai, ở Lào, Miên, Thái, dưới triều Minh-Mạng (1820-1840) đều bị xóa bỏ, vì người Pháp đặt bảo-hộ ở Đông-Dương.

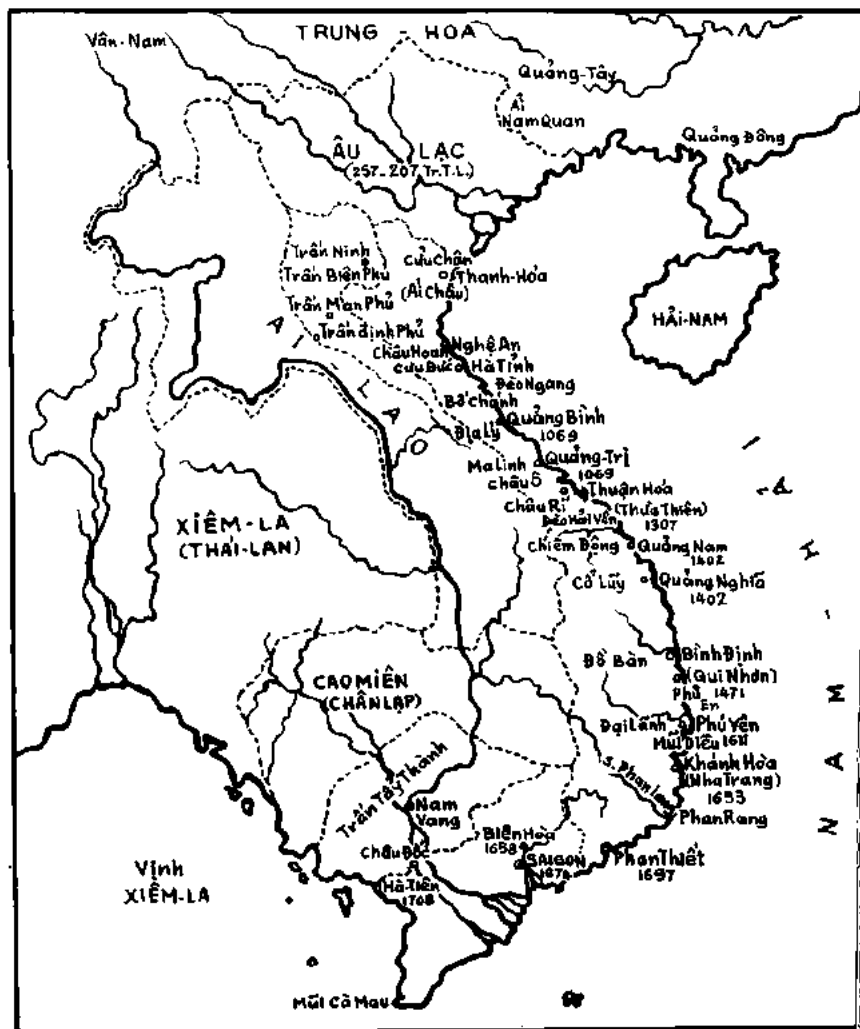
Hiện thời, chúng ta ở trên đất Việt, rán gìn giữ cho nguyên những gì của tiền-nhân để lại và làm thêm lên cho hậu tấn).

Bài này mượn kết chung quyền Người Hùng Nước Việt.



# Bản đồ Nam tiến của người Việt-Nam

(Hình thành nước Việt-Nam)



(Xem Chú thích trang 270)

o Chú thích Bản đồ trang 269:

- Từ d  
đất thu-n  
1759, trải  
Tự-chủ c  
(Vị n  
bành trư  
Nhữ  
triều Min  
hộ ở Đ  
Hiện  
những gì  
Bài n
- Ấu-Lạc: Đất Việt-Nam từ ngàn xưa, từ đời Hùng-Vương tới nhà Hậu-Lý.  
gồm: Trung-Châu Bắc-Việt và Bắc Trung-Việt (linh-thổ đời Hồng-Bàng) và Cao,  
Nguyên Bắc-Việt (Nước Thục An-Dương-Vương), tới đây Hoành-Sơn.  
Ba châu: Bô-Chánh; Địa-Lý, Ma-Linh (Quảng-Bình, Quảng-Trị), linh-thổ  
thâu phục của nước Chiêm dưới đời nhà Lý (1069).  
2 châu Ô, Rí (Thuận-Hóa, Thừa-Thiên) đất vua Chiêm dâng nạp làm lễ sớ  
nghị, dưới đời nhà Trần (1307).  
Đất Chiêm-Động, Cồ-Lũy, Đồ-Bàn, từ đèo Hải-Vân tới Đại-Lãnh (Quảng-  
Nam, Quảng-Nghĩa, Bình Định, Qui-Nhơn) phần đất thâu phục của nước Chiêm-  
thành dưới đời Lê-Thánh-Tôn (1471).  
từ sông Phan-Lang (Phan-Rang) tới Phan-Thiết và « Lục tỉnh Nam-Kỳ » (đất  
Chân-Lạp), phần linh-thổ của các vị Chúa Nguyễn thâu phục từ năm 1471 tới 1708.  
Kể cả Qui-Nhơn và Phú-Yên, Khánh-Hòa đất thâu phục lại.  
Các Trấn Tây-thành (Cao-Miên) Trấn-Biên, Trấn-Man, Trấn-Định phủ v.v.,  
(Ai-Lao) dưới triều Minh-Mạng (1820—1840) đều bị xóa bỏ từ thời Pháp thuộc.  
Không còn là linh-lục nước Nam.

# MỤC LỤC

	Trang
Tiêu tự	V
Đề Bạt	VII
Trưng-Nữ-Vương, Trưng-Muội-Vương (Trưng-Trắc, Trưng-Nhi).	11
Triệu-Kiều-Nguyên, (Triệu-Âu) (Lê-Hải Bà Vương).	25
Lý-Nam-Đế, Triệu-Việt-Vương	33
Ngô-Vương-Quyền.	41
Vạn-Thắng-Vương (Đinh-Bộ-Linh)	47
Lê-Đại-Hành.	53
Lý-Thường-Kiệt.	59
Trần-Hưng-Đạo-Vương (Trần-Quốc-Toàn).	71
Huyền-Trần Công-Chúa.	89
Hồ-Quý-Lý	103
Lê-Thái-Tổ (Lê-Lợi).	111
Lê-Thánh-Tôn.	123
Quang-Trung Hoàng-Đế (Nguyễn-Huệ).	133
Ngọc-Hân Công-Chúa.	149
Phan-Đình-Phùng.	159
Phan-Bội-Châu (Sào-Nam tiên-sinh).	173
Phan-Châu-Trinh.	187
Nguyễn-Thái-Học.	197
Phạm-Hồng-Thái.	207
Đề-Thám.	215
Cường - Đề.	241
Hình-Thành nước Việt-Nam (cuộc Nam-tiến của người Việt).	259

*Đã xuất bản :*

★ **Đại - Nam Quốc - sử diễn ca**  
*Ngọc Hồ và Nhất Tâm*

★ **Gia huấn ca**  
*Ngọc Hồ và Nhất Tâm*

★ **Lục Vân Tiên trường chú**  
*Ngọc Hồ và Nhất Tâm*